

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU
DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG**

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP
GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của cơ sở

**“NHÀ MÁY CHIẾT NẠP GAS CÔNG SUẤT 12.000 TẤN/NĂM;
SẢN XUẤT VỎ BÌNH GAS 112.000 SẢN PHẨM/NĂM; SỬA
CHỮA BẢO TRÌ BÌNH GAS 138.000 SẢN PHẨM/NĂM”**

(Địa điểm: Số 245B, Tổ 10, Khu phố Kiến An, Phường An Điền,
Thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương)

Bình Dương, tháng 11 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU
DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP
GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của cơ sở

“NHÀ MÁY CHIẾT NẠP GAS CÔNG SUẤT 12.000 TẤN/NĂM;
SẢN XUẤT VỎ BÌNH GAS 112.000 SẢN PHẨM/NĂM; SỬA
CHỮA BẢO TRÌ BÌNH GAS 138.000 SẢN PHẨM/NĂM”

(Địa điểm: Số 245B, Tổ 10, Khu phố Kiến An, Phường An Điền,
Thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương)

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
CÔNG TY CP TM XNK DẦU KHÍ
THÁI BÌNH DƯƠNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH TM-DV KIẾN CON



TOSHIHIKO NAKANO
Tổng Giám Đốc



Mai Thị Ánh Huyền

Bình Dương, tháng 11 năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC HÌNH.....	iv
DANH MỤC BẢNG	v
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ.....	2
1.2. TÊN CƠ SỞ	3
1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM CỦA CƠ SỞ	3
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	3
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	4
1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHẾ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ.....	14
1.4.1. Nguyên, nhiên, vật liệu của cơ sở.....	29
1.4.2. Máy móc thiết bị sử dụng tại cơ sở trong quá trình hoạt động.....	33
1.4.3. Nhu cầu sử dụng điện	37
1.4.4. Nhu cầu sử dụng nước	37
1.4.5. Nhu cầu công nhân viên làm việc tại cơ sở	38
1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ.....	39
1.5.1. Vị trí địa lý của cơ sở.....	39
1.5.2. Các hạng mục công trình chính của cơ sở	42
1.5.3. Các hạng mục phụ trợ của cơ sở.....	45
1.5.4. Các hạng mục xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của cơ sở	46
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	50
2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG	50
2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	50
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	64
3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	64
3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI	75
3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU TRỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG	86

3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU TRỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI .	88
3.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ỒN VÀ ĐỘ RUNG.....	89
3.6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.....	90
3.7. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC	113
3.8. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	116
3.9. KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ, PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC	116
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	118
4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI	118
4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI.....	120
4.3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG.....	121
4.4. NỘI DUNG CẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG VỀ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI	124
4.5. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	127
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	129
5.1. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI.....	129
5.2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ TẠI CÁC KHU VỰC SẢN XUẤT TẠI CƠ SỞ	129
5.3. CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI TẠI NGUỒN	130
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .	132
6.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CỦA CƠ SỞ.....	132
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	132
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	132
6.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI (TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC VÀ ĐỊNH KỲ) THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT.....	134
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:.....	134
6.2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác	134
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	135
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	136
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	137

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD ₅	- Nhu cầu oxy sinh hoá đo ở 20 ⁰ C - đo trong 5 ngày
BTCT	- Bê tông cốt thép
BVMT	- Bảo vệ môi trường
CBCNV	- Cán bộ công nhân viên
CHXHCN	- Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa
COD	- Nhu cầu oxy hóa học
CTCN	- Chất thải công nghiệp
CTNH	- Chất thải nguy hại
CTR	- Chất thải rắn
DO	- Ôxy hòa tan
ĐTM	- Báo cáo đánh giá tác động môi trường
GTVT	- Giao thông Vận tải
KT-XH	- Kinh tế - xã hội
PCCC	- Phòng cháy chữa cháy.
SS	- Chất rắn lơ lửng
QCVN	- Quy chuẩn Việt Nam
TMDV	- Thương mại dịch vụ
TN&MT	- Tài nguyên và Môi trường
UBND	- Ủy Ban Nhân Dân
XLNT	- Xử lý nước thải
WHO	- Tổ chức Y tế Thế giới

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Sơ đồ quy trình chiết nạp gas.....	4
Hình 1.2. Quy trình sửa chữa, bảo trì bình gas	24
Hình 1.3. Sơ đồ vị trí nhà máy của Công ty Cổ Phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu Khí Thái Bình Dương	40
Hình 1.4. Xưởng chiết nạp gas	44
Hình 1.5. Bồn gas.....	44
Hình 1.6. Trạm cấp xe bồn	44
Hình 1.7. Bồn chứa dầu DO.....	44
Hình 1.8. Trạm điện.....	45
Hình 1.9. Bể nước PCCC.....	45
Hình 1.10. Hồ ga đầu nối nước mưa.....	45
Hình 1.11. Đường nội bộ và khu cây xanh	45
Hình 2.1. Đường quá trình mực nước, lưu lượng sông Thị Tính - Trạm Cầu Ông Cộ .	54
Hình 3.1. Bể tự hoại 3 ngăn	65
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom nước thải của cơ sở.....	66
Hình 3.3. Trạm xử lý nước thải tập trung, công suất 17 m ³ /ngày	73
Hình 3.4. Hồ ga đầu nối nước thải bên ngoài dự án	73
Hình 3.5. Quy trình công nghệ thu gom bụi từ công đoạn bắn bi làm sạch theo ĐTM	76
Hình 3.6. Quy trình công nghệ thu gom bụi từ công đoạn bắn bi làm sạch thực tế	77
Hình 3.7. Hệ thống xử lý bụi từ máy phun bi tại cơ sở	78
Hình 3.8. Quy trình công nghệ xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn hàn.....	79
Hình 3.9. Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn hàn tại cơ sở	81
Hình 3.10. Quy trình thu gom bụi sơn tĩnh điện theo ĐTM	81
Hình 3.11. Quy trình thu gom bụi sơn tĩnh điện thực tế.....	83
Hình 3.12. Buồng sơn tĩnh điện tại cơ sở	84
Hình 3.13. Lò nung nhiệt tại cơ sở	85
Hình 3.14. Tiến trình thực hiện khi xảy ra sự cố hóa chất.....	97
Hình 3.15. Sơ đồ triển khai lực lượng phương tiện PCCC tình huống 1.....	107
Hình 3.16. Sơ đồ triển khai phương tiện chữa cháy tình huống 2	109

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Quy mô công suất sản xuất của nhà máy	3
Bảng 1.2. Thuyết minh quy trình sản xuất vỏ bình gas	14
Bảng 1.3. Thuyết minh quy trình sửa chữa, bảo trì bình gas.....	24
Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu	30
Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu và hóa chất của cơ sở	31
Bảng 1.6. Danh mục máy móc thiết bị sử dụng trong quá trình hoạt động.....	33
Bảng 1.7. Nhu cầu sử dụng điện trung bình tháng (kW).....	37
Bảng 1.8. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động của cơ sở	37
Bảng 1.9. Bảng cân bằng nhu cầu cấp nước và lưu lượng nước thải phát sinh.....	38
Bảng 1.10. Nhu cầu sử dụng lao động.....	39
Bảng 1.11. Tọa độ khu đất của công ty	39
Bảng 1.12. Hạng mục công trình tại cơ sở	42
Bảng 1.13. Mô tả các hạng mục công trình chính của nhà máy	43
Bảng 1.14. Lưu lượng nước thải phát sinh tại cơ sở.....	47
Bảng 2.1. Các đặc trưng cơ bản về hình thái dòng chính sông Thị Tính	53
Bảng 2.2. Đặc trưng dòng chảy sông Thị Tính - trạm hạ lưu cầu Ông Cộ.....	54
Bảng 2.3. Hiện trạng chất lượng nước mặt rạch thoát nước tự nhiên.....	55
Bảng 2.4. Hiện trạng chất lượng nước mặt sông Thị Tính	56
Bảng 2.5. Tải lượng ô nhiễm tối đa có thể tiếp nhận của rạch thoát nước tự nhiên	57
Bảng 2.6. Tải lượng các chất ô nhiễm có sẵn của nhánh rạch thoát nước tự nhiên	58
Bảng 2.7. Tải lượng các chất ô nhiễm từ nước thải Công ty đưa vào rạch thoát nước tự nhiên.....	58
Bảng 2.8. Khả năng tiếp nhận các chất ô nhiễm của rạch thoát nước tự nhiên.....	59
Bảng 2.9. Hiện trạng chất lượng nước mặt sông Thị Tính	60
Bảng 2.10. Nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý	60
Bảng 2.11. Tải lượng ô nhiễm tối đa có thể tiếp nhận của sông Thị Tính	61
Bảng 2.12. Tải lượng các chất ô nhiễm có sẵn của sông Thị Tính.....	61
Bảng 2.13. Tải lượng các chất ô nhiễm từ nước thải Công ty đưa vào sông Thị Tính	62
Bảng 2.14. Khả năng tiếp nhận các chất ô nhiễm của sông Thị Tính	62
Bảng 3.1. Bảng tổng hợp lưu lượng nước thải của cơ sở	64
Bảng 3.2. Hạng mục bể tự hoại thực tế.....	65
Bảng 3.3 Thông số kỹ thuật tuyến đường ống thu gom, xả thải nước thải của cơ sở ...	68
Bảng 3.4. Các hạng mục trong hệ thống xử lý nước thải tập trung.....	72

Bảng 3.5. Hóa chất tiêu thụ cho công trình xử lý nước thải tập trung.....	74
Bảng 3.6. Chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý	74
Bảng 3.7. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi của máy phun bi	78
Bảng 3.8. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn hàn	80
Bảng 3.9. Tính chất cơ bản của bột sơn tĩnh điện.....	82
Bảng 3.10. Các thông số kỹ thuật của hệ thống phun sơn tĩnh điện.....	83
Bảng 3.11. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt.....	86
Bảng 3.12. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở	87
Bảng 3.13. Danh mục các chất thải nguy hại phát sinh của nhà máy.....	88
Bảng 3.14. Cường độ ồn trong khu vực sản xuất	90
Bảng 3.15. Dự báo các tình huống xảy ra sự cố hóa chất.....	94
Bảng 3.16. Các phương tiện, lực lượng cần huy động khi có cháy	104
Bảng 3.17. Tổng hợp các nội dung thay đổi so với ĐTM đã được phê duyệt.....	116
Bảng 4.1. Danh sách các thông số ô nhiễm trong nước thải và giá trị giới hạn tương ứng theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột A	118
Bảng 4.2. Các nguồn phát sinh bụi và khí thải	120
Bảng 4.3. Lưu lượng các nguồn khí thải xin cấp phép	120
Bảng 4.4. Giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm khí thải	121
Bảng 4.5. Giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm tiếng ồn.....	124
Bảng 4.6. Giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm tiếng ồn.....	124
Bảng 4.7. Danh mục các chất thải nguy hại phát sinh của nhà máy.....	124
Bảng 4.8. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường	125
Bảng 4.9. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt	125
Bảng 5.1. Chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý	129
Bảng 5.2. Kết quả chất lượng môi trường không khí tại khu vực sản xuất	130
Bảng 5.3. Kết quả ống thải sau HTXL bụi từ công đoạn bắn bi	130
Bảng 5.4. Kết quả ống thải sau HTXL khí thải từ công đoạn hàn.....	131
Bảng 5.5. Kết quả ống thải sau HTXL sơn tĩnh điện.....	131
Bảng 5.6. Kết quả ống thải lò nung nhiệt đốt gas LPG	131
Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải	132
Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc, lấy mẫu phân tích chất thải của từng công trình	133

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương có địa chỉ trụ sở chính tại số 19, Đường số 32, Rio Vista, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh với mã số thuế 0315670054 được Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 13/5/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 15/03/2024.

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương hoạt động tại địa chỉ Số 245B, Tổ 10, Khu phố Kiến An, Phường An Điền, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương với giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0315670054-001 được Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 31/05/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 23/05/2024. Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương chấp thuận địa điểm đầu tư theo quyết định số 866/UBND-KTTH ngày 08/4/2013.

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy chiết nạp gas công suất 12.000 tấn/năm; sản xuất vỏ bình gas 138.000 sản phẩm/năm; sửa chữa bảo trì bình gas 138.000 sản phẩm/năm” tại Quyết định số 469/QĐ-STNMT ngày 16/04/2020.

Bên cạnh đó, nhà máy của công ty cũng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 13/GP-STNMT ngày 20/01/2022 và Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 01/GP-UBND ngày 31/03/2022 được Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát cấp.

Hiện nay, Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương đang hoạt động với ngành nghề chiết nạp gas; sản xuất vỏ bình gas và sửa chữa bảo trì bình gas với công suất tối đa như đã đăng ký trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Trong quá trình hoạt động, công ty luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, lập báo cáo giám sát định kỳ, lập sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, phối hợp với các đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý các loại chất thải phát sinh từ quá trình hoạt động. Các chất thải, khí thải, nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy đều được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường,

Căn cứ tại khoản 1, Điều 39 và điểm a, khoản 4, Điều 41 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 10/01/2022 thì Cơ sở “Nhà máy chiết nạp gas công suất 12.000 tấn/năm; sản xuất vỏ bình gas 138.000 sản phẩm/năm; sửa chữa bảo trì bình gas 138.000 sản phẩm/năm” thuộc đối tượng phải lập giấy phép môi trường cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt.

Hiện nay Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đã có hiệu lực, do vậy công ty lập lại hồ sơ xin Giấy phép môi trường theo quy định. Công ty đã phối hợp với đơn vị tư vấn để tiến hành lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho “Nhà máy chiết nạp gas công suất 12.000 tấn/năm; sản xuất vỏ bình gas 138.000 sản phẩm/năm; sửa chữa bảo trì bình gas 138.000 sản phẩm/năm” trình lên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương xem xét và thẩm định.

1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ

- Tên chủ cơ sở: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG.
- Địa chỉ trụ sở chính: số 19, Đường số 32, Rio Vista, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.
- Địa chỉ thực hiện: Số 245B, Tổ 10, Khu phố Kiến An, Phường An Điền, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- Người đại diện: Ông TOSHIHIKO NAKANO
- + Chức vụ: Tổng giám đốc
- + Sinh ngày: 21/07/1969
- + Quốc tịch: Nhật Bản
- + Địa chỉ thường trú: 4076-14 Shineicho, Isesaki, Gumma, Nhật Bản
- + Chỗ ở hiện nay: Căn 601, tầng 6, Tòa nhà Glenwood Suites, số 3, Đường 65, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: 028.37300896
- Fax: 028.37300898
- Quyết định số 866/UBND-KTTH ngày 08/4/2013 của UBND tỉnh Bình Dương về việc chấp thuận địa điểm đầu tư của Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Thái Bình Dương.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315670054 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 13/5/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 15/03/2024.
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0315670054-001 được Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 31/05/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 23/05/2024
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 057011 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 17/10/2016 với tổng diện tích đất 17.559,2m², mục đích sử dụng đất là đất sản xuất phi nông nghiệp (trong đó có 897,9 m² đất thuộc hành lang an toàn

đường bộ) tại thửa đất số 946, tờ bản đồ số 15, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

1.2. TÊN CƠ SỞ

- Tên cơ sở: “Nhà máy chiết nạp gas công suất 12.000 tấn/năm; sản xuất vỏ bình gas 138.000 sản phẩm/năm; sửa chữa bảo trì bình gas 138.000 sản phẩm/năm”
- Giấy phép xây dựng số 2198/GPXD-SXD ngày 25/11/2013 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp
- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 469/QĐ-STNMT ngày 16/04/2020 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương.
- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 13/GP-STNMT ngày 20/01/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp.
- Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 01/GP-UBND ngày 31/03/2022 được Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát cấp.
- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 74.004261.T ngày 05/05/2021 do Chi cục Bảo vệ môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp.

1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM CỦA CƠ SỞ

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Quy mô diện tích: 17.559,2 m² (trong đó có 897,9 m² đất thuộc hành lang an toàn đường bộ)
- Quy mô sản xuất: Hoạt động của công ty là chiết nạp gas, công suất 12.000 tấn/năm; sản xuất vỏ bình gas 112.000 sản phẩm/năm; sửa chữa bảo trì bình gas 138.000 sản phẩm/năm. Hiện nay, công ty đã sản xuất công suất tối đa theo ĐTM đã được duyệt.

Bảng 1.1. Quy mô công suất sản xuất của nhà máy

STT	Ngành nghề	Tên sản phẩm	Đơn vị	Công suất theo ĐTM	Công suất thực tế/ tối đa	Khối lượng
1	Chiết nạp gas	LPG (12 kg)	Tấn/năm	11.400	11.400	11.400
		LPG (45 kg)	Tấn/năm	300	300	300
		LPG (50 kg)	Tấn/năm	208	208	208
		LPG (6 kg)	Tấn/năm	92	92	92
2	Sản xuất vỏ bình gas	Vỏ bình gas (12 kg)	Bình/năm	112.000	112.000	1.456 tấn/năm
3	Sửa chữa, bảo trì bình gas	Vỏ bình gas (12 kg)	Bình/năm	138.000	138.000	1.794 tấn/năm

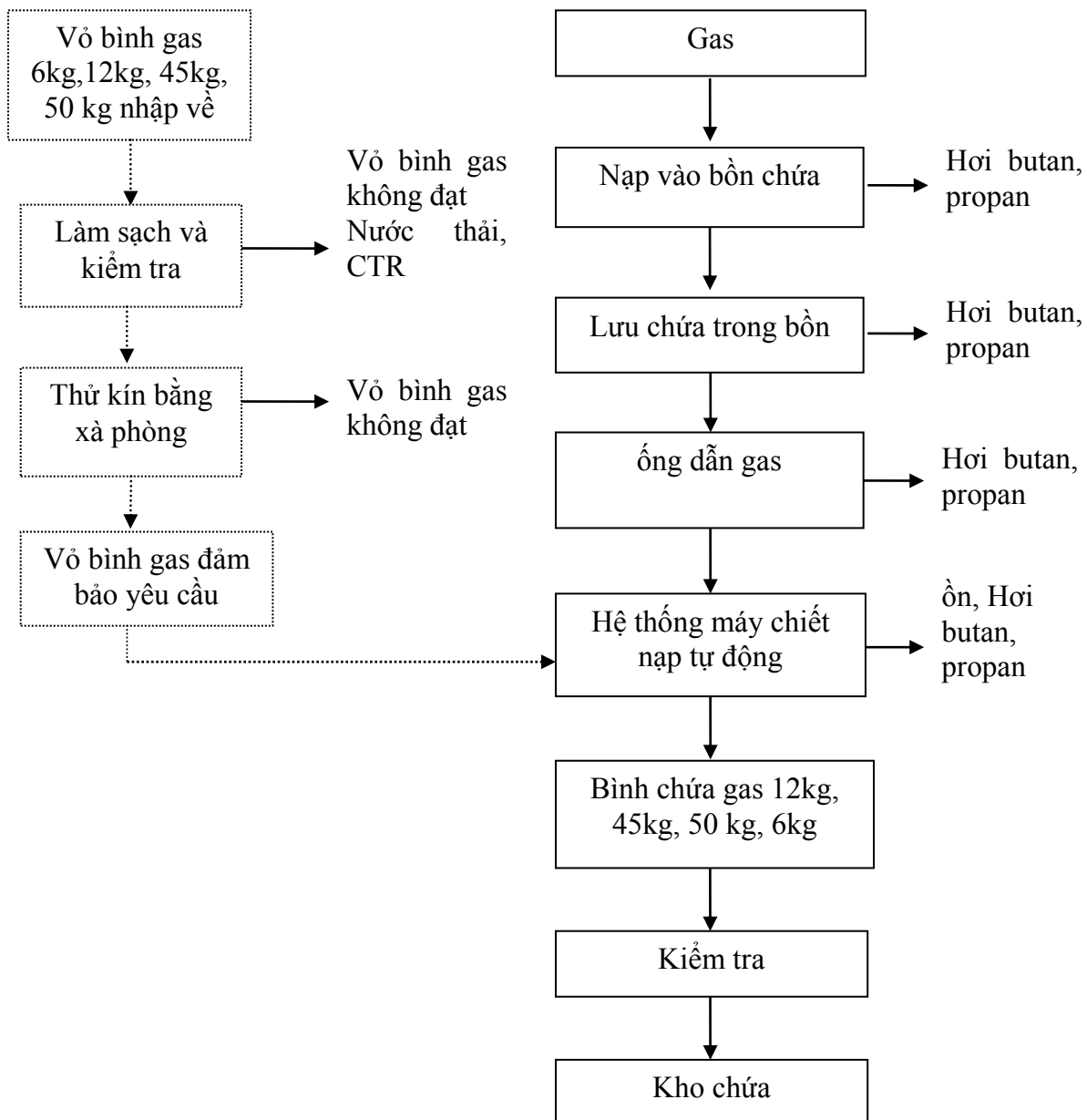
(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương)

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Quy trình công nghệ sản xuất của cơ sở được trình bày theo sơ đồ sau:

❖ Quy trình chiết nạp gas:

Một trong những hoạt động của nhà máy là lưu trữ gas, chiết nạp gas vào các bình chứa loại 12 kg, 45 kg, 50 kg, 6 kg để xuất bán ra thị trường miền Đông Nam Bộ. Quy trình lưu trữ, chiết nạp như sau:



Hình 1.1. Sơ đồ quy trình chiết nạp gas

Thuyết minh quy trình:

Kiểm tra vỏ bình gas

Các vỏ bình gas loại 12 kg, 45 kg, 50 kg, 6 kg sau khi nhập về hoặc thu gom từ các đại lý phân phối sẽ được đưa qua công đoạn làm sạch và kiểm tra. Công đoạn làm

sạch được thực hiện như sau: các bình gas sạch thì công nhân chỉ sử dụng dụng cụ để bóc đi lớp tem mác dán trên bình gas; các bình gas bẩn thì sử dụng nước để làm sạch bụi bẩn bám trên bình gas; sau khi rửa bình gas sẽ được kiểm tra trước khi đưa vào dây chuyền chiết nạp. Quá trình kiểm tra sẽ thực hiện bằng mắt thường, bằng nước xà phòng. Qua kiểm tra bằng mắt thường, các bình gas bị hư, bị biến dạng, bị mài mòn hoặc bị thủng sẽ loại bỏ khỏi quy trình và đưa sửa chữa lại. Sau công đoạn kiểm tra bằng mắt thường, các bình gas sẽ được quét 1 lớp nước pha xà phòng để kiểm tra rò rỉ nhỏ ở van và thân bình gas mà mắt thường không phát hiện được. Bình gas đạt yêu cầu sẽ được lau sạch và chuyển qua hệ thống chiết nạp để nạp gas. Các bình không đạt sẽ đưa vào khu sửa chữa lại tại nhà máy.

Lưu trữ và chiết nạp gas

Gas trước tiên sẽ được xe bồn chuyên dụng loại 8 tấn, 15 tấn, 17 tấn, 21 tấn chuyên chở về nhà máy và được bơm vào trong 3 bồn chứa với sức chứa 118 m³/bồn. Phía dưới các bồn gas là một bể chứa nước lớn với thể tích 600 m³, công ty lắp đặt bơm và đường ống để phun tưới nước trên các bể chứa gas để làm mát trong những ngày nắng nóng, tránh làm tăng áp suất bồn chứa nhằm hạn chế các sự cố cháy nổ xảy ra. Từ các bồn chứa, công ty lắp đặt đường ống dẫn gas, đưa vào dây chuyền chiết nạp gas. Máy bơm dây gas lỏng kèm theo đường khí nén đẩy lên dàn Karousel chiết nạp tự động. Dàn Karousel (dàn ống nạp gas) chiết nạp được sản xuất từ Korea nhập khẩu về Việt Nam hoàn toàn sử dụng điện tử và tự động.

Quá trình tạo áp bên trong bình là lấy gas (LPG) ở trạng thái lỏng, sau đó gas (LPG) này hóa hơi để mà tạo áp cho bình. Các vỏ bình gas sau khi được vệ sinh sạch sẽ bỏ lên dàn bơm, dàn bơm được lắp ráp trên mâm dàn xoay tròn 360°, được trang bị 12 cần tự động trên mỗi mâm xoay, tại nhà máy có 2 mâm xoay như vậy tổng cộng có 24 cần tự động, công nhân chỉ việc gắn cần bơm vào van bình gas và mở van bình gas, bấm số trọng lượng cần nạp vào bình trên bàn phím điện tử được lắp trên cần, máy tự động nạp và khi đầy máy tự động ngắt và nhân viên khóa van bình gas lại tháo cần bơm ra khỏi bình. Nhấc bình gas di chuyển qua băng băng chuyền qua hệ thống cân kiểm tra, thử kín van bình gas bằng nước xà phòng và cuối cùng được chụp niêm phong cho xuất xưởng. Quy trình chiết nạp hoàn toàn tự động và hiện đại được kiểm soát chặt chẽ nên tuyệt đối an toàn và giảm thiểu sự rò rỉ gas trong khi chiết nạp.

Quy trình kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng và kiểm định các thiết bị dây chuyền chiết nạp:

Các máy móc, thiết bị cần kiểm định, bảo trì trong dây chuyền chiết nạp gas như sau: bồn gas; hệ thống điều chế, tồn trữ và nạp gas; bình chịu áp lực; hệ thống đường ống dẫn khí đốt sử dụng trong công nghiệp; van an toàn; cân bàn điện tử. Quá trình kiểm định các máy móc thiết bị này định kỳ từ 6 tháng đến 1 năm thì thực hiện một lần, công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương hợp đồng với

đơn vị có chức năng kiểm định là Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn khu vực II để kiểm định. Đơn vị này sử dụng các máy móc chuyên dụng, kỹ năng chuyên môn để thực hiện việc kiểm tra. Tại buổi kiểm tra các thiết bị sẽ có ghi nhận biên bản hiện trường sau đó tổng hợp đánh giá và cấp giấy chứng nhận kết quả kiểm định của từng thiết bị, máy móc.

→ Giải pháp công nghệ:

a. Xe vận chuyển gas

Công ty sẽ trang bị 3 xe bồn chuyên dụng loại 8 tấn, 15 tấn, 17 tấn, 21 tấn để vận chuyển gas về nhà máy. Các xe bồn sử dụng để vận chuyển gas cần đảm bảo các yêu cầu theo Tiêu chuẩn TCVN 6484:1999-Khí hóa lỏng-xe bồn vận chuyển-Yêu cầu về thiết kế, chế tạo và sử dụng, cụ thể như sau:

- Các bồn chứa của mỗi xe bồn sẽ được thiết kế và lắp đặt tương ứng với tải trọng của xe loại 8 tấn, 15 tấn, 17 tấn, 21 tấn.
- Bồn chứa, các chi tiết ráp nối, thiết bị và khung gầm của xe phải thông mạch để dòng điện chạy liên tục
- Xe bồn chứa phải có một dây dẫn riêng để nối với thiết bị đặt cố định được nối đất khi giao nhận hàng
- Miệng ống nạp khí phải đặt ở vị trí cao và phải định vị sao cho khi khí thoát ra không lọt vào động cơ
- Trong cabin xe bồn không được trang bị bộ lấy lửa bằng điện và ổ cắm điện. Đài, điện thoại... phải được đấu cố định vào mạch điện có thể cắt được nhờ công tắc tổng.
- Phía sau xe bồn phải có cơ cấu chống các vật lọt vào gầm xe và có bả đỡ xô để bảo vệ xe và các thiết bị phụ lắp phía sau xe bồn. Cơ cấu bả đỡ xô phải lắp cách bộ phận nhô ra nhất của bồn ít nhất 100 mm.
- Vỏ cabin phải chế tạo bằng vật liệu chịu lửa, chịu va đập và có giới hạn chịu lửa ít nhất 15 phút.
- Lượng LPG nạp vào bồn chứa không được vượt quá 90% dung tích bồn chứa khi môi chất bên trong bồn có nhiệt độ bằng nhiệt độ lớn nhất khi vận chuyển. Lượng LPG nạp vào bồn được xác định theo khối lượng hoặc theo thể tích nhờ cân khối lượng hoặc đồng hồ báo mức gas.
- Chiều rộng của bồn chứa sau khi lắp thiết bị đi kèm không được vượt quá chiều rộng của khung bộ
- Vật liệu làm bồn chứa phải có khả năng chịu tác động của nhiệt độ thấp nhất do môi chất hoặc do môi trường xung quanh tạo nên trong điều kiện hoạt động bình thường. Khi những nhiệt độ trên không rõ ràng hoặc biến động thì lấy nhiệt độ thiết kế mức thấp là âm 20⁰C.

- Với các xe chứa tải trọng hơn 10.000 lít (xe bồn 15 tấn và xe bồn 17 tấn), Kết cấu bồn phải có một hoặc nhiều vách ngăn khi, dung tích mỗi khoang không được quá 7500 lít.
- Tất cả các bồn chứa có dung tích lớn hơn 5000 lít phải có một lỗ người chui hình ôvan có kích thước không nhỏ hơn 400 mm x 300 mm hoặc lỗ tròn đường kính không nhỏ hơn 400 mm bố trí ở đầu sau của bồn. Đối với bồn nhỏ hơn thì phải có lỗ kiểm tra.
- Áp lực thiết kế của bồn chứa và tải trọng thiết kế đặt lên các phần bắt nối bồn chứa được cộng thêm một đại lượng gây nên bởi tải trọng động như sau:
 - + Theo hướng chuyển động: 2 x khối lượng tải trọng có ích
 - + Theo hướng vuông góc lên trên với chuyển động: 1 x khối lượng tải trọng có ích
 - + Theo hướng vuông góc xuống dưới: 2 x khối lượng tải trọng có ích
- Mỗi bồn chứa phải có một áp kế thích hợp nối trực tiếp với khoang hơi và được bảo vệ bằng một jiclor đường kính 1,4 mm hoặc ống xi phông. Giữa áp kế và bồn chứa phải lắp một van chặn. Mỗi bồn phải lắp một hoặc hai đồng hồ báo mức chất lỏng tối đa.
- Bơm dùng cho xe bồn phải được dẫn động bằng các động cơ thủy lực hoặc bằng bộ phận trích từ hộp số trục xe. Không được phép dùng động cơ điện cũng như động cơ đốt trong để dẫn động bơm.
- Các bồn chứa phải được sơn màu trắng, trên đó kẻ chữ ghi rõ tên hàng hóa chứa bên trong bồn với độ cao chữ không nhỏ hơn 80 mm. Chữ được kẻ dọc ở hai bên sườn xe hoặc ở phía sau xe.
- Trên cabin xe và trên thành bồn chứa phải kẻ số điện thoại liên hệ khẩn cấp khi xảy ra sự cố. Độ cao chữ số không được nhỏ hơn 40 mm.
- Trước khi giao nhận hàng, nhân viên giao nhận phải báo cho nhân viên điều khiển thiết bị nơi tiếp nhận và kiểm tra tình trạng các phương tiện. Chỉ được phép giao nhận hàng khi các phương tiện ở trong tình trạng tốt và an toàn.
- Những người tham gia nhập gas cần phải sử dụng đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân như quần áo dài, giày ủng và găng tay. Trường hợp có gas rò rỉ thì phải dùng thêm kính bảo vệ mắt hoặc mặt nạ phòng độc. Không được hút thuốc ở trong xe hoặc xung quanh xe hoặc trong vòng bán kính 15 m tính từ nơi đỗ xe.
- Mỗi xe phải trang bị ít nhất 3 biển hiệu cấm lửa và tránh xa. Khi xe đỗ những biển hiệu này phải đặt cách xa xe ít nhất 15 m ở những vị trí thuận tiện, dễ nhìn. Các bình chữa cháy phải được đặt ở những vị trí dễ nhìn, dễ lấy trước khi giao nhận hàng.
- Xe phải đỗ hướng về phía có đường thoát thích hợp, cài phanh, ngắt công tắc, cắt ắc quy. Người lái xe hoặc nhân viên thực hiện giao nhận hàng không được đi ra ngoài trong suốt thời gian xả hàng. Người lái xe bồn phải được

huấn luyện về quy trình ứng phó và xử lý trong trường hợp khẩn cấp bao gồm các kiến thức về sản phẩm, kiểm soát khu vực và liên hệ khi khẩn cấp, xử lý khi LPG rò rỉ; chữa cháy và thoát hiểm.

- Đường ống dẫn gas từ xe bồn đến bồn chứa tại nhà máy là ống mềm áp lực dụng chuyên cho việc vận chuyển gas. Khi tiến hành nạp gas vào bồn chứa, khoảng cách từ xe bồn đến bồn chứa là 12m.
- Các xe bồn chở gas sẽ được kiểm tra định kỳ (5 năm/lần) các chỉ tiêu kỹ thuật như:
 - Kiểm tra và thay thế (nếu cần thiết) các van an toàn, van bồn chứa và các chi tiết lắp ráp;
 - Kiểm tra lớp phủ bảo vệ, nếu cần thiết phải xử lý sửa chữa;
 - Kiểm tra tất cả các chi tiết và điểm liên kết của bồn chứa bằng phương pháp không phá hủy;
 - Kiểm tra hệ thống điện;
 - Kiểm tra bên trong bồn chứa theo các thông số thiết kế

b. Bồn chứa gas

Khu vực lưu trữ gas (trong các bồn chứa) cho hoạt động sản xuất của nhà máy được đặt ở ngoài trời và không có mái che. Khu vực chứa gas gồm 03 bồn chứa với sức chứa mỗi bồn khoảng 50 tấn gas. Bồn chứa gas có dạng bồn định áp, loại bể có thể làm việc ở áp suất từ 4-12 kg/cm², dạng hình ống ngang với các quy cách bể như sau:

- Chiều dài bể: khoảng 16m
- Đường kính bể: 3,1 m
- Vật liệu làm bể: Thép tấm CT3, SS400, ASTM A36....Tấm làm thân, đáy, tăng cường cổ bể đáy bể dày 4mm.
- Thép tấm làm nắp và vành cổ bể dày 10mm
- Vành tăng cường bằng thép hình L (50mm x 50mm)
- Một đáy có 08 ke tăng cường
- Mỗi bể có 04 móc cầu bể bằng thép tròn DN18
- Mỗi bể có 16 bộ bulông, ecu, gioăng chịu xăng dầu cho nắp bể.
- Các phụ kiện kèm theo như van thở, họng nhập kín, cửa đo mức, ống xuất
- Mỗi bồn chứa sẽ được trang bị các loại van và thiết bị có nhãn hiệu thích hợp để nhận dạng như van an toàn, van vận và van điều lượng cho gas ở dạng lỏng, van dùng cho đường hồi gas ở dạng hơi, van vận và van một chiều dùng cho đường nhập gas, thiết bị đo mức gas, đồng hồ đo áp suất, van vận có nút bịt kín dùng cho đường xả đáy.

Khu vực đặt bồn gas có diện tích 400 m² được thiết kế thông thoáng, không có mái che, nền được đổ bê tông cốt thép. Ba bồn chứa không đặt chồng lên nhau mà được đặt song song với nhau theo chiều dọc, khoảng cách giữa các bồn là 2 m. Bồn chứa gas được lắp đặt cách mặt đất khoảng 2m. Khoảng cách từ khu vực đặt bồn chứa đến các công trình khác, đến nhà dân được đảm bảo theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 15/06/2018. Cụ thể các khoảng cách như sau:

- Đến trạm chiết nạp: 49 m
- Đến nhà văn phòng: 65,5 m
- Đến phòng bảo vệ, cổng chính, trạm điện của nhà máy: 50 m
- Đến nhà xưởng: 20 m
- Đến nhà dân gần nhất ở phía Bắc: 72,21 m
- Đến nhà dân gần nhất ở phía Tây nhà máy: 100 m

Các bồn chứa gas được lắp đặt đầy đủ các thiết bị an toàn và đo kiểm và các van đóng ngắt khẩn cấp theo quy định. Bồn chứa có đồng hồ thể hiện mức gas trong bồn, mức gas tối đa nạp vào bồn và không nạp quá mức quy định. Ba bồn chứa LPG được làm bằng thép không gỉ và bảo vệ chống ăn mòn. Lớp phủ bảo vệ sẽ được kiểm tra theo định kỳ (ít nhất 2 năm theo quy định) và mặt trong vỏ bồn được kiểm tra định kỳ (ít nhất 5 năm) để tránh hiện tượng ăn mòn bồn chứa và độ dày thành vỏ bồn.

Ngoài ra, ba bồn chứa gas sẽ được lắp đặt van xả đáy theo quy định để xả gas khi có sự cố nhằm giải phóng hơi gas ra khỏi bồn, hạn chế việc tăng áp suất bồn gây nổ bồn. Đầu ra của van xả đáy được nối thêm một đoạn ống và van chặn thứ hai ở cuối đoạn ống, được lắp đặt cố định với bồn chứa. Đoạn ống nối và van chặn kèm theo sẽ được gia cố chắc chắn để ngăn ngừa các va chạm từ bên ngoài, tay gạt của van xả đáy được gắn chắc chắn để đảm bảo van có thể đóng ngay lập tức trong quá trình xả đáy. Dưới chân và bao quanh bồn chứa là bể nước với thể tích khoảng 600 m³, phía trên bồn chứa là hệ thống bơm và ống phun mưa để làm mát bồn chứa khi nhiệt độ bên ngoài bồn chứa tăng cao.

Khi nạp gas vào bồn chứa, mức gas lỏng nạp vào bồn không được vượt quá 90% thể tích bồn. Mỗi bồn chứa phải được trang bị ít nhất một đồng hồ hiển thị mức gas, được lắp cố định trên bồn, đồng hồ hiển thị mức phải chỉ rõ lượng gas trong bồn chứa tính bằng % thể tích hoặc milimét chiều gas lỏng, trên thang của đồng hồ phải đánh dấu mức tối đa cho phép được nạp. Bồn chứa cũng cần có đồng hồ đo áp suất được lắp ở vùng không gian chứa hơi gas bảo hoà trên đỉnh bồn chứa. Ống nối đồng hồ đo áp suất với bồn chứa phải được bảo vệ bằng một van điều lượng hoặc một van chặn.

c. Đường ống dẫn gas

Công ty lắp đặt đường ống dẫn gas nổi trên mặt đất để dẫn gas từ khu vực bồn chứa đến khu vực trạm chiết nạp gas. Đường ống dẫn gas bao gồm đường ống dẫn khí nén, đường ống gas lỏng, đường áp và được làm bằng thép không hàn chuyên dùng cho dẫn gas, bề dày thành ống sẽ được tính toán và lựa chọn theo tiêu chuẩn ASTM, API, riêng ống cho khí điều khiển có thể sử dụng loại thép tráng kẽm. Mỗi đường ống dẫn gas lỏng, khí nén và đường áp sẽ được sơn bằng các màu sắc khác nhau để phân biệt. Việc sử dụng màu sơn cho các đường ống sẽ được tuân thủ đúng theo quy định về lưu trữ gas.

Các mối ghép nối đường ống kim loại có đường kính danh định ≤ 50 mm sẽ được hàn mép hai đầu mỗi hàn cho thiết bị đường ống và thỏa mãn tiêu chuẩn TCVN 6008:1995. Các mối ghép ren được phép sử dụng để nối đường ống có đường kính danh định ≤ 50 mm, đường ống và thiết bị chịu áp lực cao được tiện ren sẽ được sử dụng loại ống thép đúc có độ dày ≥ 4 mm với ren tiện dạng hình nón.

Gioăng sử dụng tại các điểm nối bích trên đường ống là loại vật liệu có khả năng chống ăn mòn. Các Gioăng bằng kim loại hoặc vật liệu có kim loại thì điểm nóng chảy dưới 816°C và được lắp bảo vệ để chống lại tác động của ngọn lửa. Với mỗi áp suất gas khác nhau, chiều dày đường ống và loại mối ghép như sau:

Áp suất LPG	Độ dày ống 4 mm	Chiều dày ống 8 mm
Áp suất ≤ 125 Psig $= 9 \text{ kg/cm}^2 = 0,9 \text{ MPa}$	Hàn hoặc ren	Hàn hoặc ren
Áp suất > 125 Psig $= 9 \text{ kg/cm}^2 = 0,9 \text{ MPa}$	Hàn	Ren hoặc hàn

Van an toàn trên đường ống sẽ được lắp đặt tại các vị trí mà gas có thể bị giữ lại như ở giữa hai van chặn hoặc đầu ra của máy bơm. Đầu ra van an toàn của đường ống sẽ hướng về phía có gió, không hướng trực tiếp về phía có người, có bồn chứa và các thiết bị, công trình khác. Các van được lắp đặt ở vị trí để có thể thuận tiện cho việc vận hành và bảo dưỡng. Trên hệ thống dẫn gas sẽ lắp đặt thêm các van điều khiển chính để cắt nhanh các đường ống cấp gas khi có sự cố xảy ra. Các van điều khiển chính cũng sẽ được bố trí ở vị trí dễ quan sát, dễ dàng tiếp cận và đóng ngắt nhanh khi có sự cố.

d. Trạm chiết nạp gas

Quy trình nạp gas tại trạm chiết nạp: Từ bồn chứa, gas được dẫn qua đường ống chuyên dùng đến nhà máy đặt bơm chuyên dùng cho gas. Máy bơm dây gas lỏng kèm theo đường khí nén đẩy lên dàn Karousel chiết nạp tự động. Dàn Karousel (dàn ống sang chiết gas) chiết nạp được sản xuất từ Korea nhập khẩu về Việt Nam hoàn toàn sử

dụng điện tử và tự động. Các vỏ bình gas được vệ sinh sạch sẽ bỏ lên dàn bơm. Dàn bơm được lắp ráp trên mâm dàn xoay tròn 360°, được trang bị 12 cần tự động, nhà máy có 2 mâm xoay như vậy tổng cộng có 24 cần tự động, công nhân chỉ việc gắn cần bơm vào van bình gas và mở van bình gas, bấm số trọng lượng cần nạp vào bình trên bàn phím điện tử được lắp trên cần, máy tự động nạp và khi đầy máy tự động ngắt và nhân viên khóa van bình gas lại tháo cần bơm ra khỏi bình. Nhấc bình gas di chuyển qua băng băng chuyền qua hệ thống cân kiểm tra, thử kín van bình gas bằng xà phòng và cuối cùng được chụp niêm phong cho xuất xưởng. Quy trình chiết nạp hoàn toàn tự động và hiện đại nên tuyệt đối an toàn và hạn chế sự cố rò rỉ gas trong khi chiết nạp.

Các bình gas sau khi chiết nạp sẽ được lưu trữ trên phần diện tích trống của trạm chiết nạp. Số lượng bình gas có thể lưu chứa tại khu vực này khoảng 1000 bình gas các loại. Kho chứa sẽ được phân thành từng lô nhỏ để lưu chứa chai gas 12kg, chai gas 45 kg, chai gas 50 kg, chai gas 6 kg có rào ngăn cách với chiều cao tối thiểu 1,8m.

Trạm chiết nạp gas với diện tích 400 m² được lắp đặt các máy chiết nạp gas và bố trí khu vực lưu trữ chai gas thành phẩm. Trạm nạp được thiết kế và đưa vào vận hành đúng theo các quy định trong Nghị định số 87/2018/NĐ-CP, tiêu chuẩn TCVN 6304-1997-Chai chứa khí đốt hóa lỏng - Yêu cầu an toàn trong bảo quản, xếp dỡ và vận chuyển. Cụ thể như sau:

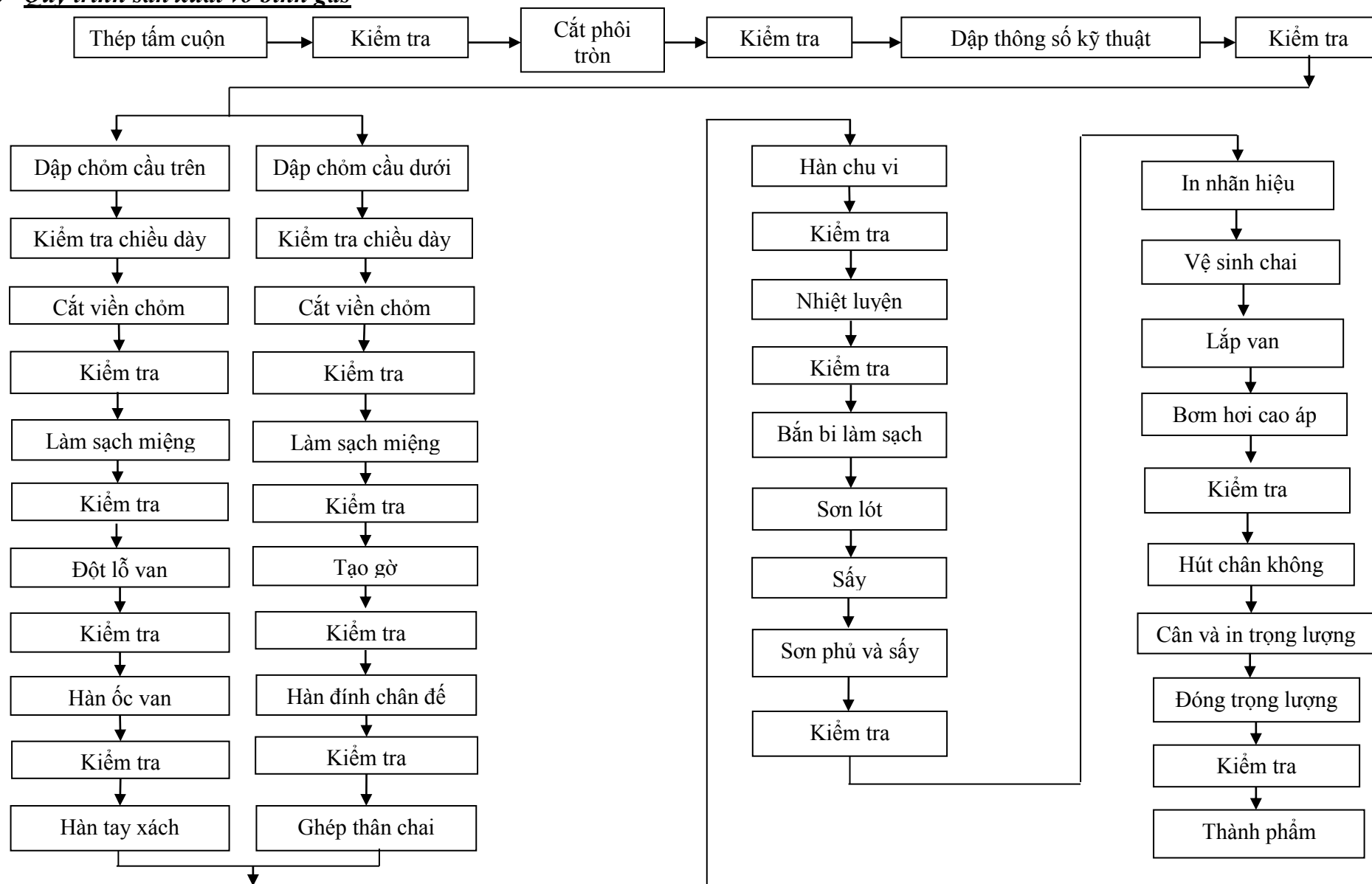
- Trạm chiết nạp được thiết kế đúng theo các Luật Xây dựng và quy định của pháp luật khác có liên quan về xây dựng công trình LPG, được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng. Tường ngăn cháy được xây dựng cho trạm nạp không có lỗ hổng, được xây vững chắc bằng gạch, bê tông, đảm bảo giới hạn chịu lửa ít nhất 150 phút và chiều cao tường ngăn cháy cao hơn chiều cao của bồn chứa gas tối thiểu là 5m. Tường ngăn, trần nhà, mái nhà sẽ được thiết kế kín, không có lỗ thủng và có thể chịu được áp suất tĩnh ít nhất là 4,8 kPa (0,0048 kg/cm²). Sàn của trạm nạp được đổ bê tông cốt thép bằng. Không được cất giữ, bảo quản các đồ vật cũng như các chất dễ cháy ở trong khoảng trống của trạm nạp.
- Máy móc, thiết bị của trạm nạp được kiểm định và đăng ký theo quy định hiện hành.
- Xây dựng hàng rào bảo vệ xung quanh trạm nạp gas vào chai, bảo đảm thông thoáng và tuân thủ khoảng cách an toàn theo quy định tại quy chuẩn Việt Nam có liên quan tại Nghị định 87/2018/NĐ-CP, cụ thể các khoảng cách an toàn như sau:
 - + Cách khu vực đặt bồn chứa gas: 49 m
 - + Cách nhà văn phòng: 16,4 m
 - + Cách nhà bảo vệ: 65 m

- + Cách nhà xưởng xung quanh: 69 m
- + Cách nhà dân gần nhất ở phía Bắc: 23,21 m
- + Cách nhà dân gần nhất ở phía Tây: 115 m
- Thiết kế hệ thống chữa cháy gồm đường ống cấp nước chữa cháy được sơn màu đỏ đi dọc theo tường, mái nhà xưởng; các bình chữa cháy di động và được cơ quan chức năng chứng nhận đủ điều kiện về PCCC. Trạm nạp lắp đặt thiết bị thiết bị kiểm tra, cảnh báo rò rỉ gas và truyền tín hiệu về khu trung tâm điều khiển, hệ thống đường ống phun nước chữa cháy cố định với vận tốc phun 12,5 lít/m²/phút, các bình chữa cháy di động hệ thống bảo vệ chống sét. Nguồn nước cho hoạt động chữa cháy trong kho phải đảm bảo có thể cung cấp cấp 2.300 lít nước/phút và liên tục trong 60 phút.
- Thiết bị điện chiếu sáng phải phù hợp với các tiêu chuẩn hiện hành có liên quan. Nguồn điện cấp cho các thiết bị điện trong kho phải được không chế bằng thiết bị đóng ngắt chung (cầu dao, aptomat...).
- Trước cửa trạm được gắn các biển báo như “cấm lửa”, “cấm hút thuốc”, “không có nhiệm vụ miễn vào”, “nội quy ra vào kho chứa”, “nội quy PCCC”, các tiêu lệnh chữa cháy tại các vị trí dễ nhìn thấy. Kích thước chữ trên các bảng này đủ lớn để mọi người đều có thể nhìn thấy ở khoảng cách 10m.

e. Khu vực chứa bình gas rỗng

Các bình gas rỗng sau khi nhập về được kiểm tra sẽ được lưu trữ ở trong kho thông thoáng, bên ngoài khu vực chiết nạp gas để thuận tiện cho việc vệ sinh vỏ bình gas, và thuận tiện khi đưa vào trạm chiết nạp.

❖ Quy trình sản xuất vỏ bình gas



Thuyết minh quy trình:

Bảng 1.2. Thuyết minh quy trình sản xuất vỏ bình gas

STT	Công đoạn	Mô tả chi tiết	Chất thải phát sinh
1	Kiểm tra nguyên liệu thép tấm cuộn	<p>Nguồn nguyên vật liệu chính để sản xuất chế tạo thân chai chứa PLG là thép cuộn cán nóng dày 2,6mm, theo đúng tiêu chuẩn JIS G3116 SG255 và JIS G3116 SG295. Để đảm bảo nguồn nguyên vật liệu sản xuất cũng như đảm bảo chất lượng cho chai chứa LPG thì phải tuân thủ và thực hiện đúng quy trình kiểm tra nguyên vật liệu đầu vào.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên thực hiện: Thủ kho, Nhân viên KCS 1. - Thiết bị sử dụng: Thước lá/ Máy siêu âm độ dày/ Máy thử cơ tính/ Quan sát. - Chu kỳ kiểm soát: 1 lần/ lô hàng nhập xuất kho. + Nếu kết quả kiểm định đạt với tiêu chuẩn cho phép thì mới đưa nguyên vật liệu đó vào sản xuất. + Nếu kết quả kiểm định không đạt, Công ty sẽ loại bỏ ra và hoàn trả lại cho nhà cung cấp. 	Nguyên liệu thép không đạt chất lượng → hoàn trả lại đơn vị cung cấp
2	Cắt phôi tròn	Phôi tròn sẽ được cắt dập ra từ thép cuộn cán nóng có độ dày 2,6mm. Thép cuộn được nâng lên vào ụ đỡ và dùng máy dập thủy lực 450 tấn và khuôn cắt chuyên dùng để thực hiện cắt phôi tròn với tốc độ cắt trung bình 300 phôi/giờ. Sau khi thực hiện cắt dập sẽ cho sản phẩm là Phôi tròn $\Phi 560 \pm 1$ mm.	Thép thừa, tiếng ồn
3	Kiểm tra (sau khi cắt phôi)	<p>Sau khi thực hiện cắt phôi tròn, phôi sẽ được kiểm tra, nếu đạt thì chuyển tiếp qua công đoạn tiếp theo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên thực hiện: Tổ trưởng, Công nhân đứng máy. - Thiết bị kiểm tra: Thước lá/ Quan sát. - Chu kỳ kiểm soát: 2 lần trong ngày/ Thường xuyên. 	Sản phẩm không đạt chất lượng → loại bỏ, thu gom chất thải rắn
4	Dập thông số kỹ thuật	Phôi tròn $\Phi 560 \pm 1$ mm sẽ được dập chữ nổi theo yêu cầu của từng khách hàng. Khuôn ép chữ nổi được lắp ráp trên máy ép thủy lực 200 tấn. Phôi tròn được đưa vào máy ép thủy lực, phôi tròn được định vị ngay cử trước khi ép. Sau khi thực hiện dập chữ nổi, phôi tròn sẽ được kiểm tra, nếu	Tiếng ồn

		đạt thì chuyển tiếp qua công đoạn tiếp theo.	
5	Kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên thực hiện: Tổ trưởng, Công nhân đứng máy. - Thiết bị kiểm tra: Thước lá/ Thước cặp/ Quan sát. - Chu kỳ kiểm soát: 2 lần trong ngày/ Thường xuyên. - Chữ nổi sau khi dập phải đồng rõ ràng, nét chữ phải đồng đều và đồng tâm với phôi tròn. - Chữ nổi sau khi ép thì cho phép sâu từ 0,4 - 0,5mm. + Nếu chữ nổi ép cao hơn 0,5mm thì làm yếu cấu trúc của chai và phải cho hủy bỏ. + Nếu thấp hơn 0,4mm thì làm cho chữ mờ đi sau khi sơn hoàn thiện, phôi này để lại và tiếp tục thực ép chữ nổi lần 2 sao cho đạt yêu cầu kỹ thuật. 	Sản phẩm không đạt yêu cầu → hủy bỏ, thu gom chất thải rắn
6	Dập chỏm cầu trên và chỏm cầu dưới	Sau khi ép chữ nổi lên phôi tròn $\Phi 560^{+1}$ mm, phôi sẽ được thực hiện ép dập và vuốt sâu trên máy ép thủy lực 400 tấn được điều khiển bằng chương trình PLC với bộ chày cối ép chỏm cầu 12kg.	Màng PE dính dầu thải, tiếng ồn, hơi dầu giải nhiệt
7	Kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên thực hiện: Tổ trưởng, Công nhân đứng máy. - Thiết bị kiểm tra: Thước lá/ Thước cặp/ Quan sát. - Chu kỳ kiểm soát: 2 lần trong ngày/ Thường xuyên. - Chỏm cầu sau khi ép phải thẳng và tròn cân đối, không bị nhăn, lượn sóng, không có dấu hiệu nứt phôi trên miệng chỏm cầu, không có vết lõm sâu hay phù ra quá 0,3mm và có diện tích rộng hơn 5mm². 	Sản phẩm không đạt yêu cầu → chỉnh sửa lại khuôn mẫu
8	Cắt viền chỏm	Chỏm cầu sẽ được cắt viền thừa để đảm bảo đúng kích thước thiết kế.	Chất thải rắn (kim loại thừa), vụn kim loại
9	Kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên thực hiện: Tổ trưởng, Công nhân đứng máy. - Thiết bị kiểm tra: Thước eke/ Thước cặp/ Quan sát. - Chu kỳ kiểm soát: 2 lần trong ngày/ Thường xuyên. - Mặt cắt viền chỏm cầu phải vuông góc với tâm chỏm cầu và góc vát mép cắt viền là 30⁰-45⁰. + Kiểm tra góc 30⁰-45⁰ bằng thước eke. + Kiểm tra kích thước của chỏm cầu trên và dưới bằng bàn mép hoặc 	Sản phẩm không đạt yêu cầu → sửa chữa hoặc thải bỏ

		tấm kính phẳng, xác định hai chiều thẳng góc với nhau bằng thước đo góc.	
10	Làm sạch miệng	Cho chỏm cầu vào máy làm sạch, chỏm quay vòng xung quanh tâm của trục máy làm sạch, bánh cước sắt quay vòng và tịnh tiến ra vào vuông góc với tâm trục máy vào. Mục đích làm sạch bóng sáng trên bề mặt bên trong và bên ngoài chỏm cầu trên và dưới nhằm để khi ráp 2 chỏm cầu vào nhau, tạo cho bề mặt hai chỏm tiếp xúc với nhau và dẫn điện tốt, khi hàn áp lực thì mối hàn thấu và ngấu tốt hơn.	Bánh cước thái, tiếng ồn, bụi nhiễm dầu
11	Kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên thực hiện: Tổ trưởng, Công nhân đứng máy. - Thiết bị kiểm tra: Thước eke/ Thước cặp/ Quan sát. - Chu kỳ kiểm soát: 2 lần trong ngày/ Thường xuyên. - Kiểm tra và quan sát bằng mắt thường. Những bán thành phẩm không đạt chất lượng sẽ tiếp tục làm sạch lần 2 để đạt yêu cầu bóng sáng, loại bỏ các vết dầu nhớt, các vết oxy hóa và chỗ rỉ sét trên chỏm cầu. 	Sản phẩm không đạt yêu cầu → Sửa chữa hoặc hủy bỏ thu gom chất thải
12	Đốt lỗ van (đối với chỏm cầu trên)	Chỏm cầu sau khi làm sạch sẽ được đốt một lỗ trên đỉnh chỏm cầu bằng máy đốt chuyên dùng. Sau khi thực hiện đốt lỗ van ở đỉnh chỏm cầu, chỏm cầu sẽ được kiểm tra, nếu đạt thì chuyển tiếp qua công đoạn tiếp theo.	Chất thải rắn, tiếng ồn
13	Hàn ốc van (đối với chỏm cầu trên)	Chỏm cầu sau khi được đốt lỗ van thì ở tại vị trí này, ốc van (hay đầu nổi ren côn/ vòng cổ chai) sẽ được lắp vào ngay lỗ đốt và nằm phía ngoài của chỏm cầu. Tại vị trí tiếp giáp này sẽ được hàn bằng mối hàn kín phía bên ngoài. Thực hiện mối hàn này bằng phương pháp hàn Mig/ Mag dưới môi trường khí bảo vệ	Que hàn thải, khói hàn
14	Kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên thực hiện: Tổ trưởng, Công nhân đứng máy. - Thiết bị kiểm tra: Thước cặp/ Đồng hồ đo điện vạn năng/ Quan sát. - Chu kỳ kiểm soát: 2 lần trong ngày/ Thường xuyên. 	Sản phẩm không đạt yêu cầu → Sửa chữa hoặc hủy bỏ thu gom chất thải
15	Cắt và hàn đính tay xách (đối với chỏm cầu trên)	Tay xách làm bằng thép tấm và ống sắt Ø21 kim loại có nhiệm vụ bao bọc xung quanh và bảo vệ van của chai chứa LPG khi có các tác động va đập từ bên ngoài. Nguyên liệu thép tấm và ống sắt Ø21 sẽ được cắt theo quy cách và đưa vào khu vực hàn. Sau khi hàn bộ phận ốc van (hay còn gọi đầu nổi ren côn	Que hàn thải, khói hàn, sắt thép thải

		hoặc vòng cổ chai), chỏm sẽ được hàn đính tay xách vào đỉnh của chỏm cầu bằng phương pháp hàn Mig/ Mag dưới môi trường khí bảo vệ	
16	Kiểm tra	<p>Sau khi thực hiện hàn tay xách ở đỉnh chỏm cầu, chỏm cầu trên này sẽ được kiểm tra, nếu đạt thì chuyển tiếp qua công đoạn tiếp theo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên thực hiện: Tổ trưởng, Công nhân đứng máy. - Thiết bị kiểm tra: Thước cặp/ Đồng hồ đo điện vạn năng/ Quan sát. - Chu kỳ kiểm soát: 2 lần trong ngày/ Thường xuyên. - Sau khi hàn tay xách thì phải cân đối và đồng tâm với chỏm cầu trên. 	Sản phẩm không đạt yêu cầu → Sửa chữa hoặc hủy bỏ thu gom chất thải
17	Tạo gờ (đối với chỏm cầu dưới)	Chỏm cầu dưới được sản xuất từ chỏm cầu đã được làm sạch miệng và được tạo một gờ (đệm lót/ mông gối) ngay tại vị trí miệng của chỏm bằng máy tạo gờ chuyên dùng. Tạo gờ trên chỏm cầu dưới nhằm để hỗ trợ quá trình hành sau này nhờ vào cái gờ lót (đệm lót/ mông gối). Việc tạo gờ ở chỏm cầu dưới nhằm định vị đồng tâm với chỏm cầu trên, ngoài ra bề mặt nghiêng của gờ sẽ là đường dẫn điện tốt nhất với chỏm cầu trên trong công đoạn hàn chu vi.	Tiếng ồn
18	Kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên thực hiện: Tổ trưởng, Công nhân đứng máy. - Thiết bị kiểm tra: Thước cặp/ Khuôn định hình góc 30⁰ /Quan sát. - Chu kỳ kiểm soát: 2 lần trong ngày/ Thường xuyên. 	Sản phẩm không đạt yêu cầu → Sửa chữa hoặc hủy bỏ thu gom chất thải
19	Cắt và hàn đính chân đế (đối với chỏm cầu dưới)	<p>Chân đế làm bằng thép kim loại có nhiệm vụ nhằm để bảo vệ va đập từ bên ngoài vào đáy chai. Nguyên liệu bao gồm: thép ống Ø21, sắt tấm được cắt và uốn theo quy cách sau đó hàn lại với nhau.</p> <p>Sau khi chỏm cầu được thực hiện tạo gờ xong, chỏm cầu sẽ được hàn đính chân đế vào đỉnh của chỏm cầu bằng phương pháp hàn Mig/Mag dưới môi trường khí bảo vệ</p>	Que hàn thải, khói hàn, CTR
20	Kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên thực hiện: Tổ trưởng, Công nhân đứng máy. - Thiết bị sử dụng: Thước cặp/ Đồng hồ đo điện vạn năng/ Quan sát. - Chu kỳ kiểm soát: 2 lần trong ngày/ Thường xuyên. 	Sản phẩm không đạt yêu cầu → Sửa chữa hoặc hủy bỏ thu gom chất thải
21	Ghép thân chai và hàn chu vi	Đây là công đoạn rất quan trọng và được chú tâm đến nhiều nhất trong quá trình sản xuất chế tạo chai chứa LPG. Mỗi hàn chu vi được hàn 2 vòng bằng phương pháp hàn hồ quang tự động dưới lớp thuốc bảo vệ bởi một	Que hàn thải, khói hàn

		<p>đường hàn kín (SAW). Với đường hàn chu vi của chai chứa LPG xoay vòng, đường hàn không phức tạp, nhưng yêu cầu kỹ thuật mỗi hàn chu vi này phải có chất lượng liên kết vật hàn (gồm có chỏm cầu trên và dưới) cao, do được bảo vệ tốt kim loại mỗi hàn khỏi tác dụng của oxi và nitơ trong không khí xung quanh khi hàn.</p> <p>Kim loại mỗi hàn đồng nhất về thành phần hóa học. Lớp thuốc và xỉ hàn làm liên kết nguội chậm nên ít bị thiên tích. Mỗi hàn có hình dạng tốt, đều đặn, ít bị các khuyết tật như không ngấu, rỗ khí, nứt và bắn tóe</p>	
22	Kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên thực hiện: Tổ trưởng, Công nhân đứng máy, Nhân viên KCS. - Thiết bị sử dụng: Thước cặp/ Đồng hồ đo điện vạn năng/ Quan sát. - Chu kỳ kiểm soát: 2 lần trong ngày/ Thường xuyên. - Tiêu chí kiểm tra: độ thẳng, độ thẳng đứng, dung tích chai. - Những chai chứa LPG 12kg không đạt thì đánh dấu và loại bỏ ra ngoài để xử lý. Chọn chai khác kiểm tra đo lại lần 2 cho đạt yêu cầu kỹ thuật. + Nếu không đạt thì kiểm tra lại các công đoạn sản xuất trước. Tiến hành chỉnh sửa khuôn mẫu, quy trình sản xuất lại và tiếp tục kiểm tra đo độ thẳng của chai. + Nếu đạt thì tiếp tục chuyển chai chứa LPG 12kg qua công đoạn tiếp theo. 	Bán thành phẩm không đạt yêu cầu → loại bỏ, thu gom chất thải rắn
23	Nhiệt luyện	<p>Công đoạn xử lý nhiệt nhằm để khử ứng suất dư trên chai chứa LPG tạo ra trong quá trình tạo hình và hàn trước đó là công đoạn quan trọng, nhằm nâng cao chất lượng chai và tạo sức bền vật liệu thép chế tạo bằng cách đưa chai vào lò ủ trung tần dưới nhiệt độ tối đa là 800⁰C và thời gian theo tiêu chuẩn qui định. Nhằm tạo kết cấu thép đồng đều giữ vật liệu của thép làm chai và vật liệu hàn. Lò ủ trung tần chuyên dùng được cấp phối xử lý nhiệt độ và thời gian tự động. Nhiệt cung cấp cho quá trình ủ được cấp từ hoạt động đốt khí LPG.</p> <p>Thông số kỹ thuật lò ủ trung tần 800⁰C trong quá trình nhiệt luyện như</p>	Khí thải, nhiệt dư

		<p>sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Công suất: 120-130KW + Điện áp: 0,5-0,6KV + Cường độ dòng điện : 235–250A + Nhiệt độ ủ : $650^{\circ}\text{C} \pm 5^{\circ}\text{C}$ + Thời gian giữ nhiệt trong lò: 60 giây + Thời gian giữ nhiệt ngoài không khí: 20-25 phút 	
24	Kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên thực hiện: Tổ trưởng, Công nhân đứng máy, Nhân viên KCS. - Thiết bị sử dụng: Đồng hồ đo nhiệt/ Quan sát. - Chu kỳ kiểm soát: Sau khi đốt lò 1 giờ, nếu chưa đủ nhiệt độ phải đo tiếp đến khi đạt nhiệt độ theo quy định. - Chai nào bề mặt bên ngoài có dấu hiệu còn trắng (do ủ chưa tới). Chai nào có dấu hiệu quá đen và làm cho chai bị biến dạng hình học (do ủ quá lâu). 	Những chai không đạt thì đánh dấu và loại bỏ ra ngoài, chai ủ chưa đạt thì đem vào ủ lại, còn chai bị biến dạng hình học thì hủy.
25	Bắn bi làm sạch	Bắn bi làm sạch các lớp rỉ sét ở bề mặt bên ngoài của chai chứa LPG 12kg. Nhằm tạo đảm bảo độ bám dính ở bề mặt thân chai cho sơn lót Epoxy và sơn bột tĩnh điện ở các công đoạn sau. Công đoạn bắn bi được thực hiện thông qua máy bắn bi, đi kèm với máy bắn bi là hệ thống cyclon và filter lọc bụi phát sinh từ quá trình bắn bi.	Bụi, bi thải
26	Sơn lót bề mặt	<p>Lớp sơn bột tĩnh điện Epoxy được sơn phủ lót lên thân chai sau khi bắn bi. Công nghệ phun sơn mà nhà máy sử dụng là phun sơn bột tĩnh điện, sử dụng sơn bột tĩnh điện Epoxy.</p> <p>Công nhân được trang bị đồ bảo hộ lao động gồm khẩu trang, kính,... cầm súng phun sơn và phun xịt sơn bột lên bề mặt bình gas, quá trình này được thực hiện trong buồng phun sơn tĩnh điện. Phía trong buồng phun sơn tĩnh điện có lắp đặt các ống filter lọc bụi nhằm thu lại bụi sơn thừa, lượng bụi này được hút về thùng chứa bụi để tái sử dụng tuần hoàn.</p> <p>Sơn bột hệ Epoxy sau khi sơn có khả năng chịu lực va đập cao, có độ bám dính cao và chống hao mòn của hóa chất. Sau khi thực hiện sơn và sấy</p>	<p>Bụi</p> <p>Các sản phẩm lỗi → loại ra và đưa vào lò nung nhiệt, bắn bi làm sạch và sơn lót lại.</p>

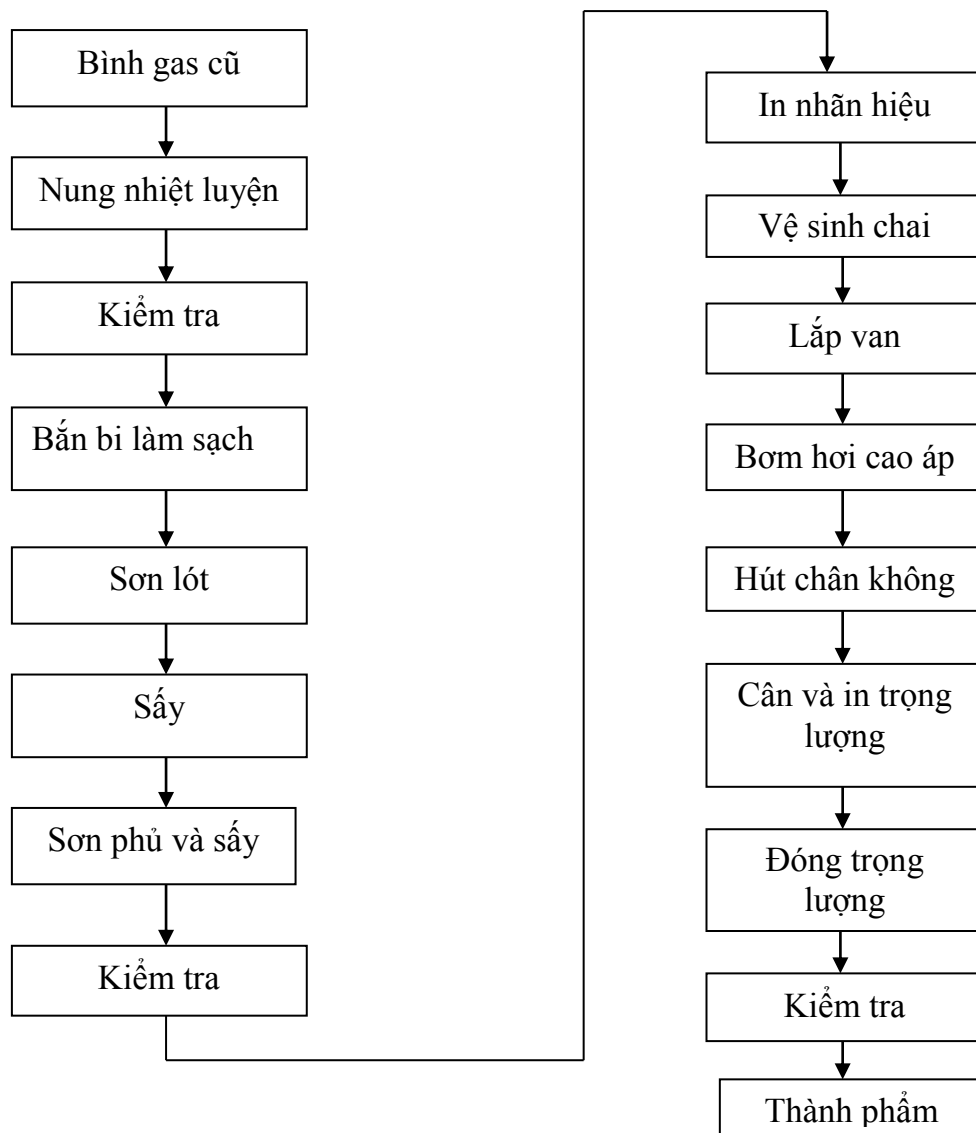
		lót Epoxy, chai chứa LPG 12kg này sẽ được kiểm tra trên băng tải treo, nếu đạt sẽ đưa vào công đoạn tiếp theo.	
27	Sấy	<p>Sau khi sơn lót, sản phẩm sẽ được sấy khô bằng hệ thống lò sấy dầu tự động bộ với dây chuyền sơn, nhiệt từ quá trình sấy được cấp từ việc đốt gas LPG.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhiệt độ lò sấy ổn định là: 150⁰C - 160⁰C. + Thời gian sấy trong lò là: 7 - 10 phút. 	Nhiệt dư
28	Sơn phủ và sấy	<p>Các bình sơn được treo trên giá đưa vào buồng phun sơn tĩnh điện phủ sau khi đã sơn lót và sấy khô, công đoạn này làm tăng độ dày của lớp sơn, phân bố độ dày đồng đều của lớp sơn.</p> <p>Công nhân được trang bị đồ bảo hộ lao động gồm khẩu trang, kính,... cầm súng phun sơn và phun xịt sơn bột lên bề mặt bình gas, quá trình này được thực hiện trong buồng phun sơn tĩnh điện. Phía trong buồng phun sơn tĩnh điện có lắp đặt các ống filter lọc bụi nhằm thu lại bụi sơn thừa, lượng bụi này được hút về thùng chứa bụi để tái sử dụng tuần hoàn.</p> <p>Quá trình phun sơn tĩnh điện phát sinh bụi sơn được thu gom và tái sử dụng lại, sau khi phun sơn bột xong, sản phẩm được đưa vào sấy tiếp lần 2, nhiệt độ được cấp từ việc đốt khí LPG.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông số kỹ thuật khi sơn và sấy phủ Epoxy: + Nhiệt độ lò sấy ổn định là: 200⁰C - 205⁰C. + Thời gian sấy trong lò là: 20 - 25 phút. + Trọng lượng trung bình sơn bột/ bình: 80 - 90 gr/ bình - Tổng độ dày của lớp sơn (sơn lót + sơn chính) là: 100 - 120μm, phân bố độ dày đồng đều ở mọi vị trí sơn trên chai. - Lớp sơn phải phủ đều trên bề mặt và bên trong các kẽ tay xách và chân đế. Sơn không chảy thành giọt. - Độ dày của sơn và nhiệt độ sấy không đúng theo kỹ thuật sẽ làm ảnh hưởng đến chất lượng của lớp sơn và vỏ bình trong quá trình sử dụng. Lớp sơn bám dính vào thân bình, không bong tróc khi có va chạm. - Kiểm tra độ bám của sơn lên chai theo phương pháp kiểm tra độ bám 	<p>Bụi → thu gom → tái sử dụng</p> <p>Các sản phẩm lỗi → loại ra và đưa vào lò nung nhiệt, bắn bi làm sạch và sơn lót lại.</p>

		dính của sơn trên bề mặt của chai bằng cách vạch các ô vuông.	
29	In nhãn hiệu logo	<p>Công nhân sẽ đặt bình ga ở phía dưới khuôn in, khuôn in lùa, phía trên được đổ mực in, công nhân sẽ dùng gạt, gạt mực in để in các thông tin lên bề mặt bình gas.</p> <p>Sau khi thực hiện in nhãn hiệu logo, chai sẽ được kiểm tra, nếu đạt thì chuyển tiếp qua công đoạn tiếp theo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên thực hiện: Tổ trưởng, Công nhân in lùa. - Chu kỳ kiểm soát: 2 lần trong ngày/ Thường xuyên. 	Mực in thải, hộp mực in thải, giẻ lau dính mực thải Sản phẩm in lỗi → loại ra, lau chùi và in lại
30	Vệ sinh chai	<p>Vệ sinh chai là công đoạn hút bụi bên trong chai chứa LPG do nhiều bụi, rỉ sét, bazơ sắt và bi thép...có ít hoặc nhiều trong quá trình sản xuất. Công đoạn này được thực hiện bằng máy hút bụi chân không.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên thực hiện: Tổ trưởng, Công nhân hút bụi. - Chu kỳ kiểm soát: 2 lần trong ngày/ Thường xuyên. 	Tạp chất thải: bụi, rỉ sét, ba zơ, bi thép,... Chai vệ sinh chưa đạt → vệ sinh lại
31	Lắp van	<p>Công nhân sẽ thực hiện lắp van vào lỗ van ở chỏm cầu trên.</p> <p>Van có nhiệm vụ điều tiết lưu lượng, đóng mở nguồn LPG từ ngoài và trong chai và ngược lại. Trước khi lắp van vào chai thì tiến hành dùng máy hút bi, rỉ sắt và các bụi bẩn bên trong chai để tránh hiện tượng làm tắc nghẹt van và hư van khi chai đã có gas. Ngoài ra, sau khi nhiệt luyện, hầu hết các chai chứa LPG sẽ có hiện tượng bề mặt ren của đầu nối ren côn (Ốc van/ vòng cổ chai) biến dạng hình học do nhiệt độ, nhưng không đáng kể. Do đó, các bước ren và chân côn này cần phải được kiểm tra và taro lại. Sau khi thực hiện lắp van vào chai, chai chứa LPG 12kg này sẽ được kiểm tra, nếu đạt thì chuyển tiếp qua công đoạn tiếp theo.</p>	Chai không đạt → tháo ra và xiết van lại
32	Bơm hơi cao áp	<p>Tất cả các chai chứa LPG sau khi đã lắp van chuyên dùng, theo yêu cầu của khách hàng và sẽ được bơm hơi cao áp vào bên trong của chai cho đến khi đạt áp suất là 13bar (tương đương 13,2 kg/cm²). Sau đó, khóa chặt nắp van đầu chai lại. Sau khi thực hiện lắp van vào chai, chai chứa LPG 12kg này sẽ được kiểm tra, nếu đạt thì chuyển tiếp qua công đoạn tiếp theo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên thực hiện: Tổ trưởng, Công nhân đứng máy. - Thiết bị sử dụng: Đồng hồ áp/ Hệ thống máy bơm cao áp 13bar/ Quan 	Tiếng ồn

		<p>sát.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chu kỳ kiểm soát: 1 giờ kiểm tra 1 lần trong ngày/ Thường xuyên. 	
33	Kiểm tra	<p>Chai chứa LPG sau khi bơm hơi và được kiểm tra thử kín lần cuối bằng cách nhấn chai ngập chìm hoàn toàn vào bể nước trong, nhằm để kiểm tra chất sản phẩm trước khi chuyển qua công đoạn sản xuất tiếp theo. Sau khi thực hiện thử kín của chai, chai sẽ được kiểm tra, nếu đạt thì chuyển tiếp qua công đoạn tiếp theo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chai được bơm hơi có áp lực từ 13 bar. - Thời gian lưu giữ trong bể nước là 60 giây. - Kiểm tra độ rò rỉ hơi, sủi bọt hơi tại các mối hàn, thân chai và tại mối ghép ren của van thấy có bọt khí nổi lên, điều đó chứng tỏ chai chứa LPG sản xuất chế tạo không đạt yêu cầu. - Tất cả các chai sau khi kiểm tra thử kín đều phải tháo nắp đầu van, để xả hơi ở bên trong chai ra ngoài không khí. Các chai đạt yêu cầu thì chuyển tiếp qua công đoạn sau. 	<p>Những chai không đạt, do rò rỉ hơi tại mối ghép ren giữa ốc van và van. Thấy có bọt khí nổi lên thì đánh dấu, loại bỏ ra ngoài để tháo van ra, bôi keo làm kín và xiết van lại lần 2. Tiếp tục thực hiện thử kín cho đạt yêu cầu kỹ thuật.</p> <p>Còn các lỗi không đạt khác sẽ tiến hành ghi nhận lại số lượng, số seri và hủy bỏ.</p>
34	Hút chân không	<p>Môi trường trong chai chứa LPG sau khi hoàn thiện sản phẩm luôn là môi trường chân không tốt nhất, do đó sẽ không xảy ra hiện tượng oxy hóa bề mặt bên trong của chai trong thời gian cất giữ lưu kho khi chưa được chiết nạp gas. Sau khi thực hiện hút chân không, chai sẽ được kiểm tra, nếu đạt thì xiết nắp đầu van lại và chuyển tiếp qua công đoạn tiếp theo.</p>	Tiếng ồn
35	Cân và in trọng lượng	<p>Thực hiện cân chai bằng cân điện tử thì trọng lượng (Kg) của chai sẽ được in kéo lụa và đóng số trọng lượng lên trên tay xách. Sau khi thực hiện cân và in trọng lượng chai, chai sẽ được kiểm tra, nếu đạt thì chuyển tiếp qua công đoạn nhập kho thành phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên thực hiện: Tổ trưởng, Công nhân in lụa. - Thiết bị sử dụng: Cân điện tử/ Quan sát. - Chu kỳ kiểm soát: 2 lần trong ngày/ Thường xuyên. 	<p>Các chai bị lỗi trong quá trình in số trọng lượng sẽ được loại ra, lau chùi và được xử lý in lại lần 2 để đạt yêu cầu.</p> <p>Mực in, giẻ lau dính mực in, thùng đựng mực in thải</p>
36	Đóng trọng lượng	<p>Thực hiện đóng trọng lượng của chai chứa LPG 12kg thành phẩm sau khi cân và in số trọng tĩnh thực tế của vỏ chai khi chưa chứa LPG. Vị trí số trọng lượng của chai sẽ thực hiện đóng số trọng lượng lên trên tay xách. Sau khi</p>	<p>Các chai bị lỗi trong quá trình đóng số trọng lượng sẽ được xử lý ngay trên</p>

		<p>thực hiện đóng trọng lượng của chai xong, chai sẽ được kiểm tra lại bằng mắt thường, nếu đạt thì chuyển tiếp qua công đoạn nhập kho thành phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên thực hiện: Tổ trưởng, Công nhân đóng trọng lượng. - Thiết bị kiểm tra: Quan sát. - Chu kỳ kiểm soát: 2 lần trong ngày/ Thường xuyên. - Kiểm tra độ sắc nét của số đóng trọng lượng của chai sau khi đóng số bằng tay lên tay xách, đường nét của số không được bị mờ hay lệch vị trí cho phép... 	<p>bàn đóng, đóng lại cho số trọng lượng rõ và sắc nét để đạt yêu cầu. Sau đó nhập kho thành phẩm.</p>
37	Kiểm tra thành phẩm	<p>NV kho và nhân viên kiểm tra chất lượng KCS thực hiện phân lô theo từng chủng loại chai, theo từng khách hàng sao cho dễ kiểm soát, dễ đếm và dễ nhìn. Sau khi thực hiện kiểm tra tổng quát thành phẩm, chai sẽ được kiểm tra, nếu đạt thì chuyển tiếp qua công đoạn nhập kho thành phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên thực hiện: Nhân viên KCS. - Thiết bị kiểm tra: Quan sát. - Chu kỳ kiểm soát: Tỷ lệ 100%. 	

❖ **Quy trình sửa chữa, bảo trì bình gas**



Hình 1.2. Quy trình sửa chữa, bảo trì bình gas

Thuyết minh quy trình:

Bảng 1.3. Thuyết minh quy trình sửa chữa, bảo trì bình gas

STT	Công đoạn	Mô tả chi tiết	Chất thải phát sinh
1	Nhiệt luyện	<p>Các bình gas cũ đưa về nhà máy sẽ tập kết về khu vực lò nhiệt luyện để chuẩn bị cho quá trình sửa chữa, bảo trì bình gas.</p> <p>Các bình gas cũ cần được bảo trì đã được mở khóa van gas trước khi đưa về nhà máy để bảo trì, khi đưa về nhà máy được thực hiện các công đoạn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu bình nào hết gas thì khóa nắp van lại, tập kết vào một khu vực tập trung trước khi bảo trì - Nếu bình nào còn gas thì đưa bình đó 	Khí thải, nhiệt dư

		<p>vào máy hút gas dư để hút hết khí gas trong bình, sau đó khóa nắp van lại, đưa vào khu vực tập trung trước khi bảo trì.</p> <p>Tất cả các bình gas trước khi đưa vào lò nhiệt luyện đều được công nhân tháo bỏ toàn bộ van gas ra ngoài.</p> <p>Công đoạn xử lý nhiệt nhằm để đốt lớp sơn bám trên bề mặt bình gas cũ đồng thời nâng cao chất lượng bình và tạo sức bền vật liệu thép chế tạo bằng cách đưa chai vào lò ủ trung tần dưới nhiệt độ và thời gian theo tiêu chuẩn qui định. Lò ủ trung tần chuyên dùng được cấp phối xử lý nhiệt độ và thời gian tự động. Nhiệt cung cấp cho quá trình ủ được cấp từ hoạt động đốt khí LPG.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông số kỹ thuật lò nung 800⁰C trong quá trình nhiệt luyện như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Công suất : 120-130KW + Điện áp: 0,5-0,6KV + Cường độ dòng điện: 235–250A + Nhiệt độ ủ: 650⁰C ± 5⁰C + Thời gian giữ nhiệt trong lò: 60 giây + Thời gian giữ nhiệt ngoài không khí: 20-25 phút 	
2	Kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên thực hiện: Tổ trưởng, Công nhân đứng máy, Nhân viên KCS. - Thiết bị kiểm tra: Đồng hồ đo nhiệt/ Quan sát. - Chu kỳ kiểm soát: Sau khi đốt lò 1 giờ, nếu chưa đủ nhiệt độ phải đo tiếp đến khi đạt nhiệt độ theo quy định 	Những chai không đạt thì đánh dấu và loại bỏ ra ngoài, chai ủ chưa đạt thì đem vào ủ lại, còn chai bị biến dạng hình học thì hủy.
3	Bắn bi làm sạch	Bắn bi làm sạch các lớp rỉ sét ở bề mặt bên ngoài của chai chứa LPG 12kg. Nhằm tạo đảm bảo độ bám dính ở bề mặt thân chai cho sơn lót Epoxy và sơn bột tĩnh điện ở các công đoạn sau. Công đoạn bắn bi được thực hiện thông qua máy bắn bi, đi kèm với máy bắn bi là hệ thống cyclon và filter lọc bụi phát sinh từ quá trình bắn bi.	Bụi, bi thải
4	Sơn lót bề mặt	Lớp sơn bột tĩnh điện Epoxy được sơn phủ lót lên thân chai sau khi bắn bi. Công nghệ phun sơn mà nhà máy sử dụng là phun sơn bột tĩnh điện, sử dụng sơn bột	Bụi sơn → thu gom → tái sử dụng Các sản phẩm lỗi → loại ra và đưa vào lò nung

		<p>tĩnh điện Epoxy.</p> <p>Sơn bột hệ Epoxy sau khi sơn có khả năng chịu lực va đập cao, có độ bám dính cao và chống hao mòn của hóa chất. Sau khi thực hiện sơn và sấy lót Epoxy, chai chứa LPG 12kg này sẽ được kiểm tra trên băng tải treo, nếu đạt sẽ đưa vào công đoạn tiếp theo.</p>	<p>nhiệt, bắn bi làm sạch và sơn lót lại.</p>
5	Sấy	<p>Sau khi sơn lót, sản phẩm sẽ được sấy khô bằng hệ thống lò sấy đầu tư đồng bộ với dây chuyền sơn, nhiệt từ quá trình sấy được cấp từ việc đốt gas LPG.</p> <p>+ Nhiệt độ lò sấy ổn định là: 150⁰C - 160⁰C.</p> <p>+ Thời gian sấy trong lò là: 7 - 10 phút.</p>	Nhiệt dư
6	Sơn phủ và sấy	<p>Các bình sơn được treo trên giá đưa vào buồng phun sơn tĩnh điện phủ sau khi đã sơn lót và sấy khô, công đoạn này làm tăng độ dày của lớp sơn, phân bố độ dày đồng đều của lớp sơn.</p> <p>Quá trình phun sơn tĩnh điện phát sinh bụi sơn được thu gom và tái sử dụng lại, sau khi phun sơn bột xong, sản phẩm được đưa vào sấy tiếp lần 2, nhiệt độ được cấp từ việc đốt khí LPG.</p> <p>- Thông số kỹ thuật khi sơn và sấy phủ Epoxy:</p> <p>+ Nhiệt độ lò sấy ổn định là: 200⁰C - 205⁰C.</p> <p>+ Thời gian sấy trong lò là: 20 - 25 phút.</p> <p>+ Trọng lượng trung bình sơn bột/ bình: 80 - 90 gr/ bình</p> <p>Tổng độ dày của lớp sơn (sơn lót + sơn chính) là: 100 - 120μm, phân bố độ dày đồng đều ở mọi vị trí sơn trên chai.</p>	<p>Bụi → thu gom → tái sử dụng</p> <p>Các sản phẩm lỗi → loại ra và đưa vào lò nung nhiệt, bắn bi làm sạch và sơn lót lại.</p>
7	In nhãn hiệu logo	<p>Công nhân sẽ đặt bình ga ở phía dưới khuôn in, khuôn in lựa, phía trên được đổ mực in, công nhân sẽ dùng gạt, gạt mực in để in các thông tin lên bề mặt bình gas.</p> <p>Sau khi thực hiện in nhãn hiệu logo, chai sẽ được kiểm tra, nếu đạt thì chuyển tiếp qua công đoạn tiếp theo.</p> <p>Nhân viên thực hiện: Tổ trưởng, Công nhân in lựa.</p> <p>Chu kỳ kiểm soát: 2 lần trong ngày</p>	<p>Mực in thải, hộp mực in thải, giẻ lau dính mực thải</p> <p>Sản phẩm in lỗi → loại ra, lau chùi và in lại</p>
8	Vệ sinh chai	Vệ sinh chai là công đoạn hút bụi bên	Tạp chất thải: bụi, rỉ sét,

		<p>trong chai chứa LPG do nhiều bụi, rỉ sét, bazơ sắt và bi thép...có ít hoặc nhiều trong quá trình sản xuất. Công đoạn này được thực hiện bằng máy hút bụi chân không.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên thực hiện: Tổ trưởng, Công nhân hút bụi. - Chu kỳ kiểm soát: 2 lần trong ngày/ Thường xuyên. 	<p>ba zơ, bi thép,... Chai vệ sinh chưa đạt → vệ sinh lại</p>
9	Lắp van	<p>Công nhân sẽ thực hiện lắp van vào lỗ van ở chỏm cầu trên.</p> <p>Van có nhiệm vụ điều tiết lưu lượng, đóng mở nguồn LPG từ ngoài và trong chai và ngược lại. Trước khi lắp van vào chai thì tiến hành dùng máy hút rỉ sét và các bụi bẩn bên trong chai để tránh hiện tượng làm tắc nghẹt van và hư van khi chai đã có gas.</p> <p>Ngoài ra, sau khi nhiệt luyện, hầu hết các chai chứa LPG sẽ có hiện tượng bề mặt ren của đầu nối ren côn (Ốc van/ vòng cổ chai) biến dạng hình học do nhiệt độ, nhưng không đáng kể. Do đó, các bước ren và chân côn này cần phải được kiểm tra và taro lại. Sau khi thực hiện lắp van vào chai, chai chứa LPG 12kg này sẽ được kiểm tra, nếu đạt thì chuyển tiếp qua công đoạn tiếp theo.</p>	<p>Chai không đạt → tháo ra và xiết van lại</p>
10	Bơm hơi cao áp	<p>Tất cả các chai chứa LPG sau khi đã lắp van chuyên dùng, theo yêu cầu của khách hàng và sẽ được bơm hơi cao áp vào bên trong của chai cho đến khi đạt áp suất là 13bar (tương đương 13,2 kg/cm²). Sau đó, khóa chặt nắp van đầu chai lại. Sau khi thực hiện lắp van vào chai, chai chứa LPG 12kg này sẽ được kiểm tra, nếu đạt thì chuyển tiếp qua công đoạn tiếp theo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên thực hiện: Tổ trưởng, Công nhân đứng máy. - Thiết bị sử dụng: Đồng hồ áp/ Hệ thống máy bơm cao áp 13bar / Quan sát. - Chu kỳ kiểm soát: 1 giờ kiểm tra 1 lần trong ngày/ Thường xuyên. 	<p>Tiếng ồn</p>

11	Kiểm tra	<p>Chai chứa LPG sau khi bơm hơi và được kiểm tra thử kín lần cuối bằng cách nhúng chai ngập chìm hoàn toàn vào bể nước trong, nhằm để kiểm tra chất sản phẩm trước khi chuyển qua công đoạn sản xuất tiếp theo. Sau khi thực hiện thử kín của chai, chai sẽ được kiểm tra, nếu đạt thì chuyển tiếp qua công đoạn tiếp theo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên thực hiện: Tổ trưởng, Công nhân đứng máy. - Thiết bị kiểm tra: Thiết bị bồn thử kín/ Quan sát. - Chu kỳ kiểm soát: Tỷ lệ 100%. - Chai được bơm hơi có áp lực từ 13 bar. - Thời gian lưu giữ trong bể nước là 60 giây. - Kiểm tra độ rò rỉ hơi, sủi bọt hơi tại các mối hàn, thân chai và tại mối ghép ren của van thấy có bọt khí nổi lên, điều đó chứng tỏ chai chứa LPG sản xuất chế tạo không đạt yêu cầu. - Tất cả các chai sau khi kiểm tra thử kín đều phải tháo nắp đầu van, để xả hơi ở bên trong chai ra ngoài không khí. Các chai đạt yêu cầu thì chuyển tiếp qua công đoạn sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - Những chai không đạt, do rò rỉ hơi tại mối ghép ren giữa ốc van và van. Thấy có bọt khí nổi lên thì đánh dấu, loại bỏ ra ngoài để tháo van ra, bôi keo làm kín và xiết van lại lần 2. Tiếp tục thực hiện thử kín cho đạt yêu cầu kỹ thuật. - Còn các lỗi không đạt khác sẽ tiến hành ghi nhận lại số lượng, số seri và hủy bỏ.
12	Hút chân không	<p>Môi trường trong chai chứa LPG sau khi hoàn thiện sản phẩm luôn là môi trường chân không tốt nhất, do đó sẽ không xảy ra hiện tượng oxy hóa bề mặt bên trong của chai trong thời gian cất giữ lưu kho khi chưa được chiết nạp gas. Sau khi thực hiện hút chân không, chai sẽ được kiểm tra, nếu đạt thì xiết nắp đầu van lại và chuyển tiếp qua công đoạn tiếp theo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên thực hiện: Tổ trưởng, Công nhân đứng máy. - Thiết bị sử dụng: Máy hút chân không chuyên dùng/ Quan sát. - Chu kỳ kiểm soát: Tỷ lệ 100%. 	Tiếng ồn
13	Cân và in trọng lượng	<p>Thực hiện cân chai bằng cân điện tử thì trọng lượng (Kg) của chai sẽ được in kéo lụa và đóng số trọng lượng lên trên tay xách. Sau khi thực hiện cân và in trọng lượng chai, chai sẽ được kiểm tra, nếu đạt thì chuyển tiếp qua công đoạn nhập kho</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các chai bị lỗi trong quá trình in số trọng lượng sẽ được loại ra, lau chùi và được xử lý in lại lần 2 để đạt yêu cầu.

		<p>thành phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên thực hiện: Tổ trưởng, Công nhân in lụa. - Thiết bị sử dụng: Cân điện tử/ Quan sát. - Chu kỳ kiểm soát: 2 lần trong ngày/ Thường xuyên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mục in, giặt lau dính mực in, thùng đựng mực in thải
14	Đóng trọng lượng	<p>Thực hiện đóng trọng lượng của chai chứa LPG 12kg thành phẩm sau khi cân và in số trọng tịnh thực tế của vỏ chai khi chưa chứa LPG. Vị trí số trọng lượng của chai sẽ thực hiện đóng số trọng lượng lên trên tay xách. Sau khi thực hiện đóng trọng lượng của chai xong, chai sẽ được kiểm tra lại bằng mắt thường, nếu đạt thì chuyển tiếp qua công đoạn nhập kho thành phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên thực hiện: Tổ trưởng, Công nhân đóng trọng lượng. - Thiết bị kiểm tra: Quan sát. - Chu kỳ kiểm soát: 2 lần trong ngày/ Thường xuyên. 	<p>Các chai bị lỗi trong quá trình đóng số trọng lượng sẽ được xử lý ngay trên bàn đóng, đóng lại cho số trọng lượng rõ và sắc nét để đạt yêu cầu. Sau đó nhập kho thành phẩm.</p>
15	Kiểm tra thành phẩm	<p>Sau khi chai chứa LPG 12kg được thực hiện tới công đoạn cuối cùng. Việc kiểm tra tổng quát trên một sản phẩm sau chế tạo là rất cần thiết. Việc thực hiện công việc nhập kho thành phẩm, đòi hỏi NV kho và nhân viên kiểm tra chất lượng KCS phải thực hiện phân lô theo từng chủng loại chai, theo từng khách hàng sao cho dễ kiểm soát, dễ đếm và dễ nhìn. Sau khi thực hiện kiểm tra tổng quát thành phẩm, chai sẽ được kiểm tra, nếu đạt thì chuyển tiếp qua công đoạn nhập kho thành phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên thực hiện: Nhân viên KCS. - Chu kỳ kiểm soát: Tỷ lệ 100%. 	-

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương)

1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHÉ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ

1.4.1. Nguyên, nhiên, vật liệu của cơ sở

Do công ty đã sản xuất tối đa công suất như đã đăng kí trong ĐTM được phê duyệt, nên báo cáo chỉ trình bày khối lượng nguyên liệu sử dụng tối đa, cụ thể như sau:

Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng sử dụng tối đa	Nguồn gốc	Mục đích sử dụng
I. Nguyên liệu chiết nạp gas					
1	LPG (Gas)	Tấn/năm	12.000	Trong nước	Chiết nạp gas
2	Bình chứa gas	Bình/năm	735.288	Trong nước	
3	Giẻ lau	Tấn/năm	0,1	Trong nước	Lau vỏ bình gas
II. Nguyên liệu phục vụ sản xuất, bảo trì sửa chữa vỏ bình gas					
1	Thép tấm (dày 2,6mm)	Tấn/năm	1.370,3	Nhập khẩu	Làm vỏ bình gas
2	Sắt tam giác (dày 2,6mm)	Tấn/năm	82	Trong nước	
3	Sắt tấm (dày 2,6mm)	Tấn/năm	188,25	Trong nước	
4	Ống sắt Ø21	Tấn/năm	40,5	Trong nước	Làm chân đế và quai xách bình gas
5	Màng PE dập chỏm	Tấn/năm	2,3	Trong nước	Bổ trợ cho quá trình dập chỏm cầu bình gas
6	Ốc van	Cái/năm	112.320	Trong nước	Lắp hoàn thiện bình gas
7	Thuốc hàn tự động	Tấn/năm	13,4	Trong nước	Hàn vỏ bình gas
8	Dây hàn 1,2mm	Tấn/năm	15,2	Trong nước	
9	Dây hàn 2,4mm	Tấn/năm	15,7	Trong nước	
10	Que hàn	Tấn/năm	3,3	Trong nước	
11	Béc hàn 1,2mm	Cái/năm	91	Trong nước	
12	Khí CO ₂	Bình	1.179	Trong nước	
13	Khí gas	Tấn/năm	151,6	Trong nước	Cấp nhiệt cho quá trình nung
14	Bi thép	Tấn/năm	11,3	Trong nước	Bắn bi làm sạch vỏ bình gas
15	Bột sơn tĩnh điện	Tấn/năm	114	Trong nước	Sơn bình gas
16	Van LPG	Cái/năm	250.000	Trong nước	Lắp hoàn thiện bình gas
17	Mực in	Tấn/năm	0,35	Trong nước	In thông tin lên vỏ bình gas
18	Dầu ông già (dung môi pha mực in)	Tấn/năm	0,15	Trong nước	Dung môi pha mực in
19	Cao su non	Cuộn/năm	15.795	Trong nước	Làm kín mối nối giữa van LPG và bình gas
20	Keo bôi van	Hộp/năm	556	Trong nước	Bôi van

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương)

Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu và hóa chất của cơ sở

STT	Tên nhiên liệu/hóa chất	Đơn vị	Khối lượng	Nguồn gốc	Mục đích sử dụng
1	Dầu giải nhiệt	Lít/năm	340	Trong nước	Giải nhiệt cho quá trình ép tạo chỏm cầu
2	Dầu DO	Lít/năm	1.800	Trong nước	Dùng cho hoạt động của xe nâng hàng
3	Nhớt thành phẩm	Kg/năm	600	Trong nước	Bôi trơn máy móc
4	Javen khử trùng	Lít/năm	2.520	Trong nước	Khử trùng nước thải

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương)

Đặc tính các nguyên liệu chính phục vụ cho sản xuất:

LPG (khí gas):

+ Thành phần: Khí đốt hoá lỏng (viết tắt là LPG-Liquified Petroleum Gas) hay còn được gọi là gas, là hỗn hợp khí chủ yếu gồm Propane (C_3H_8) và Butan (C_4H_{10}) đã được hoá lỏng. Thành phần hỗn hợp LPG có tỷ lệ Propane/Butane là 50/50 $\pm 10\%$ (mol).

+ Tính chất: Ở nhiệt độ lớn hơn $0^\circ C$ trong môi trường không khí bình thường với áp suất bằng áp suất khí quyển, LPG bị biến đổi từ thể lỏng thành thể hơi theo tỉ lệ thể tích 1 lít LPG thể lỏng hoá thành khoảng 250 lít ở thể hơi. Vận tốc bay hơi của LPG rất nhanh, dễ dàng khuếch tán, hòa trộn với không khí thành hỗn hợp cháy nổ. Tỉ trọng LPG nhẹ hơn so với nước là: Butane từ 0,55 – 0,58 lần, Propane từ 0,5 – 0,53 lần; Ở thể hơi (gas) trong môi trường không khí với áp suất bằng áp suất khí quyển, gas nặng hơn so với không khí: Butane 2,07 lần; Propane 1,55 lần.

+ Cách thức lưu trữ: Được xe bồn chuyên dụng của nhà cung cấp chở về nhà máy, thông qua hệ thống van và đường ống dẫn, gas sẽ được bơm lên 3 bồn chứa có dung tích 118 m^3 /bồn tại nhà máy. Ba bồn chứa gas lớn được đặt trên trụ bê tông, phía dưới bồn là hồ nước có thể tích 600 m^3 dùng để làm mát bồn và dự phòng chữa cháy. Xung quanh bồn chứa trồng hai hàng cây xanh để tạo bóng mát và tạo khoảng cách cách ly an toàn cho các đối tượng xung quanh. Từ bồn gas lớn, khí gas sẽ được dẫn vào xưởng chiết nạp gas để chiết sang các bình nhỏ.

Các bồn chứa gas được kiểm tra định kỳ về độ an toàn bởi Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn khu vực II, các bộ phận được kiểm định kỹ thuật an toàn định kỳ bao gồm: Bồn chứa gas; hệ thống điều chế, tồn trữ và nạp khí; hệ thống đường ống dẫn khí đốt sử dụng trong công nghiệp (Các phiếu kết quả kiểm định được đính kèm phụ lục của báo cáo

Thép tấm:

Nguyên liệu chính để sản xuất bình gas LPG là thép cuộn cán nóng có độ dày 2,6mm theo đúng tiêu chuẩn JIS G3116 SG255 và JIS G3116 SG295. Nguyên liệu được nhập khẩu từ nước ngoài. Các cuộn nguyên liệu nhập về sẽ được chứa trong khu vực chứa nguyên liệu của xưởng sản xuất vỏ bình gas.

Khí nén CO₂:

- Công thức: CO₂.
- Tính chất hóa lý: chất khí không màu, vị hơi chua, ít tan trong nước, nặng hơn không khí 1,5 lần; là chất khí không cháy và không độc hại, dùng phổ biến trong công nghệ hàn để bảo vệ mối hàn chống lại sự oxy hóa.
- Mức độ nguy hiểm: **Nồng độ khí carbon dioxide thấp** có thể làm tăng sự thở và đau đầu. **Nếu nồng độ khí này cao** sẽ gây hiện tượng thiếu ôxy nghiêm trọng mặc dù không phải là hiện tượng hít phải khí độc song nhiều người có thể bị tử vong nếu thiếu ôxy trong môi trường có toàn khí carbon dioxide. Các triệu chứng gồm: mất vận động, bất tỉnh, chóng mặt, ủ rũ, buồn nôn ngoài ra còn có thể xảy ra tai nạn do nổ bình khí nén.

Bột sơn tĩnh điện

- Thành phần: nhựa (epoxy và polyester), bột màu, chất phụ gia
- Tính chất: mịn, độ bám dính cao
- Mức độ nguy hiểm: ít gây hại cho con người, không sử dụng dung môi hữu cơ nên không gây mùi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

1.4.2. Máy móc thiết bị sử dụng tại cơ sở trong quá trình hoạt động

Bảng 1.6. Danh mục máy móc thiết bị sử dụng trong quá trình hoạt động

STT	Tên thiết bị	Công suất (hp)	Số lượng theo ĐTM	Số lượng thực tế/tối đa	Nguồn gốc	Công đoạn sử dụng	Năm sản xuất
1. Danh mục máy sản xuất vỏ bình gas.							
1	Máy nén khí trục vít (1)	75HP	1	1	Nhật	Bơm hơi cao áp	2013
2	Máy nén khí trục vít (2)	30HP	1	11	Nhật		2014
3	Bồn chứa hơi	5m ³	1	1	Thái Lan		2013
4	Dây chuyền phôi tròn	53HP	1	1	Nhật + Việt Nam	Dẫn nguyên liệu thép vào máy cắt	2013
5	Máy ép chỏm cầu	48HP	1	1	Trung Quốc	Tạo chỏm cầu	2013
6	Máy cuốn ống tay xách	3HP	1	1	Việt Nam	Uốn ống tay xách	2013
7	Máy hàn điện 1pha – 250A	10 kW	1	1	Việt Nam	Hàn ốc van	2013
8	Máy hàn CO2 500A	33,5 kW	5	2	Trung Quốc	Hàn chu vi	2013
9	Máy cắt tole	5HP	1	1	Nhật	Cắt phôi	2013
10	Máy chặt tole	3HP	1	1	Nhật		2013
11	Máy chấn cạnh	10HP	1	1	Nhật		2013
12	Máy dập chữ chìm	30HP	1	1	Nhật	Dập thông số kỹ thuật	2013
13	Máy dập tay xách	20HP	1	1	Nhật	Dập tạo ra tay xách	2013
14	Máy đột lỗ chân đế	2HP	1	1	Việt Nam	Đột lỗ tạo ra chân đế	2013
15	Máy dập chữ nổi	10HP	1	1	Trung Quốc	Dập thông số kỹ thuật	2013
16	Máy cắt ống	1HP	1	1	Trung Quốc	Cắt ống miệng van	2013
17	Máy cắt miệng	10HP	2	1	Trung Quốc	Cắt viên	2013, 2015
18	Máy làm sạch	5HP	2	2	Trung Quốc	Làm sạch miệng	2013, 2014
19	Máy tạo gờ	10HP	1	1	Trung Quốc	Tạo gờ	2013
20	Máy đột lỗ van	10HP	1	1	Trung Quốc	Đột lỗ van	2013

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

21	Máy hàn chu vi 600A	51,6 kW	3	2	Trung Quốc	Hàn chu vi	2013
22	Máy hàn điện 300A	18 kW	1	1	Việt Nam	Hàn đế/ sửa chữa bình	2013
23	Máy hàn điện 250A	18 kW	1	1	Việt Nam	Hàn đế/ sửa chữa bình	2013
24	Máy hàn CO ₂ -500A	18 kW	4	1	Việt Nam	Hàn tay sắt, chân đế	2013
25	Máy tiện	5HP	1	1	Nhật	Tạo lỗ van	2013
26	Máy khoan bàn	1,5HP	1	1	Nhật		2013
27	Máy cắt	2HP	1	1	Việt Nam	Cắt viên	2013
28	Máy bắn bi	56HP	1	1	Trung Quốc	Bắn bi làm sạch	2023
29	Máy thử 34kg/cm ²	10HP	1	1	Trung Quốc	Thử áp lực	2013
30	Máy xiết van	5HP	2	2	Trung Quốc	Vặn van	2013
31	Lò nung 800°C (lò nhiệt luyện)	16HP	1	1	Việt Nam	Nhiệt luyện	2013
32	Sên tải treo chuyển sơn (108 met)	-	1	1	Việt Nam	Đưa bình gas và khu vực phun sơn	2013
33	Robot phun sơn (lót + phủ)	1HP	2	2	Việt Nam	Sơn tĩnh điện	2013
34	Lò sấy lót (20 bếp hồng ngoại)	-	1	0	Việt Nam	Sấy sau khi sơn lót	2013
35	Lò sấy phủ (40 bếp hồng ngoại)	-	1	0	Việt Nam	Sấy sau khi sơn phủ	2013
36	Máy hút bụi bình gas	2HP	1	1	Việt Nam	Vệ sinh bình gas (hút bụi)	2013
37	Máy hơi cao áp	10HP	1	1	Nhật	Bơm hơi cao áp	2013
38	Máy thử kín	3HP	1	1	Trung Quốc	Thử độ kín	2013
39	Máy hút chân không	5HP	1	1	Việt Nam	Hút chân không	2013
40	Hệ thống băng tải	-	1	1	Việt Nam	Di chuyển bình gas giữa các công đoạn	2013
41	Băng tải ép chỏm (6,4m)	3HP	1	1	Việt Nam	Ép chỏm	2013
42	Băng tải phôi tròn (25,5m)	3HP	1	1	Việt Nam	Dẫn phôi tròn đến các công đoạn	2013

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

43	Băng tải chuyển hàn (7,4m)	1,5HP	1	1	Việt Nam	Chuyển bình gas trong khu vực hàn	2013
44	Băng tải bắn bi (6,1m)	2HP	1	1	Việt Nam	Chuyển bình gas trong khu vực bắn bi	2013
45	Băng tải lò nung (13,2m)	2HP	1	1	Việt Nam	Chuyển bình gas trong khu vực lò nung	2013
46	Băng tải chuyển sơn 1 – (19,6m)	2HP	1	1	Việt Nam	Chuyển bình gas trong khu vực sơn	2013
47	Băng tải chuyển sơn 2 – (6,2m)	2HP	1	1	Việt Nam		2013
48	Băng tải chuyển sơn 3 – (13,6m)	2HP	1	1	Việt Nam		2013
49	Buồng sơn tĩnh điện + sấy	10HP	1	1	Việt Nam	Sơn tĩnh điện	2023
2. Trạm chiết nạp							
1	Bồn chứa dầu Diesel (DO)	5 m ³	1	0	Việt Nam	Chứa dầu DO	2015
2	Trụ bơm dầu DO	1,5HP	1	0	Việt Nam	Bơm dầu DO	2015
3	Bơm pittong trạm cấp xe bồn	7,5HP	1	1	Hàn Quốc	Bơm gas từ xe bồn lên bồn chứa	2014
4	Bơm gas BLACKMER 3inch	7,5HP	3	3	Mỹ	Bơm gas từ bồn chứa vào hệ thống chiết nạp	2014, 2016
5	Bồn chứa gas	50 tấn	2	3	Trung Quốc	Chứa gas	2014
6	Bơm nước sinh hoạt (bơm đẩy xa)	3HP	1	1	Italy	Bơm làm mát bồn gas	2013
7	Máy nạp bình 12kg (12 trụ bơm)	2HP	2	2	Hàn Quốc+Việt Nam	Chiết gas vào bình 12 kg	2014
8	Máy nạp bình 45kg + 50kg	2HP	3	3	Hàn Quốc	Chiết gas vào bình gas 45 kg, 50 kg	2014

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

9	Bơm rửa xe	5HP	1	1	Việt Nam	Bơm nước rửa xe	2014
10	Bơm xịt rửa bình gas	10HP	2	2	Nhật	Bơm nước rửa bình gas	2014
11	Cân trọng lượng CAS	200 kg	2	2	Hàn Quốc	Cân bình gas	2014
12	Bảng tải bình gas (14m)	2HP	7	4	Trung Quốc	Đưa bình gas ra	2014
13	Trạm cân ô tô	60 tấn	1	1	Việt Nam	Cân ô tô	2014
14	Bơm điện PCCC	40HP	2	2	Italy	Bơm nước PCCC	2014
15	Bơm điện bù áp PCCC	4HP	1	1	Italy		2014
16	Bơm diesel PCCC	75HP	1	1	Hàn Quốc		2014
17	Máy nén khí pittong	7,5HP	1	1	Nhật	Hỗ trợ bơm gas	2014
18	Lò nung điện	36 kW	1	2	Nhật	Sử dụng để cấp nhiệt hơi nóng miếng niêm phong van gas (công đoạn đóng gói)	2014
19	Bơm nước sinh hoạt	1HP	1	1	Việt Nam	Bơm nước cấp cho sinh hoạt	2013

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương)

1.4.3. Nhu cầu sử dụng điện

Nguồn điện cấp cho hoạt động sản xuất, thắp sáng của cơ sở được lấy từ mạng lưới điện quốc gia – Chi nhánh Điện lực thành phố Bến Cát. Theo hóa đơn tiền điện, tổng nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở trung bình khoảng 20.960 kW/tháng.

Bảng 1.7. Nhu cầu sử dụng điện trung bình tháng (kW)

Tháng	1	2	3	4	Trung bình tháng
Điện tiêu thụ (kW)	25.760	15.120	19.260	23.700	20.960

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương)

1.4.4. Nhu cầu sử dụng nước

Hiện nay, khu vực xung quanh cơ sở chưa có hệ thống cấp nước thủy cục tập trung do vậy người dân và các công ty trong khu vực đều sử dụng nguồn nước ngầm thông qua giếng khoan. Hiện tại, nhà máy sử dụng 1 giếng khoan để cung cấp nước cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt.

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương đã được Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát (nay là Thành phố Bến Cát) cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Giấy phép số 01/GP-UBND ngày 31/03/2022, với tổng lượng khai thác là 18,0 m³/ngày.

Công ty hiện tại sử dụng 1 giếng khoan để cung cấp nước cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt. Mỗi ngày, nhà máy bơm 2 lần nước lên bồn chứa nước: vào đầu giờ sáng và đầu giờ chiều, với thể tích của bồn chứa nước là 10 m³ thì lượng nước bơm cao nhất mỗi ngày khoảng 9-10 m³. Ước tính lưu lượng hiện tại của từng mục đích sử dụng như sau:

- Nhà máy có 100 công nhân làm việc thường xuyên, nên lượng nước cấp cho hoạt động sinh hoạt của các công nhân là: 4,5 m³/ngày.
- Nước cấp cho hoạt động kiểm tra độ kín của bình gas: 1,0 m³/lần cấp (trung bình 2 tuần thay nước 1 lần)
- Nước sử dụng để vệ sinh các vỏ bình gas trước khi chiết nạp gas: 0,5 m³/ngày
- Nước cấp cho quá trình hấp thụ khói hàn từ quá trình hàn 1,0 m³/lần cấp.
- Nước tưới cây, nước cấp bổ sung PCCC khoảng 3,0 m³/ngày.

Bảng 1.8. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động của cơ sở

STT	Nhu cầu sử dụng	Lưu lượng thực tế và khi sản xuất tối đa (m ³ /ngày)
1	Nước cấp cho sinh hoạt của công nhân viên	4,5
2	Nước vệ sinh vỏ bình gas	1,0
3	Nước cấp cho hoạt động kiểm tra độ kín của bình gas	0,5

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

4	Nước cấp cho quá trình hấp thụ khói hàn từ quá trình hàn	1,0
5	Nước tưới cây	3,0
Tổng		10,0

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương)

Ngoài ra, công ty còn xây dựng bể chứa nước để dự trữ cho hoạt động phòng cháy chữa cháy với tổng thể tích là 150 m³.

Bảng 1.9. Bảng cân bằng nhu cầu cấp nước và lưu lượng nước thải phát sinh

TT	Mục đích	Lượng nước cấp vào	Đưa vào sản xuất /thấm đất	Lượng nước thải ra	Tần suất thải	Phương án thu gom nước thải
1	Nước cấp cho sinh hoạt của công nhân viên	4,5 m ³ /ngày	-	4,5 m ³ /ngày	Hàng ngày	Nước thải sinh hoạt (gồm nước thải đen sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại + Nước thải xám) và Nước thải sản xuất (Nước thải từ quá trình vệ sinh vỏ bình gas; nước thải từ quá trình kiểm tra độ kín của bình gas và nước thải từ quá trình hấp thụ khói hàn) => Bể thu gom => Bể điều hòa => Bể sinh học SBR => Bể trung gian => Bồn lọc áp lực => Bể khử trùng => Hệ thống thoát nước trên đường giao thông nông thôn, thoát ra rạch tự nhiên => Sông Thị Tính
2	Nước vệ sinh vỏ bình gas	1,0 m ³ /ngày	-	1,0 m ³ /ngày	2 tuần/lần	
3	Nước kiểm tra độ kín của bình gas	0,5 m ³ /ngày	-	0,5 m ³ /ngày	1 tháng/lần	
4	Nước cấp cho quá trình hấp thụ khói hàn từ quá trình hàn	1,0 m ³ /ngày	-	1,0 m ³ /ngày	1 tuần/lần	
5	Nước tưới cây	3,0 m ³ /ngày	3,0 m ³ /ngày	-	-	Bốc hơi tự nhiên
TỔNG		10,0 m³/ngày	3,0 m³/ngày	7,0 m³/ngày		

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương)

1.4.5. Nhu cầu công nhân viên làm việc tại cơ sở

Tổng số công nhân viên làm việc tại nhà máy hiện hữu là 100 người. Công nhân viên làm việc theo ca và được huấn luyện các kỹ thuật cơ bản về vận hành máy móc và an toàn lao động theo chương trình đào tạo và tuyển dụng của công ty.

Thời gian làm việc tại công ty từ thứ 2 đến thứ 7: sáng từ 7h30 -11h30; chiều từ 12h30-16h30. Các chế độ khác về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiền lương,... được công ty thực hiện đúng theo Luật lao động.

Bảng 1.10. Nhu cầu sử dụng lao động

STT	Nhu cầu lao động	Đơn vị	Theo ĐTM	Số lao động thực tế và khi sản xuất tối đa
1	Công nhân	Người	80	80
2	Văn phòng + quản lý	Người	20	20
Tổng		Người	100	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương)

1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ

1.5.1. Vị trí địa lý của cơ sở

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương hiện đang hoạt động tại địa chỉ Số 245B, Tổ 10, Khu phố Kiến An, Phường An Điền, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương với tổng diện tích khu đất sử dụng là 17.559,2 m². Khu đất của công ty có vị trí tiếp giáp với các đối tượng xung quanh như sau:

- Phía Bắc giáp : tiếp giáp trực tiếp với hộ dân gần nhất (ngay trước hàng rào của nhà máy), các hộ dân khác khoảng 50-70m.
- Phía Nam giáp : khu đất cây chổi tạp, cây cao su
- Phía Đông giáp : vườn cao su
- Phía Tây giáp : đường giao thông nông thôn rộng 6m, kế tiếp là vườn cao su và một số hộ dân. (cách hộ dân gần nhất theo hướng Tây khoảng 50m)

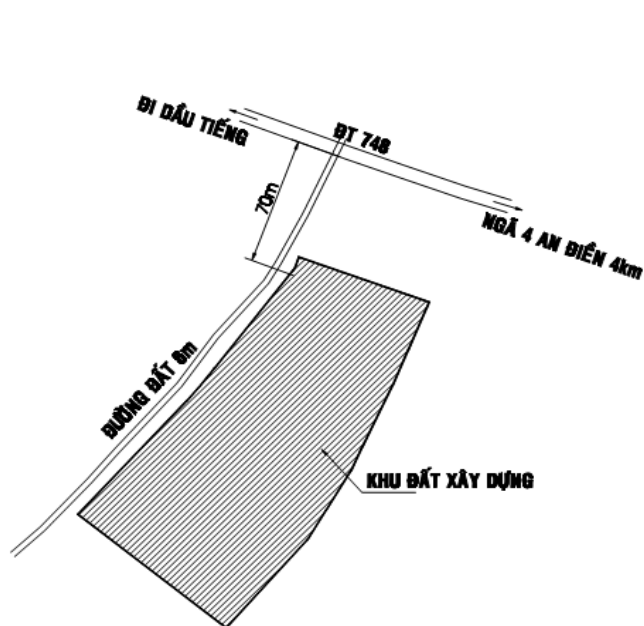
Tọa độ vị trí của toàn bộ khu đất của công ty được thể hiện bằng bảng sau:

Bảng 1.11. Tọa độ khu đất của công ty

Vị trí	Tọa độ (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105 ⁰ 45', múi chiếu 3 ⁰)
1	X= 1232837, Y = 0589193
2	X = 1232766, Y = 0589284
3	X = 1232787, Y = 0589298
4	X = 1232972, Y = 0589311
5	X = 1232940, Y = 0589372

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương)

Vị trí nhà máy, các đối tượng tiếp giáp được thể hiện trên các hình sau:



Hình 1.3. Sơ đồ vị trí nhà máy của Công ty Cổ Phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu Khí Thái Bình Dương

Với vị trí nhà máy như trình bày ở trên, xung quanh khu đất nhà máy (trong vòng bán kính 1 km) chủ yếu là đất trồng cây cao su, cây tràm, một vài loại cây khác. Trong vòng bán kính này mật độ dân cư thưa thớt, không có các công trình văn hóa, tôn giáo hay di tích lịch sử.

Vị trí của nhà máy có khoảng cách đến các trung tâm, khu dân cư, các sân bay, bến cảng, trung tâm hành chính của tỉnh như sau:

Đến các trung tâm đô thị:

- Cách trung tâm thành phố Bến Cát khoảng 3 km
- Cách khu công nghiệp Rạch Bắp khoảng 3 km
- Cách Quốc Lộ 13 khoảng 3,5 km
- Cách đường cao tốc Mỹ Phước – Tân Vạn khoảng 4 km
- Cách các khu dân cư Mỹ Phước, khu dân cư Hòa Lợi khoảng 5 km
- Cách trung tâm thành phố Thủ Dầu Một khoảng 12 km
- Cách Thành Phố Mới Bình Dương khoảng 15 km
- Cách trung tâm thành phố Biên Hòa khoảng 50 km
- Cách trung tâm thành phố Hồ Chí Minh khoảng 45 km
- Cách trung tâm thành phố Vũng Tàu khoảng 130 km

Đến các cảng và sân bay:

- Cách cảng Sài Gòn khoảng 42 km
- Cách cảng Đồng Nai khoảng 50 km
- Cách cảng Vũng Tàu khoảng 130 km
- Cách sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất khoảng 42 km

Vị trí trên khá thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của công ty trong việc vận chuyển gas, phân phối đến các thị trường trong địa bàn tỉnh Bình Dương và các tỉnh khác thuộc Miền Đông Nam Bộ thông qua tuyến đường tỉnh lộ như ĐT 744, ĐT 748, Quốc Lộ 13, cao tốc Mỹ Phước – Tân Vạn.

Mô tả các đối tượng xung quanh:

Xung quanh nhà máy là đất của các hộ dân sinh sống, tiếp giáp trực tiếp với nhà máy ở phía Bắc là nhà dân có khoảng cách 50-70m. Ở phía Tây tiếp giáp với hộ dân gần nhất khoảng 70m. Ở phía Đông và phía Nam tiếp giáp với đất trồng cao su của dân, khoảng cách từ nhà máy đến các hộ dân ở phía này từ 100-200m. Trong bán kính 1km không có đền chùa, miếu mạo, trường học, hay khu danh lam thắng cảnh. Dân cư trong khu vực xung quanh nhà máy chủ yếu làm nông nghiệp, một số hộ là công nhân lao động tự do, kinh tế khá, không có hộ nghèo, cận nghèo trong khu vực xung quanh. Hoạt động của công ty trên địa bàn đã tạo được công việc cho người lao động, gia tăng thu nhập các hoạt động dịch vụ, nhà trọ cho các hộ dân xung quanh nhà máy. Tuy nhiên, vị trí này có có nhiều hạn chế, do xung quanh công ty (trong vòng bán kính 1 km) có các

nhà dân đang sinh sống, hoạt động của công ty là sản xuất vỏ bình gas và chiết nạp gas- một dạng chất lỏng dễ gây cháy nổ nên có nguy cơ ảnh hưởng thậm chí có thể gây nên các thiệt hại về người và tài sản khi có sự cố, rủi ro xảy ra. Nhận thức được vấn đề bảo vệ con người, môi trường và tài sản của các hộ dân và của công ty là quan trọng, công ty đã thực hiện các giải pháp quản lý, kỹ thuật nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu đến mức thấp nhất các rủi ro rò rỉ gas, các sự cố cháy nổ xảy ra.

1.5.2. Các hạng mục công trình chính của cơ sở

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương hoạt động tại Số 245B, Tổ 10, Khu phố Kiến An, Phường An Điền, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương với tổng diện tích khu đất sử dụng là 17.559,2 m².

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất – quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số CE 057011 ngày 17/10/2016. Ngoài ra, công ty đã được Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp giấy phép xây dựng số 2198/GPXD-SXD ngày 25/11/2013. Các hạng mục công trình của cơ sở như sau:

Bảng 1.12. Hạng mục công trình tại cơ sở

STT	Hạng mục	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)
Các hạng mục công trình chính			
1	Xưởng chiết nạp gas	496	2,82
2	Xưởng sản xuất vỏ bình gas	2.450	13,95
3	Bồn chứa gas	400	2,27
4	Văn phòng + nhà nghỉ công nhân	331,1	1,88
5	Khu nhà ăn	100	0,57
6	Nhà vệ sinh công nhân	48,9	0,27
7	Nhà kho	344,4	1,96
8	Trạm cân	36	0,2
Các hạng mục công trình phụ trợ			
9	Nhà bảo vệ	16	0,09
10	Cây dầu DO và bồn chứa dầu DO	50	0,28
11	Trạm điện	50	0,28
12	Nhà đặt máy bơm PCCC	29,1	0,16
13	Nhà xe	117	0,66
Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường			
14	Khu vực chứa chất thải rắn	150	0,9
15	Trạm xử lý nước thải	50	0,28
16	Hệ thống xử lý khói hàn	50	0,28

17	Diện tích cây xanh	3.600	20,2
18	Đường nội bộ	4.240,7	24,48
19	Đất trống	5.000	28,47
Tổng		17.559,2	100,00

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương)

Ghi chú: Các hạng mục công trình chính của cơ sở đã xây dựng hoàn thiện.

Bảng 1.13. Mô tả các hạng mục công trình chính của nhà máy

STT	Tên hạng mục	Thông số
1	Xưởng chiết nạp gas	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích: 496 m² - Kích thước: D×R = 31m ×16m - Chiều cao: 8 m (bao gồm mái) - Vách lợp tôn sóng vuông - Mái lợp tôn sóng vuông - Khung kèo thép - Máng xối tôn, ống thoát nước PVC 90mm - Khoảng cách an toàn đến bồn chứa gas: 49m
2	Xưởng cơ khí 1 (xưởng sản xuất vỏ bình gas)	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích: 2.450 m² - Kích thước: D×R = 70m ×35m - Chiều cao: 11,8 m (bao gồm mái) - Vách lợp tôn sóng vuông - Mái lợp tôn sóng vuông - Khung kèo thép - Máng xối tôn, ống thoát nước PVC 90mm - Khoảng cách đến bồn chứa gas: 69m
3	Nhà kho	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích 344,4 m² - Chiều cao: 8 m (bao gồm mái) - Vách lợp tôn sóng vuông - Mái lợp tôn sóng vuông - Khung kèo thép - Máng xối tôn, ống thoát nước PVC 90mm - Khoảng cách đến bồn chứa gas: 20m - Khoảng cách đến xưởng chiết nạp gas: 20m - Trong kho chứa các vỏ bình gas
4	Bồn gas	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích: 400 m² - 03 bồn gas được đặt trên trụ bê tông, cách mặt đất khoảng 1m, phía dưới bồn gas có bể nước có thể tích 600 m³ để làm mát bồn gas và sử dụng để chữa cháy, xung quanh bồn gas đều được lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy - Khoảng cách đến xưởng chiết nạp gas: 49m

5	Văn phòng + nhà nghỉ công nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích 331,1 m² - Mái lợp tôn sóng vuông, nền lát gạch ceramic, cửa nhôm kính - Khoảng cách đến bồn chứa gas: 65,5m - Khoảng cách đến xưởng chiết nạp: 16,5m
6	Nhà ăn	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích: 100 m² - Mái lợp tôn sóng vuông, nền lát gạch ceramic, cửa nhôm kính - Khoảng cách đến bồn chứa gas: 65,5m - Khoảng cách đến xưởng chiết nạp: 16,5m
7	Nhà vệ sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích: 48,9 m² - Xây tường gạch, mái lợp tôn sóng vuông, cửa nhôm. - Khoảng cách đến bồn chứa gas: 65,5m - Khoảng cách đến xưởng chiết nạp: 16,5m

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương)

Một số hình ảnh về các hạng mục công trình của nhà máy:



Hình 1.4. Xưởng chiết nạp gas



Hình 1.5. Bồn gas



Hình 1.6. Trạm cấp xe bồn



Hình 1.7. Bồn chứa dầu DO



Hình 1.8. Trạm điện



Hình 1.9. Bể nước PCCC



Hình 1.10. Hố ga đầu nối nước mưa



Hình 1.11. Đường nội bộ và khu cây xanh

1.5.3. Các hạng mục phụ trợ của cơ sở

❖ Hệ thống cấp nước

Khu vực nhà máy chưa có hệ thống cấp nước chung nên công ty sử dụng nước ngầm qua thông qua giếng khoan để cung cấp cho hoạt động sinh hoạt, tưới cây tại nhà máy.

Nhà máy đã lắp đặt bồn chứa nước bằng inox có thể tích 10 m³ sử dụng để chứa nước, nguồn nước mà công ty sử dụng là nước ngầm thông qua giếng khoan. Hiện công ty sử dụng 1 giếng khoan, giếng có độ sâu 60m, đường kính ống 60mm. Nước dưới giếng được bơm lên bằng bơm áp lực. Nước từ bồn chứa nước được cấp theo đường ống nhựa PVC 60mm để đưa nước đến các vị trí sử dụng nước trong nhà máy.

Công ty đã được Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát (nay là Thành phố Bến Cát) cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Giấy phép số 01/GP-UBND ngày 31/03/2022.

❖ **Hệ thống cấp điện**

Nguồn điện cung cấp cho hoạt động sản xuất của công ty là lưới điện Quốc gia do Công ty Điện Lực thị xã Bến Cát cung cấp. Công ty đã trang bị và lắp đặt trạm biến thế để điều chỉnh và đưa điện vào sử dụng, với công suất trạm điện là 320 KVA. Lượng điện tiêu thụ hàng tháng khoảng 20.000 kW. Khi mạng lưới điện quốc gia gặp sự cố, công ty sẽ ngưng sản xuất để tiến hành bảo trì máy móc, vệ sinh, quét dọn nhà xưởng nên sẽ không trang bị máy phát điện dự phòng.

❖ **Hệ thống thông tin liên lạc**

Trong khu vực công ty được đầu tư xây dựng hoàn tất đường dây mạng di động, mạng internet. Công ty sẽ tiếp tục hợp đồng với các đơn vị cung cấp mạng để đảm bảo cho hệ thống thông tin liên lạc được ổn định phục vụ cho hoạt động của cơ sở.

❖ **Cây xanh**

Hiện tại, diện tích cây xanh của cơ sở có diện tích khoảng 3.600 m², chiếm 20,2% đảm bảo tuân theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD. Diện tích cây xanh bao gồm chậu cây cảnh, hàng cây được trồng dọc đường nội bộ, hàng rào và lối vào công ty tạo cảnh quan và điều hòa không khí.

Hàng rào của khu đất thực hiện được xây tường gạch cao 3m, từ hàng rào lùi vào khu đất 5m, chủ cơ sở không bố trí công trình mà trồng cây xanh tại khu vực này để tạo khoảng lùi xung quanh nhà xưởng an toàn, cách biệt với các đối tượng xung quanh.

1.5.4. Các hạng mục xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của cơ sở

❖ **Hệ thống thoát nước mưa**

Công ty đã tách riêng hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải.

- Nước mưa thu gom từ mái nhà xưởng được chảy theo các ống uPVC D90mm xuống các hố ga thu gom có bố trí song chắn rác → Hệ thống thu gom nước mưa nội bộ bằng cống bê tông cốt thép D400mm.
- Nước mưa chảy tràn → Chảy về hệ thống thu gom nước mưa nội bộ bằng cống bê tông cốt thép D400mm → Hệ thống thoát nước mưa của khu vực phía ngoài cổng công ty → chảy vào rạch thoát nước tự nhiên → Sông Thị Tính.
- Trên toàn bộ hệ thống cống thoát nước mưa này đã xây dựng các hố ga với kích thước ($D \times R \times H = 1200 \times 1200 \times 1200 \text{mm}$) để thu gom, lắng cặn trước khi cho thoát ra hệ thống thoát nước mưa của khu vực phía ngoài cổng công ty.

❖ **Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải**

- Lưu lượng nước thải:

Bảng 1.14. Lưu lượng nước thải phát sinh tại cơ sở

STT	Mục đích thải	Lưu lượng thải thực tế và khi sản xuất tối đa (m ³ /ngày)
1	Nước thải cho sinh hoạt của công nhân viên	4,5
2	Nước thải từ quá trình vệ sinh vỏ bình gas	1,0
3	Nước thải từ quá trình kiểm tra độ kín của bình gas	0,5
4	Nước thải từ quá trình hấp thụ khói hàn từ quá trình hàn	1,0
Tổng		7,0

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương)

Hiện nay, công ty đã xây dựng các công trình xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế là 17 m³/ngày để xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất, gồm các hạng mục như sau:

- Nước thải từ bể xí, âu tiêu phát sinh từ khu nhà vệ sinh văn phòng sau bể tự hoại + Nước rửa tay chân được thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính 60 -114 mm về công trình xử lý nước thải tập trung công suất 17 m³/ngày.đêm.
- Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh công nhân sau bể tự hoại + Nước rửa tay chân được thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính 60 -114 mm về công trình xử lý nước thải tập trung công suất 17 m³/ngày.đêm.
- Nước thải phát sinh từ hoạt động kiểm tra độ kín của bình gas được thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính 42 -114 mm về công trình xử lý nước thải tập trung công suất 17 m³/ngày.đêm.
- Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh vỏ bình gas trước khi chiết nạp gas được thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính 42 -114 mm về công trình xử lý nước thải tập trung công suất 17 m³/ngày.đêm.
- Nước thải phát sinh từ quá trình hấp thụ khói hàn của công đoạn hàn được thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính 42 -114 mm về công trình xử lý nước thải tập trung công suất 17 m³/ngày.đêm.

Công ty Cổ phần Thương mại XNK Dầu Khí Thái Bình Dương đã được Sở Tài Nguyên và Môi trường Bình Dương cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước số 13/GP-STNMT ngày 20/01/2022 với lưu lượng xả thải lớn nhất là 7 m³/ngày.

➤ ***Công trình xử lý nước thải tập trung:***

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải => Bể thu gom => Bể điều hòa => Bể sinh học SBR => Bể trung gian => Bồn lọc áp lực => Hệ thống thoát nước trên đường giao thông nông thôn trước cổng công ty => Rạch thoát nước tự nhiên => Sông Thị Tín.
- Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_q=0,9$; $K_f=1,2$ trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.
- Công suất thiết kế: $17 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- Lưu lượng xin cấp phép: $7 \text{ m}^3/\text{ngày}$
- Hóa chất vật liệu sử dụng: Javen.

❖ **Hệ thống thu gom và xử lý bụi, khí thải**

- ***Công trình xử lý khí thải số 01 (Công trình xử lý bụi phát sinh từ công đoạn bắn bi làm sạch bề mặt vỏ bình gas)***

- + Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi => Cyclone => Filter lọc bụi => Quạt hút => Ống thải (đường kính 400mm; cao 9 m).
- + Công suất thiết kế: $8.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- + Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.
- + Số ống thải: 01 ống thải.

- ***Công trình xử lý khí thải số 02 (Công trình xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn hàn)***

- + Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải => Chụp hút => Ống nhánh => Ống dẫn chính => Tháp hấp thụ => Quạt hút => Ống thải (đường kính 400mm; cao 9m).
- + Công suất thiết kế: $6.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$
- + Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.
- + Số ống thải: 01 ống thải.

- ***Công trình xử lý khí thải số 03 (Công trình xử lý bụi từ quá trình phun sơn tĩnh điện)***

- + Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi => Buồng thu hồi bụi sơn => Filter lọc bụi => Ống dẫn => Quạt hút => Ống thải (đường kính 400 mm; cao 14m).
- + Công suất thiết kế: $9.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$
- + Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.
- + Số ống thải: 01 ống thải.

- ***Khí thải từ lò luyện nhiệt đốt bằng khí gas LPG được thu gom và phát tán qua ống thải cao 14m, đường kính D400mm.***

❖ **Hệ thống thu gom chất thải rắn**

Chất thải rắn tại cơ sở được thu gom và chứa trong các thùng chứa có nắp đậy, kín sau đó đưa về nhà chứa chất thải tập trung.

Công ty đã bố trí 01 nhà chứa chất thải thông thường có diện tích 100 m² và 01 nhà chứa CTNH có tổng diện tích khoảng 50 m²;

Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Thảo Dương Xanh tại hợp đồng số 97/2024/HĐXL-TDX ngày 31/01/2024 để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải và thu mua sau xử lý.

Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương với diện tích đất sử dụng khoảng 17.559,2 m² đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 057011 ngày 17/10/2016 cấp ngày 23/01/2017

Cơ sở đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương chấp thuận địa điểm đầu tư theo quyết định số 866/UBND-KTTH ngày 08/4/2013.

Bên cạnh đó, cơ sở cũng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho “Nhà máy chiết nạp gas công suất 12.000 tấn/năm; sản xuất vỏ bình gas 138.000 sản phẩm/năm; sửa chữa bảo trì bình gas 138.000 sản phẩm/năm” tại Quyết định số 469/QĐ-STNMT ngày 16/04/2020.

Ngoài ra, công ty đã được Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp giấy phép xây dựng số 2198/GPXD-SXD ngày 25/11/2013.

Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của Bến Cát được được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt tại Quyết định số 3817/QĐ-UBND ngày 28/12/2018, khu đất của cơ sở là đất giao thông (khoảng 3.000 m²), còn lại là đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

Từ đó cho đến nay, về cơ bản nhà máy không thay đổi công suất và quy trình sản xuất; trong quá trình hoạt động luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, các chất thải, nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy đều được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường; các loại rác thải được thu gom và chứa trong nhà chứa rác đúng quy định, hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý rác nhằm không gây ùn ứ và mất cảnh quan trong công ty.

Có thể nói, hoạt động của nhà máy sản xuất của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương là hoàn toàn phù hợp với chủ trương thu hút đầu tư phát triển ngành nghề, kinh tế xã hội của tỉnh, tạo công ăn việc làm cho người lao động trên địa bàn phường An Điền nói riêng và các vùng lân cận nói chung, góp phần vào sự phát triển chung của khu vực.

2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.2.1. Sự phù hợp của cơ sở đối với hệ thống thoát nước mưa của khu vực

Công ty đã tách riêng hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải.

- Nước mưa thu gom từ mái nhà xưởng được chảy theo các ống uPVC D90mm xuống các hố ga thu gom có bố trí song chắn rác → Hệ thống thu gom nước mưa nội bộ bằng cống bê tông cốt thép D400mm.

- Nước mưa chảy tràn → Chảy về hệ thống thu gom nước mưa nội bộ bằng cống bê tông cốt thép D400mm → Hệ thống thoát nước mưa của khu vực phía ngoài cổng công ty → chảy vào rạch thoát nước tự nhiên → Sông Thị Tính.

- Trên toàn bộ hệ thống cống thoát nước mưa này đã xây dựng các hố ga với kích thước ($D \times R \times H = 1200 \times 1200 \times 1200 \text{mm}$) để thu gom, lắng cặn trước khi cho thoát ra hệ thống thoát nước mưa của khu vực phía ngoài cổng công ty.

2.2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải của khu vực

Hiện nay, công ty đã xây dựng các công trình xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế là $17 \text{ m}^3/\text{ngày}$ để xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất, gồm các hạng mục như sau:

- Nước thải từ bể xí, âu tiêu phát sinh từ khu nhà vệ sinh văn phòng sau bể tự hoại + Nước rửa tay chân được thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính 60 -114 mm về công trình xử lý nước thải tập trung công suất $17 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh công nhân sau bể tự hoại + Nước rửa tay chân được thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính 60 -114 mm về công trình xử lý nước thải tập trung công suất $17 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- Nước thải phát sinh từ hoạt động kiểm tra độ kín của bình gas được thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính 42 -114 mm về công trình xử lý nước thải tập trung công suất $17 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh vỏ bình gas trước khi chiết nạp gas được thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính 42 -114 mm về công trình xử lý nước thải tập trung công suất $17 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- Nước thải phát sinh từ quá trình hấp thụ khói hàn của công đoạn hàn được thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính 42 -114 mm về công trình xử lý nước thải tập trung công suất $17 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

➤ Công trình xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải => Bể thu gom => Bể điều hòa => Bể sinh học SBR => Bể trung gian => Bồn lọc áp lực => Hệ thống thoát nước trên đường giao thông nông thôn trước cổng công ty => Rạch thoát nước tự nhiên => Sông Thị Tính.
- Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_q=0,9$; $K_f=1,2$ trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.
- Công suất thiết kế: $17 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- Lưu lượng xin cấp phép: $7 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Hóa chất vật liệu sử dụng: Javen.

Nước mưa chảy tràn tại nhà máy, nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất sau khi được xử lý sẽ được thải ra cống thoát nước mưa của khu vực nằm trên đường giao thông nông thôn trước cổng công ty, từ đây, nước mưa sẽ được chảy vào rạch thoát nước chung của khu vực sau đó thải ra sông Thị Tính.

❖ Sông Thị Tính

Trên bản đồ địa lý, sông Thị Tính nằm trong ô không chế bởi tọa độ $106^{\circ}22'$ - $106^{\circ}40'$ kinh độ Đông và $11^{\circ}15'$ - $11^{\circ}3'$ vĩ độ Bắc. Diện tích toàn bộ lưu vực sông Thị Tính khoảng 840 km^2 , tính tới tuyến đập Hà Nù có $F = 277 \text{ km}^2$.

Sông Thị Tính là một phụ lưu lớn của sông Sài Gòn, có chiều dài khoảng 80 km, sông được bắt nguồn từ núi cao của Chơn Thành (tỉnh Bình Phước) chảy vào địa phận Bình Dương tựa suối Bà Và (huyện Dầu Tiếng) giáp tỉnh Bình Phước. Dòng chính của sông chảy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam qua thị trấn Mỹ Phước rồi đổ vào sông Sài Gòn ở xã Phú An của huyện Bến Cát cách thị xã Thủ Dầu Một khoảng 6 km về phía hạ lưu. Sông có địa hình quanh co, uốn khúc, phía thượng lưu mang đặc tính của lưu vực đồng núi trung du, còn phía hạ nguồn mang tính chất của nửa đồi đồng bằng.

Sông có lưu vực khoảng 840 km^2 , tuy đây là sông nhỏ nhưng hàng năm truyền một lượng nước tương đối lớn từ thượng nguồn đổ về và chịu ảnh hưởng của chế độ triều. Lòng sông nhỏ và hẹp, bị bồi lắng thường xuyên nên thường xảy ra tình trạng ngập úng.

Vùng có ranh giới giáp vùng ven sông Thị Tính, nằm trên địa phận các huyện Bến Cát và huyện Dầu Tiếng. Phần lớn các công trình thủy lợi trong vùng là các cống và đập dâng nước, lấy nguồn nước từ sông Thị Tính.

Lưu vực sông Thị Tính có dạng hình lông chim khá rõ. Thảm phủ thực vật chủ yếu là rừng cao su, điều và các loại cây ăn trái khác. Ở đây không còn rừng nguyên sinh, các loại cây bụi nguyên thủy dần dần được thay thế bằng các loại cây trồng. Lưu vực sông Thị Tính trên nền đất phù sa cổ đất xám miền Đông Nam Bộ, thấm nước mạnh nhưng giữ nước kém, dòng chảy kiệt nhỏ, lũ tập trung nhanh và mạnh, mô đyun đỉnh lũ lớn. Lưu vực sông Thị Tính xét theo dòng chảy triều có thể phân thành 2 phần như sau:

Phần hạ lưu giới hạn bởi đập Hà Nù tới cửa sông nối với sông Sài Gòn dài 46,8 km. Đoạn này không chế một diện tích vào khoảng 560 km^2 . Tính chất dòng chảy mang đặc điểm của sông đồng bằng là chính. Độ dốc lòng sông nhỏ ngoại trừ đoạn từ suối Hồ Muồng trở lên có độ dốc tương đối lớn. Dòng chảy trong sông chịu tác động bởi thủy triều từ sông Sài Gòn truyền vào. Lòng sông từ Cầu Đò lên thượng nguồn bị thu hẹp do bồi lắng và đặc biệt là các loại cây bụi như tre, cây có gai, cây họ dứa lá to... càng lên thượng lưu mức độ thu hẹp càng mạnh.

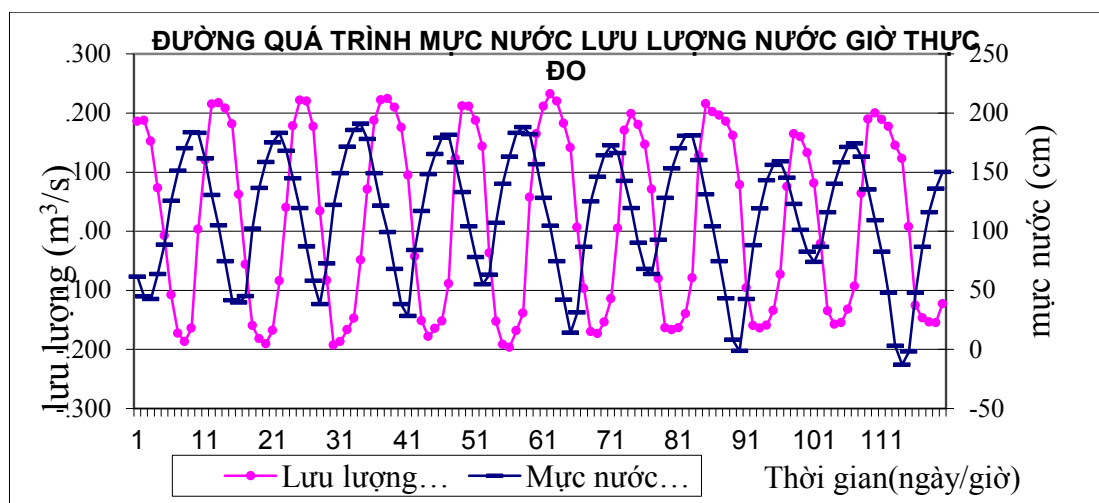
Bảng 2.1. Các đặc trưng cơ bản về hình thái dòng chính sông Thị Tính

STT	Đặc trưng	Đơn vị	Trị số
Tới tuyến đập Thị Tính			
1	Diện tích lưu vực	Km ²	277
2	Chiều dài sông chính	Km ²	32
3	Tổng độ dài sông suối	Km ²	87
4	Mật độ sông suối	Km/Km ²	0,31
5	Độ rộng bình quân lưu vực	Km ²	8,66
6	Hệ số hình dạng lưu vực		0,27
7	Độ cao bình quân lưu vực	m	30
8	Độ hạ thấp lưu vực	m	43
9	Độ dốc bình quân lòng sông	‰	1,36
Toàn bộ sông Thị Tính			
1	Diện tích lưu vực	Km ²	840
2	Chiều dài sông chính	Km	80
3	Tổng độ dài sông suối	Km	251
4	Mật độ sông suối	Km/km ²	0,3
5	Độ rộng bình quân lưu vực	Km	10,5
6	Hệ số hình dạng lưu vực		0,13
7	Độ cao bình quân lưu vực	m	25
8	Độ hạ thấp lưu vực	m	50
9	Độ dốc bình quân lòng sông	‰	0,66

(Nguồn: Dự án thủy lợi sông Thị Tính, 2019)

Chế độ dòng chảy trên sông Thị Tính sau thủy điện Trị An được điều tiết bởi công Theo Đề án "Điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng nguồn nước mặt, đề xuất giải pháp quản lý tài nguyên nước mặt trên địa bàn tỉnh Bình Dương", đặc điểm dòng chảy sông Thị Tính tại khu vực cầu Ông Cộ - khu vực hạ lưu điểm xả thải - đặc điểm dòng chảy của sông Thị Tính có đặc trưng sau:

Chế độ dòng chảy tại tuyến cửa ra sông Thị Tính chịu ảnh hưởng của thủy triều biển đông, mạnh nhất là vào mùa kiệt. Cụ thể như sau:



Hình 2.1. Đường quá trình mực nước, lưu lượng sông Thị Tính - Trạm Cầu Ông Cộ

Bảng 2.2. Đặc trưng dòng chảy sông Thị Tính - trạm hạ lưu cầu Ông Cộ

Trị đặc trưng Đơn vị	Lưu lượng	Mức nước	Lưu tốc TBMC
	(m ³ /s)	(cm)	(m/s)
Lớn nhất (triều xuống)	232	191	0.639
Nhỏ nhất (triều lên)	-197	-13	-0.510
Trung bình	14	113	0,061

Đường quá trình mực nước thể hiện rõ chế độ triều bán nhật triều không đều biến Đông. Lưu lượng lớn nhất khi triều lên là 197 m³/s và khi triều xuống là 232 m³/s, trung bình 14 m³/s. Theo kết quả tính toán hàng năm lượng lưu thông tại mặt cắt hạ lưu cầu Ông Cộ trên sông Thị Tính ước tính trung bình 306 triệu m³ mỗi năm.

Bảng 2.7. Lưu lượng dòng chảy sông Thị Tính

Các trạm đo	Lưu lượng (m ³ /s)		
	Tối thiểu	Trung bình	Tối đa
Trạm Long Hòa	12,1	20,6	24,5
Trạm Cầu Đò	17,3	34,4	57,0

(Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Bình Dương)

➤ Rạch thoát nước tự nhiên

Công ty đã tiến hành khảo sát nguồn nước mặt nhánh rạch thoát nước tự nhiên (rạch nhỏ) (khu vực tiếp nhận nước thải: đục, nhiều cặn lơ lửng. Ngoài ra, không có hiện tượng gì bất thường khác).

Để đánh giá chất lượng nước mặt rạch thoát nước, công ty đã tiến hành lấy mẫu nước mặt rạch thoát nước ngày 01/11/2021 và gửi cho Trung tâm tư vấn Công nghệ Môi Trường và ATVSLĐ Coshet.

Mô tả thời điểm lấy mẫu ngoài hiện trường (thời tiết, hiện trạng nguồn nước và các nguồn thải xung quanh khu vực vị trí lấy mẫu): thời tiết tại thời điểm lấy mẫu vào lúc 09 giờ 30 phút giờ sáng ngày 01/11/2021: trời nắng, hiện trạng nguồn nước xung quanh khu vực vị trí lấy mẫu: nước đục, không có mùi, dòng chảy bình thường; các nguồn thải xung quanh khu vực vị trí lấy mẫu bán kính khoảng 1km, xả vào vị trí rạch thoát nước tự nhiên (rạch nhỏ): Có nước thải sinh hoạt của người dân sống xung quanh xả vào suối.

- Ngày lấy mẫu: vào lúc 09 giờ 30 phút giờ sáng ngày 01/11/2021
- Vị trí lấy mẫu nước mặt rạch thoát nước như sau:
 - + NM1: Tại rạch thoát nước nơi tiếp nhận nước thải sau xử lý của công ty khoảng 300m về phía thượng nguồn;
 - + NM2: Tại rạch thoát nước nơi tiếp nhận nước thải sau xử lý của công ty khoảng 300m về phía thượng nguồn;

Bảng 2.3. Hiện trạng chất lượng nước mặt rạch thoát nước tự nhiên

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả		QCVN 08-MT:2015/BTNMT, Cột A2
			NM1	NM2	
1	pH	-	6,42	6,89	6-8,5
2	TSS	mg/l	20	16	30
3	COD	mgO ₂ /l	8	12	15
4	BOD ₅	mgO ₂ /l	3	5	6
5	Amoni	mg/l	0,11	0,18	0,3
6	Nitrat	mg/l	0,34	0,67	5
7	Phosphat	mg/l	0,085	0,12	0,2
8	Coliform	MPN/100ml	3.400	4.300	5.000
9	Nitrit	mg/l	KPH	KPH	0,05

Nhận xét : Qua kết quả tham khảo chất lượng nước mặt của nguồn tiếp nhận nước thải cho thấy, hầu hết các chỉ tiêu phân tích đều vượt so với quy chuẩn cho phép QCVN 08:2008/BTNMT, cột A2 (*dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các mục đích sử dụng như loại B₁ và B₂*).

➤ **Sông Thị Tính**

Công ty đã tiến hành khảo sát hiện trạng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải: nước sông hơi vàng, có cặn lơ lửng, trên mặt nước có bèo, lục bình phát triển nhiều. Ngoài ra không có hiện tượng gì bất thường khác.

Để đánh giá hiện trạng chất lượng nước mặt của nguồn tiếp nhận nước thải cuối cùng, Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương đã tiến hành lấy mẫu nước mặt sông Thị Tính vào ngày 01/11/2021 gửi Trung tâm tư vấn Công nghệ Môi Trường và ATVSLĐ Coshet.

Mô tả thời điểm lấy mẫu ngoài hiện trường (thời tiết, hiện trạng nguồn nước và các nguồn thải xung quanh khu vực vị trí lấy mẫu): thời tiết tại thời điểm lấy mẫu vào lúc 10 giờ 30 phút giờ sáng ngày 01/11/2021: trời nắng, hiện trạng nguồn nước xung quanh khu vực vị trí lấy mẫu: nước vàng nhạt, không có mùi, dòng chảy bình thường; các nguồn thải xung quanh khu vực vị trí lấy mẫu bán kính khoảng 1km, xả vào sông Thị Tính.

- Ngày lấy mẫu: 10 giờ 30 phút giờ sáng ngày 01/11/2021
- Các vị trí lấy mẫu nước mặt sông Thị Tính như sau:
 - + NM3: Tại bờ phải sông Thị Tính cách điểm giao nhau giữa rạch thoát nước tự nhiên và sông Thị Tính 200 m về phía hạ nguồn;
 - + NM4: Giữa dòng sông Thị Tính cách điểm giao nhau giữa rạch thoát nước tự nhiên và sông Thị Tính 200 m về phía hạ nguồn;
 - + NM5: Tại bờ trái sông Thị Tính cách điểm giao nhau giữa rạch thoát nước tự nhiên và sông Thị Tính 200 m về phía hạ nguồn.

Bảng 2.4. Hiện trạng chất lượng nước mặt sông Thị Tính

Stt	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả			QCVN 08-MT:2015/BTNMT
			NM3	NM4	NM5	Cột A2
1	pH	-	6,43	6,15	6,89	6 - 8,5
2	TSS	mg/l	25	18	22	30
3	COD	mg/l	10	7	12	15
4	BOD ₅	mg/l	4	3	5	6
5	Amoni	mg/l	0,21	0,15	0,18	0,3
6	Nitrat	mg/l	0,68	0,42	0,53	5
7	Nitrit	mg/l	KPH	KPH	KPH	0,05
8	Phosphat	mg/l	0,075	0,038	0,059	0,2
9	Coliform	MPN/100ml	4.300	3.400	4.000	5.000

(Nguồn: Trung tâm tư vấn Công nghệ Môi Trường và ATVSLĐ Coshet)

Nhận xét: Qua kết quả phân tích chất lượng môi trường nước mặt của nguồn tiếp nhận nước thải cho thấy, các chỉ tiêu TSS, BOD₅, Phosphat vượt so với quy chuẩn cho

phép QCVN 08-MT:2015/NBTNMT cột A2 (nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các mục đích sử dụng như loại B₁ và B₂).

Tải lượng ô nhiễm tối đa nguồn nước có thể tiếp nhận rạch thoát nước tự nhiên (rạch nhỏ)

Áp dụng công thức tính toán tải lượng chất ô nhiễm tối đa:

$$Ltd = Qs \times Cqc \times 86,4$$

Trong đó:

Ltd : tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (kg/ngày)

Qs : lưu lượng dòng chảy của rạch thoát nước tự nhiên (rạch nhỏ) cần đánh giá (chọn giá trị 0,0925 m³/s: lưu lượng dòng chảy trung bình)

Cqc: giá trị nồng độ giới hạn theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT-cột A2 (mg/l)

86,4: hệ số đổi đơn vị

Kết quả tính toán tải lượng tối đa của rạch thoát nước tự nhiên có thể tiếp nhận đối với các chất ô nhiễm được trình bày trong bảng sau:

Bảng 2.5. Tải lượng ô nhiễm tối đa có thể tiếp nhận của rạch thoát nước tự nhiên

STT	Thông số	Qs m ³ /s	Cqc (mg/l)	Ltd (kg/ngày)
1	TSS	0,0925	30	239,76
2	COD	0,0925	15	332,67
3	BOD5	0,0925	6	184,63

Tải lượng ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận

Áp dụng công thức tính toán tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước

$$Lnn = Qs \times Cnn \times 86,4$$

Trong đó:

Lnn : tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước rạch thoát nước tự nhiên (kg/ngày)

Qs : lưu lượng dòng chảy của rạch thoát nước tự nhiên (0,0925 (m³/s), lưu lượng tháng trung bình nhỏ nhất

Cnn : kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt tại rạch thoát nước tự nhiên đánh giá trên cơ sở giá trị trung bình của kết quả phân tích các mẫu nước rạch thoát nước tự

nhiên do Trung tâm tư vấn Công nghệ Môi Trường và ATVSLĐ Coshet thực hiện được tại chương 2 của báo cáo (mg/l).

Kết quả tính toán tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có của rạch thoát nước tự nhiên được trình bày trong bảng sau:

Bảng 2.6. Tải lượng các chất ô nhiễm có sẵn của nhánh rạch thoát nước tự nhiên

STT	Thông số	Qs (m ³ /s)	Cnn (mg/l)	Lnn (kg/ngày)
1	TSS	0,0925	18	143,856
2	COD	0,0925	10	79,92
3	BOD5	0,0925	4	31,968

Tải lượng ô nhiễm các chất ô nhiễm từ nguồn xả đưa vào nguồn nước tiếp nhận

Áp dụng công thức tính toán tải lượng chất ô nhiễm từ nguồn xả đưa vào nguồn nước:

$$Lt = Qt \times Ct \times 86,4$$

Trong đó: Lt : tải lượng ô nhiễm trong nguồn thải (kg/ngày)

Qt : lưu lượng nước thải lớn nhất 0,00008 (m³/s)

Ct : nồng độ cực đại của chất ô nhiễm trong nước thải (mg/l)

Kết quả tính toán tải lượng các chất ô nhiễm từ nước thải sau hệ thống xử lý của công ty đưa vào nguồn tiếp nhận được trình bày trong bảng sau

Bảng 2.7. Tải lượng các chất ô nhiễm từ nước thải Công ty đưa vào rạch thoát nước tự nhiên

STT	Thông số	Qt (m ³ /s)	Ct (mg/l)	Lt (kg/ngày)
1	TSS	0,00008	14	0,097
2	COD	0,00008	13	0,090
3	BOD5	0,00008	8	0,055

Khả năng tiếp nhận của nguồn nước

Áp dụng công thức tính toán khả năng tiếp nhận tải lượng ô nhiễm của nguồn nước:

$$Ltn = (Ltd - Lnn - Lt) \times Fs$$

Fs: hệ số an toàn ($0,3 < Fs < 0,7$)

Rạch thoát nước tự nhiên tiếp nhận nước thải của một số nguồn ở các khu vực lân cận. Do đó, yếu tố không chắc chắn và nguy cơ rủi ro là tương đối cao trong việc xác định

khả năng tiếp nhận chất ô nhiễm -> Chọn hệ số an toàn là 0,4 – mức tương đối thấp cho giá trị của hệ số an toàn.

Kết quả tính toán khả năng tiếp nhận các chất ô nhiễm của nguồn tiếp nhận được trình bày trong bảng sau:

Bảng 2.8. Khả năng tiếp nhận các chất ô nhiễm của rạch thoát nước tự nhiên

STT	Thông số	Ltd (kg/ngày)	Lnn (kg/ngày)	Lt (kg/ngày)	Fs	Ltn (kg/ngày)
1	TSS	239,76	143,856	0,097	0,3	28,74
2	COD	332,67	79,92	0,090	0,3	75,798
3	BOD5	184,63	31,968	0,055	0,3	45,782

Kết luận:

Rạch thoát nước tự nhiên: theo kết quả tính toán ở trên cho thấy rạch thoát nước tự nhiên còn khả năng tiếp nhận các thông số TSS, COD, BOD5, Amoni. Thực tế hiện nay rạch thoát nước tự nhiên là nơi tiếp nhận nước thải của các Công ty và hộ dân sống xung quanh lưu vực nên chất lượng nước suối chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các nguồn này và rạch thoát nước tự nhiên chỉ có chức năng tiêu thoát nước mưa, nước thải của khu vực vào sông Thị Tính, nên khả năng tự làm sạch của suối là rất thấp. Theo kết quả phân tích chất lượng nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương thì tất cả chỉ tiêu đều đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$; do đó chất lượng nước mặt suối không bị ảnh hưởng xấu từ nước thải của công ty xả ra.

Nước thải từ sau HTXLNT theo mương hở thoát nước mưa => cống thoát nước đường nông thôn => cống thoát nước đường ĐT748 => rạch nhỏ => sông Thị Tính nên báo cáo sẽ tiếp tục đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của sông Thị Tính.

➤ **Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của Thị Tính:**

Nguồn nước tiếp nhận nước thải là sông Thị Tính được lấy trung bình từ 03 mẫu nước mặt trên cùng một mặt cắt ngang như sau:

Bảng 2.9. Hiện trạng chất lượng nước mặt sông Thị Tính

Stt	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả				QCVN 08-MT:2015/BTNMT Cột A2
			NM3	NM4	NM5	Trung bình	
1	pH	-	6,43	6,15	6,89	6,49	6 - 8,5
2	TSS	mg/l	25	18	22	22	30
3	COD	mg/l	10	7	12	10	15
4	BOD ₅	mg/l	4	3	5	4	6
5	Amoni	mg/l	0,21	0,15	0,18	0,18	0,3
6	Nitrat	mg/l	0,68	0,42	0,53	0,54	5
7	Nitrit	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	0,05
8	Phosphat	mg/l	0,075	0,038	0,059	0,057	0,2
9	Coliform	MPN/100ml	4.300	3.400	4.000	3.900	5.000

(Nguồn: Trung tâm tư vấn Công nghệ Môi Trường và ATVSLĐ Coshet)

Kết quả đo đạc, quan trắc nồng độ các chất ô nhiễm có trong nguồn nước thải của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương vào nguồn nước tiếp nhận như sau:

Bảng 2.10. Nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K _q = 0,9, K _f = 1,2)
1	pH	-	6,36	6 - 9
2	TSS	mg/l	14	54
3	COD	mgO ₂ /l	13	81
4	BOD ₅	mgO ₂ /l	8	32,4
5	Tổng Nito	mg/l	5,24	21,6
6	Tổng Phospho	mg/l	KPH	4,32
7	Fe	mg/l	0,25	1
7	Coliforms	MPN/100ml	700	3.000

(Nguồn: Trung tâm tư vấn Công nghệ Môi Trường và ATVSLĐ Coshet)

Tải lượng ô nhiễm tối đa nguồn nước có thể tiếp nhận (sông Thị Tính)

Áp dụng công thức tính toán tải lượng chất ô nhiễm tối đa:

$$Ltd = Q_s * C_{qc} * 86,4$$

Trong đó:

Ltd : tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (kg/ngày)

Qs : lưu lượng dòng chảy của sông Thị Tính, đoạn trước khi nhập dòng với hồ Trị An (chọn giá trị 232 m³/s: lưu lượng dòng chảy trung bình nhỏ nhất vào mùa kiệt)

Cqc: giá trị nồng độ giới hạn theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT-cột A2 (mg/l)

86,4: hệ số đổi đơn vị

Kết quả tính toán tải lượng tối đa của sông Thị Tính có thể tiếp nhận đối với các chất ô nhiễm được trình bày trong bảng sau:

Bảng 2.11. Tải lượng ô nhiễm tối đa có thể tiếp nhận của sông Thị Tính

STT	Thông số	Qs m ³ /s	Cqc (mg/l)	Ltd (kg/ngày)
1	TSS	232	30	601.344
2	COD	232	15	300.672
3	BOD ₅	232	6	120.268,8

Tải lượng ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận sông Thị Tính

Áp dụng công thức tính toán tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước:

$$Lnn = Qs \times Cnn \times 86,4$$

Trong đó:

Lnn : tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước sông Thị Tính (kg/ngày)

Qs : lưu lượng dòng chảy của đoạn sông Thị Tính (232 m³/s), lưu lượng tháng trung bình nhỏ nhất

Cnn: kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt tại sông Thị Tính đánh giá trên cơ sở giá trị trung bình của kết quả phân tích các mẫu nước sông Thị Tính do Trung tâm tư vấn Công nghệ Môi Trường và ATVSLĐ Coshet thực hiện (mg/l).

Kết quả tính toán tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có của sông Thị Tính được trình bày trong bảng sau:

Bảng 2.12. Tải lượng các chất ô nhiễm có sẵn của sông Thị Tính

STT	Thông số	Qs (m ³ /s)	Cnn (mg/l)	Lnn (kg/ngày)
1	TSS	232	22	440.985
2	COD	232	10	200.448

STT	Thông số	Qs (m ³ /s)	Cnn (mg/l)	Lnn (kg/ngày)
3	BOD5	232	4	80.179

Tải lượng ô nhiễm các chất ô nhiễm từ nguồn xả đưa vào nguồn nước tiếp nhận

Áp dụng công thức tính toán tải lượng chất ô nhiễm từ nguồn xả đưa vào nguồn nước:

$$Lt = Qt \times Ct \times 86,4$$

Trong đó: Lt : tải lượng ô nhiễm trong nguồn thải (kg/ngày)

Qt : lưu lượng nước thải lớn nhất 0,00008 (m³/s)

Ct : nồng độ cực đại của chất ô nhiễm trong nước thải (mg/l)

Kết quả tính toán tải lượng các chất ô nhiễm từ nước thải sau hệ thống xử lý của công ty đưa vào nguồn tiếp nhận được trình bày trong bảng sau

Bảng 2.13. Tải lượng các chất ô nhiễm từ nước thải Công ty đưa vào sông Thị Tính

STT	Thông số	Qt (m ³ /s)	Ct (mg/l)	Lt (kg/ngày)
1	TSS	0,00008	14	0,097
2	COD	0,00008	13	0,090
3	BOD5	0,00008	8	0,055

Khả năng tiếp nhận của nguồn nước

Áp dụng công thức tính toán khả năng tiếp nhận tải lượng ô nhiễm của nguồn nước:

$$Ltn = (Ltd - Lnn - Lt) \times Fs$$

Fs: hệ số an toàn (0,3 < Fs < 0,7)

Sông Thị Tính tiếp nhận nước thải của một số nguồn ở các khu vực lân cận. Do đó, yếu tố không chắc chắn và nguy cơ rủi ro là tương đối cao trong việc xác định khả năng tiếp nhận chất ô nhiễm => Chọn hệ số an toàn là 0,4 – mức tương đối thấp cho giá trị của hệ số an toàn.

Kết quả tính toán khả năng tiếp nhận các chất ô nhiễm của nguồn tiếp nhận được trình bày trong bảng sau:

Bảng 2.14. Khả năng tiếp nhận các chất ô nhiễm của sông Thị Tính

STT	Thông số	Ltd (kg/ngày)	Lnn (kg/ngày)	Lt (kg/ngày)	Fs	Ltn (kg/ngày)
1	TSS	601.344	440.985	0,097	0,3	48.107
2	COD	300.672	200.448	0,090	0,3	30.067

STT	Thông số	Ltd (kg/ngày)	Lnn (kg/ngày)	Lt (kg/ngày)	Fs	Ltn (kg/ngày)
3	BOD5	120.268,8	80.179	0,055	0,3	12.026

Kết luận: Qua kết quả tính toán cho thấy L_m của các thông số đều dương. Do đó, sông Thị Tính vẫn còn khả năng tiếp nhận nước thải từ nhà máy. Tuy nhiên, phải kiểm soát nghiêm ngặt các chất ô nhiễm hữu cơ, đặc biệt là BOD₅. Do lưu lượng nước thải của nhà máy nhỏ và xử lý đạt quy chuẩn xả thải nên ảnh hưởng tới lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước sông Thị Tính là không đáng kể.

2.2.3. Sự phù hợp của cơ sở đối với nguồn tiếp nhận khí thải

Khí thải phát sinh từ các cơ sở được thu gom và xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của môi trường theo QCVN 19:2009/BTNMT.

2.2.4. Sự phù hợp của cơ sở đối với nguồn tiếp nhận chất thải rắn thông thường

Đối với chất thải rắn thông thường thì các Doanh nghiệp phải tự hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý đúng quy định.

2.2.5. Sự phù hợp của cơ sở đối với nguồn tiếp nhận chất thải rắn nguy hại

Đối với CTNH thì các Doanh nghiệp phải tự hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý đúng quy định.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Công ty đã tách riêng hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải.

- Nước mưa thu gom từ mái nhà xưởng được chảy theo các ống uPVC D90mm xuống các hố ga thu gom có bố trí song chắn rác → Hệ thống thu gom nước mưa nội bộ bằng cống bê tông cốt thép D400mm.

- Nước mưa chảy tràn → Chảy về hệ thống thu gom nước mưa nội bộ bằng cống bê tông cốt thép D400mm → Hệ thống thoát nước mưa của khu vực phía ngoài cổng công ty → chảy vào rạch thoát nước tự nhiên → Sông Thị Tinh.

- Trên toàn bộ hệ thống cống thoát nước mưa này đã xây dựng các hố ga với kích thước ($D \times R \times H = 1200 \times 1200 \times 1200 \text{mm}$) để thu gom, lắng cặn trước khi cho thoát ra hệ thống thoát nước mưa của khu vực phía ngoài cổng công ty.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

Nước thải phát sinh tại cơ sở bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất. Lưu lượng nước thải được tính toán dựa vào lưu lượng nước cấp cho các nhu cầu sử dụng nước của cơ sở. Lưu lượng nước thải được tính bằng 100% lưu lượng nước cấp.

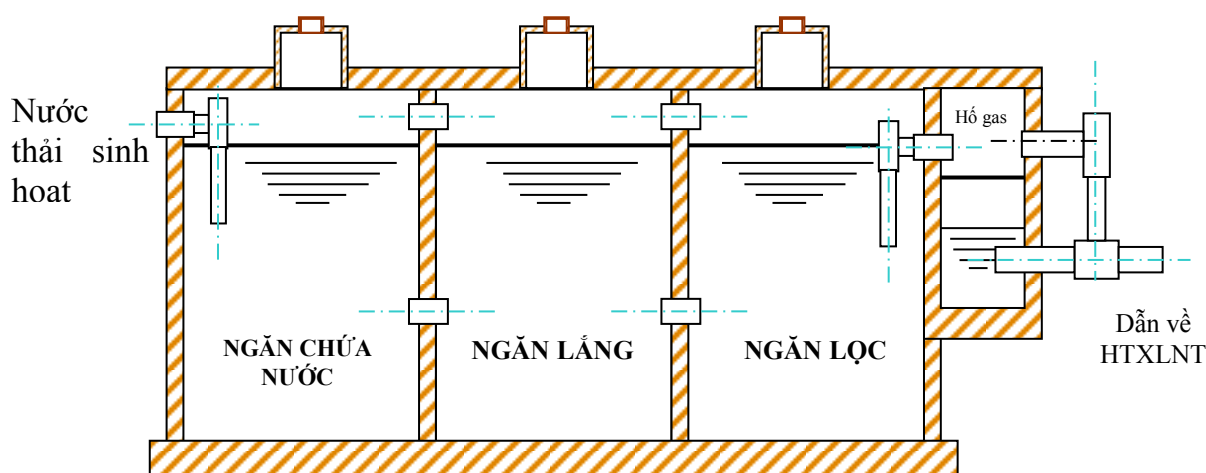
Bảng 3.1. Bảng tổng hợp lưu lượng nước thải của cơ sở

STT	Mục đích thải	Lưu lượng thải thực tế và khi sản xuất tối đa ($\text{m}^3/\text{ngày}$)
1	Nước thải cho sinh hoạt của công nhân viên	4,5
2	Nước thải từ quá trình vệ sinh vỏ bình gas	1,0
3	Nước thải từ quá trình kiểm tra độ kín của bình gas	0,5
4	Nước thải từ quá trình hấp thụ khói hàn từ quá trình hàn	1,0
Tổng		7,0

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương)

Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh của công nhân viên trong Công ty được xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn được bố trí ở dưới nhà vệ sinh, nước thải từ bể tự hoại và nước rửa tay từ lavabo sẽ thu gom vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty với công suất $17 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Bể tự hoại 3 ngăn tại công ty có cấu tạo như sau:



Hình 3.1. Bể tự hoại 3 ngăn

Nước thải sinh hoạt có nồng độ các chất ô nhiễm chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân huỷ sẽ được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại để lắng cặn và phân huỷ chất hữu cơ, nguyên tắc hoạt động của bể tự hoại như sau:

Nước thải chuyển động chậm chạp trong bể và các cặn dần được lắng xuống đáy bể. Sau một thời gian cặn lắng sẽ được phân huỷ yếm khí trong ngăn yếm khí. Sau đó nước thải chảy qua ngăn lắng rồi thoát ra ngoài theo ống dẫn. Trong mỗi bể tự hoại đều có cổng thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra do quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi nghẹt. Hiệu quả xử lý theo chất rắn lơ lửng đạt 65-70% và theo các chất hữu cơ đạt từ 40-50%.

Công ty đã xây dựng tổng cộng 02 bể tự hoại bố trí dưới các nhà vệ sinh với tổng thể tích 16 m³, cụ thể như sau:

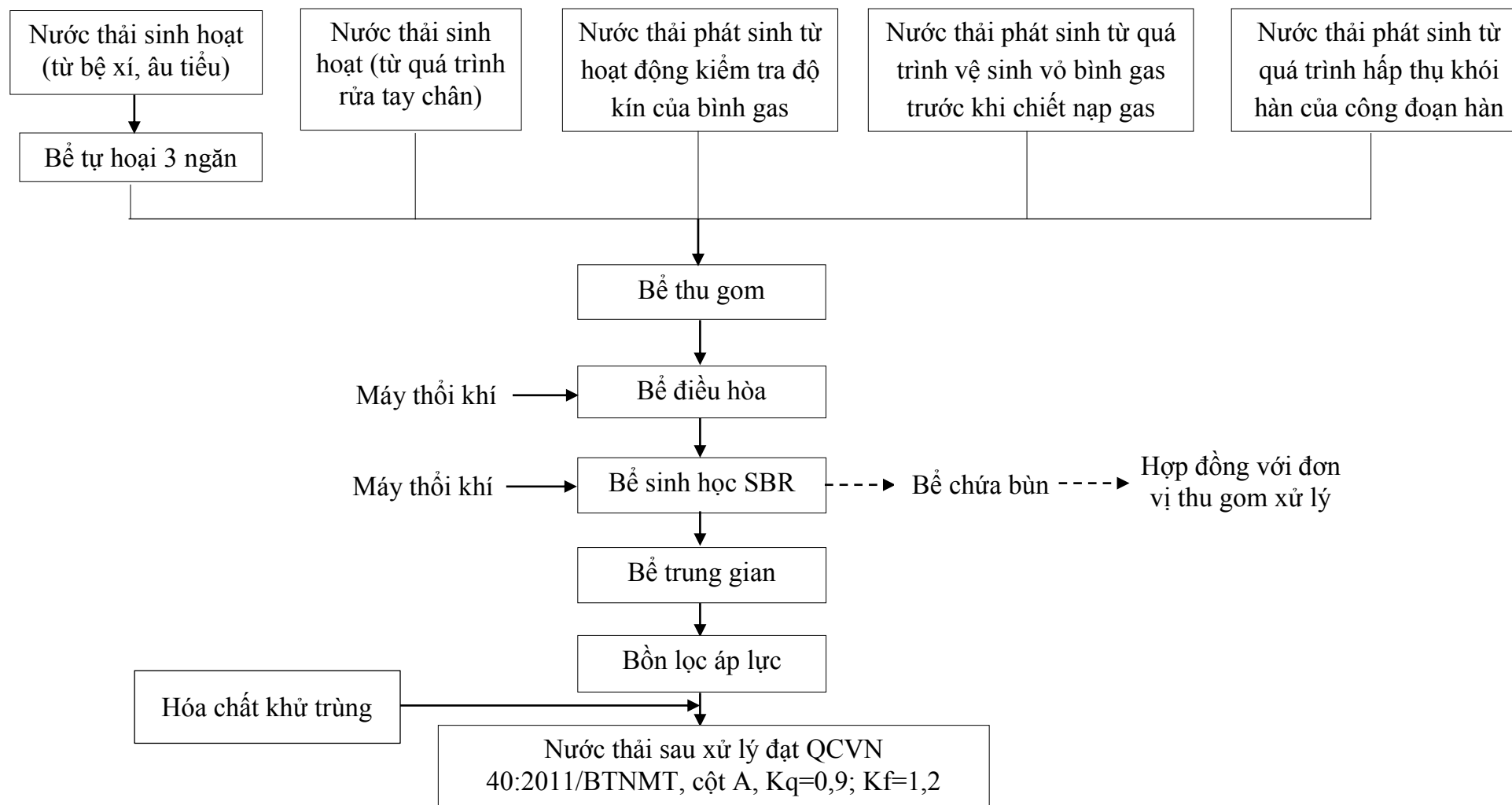
Bảng 3.2. Hạng mục bể tự hoại thực tế

TT	VỊ TRÍ NHÀ VỆ SINH	KÍCH THƯỚC	THỂ TÍCH
1	Khu nhà vệ sinh tại nhà văn phòng	D×R×H = 2m×2m×2m	8 m ³
2	Khu nhà vệ sinh công nhân	D×R×H = 2m×2m×2m	8 m ³
Tổng			16,0 m³

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương)

Công trình thu gom nước thải

Hệ thống thoát nước thải của cơ sở được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải của cơ sở được thu gom như sơ đồ sau:



Hình 3.2. Sơ đồ thu gom nước thải của cơ sở

Công ty đã lắp đặt hệ thống đường thu gom nước thải dạng ống nhựa PVC D42mm, D60mm và D114mm và đã xây dựng các công trình xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế là 17 m³/ngày để xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất, gồm các hạng mục như sau:

- **Nước thải sinh hoạt:**

- Nước thải từ bể xí, âu tiêu phát sinh từ khu nhà vệ sinh văn phòng sau bể tự hoại
- + Nước rửa tay chân → Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt bằng PVC D60mm – D114mm → hệ thống xử lý nước thải công suất 17 m³/ngày đêm → Hệ thống thoát nước trên đường giao thông nội bộ trước cổng công ty → Rạch thoát nước tự nhiên → Sông Thị Tính.

- + Số hố thu gom nước thải sinh hoạt: 2 hố, kích thước 1 hố D×R×H=1m×1m×1,5m. Kết cấu hố thu gom bằng gạch, xi măng và nắp bằng đan sắt đổ bê tông.

- + Đường ống thu gom: chất liệu nhựa PVC, đường kính D60mm – D114mm

- + Phương thức: dùng 01 bơm có công suất 1 HP/cái để bơm nước từ hố thu gom của khu vực nhà vệ sinh văn phòng về trạm xử lý nước thải tập trung của nhà máy.

- **Nước thải sản xuất:**

- *Nước thải phát sinh từ quá trình kiểm tra độ kín của bình gas* → Đường ống nhựa PVC D42mm – D114mm → hệ thống xử lý nước thải công suất 17 m³/ngày đêm → Hệ thống thoát nước trên đường giao thông nội bộ trước cổng công ty → Rạch thoát nước tự nhiên → Sông Thị Tính.

- + Số hố thu gom nước thải: 1 hố, kích thước hố thu Ø×H = 2,0×1,0 (m). Kết cấu hố thu gom bằng gạch, xi măng và nắp bằng đan sắt.

- + Đường ống thu gom: chất liệu nhựa PVC, đường kính D60mm – D114mm

- + Phương thức: dùng bơm có công suất 1 HP/cái để bơm nước từ hố thu gom về trạm xử lý nước thải sơ bộ của nhà máy.

- *Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh vỏ bình gas trước khi chiết nạp gas* → Đường ống nhựa PVC D42mm – D114mm → hệ thống xử lý nước thải công suất 17 m³/ngày đêm → Hệ thống thoát nước trên đường giao thông nội bộ trước cổng công ty → Rạch thoát nước tự nhiên → Sông Thị Tính.

- + Số hố thu gom nước thải: 2 hố, kích thước mỗi hố Ø×H = 1×1,5 (m). Kết cấu hố thu gom bằng gạch, xi măng và nắp bằng đan sắt.

- + Đường ống thu gom: chất liệu nhựa PVC, đường kính D42mm – D114mm

- + Phương thức: dùng bơm có công suất 1HP/cái để bơm nước từ hố thu gom về trạm xử lý nước thải sơ bộ của nhà máy.

- **Nước thải từ quá trình hấp thụ khói hàn của công đoạn hàn** → Đường ống nhựa PVC D42mm – D114mm → hệ thống xử lý nước thải công suất 17 m³/ngày đêm → Hệ thống thoát nước trên đường giao thông nội bộ trước cổng công ty → Rạch thoát nước tự nhiên → Sông Thị Tính.

+ Số hố thu gom nước thải sơn: 2 hố, kích thước mỗi hố Ø×H = 0,9×1,5 (m). Kết cấu hố thu gom bằng gạch, xi măng và nắp bằng đan sắt.

+ Đường ống thu gom: chất liệu nhựa PVC, đường kính D42mm – D114mm

+ Phương thức: tự chảy.

b/ Điểm xả nước thải sau xử lý

Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy sau khi được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 17m³/ngày đêm của nhà máy thì được thải ra hệ thống thoát nước trên đường giao thông nội bộ trước cổng công ty → Rạch thoát nước tự nhiên → Sông Thị Tính.

+ Đường ống dẫn nước thải sau xử lý: ống nhựa uPVC D114 mm, hố ga bê tông cốt thép (kích thước rộng 1,4m × dài 1,5m × sâu 2,5m) của hệ thống thoát nước trên đường giao thông nội bộ trước cổng công ty → Rạch thoát nước tự nhiên → Sông Thị Tính.

+ Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1233392; Y = 671099 (theo hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiếu 3⁰).

+ Địa chỉ công trình xử lý nước thải của Công ty: Số 245B, Tổ 10, Khu phố Kiến An, Phường An Điền, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

+ Chế độ xả nước thải: liên tục

+ Phương thức xả nước thải vào nguồn tiếp nhận: tự chảy

Tổng hợp hệ thống thu gom nước thải sản xuất và sinh hoạt của nhà máy như sau:

Bảng 3.3 Thông số kỹ thuật tuyến đường ống thu gom, xả thải nước thải của cơ sở

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
I. Nước thải sinh hoạt		
1	Đường ống thu gom nước thải từ bể tự hoại về trạm xử lý nước thải công suất 17 m ³ /ngày đêm.	- Vật liệu, kích thước đường ống: PVC D60mm – D114mm
2	Hố thu gom	- Số lượng: 02 hố - Kích thước mỗi hố: D × R × H = 1m × 1m × 1,5m. - Vật liệu: gạch, xi măng, nắp đan đồ bê tông cốt thép
3	Bơm thu gom	- Số lượng: 01 cái - Công suất: 1HP/cái
II. Nước thải sản xuất		
II.1. Nước thải phát sinh từ quá trình kiểm tra độ kín của bình gas		

1	Đường ống thu gom nước thải từ hố thu gom về trạm xử lý nước thải công suất 17 m ³ /ngày đêm.	- Vật liệu, kích thước đường ống: PVC D42mm – D114mm
2	Hố thu gom	- Số lượng: 01 hố - Kích thước: Ø×H = 2,0×1,0 (m). - Vật liệu: gạch, xi măng, nắp đan đồ bê tông cốt thép
3	Bơm thu gom	- Số lượng: 01 cái - Công suất: 1 HP/cái
II.2. Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh vỏ bình gas trước khi chiết nạp gas		
1	Đường ống thu gom nước thải từ hố thu gom về trạm xử lý nước thải công suất 17 m ³ /ngày đêm.	- Vật liệu, kích thước đường ống: PVC D42mm – D114mm
2	Hố thu gom	- Số lượng: 02 hố - Kích thước mỗi hố Ø×H = 1×1,5 (m). - Vật liệu: gạch, xi măng, nắp đan đồ bê tông cốt thép
3	Bơm thu gom	- Số lượng: 02 cái - Công suất: 1 HP/cái
II.3. Nước thải từ quá trình hấp thụ khói hàn của công đoạn hàn		
1	Đường ống thu gom nước thải từ hố thu gom về trạm xử lý nước thải công suất 17 m ³ /ngày đêm.	- Vật liệu, kích thước đường ống: PVC D42mm – D114mm
2	Hố thu gom	- Số lượng: 02 hố - Kích thước: Ø×H = 0,9×1,5 (m) - Vật liệu: gạch, xi măng, nắp đan đồ bê tông cốt thép
Điểm xả nước thải sau khi xử lý		
1	Đường ống dẫn nước thải sau xử lý ra điểm tiếp nhận nước thải	- Vật liệu, kích thước đường ống: uPVC D114 mm - Phương thức: tự chảy
2	Điểm xả nước thải sau xử lý	- Số lượng: 01 điểm - Tọa độ: X = 1233392; Y = 671099 (theo hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trục 105 ⁰ 45', múi chiếu 3 ⁰).

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương)

Thuyết minh quy trình

+ **Nước thải sinh hoạt:** có 02 điểm phát sinh:

- 1 điểm thu gom nước thải sinh hoạt tại khu vực văn phòng, đặt 1 hố thu gom có kích thước D×R×H=1m×1m×1,5m, và dẫn về bể chứa nước thải sinh hoạt của hệ thống xử lý nước thải bằng đường ống nhựa PVC đường kính 60-114 mm thông qua bơm nước thải công suất 1 Hp.

- 1 điểm thu gom nước thải tại khu vực nhà vệ sinh công nhân, đặt 1 hố thu gom có kích thước $D \times R \times H = 1m \times 1m \times 1,5m$, và dẫn về bể chứa nước thải sinh hoạt của hệ thống xử lý nước thải bằng đường ống nhựa PVC đường kính 60-114 mm theo phương pháp tự chảy.

+ **Nước thải sản xuất:** có 3 điểm thu gom và một số điểm đầu trực tiếp về hệ thống như sau:

- 1 điểm thu gom nước thải thử kín bình gas, đường kính hố thu $\varnothing 200mm$, chiều cao 1m và dẫn về bể chứa nước thải sinh hoạt của hệ thống xử lý nước thải bằng đường ống nhựa PVC đường kính 42 -114 mm thông qua bơm nước thải công suất 1 Hp.

- 2 điểm thu gom nước thải rửa bình gas, kích thước mỗi hố thu là $\varnothing \times H = 1 \times 1,5$ (m), mỗi hố đặt 1 bơm thu nước thải có công suất 1Hp để bơm nước thải về hệ thống xử lý nước thải của nhà máy thông qua đường ống nhựa PVC đường kính 42-114mm.

- Nước thải phát sinh từ quá trình hấp thụ khói hàn công đoạn hàn: được chảy vào hố lắng 2 ngăn (bao gồm 2 hố tròn được thông với nhau bằng đường ống nhựa PVC 90mm, kích thước mỗi hố lắng là $\varnothing 0,9m$, chiều cao $H=1,5m$), thời gian lắng là 1 tuần, cặn lắng được gom về bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải, nước thải sau khi lắng được tự chảy về hệ thống xử lý nước thải theo đường ống nhựa PVC 42mm.

Toàn bộ nước thải sản xuất và sinh hoạt sau khi thu gom sẽ được chảy về bể điều hòa.

- **Bể điều hòa:** có tác dụng điều hòa nồng độ và lưu lượng nước thải nhằm tránh tình trạng sốc tải cho hệ thống phía sau khi lưu lượng xả trong ngày là không đồng đều. Tạo chế độ làm việc ổn định cho các công đoạn phía sau, tránh hiện tượng quá tải. Tại bể điều hòa được sục khí nhằm tránh hiện tượng kỵ khí gây mùi hôi thối và giảm một phần chất ô nhiễm trong nước thải. Nước từ bể điều hòa được bơm lên bể anoxic. Hiệu suất của bể điều hòa có thể giảm 10 – 30 % COD, 10 – 30 %BOD, 10%TSS.

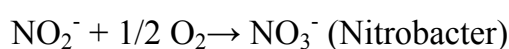
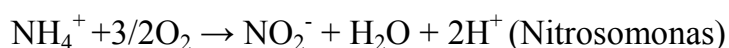
Theo kinh nghiệm của đơn vị tư vấn thì với công nghệ xử lý nước thải sinh học hiếu khí dạng mẻ (SBR) thì mùi hôi phát sinh nhiều nhất ở bể điều hòa, đây là nơi chứa nước thải đầu vào thu gom từ các nguồn. Do đó, tại nhà máy bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải được xây dựng âm, có nắp đan chịu lực dầy lại để giảm thiểu mùi hôi phát sinh.

- **Bể sinh học SBR:** xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học theo quy trình phản ứng từng mẻ. Bể phản ứng vừa có chức năng xử lý sinh học, vừa có chức năng lắng. Nước sau khi ra khỏi bể này, hàm lượng COD và BOD giảm 80-95%, nồng độ SS giảm 60-85%. Nguyên tắc hoạt động của bể SBR bao gồm chuỗi chu trình xử lý liên tiếp với các giai đoạn sau:

- + Giai đoạn 1 (giai đoạn nạp nước làm đầy): trong suốt quá trình nạp nước thải vào bể khí được cấp vào bể. Khí sẽ hòa trộn đồng đều nước thải đầu vào trên toàn diện tích bể, tạo môi trường thuận lợi cho quá trình xử lý các chất ô nhiễm diễn ra trong

bể, trong bể diễn ra quá trình oxy hòa các hợp chất hữu cơ, loại bỏ một phần BOD và COD trong nước thải.

- + Giai đoạn 2 (Giai đoạn phản ứng): tạo phản ứng sinh hóa giữa nước thải và bùn hoạt tính bằng sục khí làm thoáng bề mặt để cấp oxy vào nước và khuấy trộn đều hỗn hợp. Thời gian của pha này khoảng 2 giờ, tùy thuộc vào chất lượng nước thải. Trong pha này diễn ra quá trình nitrat hóa và oxy hóa các chất hữu cơ. Loại bỏ COD/BOD trong nước và xử lý các hợp chất nito. Quá trình nitrat hóa diễn ra một cách nhanh chóng: sự oxy hóa amoni (NH_4^+) được tiến hành bởi các loài vi khuẩn Nitrosomonas quá trình này chuyển đổi ammoniac thành nitrit (NO_2^-). Các loại vi khuẩn như nitrobacter có nhiệm vụ oxy hóa nitrit thành nitrat (NO_3^-)



Trong giai đoạn này cần kiểm soát các thông số đầu vào như: DO, BOD, COD, N, P, cường độ sục khí, nhiệt độ, pH,... để có thể tạo bông bùn hoạt tính hiệu quả cho quá trình lắng sau đây.

- + Giai đoạn 3 (Giai đoạn lắng): giai đoạn này ngăn không cho nước thải vào bể SBR, không thực hiện thổi khí và khuấy trong giai đoạn này nhằm mục đích lắng trong nước trong môi trường tĩnh hoàn toàn. Đây cũng là thời gian diễn ra quá trình khử nito trong bể với hiệu suất cao. Thời gian diễn ra khoảng 2 giờ. Kết quả của quá trình này là tạo ra 2 lớp trong bể, lớp nước tách pha ở trên và phần cặn lắng chính là lớp bùn ở dưới.
- + Giai đoạn 4 (Giai đoạn xả nước và bơm xả bùn dư): Trong giai đoạn này, phần nước trong phía trên trong bể SBR được đưa sang bể trung gian & khử trùng. Một phần lượng bùn hoạt tính lắng dưới đáy bể được đưa sang bể chứa bùn. Khi giai đoạn xả nước, xả bùn hoàn tất, nước thải tiếp tục được nạp vào bể SBR để tiếp tục chu kỳ mới.

- **Bể trung gian:** bể này được sử dụng để chứa nước sau khi lắng ở bể SBR, sau khi ổn định lưu lượng, nước thải được bơm sang bể lọc áp lực.

- **Bể lọc áp lực:** nhằm loại bỏ cặn còn sót lại trong quá trình lắng, trong bể lọc áp lực sẽ có các loại vật liệu lọc như sỏi, cát lọc, nước thải sau khi lọc được châm hóa chất khử trùng clorin được châm vào để diệt các dạng vi khuẩn, các mầm bệnh còn lại trong nước thải, sau đó nước thải được chảy ra cống thoát nước.

Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_f=1,2$; $K_d=0,9$) sẽ được thải ra cống thoát nước chung của khu vực trên đường giao thông nông thôn, sau đó thoát ra rạch thoát nước tự nhiên của khu vực và thải ra sông Thị Tính.

Số lượng và kích thước các bể của hệ thống xử lý nước thải của công ty như sau:

Bảng 3.4. Các hạng mục trong hệ thống xử lý nước thải tập trung

STT	Tên bể	Thông số kỹ thuật
1	Hố thu gom	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng: 06 hố (03 điểm thu gom nước thải sinh hoạt, 03 điểm thu gom nước thải sản xuất) - Hố thu gom nước thải sản xuất: công bê tông Ø1000, cao 1500mm, xây âm, có nắp đan chịu lực - Hố thu gom nước thải sinh hoạt: xây thành gạch, đáy BTCT có nắp đan chịu lực; kích thước $D \times R \times H = 1m \times 1m \times 1,5m$
2	Bể lắng nước thải hấp thụ khói hàn	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng: 01 bể - Cấu tạo: gồm 2 hố tròn BTCT, kích thước Ø0,9m, chiều cao $H=1,5m$, đặt thông với nhau bằng ống thông Ø90mm. - Nước thải sau khi lắng tự chảy về hệ thống xử lý nước thải bằng đường ống nhựa PVC 42mm.
3	Bể điều hòa	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng: 01 bể - Kích thước $D \times R \times H: 3m \times 2,1m \times 2,3m$ - Vật liệu: tường gạch đáy bê tông cốt thép, chống thấm, xây dựng âm, có nắp đan chịu lực đầy phía trên
4	Bể sinh học SBR	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng: 01 bể - Kích thước: $\varnothing \times H = 2,2m \times 3,3m$ - Vật liệu: thép CT3
5	Bể trung gian	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng: 01 bể - Kích thước 1000 lít - Vật liệu: nhựa PVC
6	Bể lọc áp lực	<ul style="list-style-type: none"> Bồn thép CT3 Đường kính $\varnothing \times H = 2,2m \times 3,3m$
7	Bể phơi bùn	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng: 1 bể Kích thước: $D \times R \times H = 2,1m \times 1m \times 2,3m$ Vật liệu: tường gạch đáy bê tông cốt thép, chống thấm, xây âm, có nắp đan chịu lực.

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương)



Hình 3.3. Trạm xử lý nước thải tập trung, công suất 17 m³/ngày



Hình 3.4. Hồ ga đầu nối nước thải bên ngoài dự án

➤ **Đánh giá sự phù hợp của vị trí đặt hệ thống xử lý nước thải**

Vị trí dự kiến đặt trạm xử lý nước thải của nhà máy nằm ở phía Đông của khu đất nhà máy, diện tích bố trí xây dựng trạm xử lý nước thải khoảng 50 m², khoảng cách từ vị trí trạm xử lý nước thải đến các đối tượng khác trong nhà máy như sau:

- Cách khu văn phòng khoảng 50m
- Cách khu chiết nạp gas khoảng 30m
- Cách khu đặt bồn chứa gas 30m
- Cách xưởng sản xuất vỏ bình gas khoảng 10m

Vị trí xây dựng hệ thống xử lý nước thải ở phía Đông của nhà máy, không nằm trên đường thoát hiểm giữa hai xưởng, giữa 2 xưởng (xưởng chiết nạp gas, xưởng sản xuất vỏ bình gas) được ngăn cách nhau bằng một khoảng đất trống có trồng nhiều cây xanh, mặt bằng xưởng sản xuất vỏ bình gas cao hơn khu vực chiết nạp, khu đặt bồn gas khoảng 1,5-2m. Hai khu vực được ngăn cách nhau bằng bức vách đá cao 2m. Do vậy, vị trí xây dựng hệ thống xử lý nước thải không hề ảnh hưởng đến đường thoát hiểm, đường PCCC của nhà máy.

Xung quanh khu vực trạm xử lý được trồng rất nhiều cây xanh. Theo quy định Quy chuẩn xây dựng QCVN 01:2021/BXD thì khoảng cách an toàn của hệ thống xử lý nước thải đến các đối tượng xung quanh tối thiểu 15m (đối với hệ thống có công suất <200 m³/ngày). Do vậy, căn cứ theo quy định này, vị trí dự kiến xây dựng trạm xử lý

nước thải đảm bảo khoảng cách an toàn đối với các đối tượng xung quanh khi bố trí vị trí xây dựng hệ thống xử lý nước thải.

Nước thải từ các hố thu gom đều sử dụng bơm để bơm về trạm xử lý. Từ vị trí trạm xử lý nước thải ra hố ga thoát nước của khu vực trên đường giao thông nông thôn phía trước công ty cao hơn, cho nên sau khi xử lý nước thải đạt quy chuẩn, nước thải được thải ra hố ga thoát nước theo phương thức tự chảy.

❖ **Hóa chất sử dụng và điện năng tiêu thụ cho hệ thống xử lý nước thải**

Công ty áp dụng công nghệ xử lý sinh học hiếu khí. Bộ vi sinh sử dụng là các chủng Bacillus, Lactobacillus, Streptomyces, Saccharomyces, Aspergillus,...có vai trò phân hủy mạnh mẽ xenluloz, tinh bột, protein, lipid, pectin, kitin... Có khả năng tiêu diệt vi trùng gây bệnh làm cho vi trùng gây bệnh không tồn tại lâu dài và phát triển trong môi trường nước. Sự có mặt của các chủng vi sinh trong hệ thống xử lý nước thải hiếu khí còn làm tăng khả năng sự tạo bông và kết lắng của bùn hoạt tính, tăng mật độ vi sinh vật hữu ích trên các màng đệm sinh học giúp tăng cường hiệu quả xử lý nước thải. Lượng hóa chất sử dụng cho xử lý nước thải như sau:

Bảng 3.5. Hóa chất tiêu thụ cho công trình xử lý nước thải tập trung

STT	Tên hóa chất	Đơn vị	Khối lượng	Mục đích sử dụng
1	Javen	Lít/ngày	12,0	Khử trùng nước thải

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương)

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương đã phối hợp với Công ty TNHH Môi trường và An toàn lao động Sao Việt tiến hành lấy mẫu nước thải sau hệ thống xử lý vào ngày 28/08/2024. Chất lượng nước thải sau xử lý của công ty được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.6. Chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT cột A (Kq=0,9; Kf=1,2)
1	pH	-	6,20	6-9
2	TSS	mg/l	17	50
3	COD	mg/l	36	75
4	BOD ₅	mg/l	20	30
5	Tổng N	mg/l	18,2	20
6	Tổng P	mg/l	0,35	4
7	Tổng coliform	MPN/100ml	2.400	3.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương)

Theo bảng kết quả phân tích ở trên cho thấy, nồng độ các chỉ tiêu trong nước thải sau hệ thống xử lý của công ty đều nằm trong giới hạn phép theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột A. Điều này chứng tỏ hệ thống xử lý nước thải của công ty đang hoạt động khá hiệu quả.

3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

3.2.1. Giảm thiểu tác động môi trường không khí từ phương tiện giao thông

Bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển và bốc dỡ nguyên liệu, sản phẩm có tính chất là phân tán, tác động không liên tục và nồng độ không cao. Để giảm thiểu nguồn ô nhiễm này, ngay từ khâu xây dựng cơ sở và trong suốt quá trình triển khai hoạt động cơ sở, công ty có một số biện pháp giảm thiểu như sau:

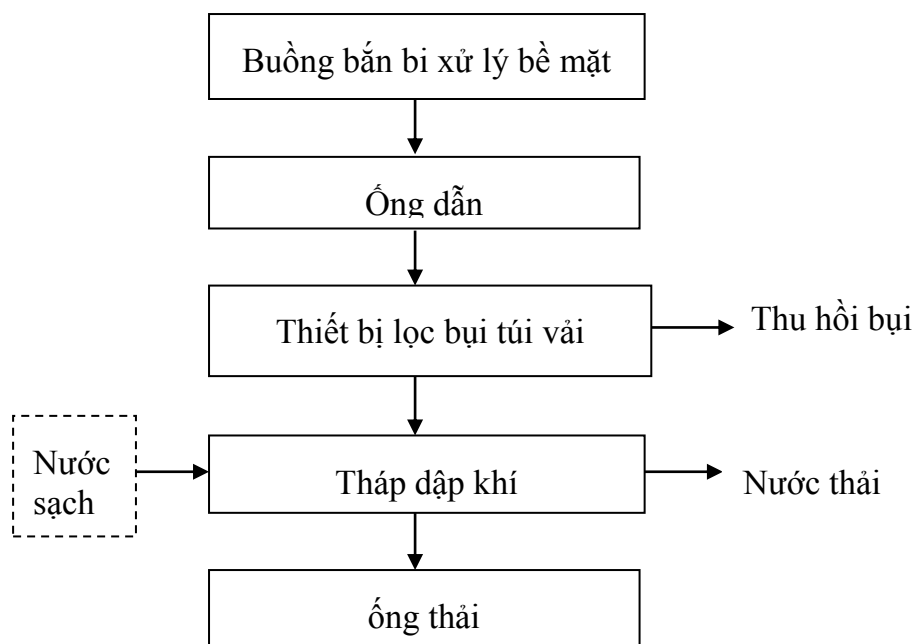
- Bê tông hóa toàn bộ đường giao thông, khuôn viên nhà máy và thường xuyên quét dọn vệ sinh khu vực tập kết nguyên liệu, khu vực kho để hạn chế tối đa bụi phát tán từ mặt đất.
- Xây dựng chế độ chạy của xe vận chuyển hàng và chế độ bốc dỡ hàng hợp lý. Xe khi vào đến khu vực cơ sở phải chạy chậm với tốc độ cho phép, trong thời gian bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm không nổ máy.
- Trang bị bảo hộ lao động như khẩu trang chống bụi, găng tay...cho công nhân bốc xếp hàng hoá.
- Trồng cây xanh trong các khu vực nhà máy, trên các tuyến đường nội bộ và khu bãi nhận nguyên liệu vì cây xanh có tác dụng điều hoà vi khí hậu và khống chế bụi rất hiệu quả.
- Vệ sinh quét dọn thường xuyên khuôn viên nhà máy để thu gom bụi.
- Các phương tiện giao thông phải được bảo trì và thay thế nếu không còn đảm bảo kỹ thuật và sử dụng các loại nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

3.2.2. Công trình xử lý khí thải số 01 (Công trình xử lý bụi từ công đoạn bắn bi làm sạch bề mặt vỏ bình gas).

➤ Theo ĐTM

Công đoạn bắn bi làm sạch được thực hiện trong máy bắn bi, dòng khí trong máy bắn bi theo đường ống dẫn sẽ dẫn dòng khí có lẫn bụi vào hệ thống thu bụi bằng túi vải, dòng khí thải sau thiết bị lọc túi vải được thu gom về tháp dập khí bằng nước để loại bỏ tối đa lượng bụi trước khi thải ra ngoài.

Nguyên lý của thiết bị thu gom bụi và giảm thiểu khí thải đi kèm với hệ thống máy bắn bi làm sạch như sau:



Hình 3.5. Quy trình công nghệ thu gom bụi từ công đoạn bắn bi làm sạch theo ĐTM

Thuyết minh nguyên lý hoạt động:

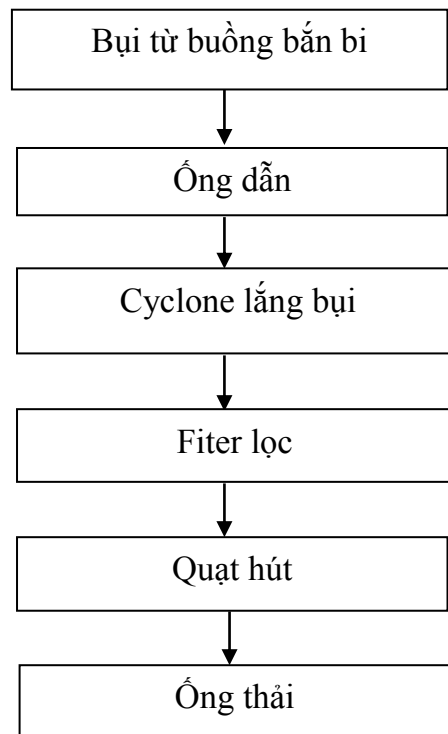
Bụi sinh trong từ buồng phun bi sẽ được quạt hút đưa về thiết bị lọc bụi túi vải đi kèm với thiết bị. Các hạt bụi có kích thước lớn hơn khoảng cách giữa các sợi vải sẽ được giữ lại đồng thời tạo thành một lớp liên kết với các sợi vải để có thể giữ lại các hạt bụi có kích thước nhỏ hơn khoảng cách giữa hai sợi vải nhằm tăng hiệu quả lọc đối với các hạt bụi có kích thước nhỏ (vài μm). Tuy nhiên, khi bụi bám đầy trên mặt túi vải, che kín bề mặt túi vải làm tăng sức cản của nó đối với dòng khí thì sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả lọc của túi vải. Vì vậy, hệ thống túi vải được thiết kế hệ thống giữ bụi tự động nhờ giàn rung giữ bụi kết hợp với khí thổi ngược vào túi vải để loại bỏ bụi bám và tăng hiệu quả xử lý bụi. Dòng khí sau hệ thống túi vải tiếp tục được quạt hút hút ra thiết bị dập khí, dòng khí đi từ dưới lên, các béc phun nước phun nước từ trên xuống ngược với dòng khí di chuyển để làm giảm nồng độ bụi còn sót lại trong dòng khí sau khi qua thiết bị lọc túi vải. Nước dập khí được bơm tuần hoàn liên tục và mỗi ngày thay 1 lần. Dòng khí sạch thoát ra ngoài qua ống thải.

Lượng bụi phát sinh trong quá trình lọc sẽ được chứa ở phễu chứa bụi của thiết bị lọc túi vải. Lượng bụi này được công nhân thu gom bằng cách xả van, chứa đựng kín trong các thùng chứa và đưa về kho chứa chất thải. Hiệu suất lọc bụi của thiết bị lọc túi vải đạt khoảng 95%.

➤ *Theo thực tế*

Công ty sử dụng thiết bị bắn bi kín. Các bình gas được đưa vào máy bắn bi để làm sạch bề mặt và tạo độ nhám trước khi sơn. Vật liệu dùng để bắn là những hạt bi sắt nhỏ, sau khi bi được bắn sẽ được tuần hoàn tái sử dụng lại, sau thời gian làm sạch, bi sắt bị mài mòn thì sẽ thay bi sắt khác, bi sắt bị loại được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng.

Ngoài ra, đặc thù của thiết bị bắn bi được bố trí trong buồng kín, dòng khí trong máy bắn bi sẽ theo đường ống thu gom về hệ thống để loại bỏ tối đa lượng bụi trước khi thoát khí sạch ra môi trường.



Hình 3.6. Quy trình công nghệ thu gom bụi từ công đoạn bắn bi làm sạch thực tế

Máy bắn bi dạng cánh quạt, tốc độ cao $V = 2.700$ vòng /phút. Lực tác động bi thép trực tiếp của bi thép vào thân vỏ bình gas, để làm sạch bề mặt và tạo độ nhám cho công đoạn sơn tĩnh điện tiếp theo. Máy có 2 trục nghiêng để bình gas vừa xoay tròn vừa chuyển động tịnh tiến từ đầu vào và ra ngoài. Bi thép lưu chuyển tuần hoàn từ buồng bắn thông qua vít tải bi, băng tải đứng, cung cấp bi cho 2 đầu bắn bi.

- Máy có hệ thống thu gom bụi 2 cấp qua Cyclon và tủ thu bụi Fillter.
- Bụi sinh ra trong buồng bắn bi bao gồm bụi của lớp sơn cũ được đốt cháy và bụi do bi thép bị hao mòn trong quá trình bắn bi. Bụi nặng được thu hồi qua bộ lọc cấp 1 là cyclon lắng , lưu lượng $6.000 \text{ m}^3/\text{h}$, hiệu suất lọc là 90% . Bụi nhẹ được thu qua tủ lọc Fillter vật liệu bằng sợi polyster, cấp lọc 0,1micron. Số lượng fillter là 16 cái, kích thước lọc Filter $D3200 \times 1200\text{mm}$. Hiệu suất lọc đạt đến 98%. Bụi được hút thông qua Quạt hút công suất $7,5\text{HP} \times 2.800\text{vg/p}$, lưu lượng: $8000\text{m}^3/\text{h}$, cột áp 3.500Pa. Khí thải ra môi trường qua ống thoát $\varnothing 400\text{mm}$. Quy chuẩn áp dụng QCVN 19: 2009/BTNMT , cột B.
- Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi của máy phun bi như sau:

Bảng 3.7. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi của máy phun bi

TT	Loại	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Chụp hút	- Kích thước: D×R = 40 x30 (mm); - Vật liệu: tôn tráng kẽm.	01
2	Cyclone lắng bụi	- Lưu lượng 6000m ³ /h - Đường kính D1100mm	01
3	Ống dẫn	- Đường kính D400mm - Vật liệu: thép tráng kẽm	
4	Filter lọc bụi	- Kích thước filter lọc: D×R×H= 1800×1800×3750 mm - Kích thước túi lọc: D×R= 320×1200 mm - Cấp lọc: 0,1 micron - Số lượng: 16 cái - Vật liệu: Sợi Polyester	01
5	Quạt hút	- Công suất 7,5HP - Tốc độ: 2.800 v/p - Lưu lượng: 8.000 m ³ /h - Cột áp: 3.500 Pa	01
6	Ống thải	- Đường kính D400mm - Chiều cao 9m - Vật liệu: ống thép tráng kẽm	01

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương)



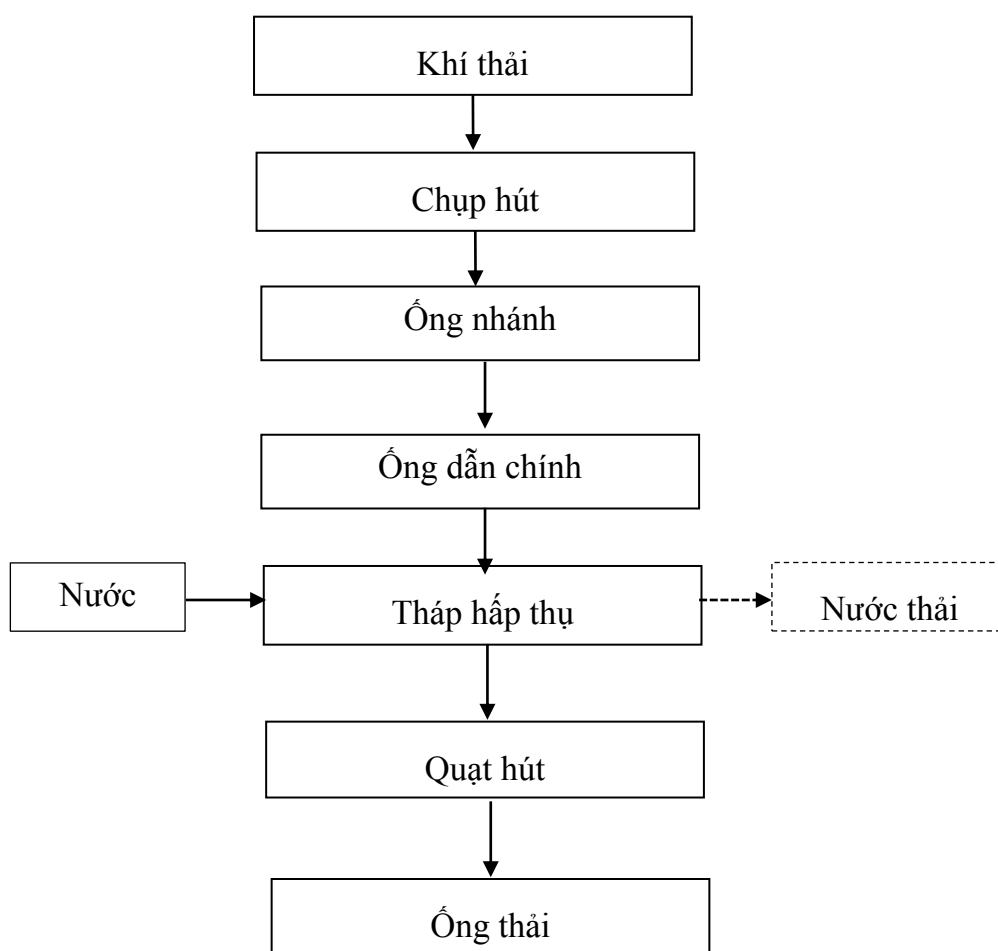
Hình 3.7. Hệ thống xử lý bụi từ máy phun bi tại cơ sở

Ngoài ra, Công ty còn có một số biện pháp như:

- Trang bị khẩu trang chống bụi cho công nhân làm việc trực tiếp.

- Trang bị quần áo bảo hộ lao động (vải có độ dày thích hợp), kính bảo vệ mắt và găng tay cho công nhân thực hiện công đoạn bắt bọ.
- Thường xuyên vệ sinh, bảo dưỡng máy, vệ sinh nền nhà xưởng bằng máy hút bụi công nghiệp và thu gom bụi sinh ra trong quá trình sản xuất để hạn chế bụi phát tán ra môi trường xung quanh (tổ chức vệ sinh vào cuối ca sản xuất).
- Có chế độ khám sức khỏe định kỳ nhằm nhanh chóng phát hiện những ảnh hưởng của sản xuất tới người lao động.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy và dọc đường giao thông với các loại cây có tán lớn, lâu năm, cây bụi, thảm cỏ... Cây xanh sẽ có vai trò chắn bụi, chắn gió hạn chế việc phát tán bụi đi xa.

3.2.3. Công trình xử lý khí thải số 02 (Công trình xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn hàn)



Hình 3.8. Quy trình công nghệ xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn hàn

Thuyết minh quy trình:

Khí thải từ khu vực bố trí các máy hàn được quạt hút thu gom qua ống nhánh đường kính 100mm dẫn ống chính 200mm đi vào tháp hấp thụ bằng nước. Dòng khí thải đi từ dưới lên, nước hấp thụ sẽ được bơm từ bể chứa lên tháp hấp thụ và phân phối bao phủ dòng khí từ theo hướng từ trên xuống dưới, trong quá trình này nước sẽ hấp thụ các chất

ô nhiễm trong khí thải và chảy vào bể chứa (bể chứa có dung tích $2,16 \text{ m}^3$, thể tích chứa nước là 1 m^3), nước thải loại này được xả 1 tuần 1 lần, trước khi bơm về hệ thống xử lý nước thải chính, thì nước thải hấp thụ sẽ được bơm sang bể lắng cặn 2 ngăn, nước thải sau khi lắng được tự chảy về hệ thống xử lý nước thải, cặn lắng được thu gom về bể chứa bùn của hệ thống.

Khí sạch sau khi xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $K_p=1$ $K_v=0,8$), sau đó sẽ thoát ra ngoài qua 01 ống thải, đường kính D400mm, chiều cao 9m.

Bảng 3.8. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn hàn

TT	Tên hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Chụp hút	- Vật liệu: inox 304 dày 1,0 mm - KT (mm): 300×200×300 - Thiết kế có khe hướng dòng	08 cái
2	Ống nhánh	- Vật liệu: inox 304 dày 0.8 mm - KT (mm): D = 100mm	Hệ thống
3	Ống chính	- Vật liệu: inox 304 dày 0.8 mm - KT (mm): D = 200mm	Hệ thống
4	Bơm nước	- Chung loại: bơm chìm - Xuất xứ : Nhật - Công suất : 1 Hp - Dòng điện: 380V – 3 phase	01 cái
5	Quạt hút	- Công suất N = 7.5 HP - Lưu lượng Q = $6.000 \text{ m}^3/\text{h}$ - Cột áp H = $2.200 \div 1.835 \text{ Pa}$	01 cái
6	Tháp hấp thụ	- Hình hộp - Kích thước: D×R×H= $1,5 \times 1,5 \times 2,0(\text{m})$ (tính theo chiều cao phần thân thiết bị) - Chất liệu: inox 304 dày 1 mm	01 Hệ thống
7	Ống thải	- Vật liệu: inox 304 dày 1 mm - Đường kính 400mm, cao 9m (tính từ mặt đất)	01 cái
8	Bể chứa nước tuần hoàn	- Kích thước: D×R×H= $1,5 \times 1,2 \times 1,2 (\text{m})$ - Chất liệu: thép CT3 hoặc BTCT	01 bể

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương)

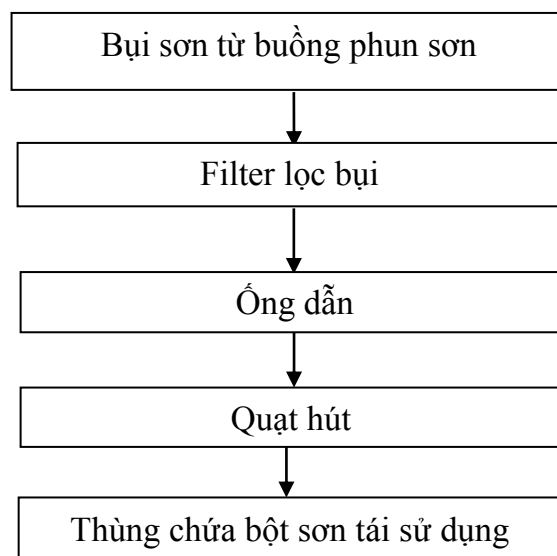


Hình 3.9. Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn hàn tại cơ sở

3.2.4. Công trình xử lý khí thải số 03 (Công trình xử lý bụi từ quá trình phun sơn tĩnh điện)

➤ ***Theo ĐTM***

Dự án sử dụng công nghệ phun sơn tĩnh điện, phun sơn khô. Trong quá trình phun sơn, bụi sơn tĩnh điện được thu gom bằng hệ thống filter để tái sử dụng. Hệ thống thu hồi bụi sơn không đầu tư ống thải. Quy trình thu gom bụi sơn như sau:



Hình 3.10. Quy trình thu gom bụi sơn tĩnh điện theo ĐTM

➤ **Theo thực tế**

Công nghệ phun sơn của công ty sử dụng là sơn tĩnh điện khô, nghĩa là sử dụng phương pháp phun sơn bột (không sử dụng dung môi) lên bề mặt kim loại. Ưu điểm của phương pháp này là lượng bụi sơn phát sinh được thu hồi đến 95% để tái sử dụng, chi phí thấp và thân thiện với môi trường.

Công ty sẽ sử dụng súng phun sơn phun xịt lên vật được treo bằng móc vào bồn phun sơn. Thành phần của sơn tĩnh điện như sau: nhựa polyester (70% -75%), triglycidyl isocyanurate (5%), dioxit titan (2%), oxit sắt (2%), bột aluminium (10%), canxi cacbonate (6%), tính chất của sơn tĩnh điện như sau:

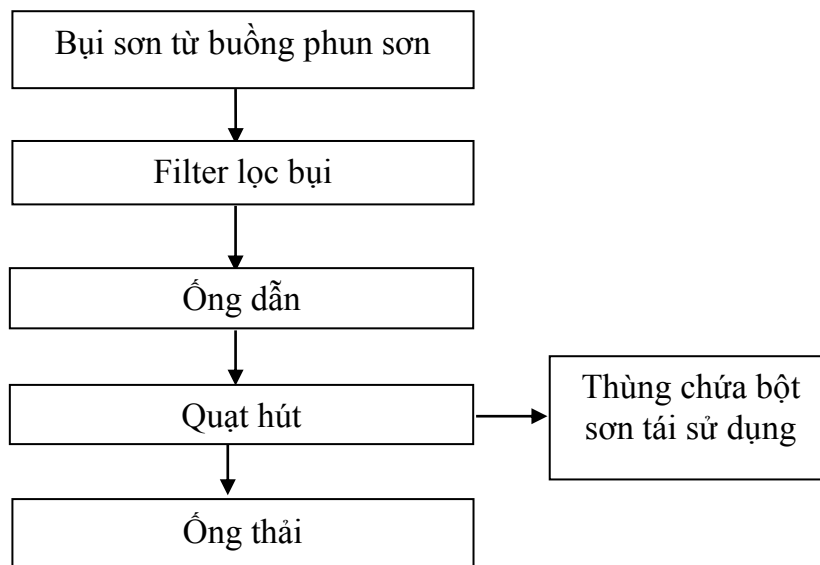
Bảng 3.9. Tính chất cơ bản của bột sơn tĩnh điện

STT	Thông số	Lý tính, hóa tính
1	Trạng thái	Bột mịn
2	Phạm vi nóng chảy	80 ⁰ C-104 ⁰ C
3	Điểm bắt lửa	Không có
4	Giới hạn nổ tối thiểu	30-70%
5	Giới hạn nổ tối đa	Không có
6	Hòa tan trong nước	Không đáng kể
8	VOC	Không có

Thực tế, chủ cơ sở có lắp đặt 01 ống thải sau hệ thống filter lọc bụi. Một buồng phun sơn bột gồm các bộ phận sau:

- Phòng sơn
- Hệ thống hút bột sơn gồm 02 quạt ly tâm công suất cao
- Hệ thống lọc bụi sơn bao gồm filter và van để rung rũ bột sơn
- Hệ thống điều khiển bao gồm tủ điều khiển và hệ thống đèn chiếu sáng
- Ống thải.

Quy trình thu gom bụi sơn như sau:



Hình 3.11. Quy trình thu gom bụi sơn tĩnh điện thực tế

Thuyết minh quy trình:

Buồng phun sơn bột đóng vai trò rất quan trọng, vì đặc tính của sơn tĩnh điện bột là sơn bột do độ bám dính lên bề mặt kim loại là nhờ vào điện tích trái dấu của các ion mang điện tích + của bột sơn và của vật thể sơn, số lượng bột sơn dư được thu hồi triệt để đến 97 %, nhờ vào tủ thu hồi bột tương thích dính kèm, để tái sử dụng lại nên đạt hiệu quả kinh tế rất cao. Đó cũng là 1 trong nhiều ưu việt của buồng sơn tĩnh điện bột.

Sản phẩm sơn theo băng chuyền đi qua buồng phun sơn, công nhân được trang bị khẩu trang, kính bảo hộ đứng phun sơn lên bề mặt sản phẩm. Quạt hút ly tâm hút bụi sơn vào filter thu bụi. Không khí lẫn bụi sơn được hút vào filter lọc bụi. Các hạt bụi có kích thước lớn hơn khe giấy lọc sẽ bị giữ lại trên bề mặt của tấm theo nguyên lý rây, các hạt bụi nhỏ hơn cũng chịu tác động của lực hút tĩnh điện, lực hấp dẫn do va chạm sinh ra và dính vào bề mặt của ống lọc. Lớp bụi nhỏ này dần dày lên tạo thành một lớp màng trợ lọc ngăn cản những bụi mịn và nhỏ nhất.

Bụi định kỳ được rung rũ và hút theo đường ống về thùng chứa bột sơn để tái sử dụng, một phần sẽ đi theo ống thải có đường kính D400mm, chiều cao 14m thoát ra bên ngoài. Thông số kỹ thuật của hệ thống phun sơn tĩnh điện:

Bảng 3.10. Các thông số kỹ thuật của hệ thống phun sơn tĩnh điện

TT	Tên hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Buồng phun sơn	<ul style="list-style-type: none">- Kích thước: D×R×C= 4500mm×1000mm × 2220mm- Vật liệu tole kẽm dày 2mm, sơn phủ màu xanh- Đáy sàn bằng inox	01 cái

2	Tủ điện điều khiển hệ thống điện	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng CD LS, có hệ thống chống mất phase - Hai bộ đèn chiếu sáng 	Hệ thống
3	Quạt thu hồi bụi sơn	<ul style="list-style-type: none"> - Công suất: 10HP - Lưu lượng: 9.000 m³/giờ - 3fa, 380V 	01 cái
4	Filter lọc bụi	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước filter lọc bụi 3290×1250mm - Kích thước túi lọc Ø320×900mm - Loại thông 1 đầu, đầu dưới lỗ ti 14mm - Số lượng filter: 06 cái 	01 cái
5	Thùng thu hồi bụi sơn tái sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng thép - Kích thước D×R×H=1,2m×1,0m×1,2m 	01 cái
6	Ống thải	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính D400mm, cao 14 m - Chất liệu: inox dày 	01 cái

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương)

Bên cạnh đó, nhà máy còn áp dụng một số biện pháp giảm thiểu đảm bảo sức khỏe cho người lao động làm việc trong công đoạn phun sơn tĩnh điện như sau:

- Công đoạn phun sơn tĩnh điện được bố trí khu vực riêng, để tránh ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân các công đoạn khác.
- Công nhân ở công đoạn này được trang bị mặt nạ phòng độc, mắt kiếng và quần áo bảo hộ để giảm ảnh hưởng đến sức khỏe
- Bên ngoài nhà xưởng, công ty trồng cây xanh dọc theo tường rào nhà máy với các loại cây có tán lớn, rộng để làm hành lang cách ly với với các khu vực xung quanh.



Hình 3.12. Buồng sơn tĩnh điện tại cơ sở

3.2.5. Giảm thiểu khí thải buồng sấy sau khi sơn tĩnh điện

Trong thành phần của sơn không chứa hợp chất bay hơi, mục đích của sấy là làm chảy lớp sơn nhằm phủ đều lên trên mặt bình gas, giúp sơn phủ đều lên bề mặt bình gas, trong thành phần sơn tĩnh điện không chứa dung môi hữu cơ bay hơi.

- Trang bị đồ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại khu vực sấy.
- Trang bị quạt thổi cục bộ tại khu vực sấy.

3.2.6. Giảm thiểu khí thải lò nung

- Nhà máy sử dụng khí gas LPG - một loại nhiên liệu sạch cung cấp nhiệt cho quá trình luyện nhiệt. Việc đốt gas sản sinh ra các khí thải như NO_x, SO₂, CO... trong quá trình cháy thấp hơn nhiều so với các nhiên liệu khác đã làm cho gas (LPG) trở thành một trong những nguồn nhiên liệu thân thiện nhất với môi trường trên thế giới.
- Thực tế hoạt động tại nhà máy thì quá trình nung nhiệt sử dụng gas làm nhiên liệu để cấp nhiệt cho quá trình luyện nhiệt làm tăng độ cứng của bình gas. Đối với các việc bảo trì bình gas cũ thì quá trình luyện nhiệt để đốt cháy lớp sơn tĩnh điện bám trên bề mặt bình gas, nhiệt độ của quá trình nung tối đa 800⁰C.
- Công ty đã lắp đặt ống khói cao 14m, đường kính D60mm để phát tán khí thải, phía trên ống khói có nón che mưa.
- Trồng nhiều cây xanh xung quanh nhà máy để hấp thụ khí thải, điều hòa không khí.
- Trang bị đồ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại khu vực lò nung.



Hình 3.13. Lò nung nhiệt tại cơ sở

3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU TRỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG.

Nhằm tuân thủ theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 22//2023/QĐ-UBND ngày 06/07/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về ban hành quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương, biện pháp thu gom và quản lý chất thải rắn tại cơ sở cụ thể như sau:

- Trong từng khu vực sản xuất đều được trang bị các thùng đựng chất thải rắn bằng vật liệu bền có nắp đậy, được dán nhãn đầy đủ và trên thân thùng có ghi chú từng loại chất thải được chứa trong mỗi thùng.
- Các thùng chứa được lót bên trong bằng túi nilon để tiện thu gom. Chất thải sau khi thu gom sẽ được lưu trữ cẩn thận, không để xảy ra tình trạng các thùng chứa chất thải bị phân hủy bởi nước mưa và ánh sáng mặt trời.

3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

❖ Chủng loại và khối lượng:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động ăn uống, sinh hoạt hàng ngày. Căn cứ vào chứng từ thu gom chất thải sinh hoạt hàng tháng trong năm 2023 thì mỗi ngày tại nhà máy phát sinh khối lượng chất thải sinh hoạt ước tính khoảng 10.900 kg/năm.

Thành phần chất thải rắn sinh hoạt thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.11. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt

STT	Thành Phần	Tỷ lệ (%)	
		Khoảng dao động	Trung bình
1	Thực phẩm	61,0 ÷ 96,6	79,17
2	Giấy	1,0 ÷ 19,7	5,18
3	Carton	0 ÷ 4,6	0,18
4	Nilon	0 ÷ 36,6	6,84
5	Nhựa	0 ÷ 10,8	2,05
6	Vải	0 ÷ 14,2	0,98
7	Gỗ	0 ÷ 7,2	0,66
8	Cao su cứng	0 ÷ 2,8	0,13
9	Thủy tinh	0 ÷ 25,0	1,94
10	Lon đồ hộp	0 ÷ 10,2	1,05
11	Kim loại màu	0 ÷ 3,3	0,36
12	Sành sứ	0 ÷ 10,5	0,74
13	Xà bần	0 ÷ 9,3	0,69
14	Styrofoam	0 ÷ 1,3	0,12
Tổng cộng		-	100

Nguồn: Centema.

Thành phần rác thải chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân hủy bao gồm rau, quả hư nát, thịt hư, thức ăn thừa, nội tạng thủy sản, vỏ nhuyễn thể,... có độ ẩm cao chiếm 85-90% khối lượng rác thải. Các thành phần khác như giấy, nylon, cao su, chai thủy tinh, ... chiếm khối lượng nhỏ từ 10 -15% khối lượng rác.

❖ Biện pháp thu gom và giảm thiểu:

Công ty đã trang bị các thùng nhựa dung tích 320 lít có nắp đậy kín đặt tại các vị trí thường xuyên phát sinh chất thải sinh hoạt như khu nhà vệ sinh, nhà văn phòng và đặt tại các vị trí dọc đường nội bộ

- Tần suất thu gom: 2 ngày/lần.
- Quy trình vận hành: Rác từ các khu vực → phân loại vô cơ/hữu cơ → vào thùng chứa → thu gom → tập trung khu vực chứa rác sinh hoạt - nhà rác tập trung của công ty → bàn giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

Công ty đã hợp đồng với Công ty TNHH MVT Xuân Thảo đến thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt theo hợp đồng số 140/HĐTGVC/2024.

3.3.2. Chất thải công nghiệp thông thường

❖ Chủng loại và khối lượng

Chất thải rắn sản xuất thông thường phát sinh tại công ty được chia thành 2 nhóm là chất thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái chế, tái sử dụng (phôi sắt, đồng sắt, bình ga phế,...) và chất thải rắn công nghiệp thông thường cần được xử lý (vụn kim loại thải, nylon, bao bì carton, pallet hư hỏng,...).

Căn cứ vào chứng từ thu gom chất thải của năm 2023 thì các loại chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình hoạt động của nhà máy bao gồm: sắt thép vụn thải, vụn kim loại thải, bì thải..... với khối lượng trung bình khoảng 69,21 tấn/năm. Thành phần, khối lượng chất thải công nghiệp thông thường phát sinh tại công ty như sau:

Bảng 3.12. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Sắt phế liệu	66.411,9
2	Vụn đồng	1.705
3	Bao bì, giấy bìa carton hư hỏng.	1.093,8
Tổng		69.210,7

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương)

❖ Công trình lưu trữ:

Đối với chất thải công nghiệp thông thường như: pallet hư hỏng, bao bì hư hỏng, giấy vụn thải,... được thu gom và lưu trữ trong 01 nhà chứa chất thải công nghiệp thông thường có diện tích 100 m² ở góc phía Đông khu đất.

Công ty đã kí hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Thảo Dương Xanh tại hợp đồng số 97/2024/HĐXL-TDX ngày 31/01/2024 để thu gom vận chuyển và xử lý đúng quy định..

3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU TRỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

❖ Chủng loại và khối lượng

Căn cứ vào loại hình sản xuất, các loại nguyên liệu sử dụng thì các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất bao gồm các vật liệu mài dạng hạt thải có thành phần nguy hại, cặn sơn, bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại, các loại dầu thải và bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải. Dựa theo chứng từ thu gom chất thải nguy hại năm 2023 và 2024 đến nay của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương; khối lượng cụ thể của từng loại chất thải như sau:

Bảng 3.13. Danh mục các chất thải nguy hại phát sinh của nhà máy

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Các vật liệu mài dạng hạt thải có thành phần nguy hại	Rắn	5.487	07 03 08	KS
2	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn	7.115	08 01 01	KS
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh thải	Rắn	30	16 01 06	KS
4	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	4.769	18 02 01	NH
5	Hộp mực in thải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	14	08 02 04	NH
6	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	11.935	12 06 05	NH
7	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	200	17 01 06	KS
8	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn khác	Lỏng	1.200	17 02 04	KS
Tổng			30.750	-	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương)

❖ Công trình lưu trữ

Chất thải nguy hại trong giai đoạn này có thành phần giẻ lau, các vật liệu mài dạng hạt có thành phần nguy hại, que hàn, xỉ hàn,... sẽ được quản lý, thu gom như sau:

- Công ty đã được Chi cục Bảo vệ môi trường cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại có mã số quản lý chất thải nguy hại: 74.004261.T ngày 05/05/2021.

- Công ty đã xây dựng 01 nhà chứa CTNH có diện tích khoảng 50 m².
- Nhà chứa CTNH có nền bê tông chông thấm có mái che, tường bao quanh, có gờ chống tràn, có dán nhãn cảnh báo, tên và tên của từng loại CTNH theo quy định.
- Công ty đã kí hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Thảo Dương Xanh tại hợp đồng số 97/2024/HĐXL-TDX ngày 31/01/2024 để thu gom vận chuyển và xử lý đúng quy định..
- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN VÀ ĐỘ RUNG

Đối với hoạt động của nhà máy thì nguồn phát sinh tiếng ồn bao gồm:

- Tiếng ồn từ khu vực chiết nạp gas
- Tiếng ồn từ khu vực gia công cơ khí
- Tiếng ồn từ khu vực bắn bi.
- Tiếng ồn từ khu vực sơn tĩnh điện.
- Tiếng ồn từ khu vực lò nung.
- Tiếng ồn từ khu vực xử lý khí thải từ công đoạn hàn
- Tiếng ồn từ khu vực xử lý khí thải từ công đoạn bắn bi làm sạch.
- Tiếng ồn từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Với các tác nhân gây ồn kể trên thì công ty đều có những biện pháp cụ thể để giảm thiểu sự ảnh hưởng của tiếng ồn như sau:

- Lắp đặt lớp đệm cao su, bệ đỡ bằng bê tông,... nhằm chống rung cho các máy móc sản xuất
- Yêu cầu các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy không được nổ máy trong quá trình xếp dỡ hàng hoá.
- Bố trí thiết bị, quy trình sản xuất một cách hợp lý trong cùng một phân xưởng;
- Bố trí thời gian hợp lý để tránh xảy ra tình trạng các xe vận chuyển nguyên vật liệu và thành phẩm ra vào cùng lúc.
- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân như bông gòn, nút bịt tai chống ồn.
- Thực hiện chế độ bảo trì, bảo dưỡng máy móc theo đúng định kì nhằm giảm độ ồn đến mức người lao động có thể thích ứng được.
- Định kỳ hàng quý Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương có phối hợp với đơn vị có chức năng để đo độ ồn trong khu vực sản xuất, cụ thể như sau:

Bảng 3.14. Cường độ ồn trong khu vực sản xuất

Khu vực	Cường độ ồn			
	Quý 4/2023	Quý 1/2024	Quý 2/2024	Quý 3/2024
Khu vực gia công cơ khí	79,1	62,9	62,2	78,8
Khu vực chiết nạp gas	74,5	64,5	64,0	72,0
QCVN 24:2016/BYT	≤ 85			

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương)

Ghi chú: QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc

Nhận xét: Căn cứ vào bảng kết quả tổng hợp ở bảng trên cho thấy cường độ ồn trong khu vực sản xuất tại nhà máy của công ty thấp hơn giới hạn cho phép theo Quy chuẩn hiện hành.

3.6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

❖ *Trách nhiệm của chủ cơ sở trong việc phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường*

Chủ cơ sở sẽ ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở và đồng thời thông báo đến Ủy ban nhân dân phường An Điền về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh (Theo khoản 4 Điều 124 và khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020)

Chủ cơ sở có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở và gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường đến ủy ban nhân dân phường An Điền và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố Bến Cát (theo khoản 3 điều 110, Nghị định 08/2022/NĐ-CP)

Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, chủ cơ sở phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

❖ *Tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở.*

Cơ sở thành lập một tổ chức ứng phó sự cố môi trường bộ phận môi trường – an toàn lao động gồm 10 người:

- 3 người trong ban chỉ huy bao gồm giám đốc xưởng, xưởng trưởng và trưởng phòng sản xuất
- 4 nhân viên trong tổ sự cố bao gồm tổ trưởng, ca trưởng quản lý hệ thống xử lý nước thải, xử lý hệ thống khí thải lò đốt dầu truyền nhiệt, hệ thống xử lý bụi.

- 3 nhân viên của bộ phận môi trường- an toàn lao động chịu sự quản lý trực tiếp của lãnh đạo Công ty có nhiệm vụ đảm bảo vận hành tốt các công trình bảo vệ môi trường, báo cáo kịp thời các sự cố hỏng thiết bị và đề xuất biện pháp xử lý kịp thời.

3.6.1. Biện pháp ứng phó với sự cố rò rỉ khí gas

Phương án ứng phó với sự cố

Với 2 tình huống giả định về việc rò rỉ nhiên liệu hóa chất được nêu ra ở phần trên, công ty có các phương án ứng phó như sau:

Tình huống 1: Sự cố rò rỉ hóa chất ở quy mô nhỏ

Xử lý ban đầu:

- Công nhân vận hành máy đóng bình LPG khẩn trương và cắt atomat của máy đóng chai, tắt công tắc bơm; thông báo cho bộ phận an toàn và ấn vào các nút dừng khẩn cấp ở gần mình nhất để đóng van cấp nguồn và di tản hết công nhân ra khỏi khu vực xảy ra sự cố.
- Đội ứng phó sự cố thông tin cho toàn bộ trạm chiết bằng các phương tiện thông tin hiện có và mang mặt nạ phòng độc vào khu vực chiết nơi xảy ra sự cố cứu người bị nạn và đưa ra khỏi sự cố. Thực hiện thao tác hô hấp nhân tạo nếu nạn nhân bị ngừng thở. Thông báo ngay cho nhân viên y tế.
- Nếu người bị nạn bị LPG lỏng phun vào da, nhanh chóng đưa người bị nạn ra ngoài, dùng nước đổ nhẹ lên da bị bỏng cho đến khi hết LPG. Cấm làm nóng, lau hay phun khí nóng lên da bị bỏng. Nhẹ nhàng gỡ (hoặc cắt) bỏ quần áo và quần nhẹ quanh vùng bị bỏng bằng vải tiệt trùng. Đưa người bị nạn đến trạm y tế gần nhất.

Triển khai phương án ứng phó:

- Trưởng ban chỉ huy đội ứng phó sự cố LPG tại trạm (hoặc phó ban) lệnh cho các lực lượng trong toàn trạm chuẩn bị đủ phương tiện, dụng cụ tập trung sẵn sàng ứng phó với sự cố.
- Thông báo bộ phận trực chữa cháy mở thông van tuyến ống chữa cháy trong trạm, sẵn sàng vận hành máy bơm theo lệnh, triển khai đội hình chữa cháy để sẵn sàng tham gia chữa khi có cháy xảy ra.
- Bộ phận y tế: chuẩn bị đầy đủ số thuốc và các dụng cụ sơ cấp cứu ban đầu sẵn sàng cứu chữa những người tham gia ứng cứu bị nạn.
- Các lực lượng khác nếu được huy động sẽ thực hiện các mệnh lệnh của người phụ trách an toàn.

Biện pháp đảm bảo an toàn PCCC:

- Tất cả cán bộ, công nhân viên và các thành phần tham gia ứng phó với sự cố hóa chất phải chấp hành nghiêm chỉnh các nội quy, quy định về an toàn PCCC.

- Nghiêm cấm sử dụng lửa trần hoặc các hoạt động gây phát sinh tia lửa trong quá trình xử lý sự cố.
- Không để các dụng cụ, phương tiện bằng sắt, thép va chạm mạnh, gây phát sinh tia lửa.

Tình huống 2: Sự cố nằm trong tầm kiểm soát của trạm chiết

Phương án ứng phó

Xử lý ban đầu:

- Hô to cháy cháy và bấm nút báo động ngay tại trạm chiết.
- Đóng tất cả các hệ thống van chiết nạp LPG.
- Bật hệ thống phun nước tại trạm chiết và sàn nạp.
- Nhanh chóng cô lập vùng xảy ra sự cố báo cáo với lực lượng PCCC để triển khai phương án đã được duyệt.

Triển khai phương án:

- Triển khai lực lượng, phương tiện của trạm chiết nạp gas tham gia vào công tác chữa cháy tại trạm.
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, hình thành tổ công tác chính như sau:
- + Khi phát hiện có cháy, người phát hiện có nhiệm vụ báo động toàn bộ cơ sở bằng cách hô to Cháy, cháy, cháy,... và nhấn thiết bị báo động cháy. Đồng thời báo cho lãnh đạo hoặc người có trách nhiệm cao nhất biết bị trí, tình hình diễn biến đám cháy, gọi điện thoại báo cháy đến lực lượng cảnh sát PCCC số 114, cúp điện khu vực cháy hoặc toàn bộ nhà máy. Ngoài ra, gọi iện thoại báo cháy cho các lực lượng như Công an 113, điện lực thị xã Bến Cát. Thông báo cho mọi người trong khu vực cháy phải thật bình tĩnh theo hướng dẫn để thoát ra ngoài. Cử người ra đón và hướng dẫn xe chữa cháy đến điểm tập kết, chỉ nguồn nước cho xe chữa cháy đến lấy nước.
- + Mở tất cả các cửa thoát nạn tại khu vực nhà máy và hướng dẫn mọi người di chuyển theo hướng cửa thoát nạn ra khỏi khu vực đám cháy và tập kết tại điểm tập trung.
- + Tổ chức cứu những người còn mắc kẹt trong đám cháy thông qua việc điểm danh quân số tại khu vực cháy.
- + Sử dụng chiến thuật chữa cháy theo mặt lưa và ngăn không cho đám cháy lan sang khu vực xung quanh.
- + Khi lực lượng cảnh sát PCCC đến đám cháy, phối hợp với lực lượng cảnh sát PCCC tổ chức chữa cháy theo sự chỉ đạo của chỉ huy cảnh sát PCCC.
- + Tập trung di chuyển tài sản ra nơi an toàn, tạo khoảng cách để không cháy lan, cháy lớn.

- + Phối hợp cùng công an địa phương, dân phòng chốt chặn cửa ra vào của nhà máy, không cho người không có nhiệm vụ vào nhà máy, gây cản trở cho việc chữa cháy.
- + Có trách nhiệm hướng dẫn cho lực lượng cảnh sát PCCC và các lực lượng khác làm nhiệm vụ.

Biện pháp an toàn PCCC:

- + Tất cả cán bộ, công nhân viên và các thành phần tham gia ứng phó với sự cố hóa chất phải chấp hành nghiêm chỉnh các nội quy, quy định về an toàn PCCC.
- + Nghiêm cấm sử dụng lửa trần hoặc các hoạt động gây phát sinh tia lửa trong quá trình xử lý sự cố.
- + Không để các dụng cụ, phương tiện bằng sắt, thép va chạm mạnh, gây phát sinh tia lửa.

Phương án khắc phục hậu quả do sự cố hóa chất

- Ngăn chặn các chất rò rỉ tràn lan, chặn ngay nguồn rò rỉ bằng cách đóng van các bình gas.
- Giảm áp suất bồn chứa.
- Phun nước làm mát để làm giảm nhiệt độ khu vực rò rỉ và tràn lan.
- Nghiêm cấm các nguồn kích cháy gần khu vực rò rỉ, tràn đổ
- Cách ly khu vực nguy hiểm và không cho nhân viên không phận sự được vào
- Mặc đồ phòng hộ bảo vệ phù hợp khi khắc phục sự cố.
- Dọn sạch khu tràn đổ theo đúng quy định về bảo vệ môi trường.
- Báo động cho đội chữa cháy và lãnh đạo đơn vị. Thông báo cho những cơ quan có thẩm quyền tại địa phương trong trường hợp rò rỉ lớn.

Biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường

Nếu có sự cố cháy nổ xảy ra tại nhà máy, sau khi khắc phục sự cố cháy nổ, công ty tiến hành ký với đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý các chất thải độc hại về môi trường.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng điều tra đánh giá mức độ ô nhiễm với môi trường đất, môi trường nước, môi trường không khí trong khu vực và đề ra giải pháp phục hồi môi trường.
- Phối hợp với cơ quan chức năng về quản lý nhà nước về môi trường để lựa chọn các đơn vị chuyên môn tiến hành xử lý chất thải sau đám cháy để phục hồi môi trường.
- Phối hợp với cơ quan có chức năng, chính quyền đánh giá thiệt hại của đám cháy và tiến hành bồi thường thiệt hại.

Hướng dẫn chi tiết các biện pháp kỹ thuật thu gom và làm sạch khu vực bị ô nhiễm

Khí dầu mỏ hóa lỏng LPG bị rò rỉ ra môi trường bên ngoài thì lập tức bay hơi. Vì vậy chỉ khi rò rỉ lớn mới có các chất gây ô nhiễm môi trường và số lượng không đáng kể, chủ yếu là rỉ sắt trong đường ống và bồn chứa với số lượng rất nhỏ được hướng dẫn thu gom lưu trữ và tiêu hủy theo yêu cầu của cơ quan quản lý về môi trường.

Trong trường hợp xảy ra sự cố cháy, nổ gây hư hỏng tài sản và gây ô nhiễm môi trường cao thì việc phân loại rác, chất thải nguy hại được thực hiện theo QCVN 07:2009/BTNMT, chất thải và rác thải được đơn vị có chức năng thu gom và xử lý đúng quy định. Đối với việc ô nhiễm nước do sự cố cháy, nổ sẽ thực hiện biện pháp làm đê bao, cô lập vùng nước ô nhiễm, sau đó phân tích mẫu nước bị ô nhiễm và đưa ra biện pháp xử lý phù hợp, đảm bảo nước thải khi xử lý đạt tiêu chuẩn chất lượng nước mặt (đối với nước rạch), chất lượng nước thải (đối với nước thải) theo các Quy chuẩn hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất

❖ Dự báo các tình huống có thể xảy ra sự cố hóa chất

Tràn đổ, rò rỉ hóa chất có thể xảy ra khi bao bì chứa hóa chất bị rách thủng trong quá trình vận chuyển và bốc vác. Thùng chứa (thùng, can) có thể bị nứt bể do va chạm, do tác động cơ học, do thời gian sử dụng lâu, do chứa đựng hóa chất không phù hợp (ăn mòn, phá hủy...) với chất liệu làm vật chứa, cũng có thể do nhiệt độ kho hay khu vực bảo quản quá cao gây nứt vật chứa. Tràn đổ cũng có thể xảy ra do quá trình sắp xếp hàng hóa trong kho công nhân đã xếp hàng quá cao, vượt quá chiều cao quy định và không cẩn thận nên lớp hàng hóa bị nghiêng và đổ, kéo theo các lô hóa chất kế bên.

Cháy, nổ hóa chất có thể xảy ra khi kho bảo quản hóa chất quá nóng (do hỏa hoạn, chập điện...), vượt quá nhiệt độ tự cháy hoặc nhiệt độ bùng cháy của hóa chất làm hóa chất bốc cháy sinh nhiệt có thể gây nổ. Cũng có thể do hóa chất tràn đổ phản ứng với các loại hóa chất khác trong cùng kho bảo quản sinh ra khí cháy gây nổ. Dự báo một số tình huống sự cố cụ thể đối với các điểm nguy cơ đã xác định như sau:

Bảng 3.15. Dự báo các tình huống xảy ra sự cố hóa chất

STT	Dự báo các tình huống xảy ra sự cố hóa chất	Xác định điều kiện, nguyên nhân	
		Nguyên nhân Bên trong	Nguyên nhân do tác động bên ngoài
1	Tràn, đổ hóa chất trong kho	Khối lượng bảo quản không phù hợp với dụng cụ chứa đựng	Nắp thùng không đậy kín. Lỗi bảo quản, chuyển rót hóa chất của người pha hóa chất.
2	Cháy kho chứa hóa chất	Tự bốc cháy hoặc nổ do quá nhiệt.	Côn trùng cắn, phá làm rò rỉ hóa chất.

		Kho chứa nóng, ẩm... Vật chứa bị rò rỉ do bao gói có khiếm khuyết, không chịu được nóng hoặc ẩm. Do ăn mòn hóa học giữa hóa chất và thiết bị chứa.	Chập điện, giông sét hoặc sử dụng nguồn điện không đúng trong khu vực này.
3	Đổ, rơi vãi hóa chất công nghiệp trong kho bảo quản	Do bao bì chứa bị khuyết điểm, bị lão hóa	Côn trùng cắn, phá
4	Sự cố trong quá trình vận chuyển hóa chất (Rơi vãi, tràn đổ,...)	Do bao bì bị hỏng, rò rỉ	Do thao tác trong quá trình vận chuyển gây va đập, nứt vỡ bao bì chứa
5	Sự cố trong quá trình sử dụng hóa chất	Do thao tác của người sử dụng không đúng; do sự bất cẩn, chủ quan của người sử dụng	Do chập điện, sấm sét, v.v...

❖ **Dự báo các diễn biến của quá trình xảy ra của các sự cố**

Hóa chất tràn đổ nếu không có biện pháp xử lý kịp thời sẽ gây ra những tác động đến người và môi trường xung quanh.

Khi xảy ra tràn đổ rò rỉ hóa chất, nếu có người lao động làm việc tại khu vực tràn đổ rò rỉ thì thông qua tiếp xúc, đường hô hấp hóa chất sẽ có những tác động xấu tới sức khỏe của người lao động.

Người lao động khi tiếp xúc với hóa chất công nghiệp sẽ gặp phải ra các triệu chứng sau:

- Đường mắt: gây kích thích mắt, mẩn đỏ và đau.
- Đường thở: gây kích ứng đường hô hấp, các triệu chứng bao gồm ho, khó thở.
- Đường da: gây kích ứng da. Các triệu chứng bao gồm đỏ, ngứa và đau rát.

Các tác động này đều biểu hiện ngay lập tức và có thể gây nguy hiểm cho người lao động. Mặt khác, tràn đổ hóa chất có thể xảy ra sự cố cháy nổ gây tác động rất lớn đến môi trường, con người và tài sản

❖ **Phương án phòng ngừa sự cố**

➤ **Chuẩn bị nhân lực ứng phó sự cố**

Nguồn nhân lực ứng phó sự cố là đội ứng phó sự cố khẩn cấp, đảm bảo cùng nhau phối hợp khi có sự cố xảy ra.

➤ **Chuẩn bị trang thiết bị ứng phó sự cố:**

- Trang bị cát, xẻng, chổi, giẻ lau, PPE (khẩu trang hoạt tính/mặt nạ phòng độc, găng tay, ủng, quần áo bảo hộ) tại khu vực lưu trữ và những vị trí có sử dụng hóa chất.
- Nhân viên quản lý hóa chất tiến hành kiểm tra định kỳ hàng tuần về tình trạng mặt, hư hỏng, sử dụng, vị trí, vật cản,...
- Dán các biển cảnh báo, hướng dẫn quy trình ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất tại các khu vực sử dụng hóa chất.

➤ **Đào tạo, hoạt động diễn tập:**

- Thời gian: 1 năm thực hiện diễn tập ứng phó sự cố hóa chất 01 lần và 1 năm thực hiện tập huấn nhận thức cho CBCNV 01 lần.
- Nội dung: Tổ chức cho lực lượng UPSCKC học tập tính năng tác dụng và cách sử dụng các phương tiện chữa cháy tại chỗ, cách sơ cứu cho người bị nạn theo sự hướng dẫn của đơn vị đào tạo chuyên nghiệp.

➤ **Một số biện pháp phòng ngừa cụ thể:**

Để tránh hiện tượng tràn đổ rò rỉ hóa chất, trong kho bảo quản phải sắp xếp các lô hóa chất ngay ngắn và theo từng khu vực riêng. Không có hiện tượng xếp chồng lên nhau hoặc xếp cao quá chiều cao quy định có thể gây nghiêng đổ (phuy can khi xếp chồng không quá 2 lớp, chiều cao của các lô hàng không quá 2 m), lối đi giữa các lô hàng hóa tối thiểu là 1,5 m. Từng lô hàng được đánh dấu và ghi bảng tên trên tường để thuận tiện cho việc kiểm tra và giám sát. Trong quá trình nhập kho, cần kiểm tra kỹ bao bì, phuy can chứa đựng hóa chất để đảm bảo không có hiện tượng nứt vỡ thùng chứa, rách thùng bao bì, tránh hiện tượng rò rỉ tràn đổ. Nếu phát hiện có hiện tượng nứt vỡ, rách thùng thì phải để riêng và xử lý trước khi cho nhập kho.

Với mỗi loại hóa chất sử dụng trong Công ty đều phải có sẵn bảng dữ liệu về phiếu an toàn hóa chất. Trong đó tối thiểu phải có những thông tin cơ bản hướng dẫn cách sử dụng hóa chất an toàn, đạt hiệu quả, thông tin về các biện pháp bảo quản, phòng ngừa thích hợp (gồm cả hạng mục trang thiết bị bảo vệ cá nhân) và các biện pháp khẩn cấp, biển cảnh báo tại kho trong khu vực sử dụng hóa chất.

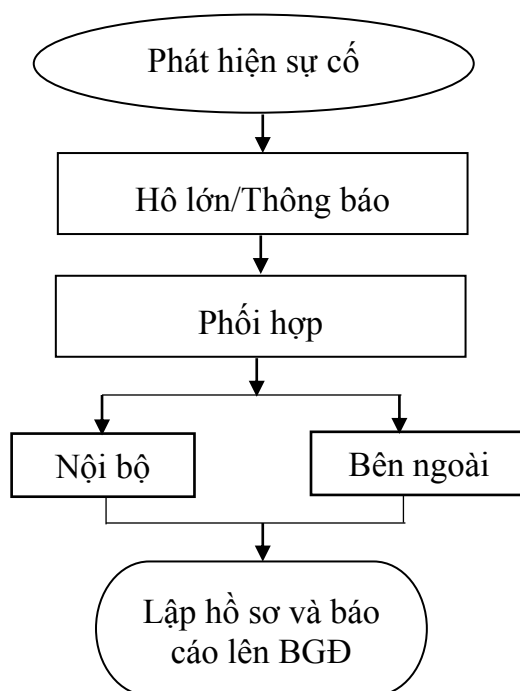
Bất kỳ công nhân nào khi làm việc với hóa chất đều phải được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và nắm rõ kỹ thuật an toàn đối với việc sử dụng mỗi loại hóa chất.

Công tác kiểm tra phải được thực hiện cả bên trong và bên ngoài kho, kiểm tra các dụng cụ thiết bị ứng phó sự cố, hệ thống báo động và thông tin liên lạc. Khi phát hiện các sự cố nguy hiểm (mất mát hóa chất nguy hiểm, tràn đổ, cháy nổ...) phải báo ngay cho Giám đốc và người chịu trách nhiệm. Khi phát hiện những hư hỏng công trình phải ghi nhận, báo cáo và lên kế hoạch sửa chữa kịp thời.

Giám đốc và người phụ trách về an toàn môi trường - hóa chất của công ty có thể tiến hành kiểm tra đột xuất kho bảo quản hóa chất. Nếu không đảm bảo điều kiện an toàn

thì thủ kho phải chịu trách nhiệm trước Giám đốc và tiến hành khắc phục ngay các điểm không đảm bảo an toàn.

❖ **Phương án ứng phó khi có sự cố xảy ra:**



Hình 3.14. Tiến trình thực hiện khi xảy ra sự cố hóa chất

➤ **Phát hiện sự cố**

- Khi phát hiện sự cố tràn đổ hóa chất, dung môi, công nhân viên phải ngay lập tức hô lớn thông báo cho kỹ thuật viên, những người xung quanh được biết.
- Tất cả các nhân viên làm việc liên quan đến chiết xuất, sử dụng và bảo quản hóa chất đều phải được tập huấn ứng cứu sự cố tràn đổ hóa chất.
- Khi nghe tiếng hô tràn đổ hóa chất, kỹ thuật viên hoặc giám sát khu vực hoặc thành viên của đội UPSCCKC phải ngay lập tức chạy đến khu vực có sự cố.
- Giám sát khu vực có trách nhiệm báo cho Đội trưởng/Đội phó của đội UPSCCKC.

➤ **Phối hợp nội bộ**

- Nhân viên ngay lập tức yêu cầu dừng tất cả công việc tại khu vực xảy ra sự cố, mọi hoạt động sang chiết hóa chất đồng thời sử dụng các giẻ lau gần nhất để cô lập khu vực xảy ra sự cố.
- Huy động toàn bộ con người và thiết bị sẵn có để ứng phó với hóa chất chảy, tràn nhằm hạn chế tối đa tác hại của hóa chất ảnh hưởng đến môi trường: nguồn nước, đất và không khí.
- Đội UPSCCKC cùng với giám sát khu vực hoặc kỹ thuật viên, công nhân viên tiến hành khắc phục sự cố.
- Sử dụng giẻ lau/cát để thấm hóa chất, cố gắng giảm hoặc không để sự cố lây lan gây ô nhiễm môi trường hay ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân.
- Lượng giẻ lau hoặc cát dính hóa chất phải được thu gom riêng để xử lý CTNH.

- Nếu cần đến sự hỗ trợ của cơ quan chức năng bên ngoài, Đội UPSCKC cần cô lập sự cố, di chuyển máy móc, thiết bị ra khỏi khu vực sự cố trong khi chờ cơ quan chức năng đến hỗ trợ.

➤ **Phối hợp bên ngoài**

Trong trường hợp chảy, tràn hóa chất trên diện rộng nội bộ giải quyết không thể triệt để thì cần phải phối hợp với các cơ quan chức năng bên ngoài để cùng giải quyết. Khi đó có thể liên hệ theo danh sách các số điện thoại được dán ở bảng thông báo.

➤ **Lập hồ sơ và báo cáo lên BGD**

- Sau khi thực hiện giải quyết xong sự cố, Đội trưởng đội UPTTKC thực hiện báo cáo lên Đại diện lãnh đạo về tình trạng giải quyết sự cố.
- Lập hồ sơ điều tra, phân tích nguyên nhân xảy ra sự cố và đề xuất các biện pháp khắc phục sự cố tái diễn.

➤ **Nội dung thực hiện sau khi xử lý sự cố hóa chất**

- Tiếp tục cách ly khu vực xảy ra sự cố và thông báo cho toàn bộ CBCNV sự cố này.
- Nhân viên vệ sinh tiến hành dọn dẹp hiện trường hoặc tiếp tục xử lý khu vực xảy ra sự cố để trả lại hiện trạng ban đầu dưới sự chỉ đạo và giám sát của nhân viên an toàn.
- Trưởng bộ phận kết hợp với Ban an toàn lập hồ sơ ghi nhận sự cố, hậu quả của sự cố, điều tra nguyên nhân dẫn đến sự cố và đánh giá lại phương án ứng phó.
- Điều chỉnh các tài liệu và phương án ứng phó với sự cố hóa chất (nếu cần).
- Trong quá trình điều tra, nếu phát hiện các mối nguy mới có thể dẫn đến sự cố hóa chất, Ban an toàn tiếp tục tiến hành nhận diện mối nguy và đánh giá rủi ro, tiến hành các hoạt động kiểm soát để loại trừ mối nguy và giảm thiểu các sự cố khẩn cấp xảy ra.

3.6.3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó với sự cố cháy nổ

Đối với hoạt động của nhà máy là sản xuất vỏ bình gas và chiết nạp gas, đây là hoạt động có khả năng gây cháy nổ cao nhất, do vậy phương án phòng ngừa và ứng phó với sự cố cháy nổ cũng rất quan trọng và chi tiết với những tình huống giả định đưa ra, cụ thể như sau:

❖ **Dự báo các tình huống xảy ra sự cố cháy nổ**

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương có nguy cơ tiềm ẩn cháy. Một trong những hoạt động của công ty là lưu chứa gas và chiết nạp gas nên nguy cơ cháy nổ có thể xảy ra do sự cố rò rỉ, tai nạn giao thông trong quá trình vận chuyển; sự rò rỉ gas trong các bồn chứa, đường ống dẫn, tại các van, mặt bích; do nhiệt độ môi trường bên ngoài cao (do nhiệt độ không khí hoặc có nguồn lửa gần khu vực chứa) làm tăng áp suất ở bồn chứa dẫn đến nổ bồn; sự rò rỉ đường dây dẫn điện. Để giảm thiểu tối đa các sự cố phát sinh, công ty đã và đang thực hiện các biện pháp như sau:

• ***Đối với quá trình vận chuyển chai gas đến nơi tiêu thụ***

Để hạn chế các sự cố rò rỉ gas, cháy và nổ bình chứa gas thì các xe bồn vận chuyển gas phải được thiết kế và vận hành đúng theo các quy định trong Nghị Định số 107/2009/NĐ-CP ngày 26/11/2009 của Chính Phủ về kinh doanh dầu khí hóa lỏng và thông tư số 41/2011/BCT ngày 16/12/2011 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn trong lĩnh vực dầu khí hóa lỏng, tiêu chuẩn TCVN 6484:1999-Khí đốt hóa lỏng –Xe bồn vận chuyển-Yêu cầu an toàn về thiết kế, chế tạo và vận chuyển. Xe bồn sử dụng tại công ty sẽ đảm bảo thiết kế bồn chứa, trang bị các vật dụng cần thiết cho xe bồn, tuân thủ các quy tắc khi nạp gas từ xe bồn vào bồn chứa gas tại nhà máy như đã được trình bày ở chương 1.

Các phương tiện vận chuyển chai gas sẽ đảm bảo các yêu cầu sau để hạn chế các sự cố xảy ra trên tuyến đường vận chuyển:

- Xe vận chuyển chai chứa khí đốt hóa lỏng phải là xe chuyên dùng và được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra về kỹ thuật an toàn, phòng cháy chữa cháy như: thành xe phải chắc chắn, sàn và thành xe phải làm bằng gỗ hoặc lát gỗ, không có đinh. Xe phải có bộ phận giảm xóc, buồng lái được cách li với khoang chở hàng; có dấu hiệu quy định chuyên chở chai chứa khí đốt hóa lỏng; trường hợp tổng lượng khí đốt hóa lỏng trong chai lớn hơn 150kg phải có mái che hoặc phủ bạt.

- Xe phải được trang bị ít nhất 01 bình bột chữa cháy loại 2,5 kg đặt trong buồng lái và hai chai loại 5 - 9 kg bột khô (hoặc CO₂) đặt ở thùng xe.

- Đối với chai có dung tích nước trên 100 lít chỉ được xếp một chồng chai theo chiều thẳng đứng van chai ở phía trên. Chai có dung tích nước đến 100 lít cho phép xếp từ hai chồng trở lên nhưng không được cao hơn thành xe.

- Trước khi xếp chai lên xe, người có hàng và người phụ trách phương tiện vận chuyển phải cùng kiểm tra lại điều kiện an toàn của phương tiện vận chuyển. Chỉ được xếp chai lên phương tiện vận chuyển đảm bảo an toàn

- Khi vận chuyển, chai phải luôn ở tư thế thẳng đứng, van ở trên, mũ van phải đóng cho tới khi lắp đặt cho người tiêu dùng. Cho phép xếp làm nhiều chồng với điều kiện cách 2 chồng phải có ván đệm

- Trong quá trình xếp dỡ, giao nhận chai chứa khí đốt hóa lỏng không được kéo lê, vút, va đập mạnh, làm đổ chai.

- Trên xe cần có số điện thoại của cơ quan PCCC và trung tâm điều khiển tại công ty, của các tỉnh mà xe vận chuyển chai gas đi qua, chiều cao chỉ đủ lớn để tài xế có thể nhìn thấy ở các góc nhìn để kịp thời thông báo cho cơ quan PCCC và trung tâm điều khiển nhằm kịp thời khắc phục sự cố, hạn chế các thiệt hại về người và tài sản.

• ***Đối với quá trình lưu trữ gas tại nhà máy***

- Các bồn chứa gas, hệ thống ống dẫn gas, van và xây dựng trạm chiết rót, khu vực đặt bồn lưu trữ với các khoảng cách an toàn đến các khu vực khác tuân thủ đúng theo các quy định trong Nghị Định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/06/2018 của Chính Phủ về kinh doanh dầu khí hóa lỏng và thông tư số 41/2011/BCT ngày 16/12/2011 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn trong lĩnh vực dầu khí hóa lỏng là khoảng cách an toàn trên 20m, cụ thể khoảng cách từ bồn chứa gas đến các khu vực như sau:

- Đến trạm chiết nạp: 49 m
- Đến nhà văn phòng: 65,5 m
- Đến phòng bảo vệ, cổng chính, trạm điện của nhà máy: 50 m
- Đến nhà xưởng: 20 m
- Đến nhà dân gần nhất ở phía Bắc: 72,21 m
- Đến nhà dân gần nhất ở phía Tây nhà máy: 100 m

- Trước khi nạp gas vào bồn chứa và vào các bình chứa, các công nhân thực hiện các bước kiểm tra như sau:

+ Công nhân sẽ kiểm tra tình trạng trạng chung, bồn chứa, các phụ kiện, thiết bị nạp đảm bảo không bị hư hỏng và không có dấu hiệu rò rỉ;

+ Kiểm tra các thiết bị an toàn, đo kiểm, thiết bị phòng cháy, chữa cháy đầy đủ để đảm bảo luôn ở tình trạng tốt và sẵn sàng để sử dụng;

+ Công ty sẽ đề xuất chương trình nạp gas an toàn và sẽ tập huấn các kỹ năng này cho công nhân trước khi đi vào thực hiện. Quy trình hướng dẫn nạp sẽ được đặt tại mỗi dây chuyền nạp

+ Các vỏ bình gas cần được kiểm tra, kiểm định trước khi nạp, không thực hiện nạp gas vào các bình chứa đã quá hạn kiểm định

- Khi thực hiện nạp gas vào bình chứa sẽ tuân thủ các quy định và quy trình nạp của trạm nạp. Lượng nạp gas vào chai phải theo đúng khối lượng quy định với mỗi loại chai, nhưng không được quá mức quy định tại Phụ lục B của TCVN 6485:1999 - Khí đốt hoá lỏng (gas). Nạp khí vào chai có dung tích nước đến 150 lít. Yêu cầu an toàn.

- Các chai sau khi nạp LPG sẽ được kiểm tra độ kín bằng xà phòng, được dán nhãn hàng hoá trên vỏ chai và niêm phong van chai trước khi chuyển qua khu vực chứa chai gas thành phẩm.

- Khu chứa bình gas sau khi nạp được đặt trong trạm nạp gas được thiết kế về hạ tầng, khối lượng tồn chứa và nơi tồn chứa theo quy định tại mục 5.3 của TCVN 6304:1997 - Chai chứa khí đốt hoá lỏng. Yêu cầu an toàn trong bảo quản, xếp dỡ và vận chuyển. Khu vực chứa được thiết kế thông thoáng và cao hơn so với các khu vực xung

quanh và các công trình khác. Trang bị thiết bị kiểm tra, theo dõi và truyền tín hiệu về phòng theo dõi thông tin để kiểm soát sự cố. Các bình gas sẽ được đặt chồng lên nhau và chiều cao mỗi chồng không quá 1,5 m.

- Tường ngăn cháy của các công trình trong nhà máy không có lỗ hổng, được xây vững chắc bằng gạch, bê tông hoặc các vật liệu khác và đảm bảo giới hạn chịu lửa ít nhất 150 phút. Chiều cao tường ngăn cháy tối thiểu phải ngang bằng với chồng chai chứa cao nhất (chiều cao tường ngăn cháy tối thiểu 1,5m)

- Tường ngăn, trần nhà, mái nhà phải được thiết kế không có lỗ thủng và có khả năng chịu được áp suất tĩnh ít nhất 4,8 kPa (0,0048 kg/cm²)

- Khi sử dụng ô lưới để thông gió cho các khu nhà, kích thước của các ô lưới phải lớn hơn 5 mm.

- Các trạm chiết nạp, nhà máy hóa hơi phải được thông gió tự nhiên bằng cách bố trí các đường dẫn không khí vào và ra để tạo đối lưu không khí đều khắp sàn nhà

- Các lỗ thông gió tự nhiên phải được đặt ở vị trí trên tường bao quanh các khu nhà chức năng sao cho đáy của lỗ thông có tầm cao cách trần nhà không quá 500mm, vùng thông gió tầm thấp hiệu quả nằm trong phạm vi 500 mm tính từ sàn nhà, vùng thông gió tầm cao hiệu quả nằm trong phạm vi cách trần 1000 mm.

- Các khu nhà chức năng trong nhà máy có lỗ thông gió tự nhiên dùng cho mục đích PCCC đặt trên tường bao quanh. Diện tích lỗ thoáng tối thiểu phải đạt 0,07 m² trên 1 m³ không gian được bao quanh đối với lỗ thoáng không có mái che và 0,1m² trên 1 m³ không gian được bao quanh đối với lỗ thoáng có mái hắt. Góc nghiêng của mái hắt không được vượt quá 45⁰ so với mặt phẳng nằm ngang. Không sử dụng vách ngăn kín để phân chia khu vực cháy nổ

- Các đường giao thông được thiết kế đủ rộng và thông thoáng để các xe chữa cháy có thể đi đến được tất cả các công trình của nhà máy. Xây dựng tuyến đường giao thông riêng dành cho xe bồn, xe ra vào chở bình gas. Đầu xe sẽ hướng ra cổng của nhà máy để có thể di chuyển nhanh chóng khi có sự cố.

- Trang bị bồn chứa thể tích 600 m³ và có hệ thống ống phun nước để làm mát đỉnh bồn khi đồng hồ đo nhiệt độ tự động của bồn chứa ở mức 45⁰C. Hệ thống bơm nước làm mát này sẽ được điều khiển thông qua trung tâm điều khiển hoặc bằng thủ công, đảm bảo có thể hoạt động nhanh chóng ngay cả khi bị mất điện.

- Thiết kế hệ thống dẫn điện an toàn và lắp đặt kim thu sét cho mỗi khu nhà xưởng, tại khu vực đặt bồn chứa gas, hệ thống dẫn gas.

- Đối với khu vực công nghệ như khu vực bồn chứa, hệ thống dẫn, trạm chiết nạp, khu chứa bình gas thì ngoài hệ thống kiểm tra, phát hiện sự cố tự động, công ty sẽ bố trí công nhân thường xuyên đến kiểm tra, giám sát để phát hiện và xử lý kịp thời những chỗ rò rỉ gas cũng như giảm thiểu việc xả gas ra ngoài môi trường.

- Kiểm tra thường xuyên các máy móc, thiết bị giám sát và trung tâm điều khiển để đảm bảo hệ thống luôn hoạt động trong tình trạng tốt nhất.
- Ngăn chặn ngay đám cháy mới hình thành bằng thiết bị chữa cháy tại chỗ như bình chữa cháy và các họng cứu hỏa có sẵn tại vị trí phát sinh cháy.
- Trang bị bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân như quần áo bảo vệ chống lửa, bình khí oxy và bố trí cửa thoát hiểm hợp lý
- Tập huấn thường xuyên công tác phòng chống rò rỉ gas, cháy nổ và tổ chức diễn tập thường xuyên với sự phối hợp của cơ quan chức năng.

Hệ thống chữa cháy

Hệ thống chữa cháy tại nhà máy được thiết kế trên cơ sở tính toán chữa cháy cho đám cháy lớn nhất theo nguyên tắc “Chữa cháy cho bề bị cháy và tưới mát cho các bề lân cận”. Hệ thống chữa cháy bao gồm hệ thống chữa cháy cố định và các trang thiết bị chữa cháy di động. Hệ thống chữa cháy cố định gồm có nhà bơm cứu hỏa, bể nước chữa cháy, hệ thống bơm chữa cháy, hệ thống đường ống cứu hỏa, van xử tự động, van cô lập, hệ thống F&G dò lửa và dò khí sẽ được lắp đặt trong tại khu vực bồn chứa, trạm chiết, nhà bơm gas, xưởng sản xuất vỏ bình. Hệ thống chữa cháy di động được trang bị tại khu vực nhà phụ trợ, văn phòng điều hành, nhà xe bơm có bình bột di động và bình CO₂.

- Bể chứa nước chữa cháy: Công ty xây dựng một bể nước dự trữ cho phòng cháy với thể tích khoảng 150 m³. Nước trong bể được lấy từ giếng bơm duy trì liên tục với lưu lượng lớn, đủ khả năng làm đầy bể chữa cháy trong thời gian ngắn nên sẽ đảm bảo chữa cháy cho đám cháy lớn nhất trong vòng ít nhất 30 phút. Ngoài ra, công ty còn trang bị bể chứa nước với thể tích 600 m³ tại khu vực đặt bồn chứa gas để làm mát bồn chứa. Bể chứa nước này sẽ được sử dụng để chữa cháy cùng với bể chứa 150 m³ khi có sự cố xảy ra.

- Bơm chữa cháy và bơm bù áp: Công ty sẽ trang bị hai bơm chữa cháy dạng ly tâm ngang với lưu lượng 950 m³/h, cột áp 108 mH₂O. Các bơm bù áp sẽ được lắp đặt để duy trì áp suất trong hệ thống ống dẫn gas do rò rỉ ở mặt bích, khớp nối và van... Bơm bù áp sẽ tự khởi động khi áp suất trong đường ống thấp hơn mức áp suất cài đặt và ngừng bơm khi áp suất trong đường ống lớn hơn hoặc bằng với áp suất đã được cài đặt sẵn.

- Đường ống chữa cháy được thiết kế xuất phát từ nhà bơm và chạy quanh các nhà xưởng, khuôn viên, khu vực bồn chứa, khu chứa sản phẩm tạo thành dạng mạch vòng để đảm bảo nước trong ống luôn được thông dẫn. Vật liệu của ống dẫn là thép để có thể vận hành ở áp suất cao, được đi nổi ở mặt đất, cách mặt đất khoảng 350-400 mm. Đường ống được đỡ bằng các trụ đỡ làm bằng bê tông cốt thép, dẫn từ nhà bơm đến các khu vực có ống đi qua, đảm bảo ống dẫn nước không bị đứt và gãy. Trên các đường ống chữa cháy có gắn các van cô lập, van xả tại các khớp nối để đảm bảo quá trình vận hành hệ thống và bảo dưỡng là tốt nhất.

- Hệ thống phun nước cố định được lắp đặt nhằm tưới mát và chữa cháy cố định tại các khu vực có khả năng xảy ra cháy cao (bồn chứa, nhà bơm gas, nhà kho lưu trữ bình gas đã được nạp gas) với lưu lượng tưới từ 4,1 lít/phút/m² đến 20,4 lít/phút/m². trên các bồn chứa sẽ có các đầu phun sương được gắn cố định trên thành bồn để đảm bảo nước được tưới mát toàn bộ bề mặt bồn chứa. Các đầu phun sương hoạt động thông qua các van xả tự động được lắp cho mỗi bồn. Khi nhiệt độ trong bồn lên cao thì các van xả sẽ được mở để chữa cháy hoặc tưới mát cho các bồn.

- Hạng lấy nước được lắp đặt quanh khuôn viên của các công trình, có vai trò chữa cháy bổ trợ cho các khu vực lân cận, ngăn không cho đám cháy lan rộng cũng như cấp nước cho xe cứu hỏa. Các tủ đựng ống mềm được đặt cạnh các hạng lấy nước, ở nơi dễ nhìn thấy và thuận tiện cho việc sử dụng khi có cháy.

- Các phương tiện chữa cháy di động được đặt ở nơi dễ nhìn thấy và thuận tiện cho việc chữa cháy. Chúng gồm các bình bột BC xách tay từ 4-35 kg và bình CO₂ xách tay loại 5-6 kg.

Trung tâm điều khiển

Công ty đã lắp đặt hệ thống điều khiển, đo lường và an toàn cháy trên nguyên tắc chung là các tín hiệu ngoài hiện trường sẽ được truyền trực tiếp hoặc gián tiếp về bộ xử lý tại phòng điều khiển trung tâm. Từ đây, các tín hiệu sẽ được xử lý và đưa ra các lệnh xử lý thích hợp cho các thiết bị xử lý ngoài hiện trường, cụ thể như sau:

+ Các tín hiệu từ các thiết bị liên quan đến chế độ vận hành bình thường như giám sát thông số của bể (mức gas trong bể, áp suất, nhiệt độ), tình trạng chạy hoặc dừng của bơm. Trạng thái đóng mở của các van sẽ được truyền về bộ điều khiển xử lý với mục đích quản lý, lưu trữ thông tin

+ Các tín hiệu từ các thiết bị liên quan đến tình trạng vận không bình thường, khẩn cấp sẽ được truyền đến bộ xử lý báo cháy với mục đích báo động, dừng bơm xuất gas, đóng van để cô lập khu vực, khởi động bơm phun nước để chữa cháy và cô lập khu vực cháy.

+ Cụm thiết bị đo lường tại khu chứa chai gas thành phẩm sẽ truyền và xử lý tín hiệu và truyền đồng thời về phòng điều khiển trung tâm.

➤ Các biện pháp ứng phó với sự cố

Nhà máy giả định các tình huống khác nhau để có kế hoạch ứng phó kịp thời, cụ thể các tình huống giả định như sau:

Tình huống 1: tình huống cháy phức tạp nhất

- *Giả định tình huống*

- Điểm phát cháy: khu vực xưởng chiết nạp
- Thời điểm xảy ra cháy: khoảng sau 21 giờ

- Nguyên nhân: sự cố rò rỉ khí gas

- Khả năng cháy lan: do đám cháy xảy ra vào ban đêm tại khu vực nhà xưởng sản xuất có nhiều chất cháy nên ngọn lửa lan nhanh, nhân viên không kịp thời xử lý và cứu chữa không hiệu quả nên đám cháy phát triển lớn và lan nhanh ra toàn bộ nhà xưởng, có nhu cầu cháy lan toàn bộ cơ sở

• *Chiến thuật chữa cháy*

- Khi đám cháy mới phát sinh thì lực lượng PCCC cơ sở sử dụng những phương tiện PCCC tại chỗ (như bình chữa cháy xách tay, hệ thống chữa cháy vách tường,...) để dập cháy, dùng điện thoại báo ngay cho lực lượng cảnh sát PCCC chuyên nghiệp theo số điện thoại 114 hoặc 02743557514.

- Khi đám cháy đã phát triển trên diện rộng, lan sang nhiều hạng mục cơ sở triển khai toàn bộ lực lượng phương tiện để dập lửa, đồng thời xin chỉ viện các phòng cảnh sát PCCC khu vực lân cận.

- Các phương tiện, lực lượng cần huy động khi có cháy:

Bảng 3.16. Các phương tiện, lực lượng cần huy động khi có cháy

TT	Đơn vị huy động	Điện thoại	Số người huy động	Số lượng, chủng loại phương tiện huy động
1	Lực lượng PCCC tại chỗ	0274.3616588	31	- Hệ thống chữa cháy vách tường - Bình chữa cháy xách tay - Các loại phương tiện tại chỗ khác,...
2	Phòng cảnh sát PCCC số 4	114	20	- 02 xe chữa cháy - Các loại phương tiện chữa cháy theo xe
3	Điện lực Bến Cát	0274.3564421	5	Xe, dụng cụ chuyên dùng
4	Cấp nước Bến Cát	0274.3556432	5	Xe, dụng cụ chuyên dùng
5	Bệnh viện ĐK Bến Cát	115	6	Xe, dụng cụ chuyên dùng
6	Lực lượng công an TP Bến Cát	113	5	Hỗ trợ chữa cháy, giữ gìn an ninh trật tự
7	Lực lượng công an Phường An Điền		6	Hỗ trợ chữa cháy, giữ gìn an ninh trật tự

• *Tổ chức triển khai chữa cháy*

Khi có cháy, lực lượng PCCC tại chỗ (CBNV) cần phải:

- Nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh được biết bằng các tín hiệu đã được quy định là tín hiệu báo cháy (còi, kèn, cờ, loa, kêng, miệng,...)

- Nhanh chóng cúp điện toàn khu vực xảy ra cháy và các khu vực lân cận có khả năng cháy lan.
- Triển khai phương án cứu người và tài sản trong đám cháy ra nơi an toàn.
- Sử dụng các phương tiện chữa cháy tại chỗ như bình chữa cháy để khống chế và chữa cháy ban đầu.
- Gọi điện báo cho lực lượng PCCC chuyên nghiệp biết.
- Cử người ra đón xe chữa cháy hướng dẫn lối vào khu vực xảy ra cháy và cung cấp thông tin sơ bộ về hình hình xảy ra cháy, báo cáo các nguồn nước trong công ty và khu vực lân cận cho lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp nắm.
- Tổ chức phối hợp cùng lực lượng PCCC chuyên nghiệp để nhanh chóng di dời các vật liệu hàng hóa để tham gia chữa cháy hiệu quả.
- Lực lượng của công ty tổ chức giám sát hiện trường vụ cháy và làm công rác bảo vệ vòng trong vòng ngoài để tránh kẻ gian lợi dụng tình hình khi có cháy nổ xảy ra vào lấy cắp tài sản và cản trở những người không có nhiệm vụ trong đám cháy ra ngoài khu vực cháy xảy ra.
- Công tác hậu cần phải được chuẩn bị nếu diễn biến của đám cháy phức tạp và có thể kéo dài thời gian chữa cháy.

Phân công nhiệm vụ cụ thể trong đội PCCC tại chỗ

Lực lượng này gồm 51 người, chia thành 3 tổ

Tổ 1: gồm 17 người có nhiệm vụ:

- Thông báo tin cháy trong nội bộ cơ sở, sử dụng số điện thoại 0274.3699699 để báo cháy cho lực lượng PCCC chuyên nghiệp theo số máy 114 và báo cháy cho cơ quan công an gần nhất.
- Đồng thời cử người ra đón xe chữa cháy và hướng dẫn vào nơi xảy ra cháy.
- Tổ chức canh gác bảo vệ khu vực cổng, khu vực để hàng hóa để phòng kẻ gian lợi dụng.
- Người phụ trách có nhiệm vụ cung cấp tình hình, diễn biến đám cháy, lực lượng phương tiện chữa cháy hiện có và nguồn nước chữa cháy.

Tổ 2: gồm 17 người có nhiệm vụ

- Sử dụng phương tiện chữa cháy tại chỗ như: bình chữa cháy các loại ở điểm gần nhất phun cứu vào điểm cháy ban đầu

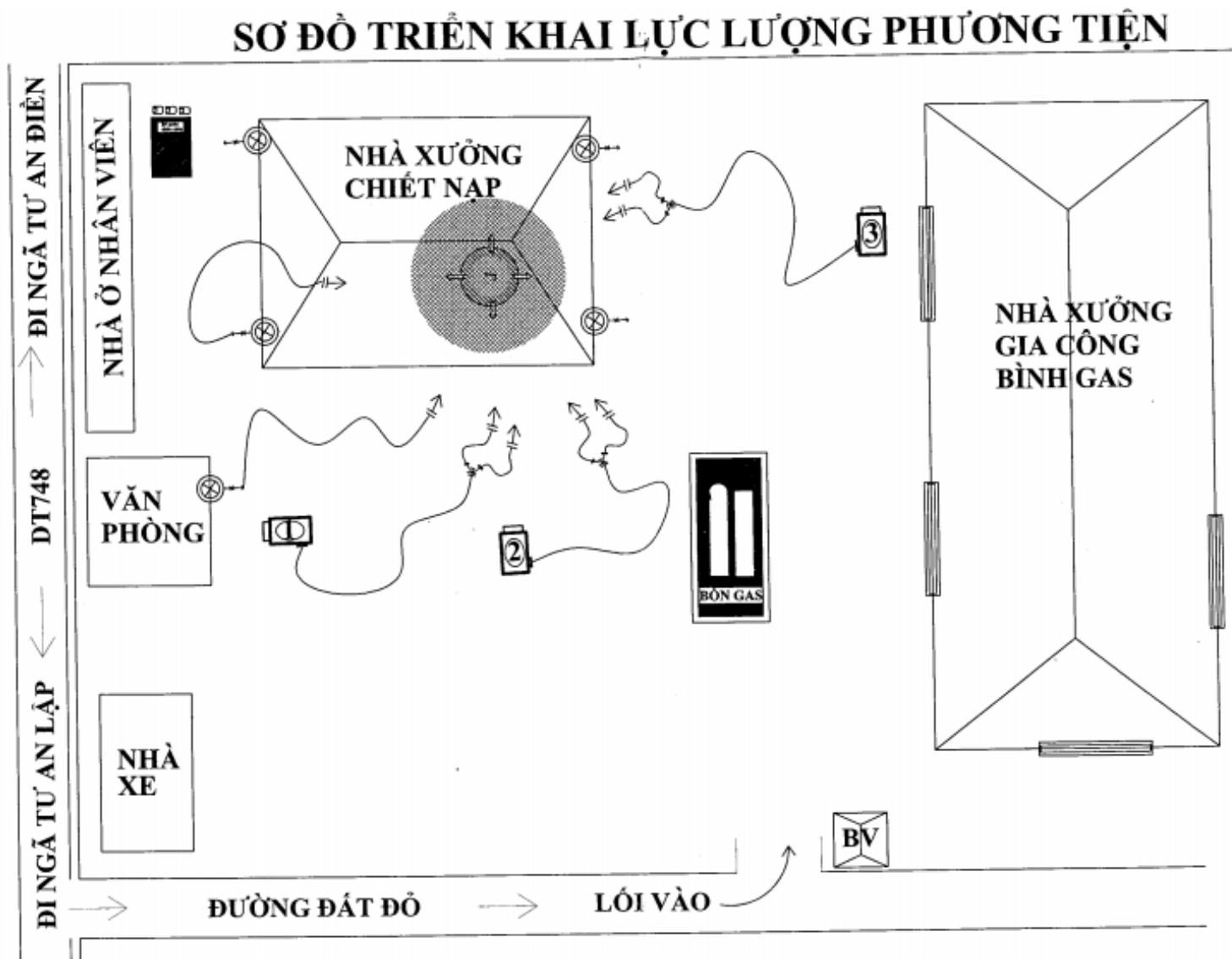
Tổ 3: gồm 17 người có nhiệm vụ

- Di chuyển tài sản nơi xảy ra đám cháy và các khu vực lân cận ra nơi an toàn
- Tổ chức cứu người bị nạn (nếu có) sơ cứu và chuyển tới trung tâm y tế gần nhất.

Phương án thoát nạn:

- Lực lượng tại chỗ gồm quản lý xưởng, các tổ trưởng khi nhận được tín hiệu báo cháy phải nhanh chóng bố trí cho công nhân thoát nạn theo sơ đồ thoát nạn cụ thể đã lập để ra khu vực an toàn nhanh nhất.
- Lực lượng cảnh sát PCCC có nhiệm vụ làm mát khu vực thoát nạn và tổ chức trình sát nắm rõ số lượng và vị trí người còn kẹt lại trong đám cháy để tìm biện pháp tiếp cận nhanh nhất.

Sơ đồ bố trí lực lượng, phương tiện để chữa cháy tình huống cháy phức tạp nhất:



Hình 3.15. Sơ đồ triển khai lực lượng phương tiện PCCC tình huống 1

Tình huống 2:

- *Giả định tình huống*

- Thời điểm xảy ra cháy: vào lúc 6h
- Điểm xuất phát cháy: tại khu văn phòng
- Nguyên nhân: chập điện tại bảng điện dẫn đến cháy lan sang các đường dây điện rồi phát sinh cháy
- Chất cháy chủ yếu: gỗ, giấy, máy móc thiết bị
- Khả năng cháy lan: do đám cháy xảy ra vào sáng sớm nên ngọn lửa lan nhanh, nhân viên không kịp thời xử lý và cứu chữa không hiệu quả nên đám cháy phát triển lớn và lan nhanh ra toàn bộ nhà xưởng và có nguy cơ cháy lan ra toàn bộ cơ sở.

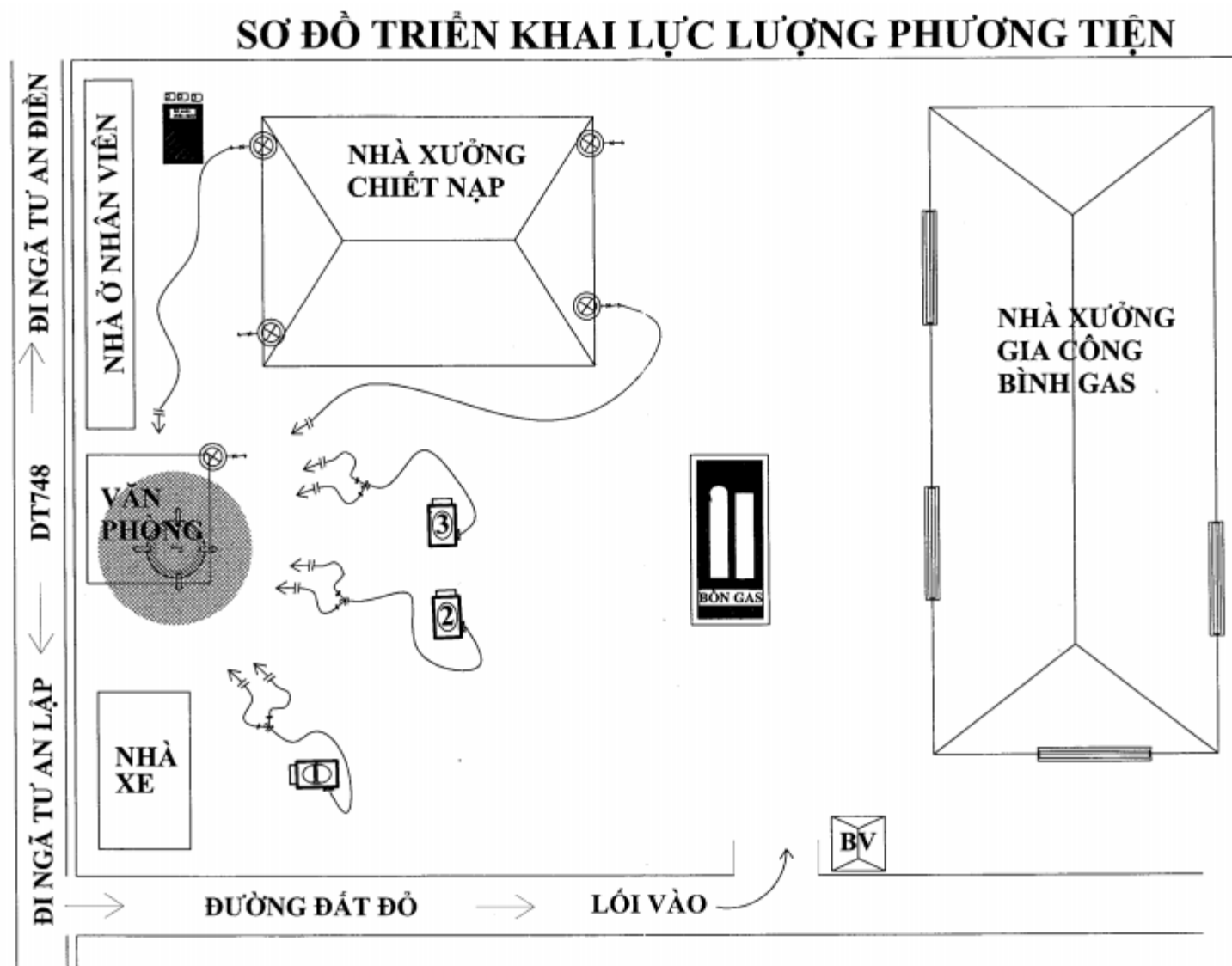
- *Chiến thuật chữa cháy*

- Khi đám cháy mới phát sinh thì lực lượng PCCC cơ sở sử dụng những phương tiện PCCC tại chỗ (như bình chữa cháy xách tay, hệ thống chữa cháy vách tường,...) để dập cháy, dùng điện thoại báo ngay cho lực lượng cảnh sát PCCC chuyên nghiệp theo số điện thoại 114 hoặc 02743557514.
- Khi đám cháy đã phát triển trên diện rộng, lan sang nhiều hạng mục cơ sở triển khai toàn bộ lực lượng phương tiện để dập lửa, đồng thời xin chỉ viện các phòng cảnh sát PCCC khu vực lân cận.
- Các phương tiện, lực lượng dự kiến huy động khi có cháy: như bảng 3.48

- *Tổ chức triển khai chữa cháy*

Như tình huống 1 trình bày ở trên.

Sơ đồ bố trí lực lượng, phương tiện để chữa cháy tình huống 2:



Hình 3.16. Sơ đồ triển khai phương tiện chữa cháy tình huống 2

3.6.4. Biện pháp ứng phó với sự cố trong vận hành hệ thống xử lý nước thải

Giả định tình huống sự cố ứng phó môi trường trong trường hợp bị nứt, vỡ, rò rỉ các bể xử lý nước thải tràn đổ nước thải thẳng ra môi trường.

- Thời điểm xảy ra sự cố: 16h30 phút.
- Điểm xảy ra sự cố: Vỡ bể lắng của hệ thống xử lý nước thải.
- Khu vực xảy ra sự cố: Trạm xử lý nước thải .
- Nguyên nhân xảy ra sự cố: do tác động ngoài ý muốn của hiện tượng thời tiết mưa bão.

Trong trường hợp vượt quá khả năng lưu của các bể điều hòa, nhà máy sẽ ngưng sản xuất các công đoạn nào phát sinh nước thải, hoặc trường hợp vỡ bể lắng, nước thải chưa xử lý tràn đổ thẳng ra môi trường thì chủ cơ sở chủ động thông báo đến các cơ quan chức năng hỗ trợ khắc phục, đồng thời thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp Phường nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện để phối hợp ứng phó thực hiện.

❖ Kế hoạch tổ chức ứng phó sự cố môi trường cụ thể:

- Đội trưởng đội ứng phó sự cố môi trường của cơ sở có mặt tại hệ thống XLNT để chỉ huy và đưa ra hướng khắc phục sự cố.

- Đội trưởng đội ứng phó sự cố môi trường phân công nhiệm vụ, cụ thể như sau:

Tổ thông tin (3 người): nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải. Khi nhận được tin báo có sự cố xảy ra tại hệ thống XLNT trong cơ sở thì nhanh chóng thông báo cho Đội trưởng đội ứng phó sự cố môi trường của cơ sở để được hướng dẫn và được ra phương án khắc phục sự cố.

Tổ kỹ thuật (7 người): Bao gồm tổ trưởng, ca trưởng, giám đốc xưởng và xưởng trưởng:

- Tư vấn, đưa ra phương án khắc phục sự cố cho Đội trưởng đội ứng phó sự cố môi trường;

- Đội trưởng phân công nhiệm vụ, đưa ra phương án khắc phục sự cố để tổ kỹ thuật thực hiện;

- Nước sự cố vượt ra ngoài khả năng của cơ sở, cơ sở sẽ thông báo đến các cơ quan chức năng hỗ trợ khắc phục.

❖ Biện pháp phòng ngừa:

- Bố trí cán bộ được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố để vận hành, theo dõi, giám sát liên tục quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải và có nhật ký vận hành hệ thống nước thải ghi nhận

các thông tin về lưu lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng, lượng bùn thải để kịp thời nhận biết các sự cố quá tải về lưu lượng.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong công trình xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc hoạt động ổn định.
- Các máy móc, thiết bị quan trọng được trang bị 01 bộ dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng... để không làm gián đoạn quá trình xử lý khi một thiết bị hư hỏng.
- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.
- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.
- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.
- Báo ngay cho cơ quan nhà nước có chức năng các sự cố để được hỗ trợ và có biện pháp khắc phục kịp thời trong trường hợp quá khả năng ứng phó của đơn vị.
- Quy trình ứng phó sự cố: Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải hoặc hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố và phải dừng hoạt động, nước thải phát sinh được bơm về bể điều hòa; giảm công suất sản xuất hoặc dừng sản xuất để hạn chế hoặc không làm phát sinh nước thải. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được để tiếp tục xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

❖ ***Quy trình ứng phó sự cố như sau:***

Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, dừng hoạt động xả nước thải sau xử lý ra môi trường. Nước thải vượt quy chuẩn được bơm về bể điều hòa để xử lý lại (*không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường*).

Trường hợp các hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố và phải dừng hoạt động, nước thải phát sinh được bơm về bể điều hòa; giảm công suất sản xuất hoặc dừng sản xuất để hạn chế hoặc không làm phát sinh nước thải. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận (*không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường*).

Trường hợp xảy ra sự cố nhỏ (sự cố máy móc, thiết bị hư hỏng (máy khuấy, máy bơm, máy thổi khí...)) nhưng nước thải vẫn đạt quy chuẩn xả thải cho phép: hầu hết các thiết bị chính đều có trang bị các thiết bị dự phòng, 1 hoạt động, 1 dự phòng, do vậy khi 1 thiết bị hư hỏng, thiết bị dự phòng có thể thay thế nhanh để hệ thống tiếp tục vận hành. Đồng thời công nhân vận hành nhanh chóng tìm cách khắc phục, sửa chữa hoặc thay thế thiết bị hư hỏng bằng các thiết bị, máy móc dự phòng hoặc đề xuất mua thay thế trong thời gian nhanh nhất.

Trong trường hợp sự cố kéo dài, nước thải phát sinh quá sức chứa của bể điều hòa, cơ sở sẽ tạm dừng hoạt động và chỉ hoạt động trở lại khi các sự cố đã được khắc phục.

3.6.5. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó với hệ thống xử lý bụi, khí thải

❖ **Phương án phòng ngừa sự cố số 6:** Sự cố ứng phó môi trường xảy ra đối với hệ thống xử lý bụi và các hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn bắn bi làm sạch bề mặt.

Giả định tình huống sự cố ứng phó môi trường trong trường hợp có sự cố nhỏ, có thể khắc phục nhanh như: rò rỉ hệ thống thu gom, thoát khí thải, sự cố hư hỏng thiết bị, túi vải hư hỏng, ...

- Thời điểm xảy ra sự cố: 10h30 phút.
- Điểm xảy ra sự cố: Rò rỉ khí thải ra môi trường sản xuất của công nhân
- Khu vực xảy ra sự cố: hệ thống xử lý khí thải khu vực bắn bi.
- Nguyên nhân xảy ra sự cố: do túi vải hư hỏng
- Cách khắc phục: Kiểm tra, dùng máy để thay thế túi vải.
- Khả năng ảnh hưởng của sự cố: ảnh hưởng đến chất lượng không khí trong môi trường sản xuất của công nhân.

Trong trường hợp sự cố nhỏ, thời gian khắc phục nhanh thì ngưng toàn bộ hệ thống xử lý khí khu vực mài để để khắc phục sự cố, đảm bảo khí thải được xử lý đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả thải.

Phương án phòng ngừa sự cố số 7: Sự cố ứng phó môi trường xảy ra đối với hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn hàn, vượt quá tầm kiểm soát của cơ sở.

Giả định tình huống sự cố ứng phó môi trường trong trường hợp hệ thống xử lý khí thải không đạt quy chuẩn thải.

- Thời điểm xảy ra sự cố: 15h30 phút.
- Điểm xảy ra sự cố: Khói hàn sau xử lý tại miệng ống khói..
- Khu vực xảy ra sự cố: hệ thống xử lý khí thải lò đốt dầu truyền nhiệt.
- Nguyên nhân xảy ra sự cố: do hệ thống hấp thụ bụi không hoạt động...
- Cách khắc phục: Dừng, kiểm tra, khắc phục sự cố trước khi vận hành.
- Khả năng ảnh hưởng của sự cố: ảnh hưởng đến chất lượng không khí trong môi trường xung quanh khu vực xả khí thải.

Trong trường hợp sự cố có thời gian khắc phục kéo dài bắt buộc phải ngừng sản xuất để khắc phục sự cố hệ thống xử lý khí thải trước khi vận hành lại.

❖ ***Biện pháp phòng ngừa:***

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra; có nhật ký vận hành hệ thống khí thải thải ghi nhận các thông tin về lưu lượng, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng... để kịp thời nhận biết các sự cố.
- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình để theo dõi sự ổn định của hệ thống. Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các thiết bị của hệ thống xử lý bụi, khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc. Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc công trình xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.
- Thành lập đội ứng phó sự cố môi trường, ban hành kế hoạch ứng phó sự cố môi trường và niêm yết tại khu vực lò hơi của Cơ sở.
- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.
- Định kỳ hàng năm tiến hành bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị của lò đốt dầu truyền nhiệt và hệ thống xử lý bụi, khí thải.
- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố, phải thay thế, sửa chữa kịp thời hoặc trường hợp sự cố kéo dài phải báo cáo người có thẩm quyền để kiểm tra, khắc phục.
- Cơ sở bố trí nhân viên có trình độ chuyên môn trực tiếp vận hành hệ thống khí thải và xử lý sự cố (nếu có).

3.7. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC

MÔI TRƯỜNG KHÁC

3.7.1. Tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp

An toàn lao động là mục tiêu hàng đầu trong các hoạt động của nhà máy. Vì vậy, để đảm bảo thực hiện tốt nhất về an toàn lao động, ngoài các phương pháp khổng chế ô

nhằm để giảm tác động tiêu cực đến sức khỏe của người công nhân, công ty còn áp dụng thêm những biện pháp sau:

- Xây dựng các nội quy, quy định về an toàn lao động và giám sát thực hiện nội quy
- Sắp xếp hoá chất trong khu vực chứa hoá chất hợp lý, tạo lối đi thông thoáng và không chất hàng quá cao
- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho nhân viên
- Trang bị tủ thuốc y tế và các trang thiết bị sơ cứu khẩn cấp tại khu vực nhà văn phòng
- Thực hiện khám sức khoẻ định kì cho người lao động
- Nghiêm cấm không ăn uống, hút thuốc trong khu vực công ty.


3.7.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với kho chứa chất thải rắn

Sự cố về kho chứa chất thải rắn: chất thải rắn nếu không được lưu trữ theo quy định có thể bị rò rỉ, tràn đổ hoặc bị cuốn theo nước mưa chảy tràn gây ô nhiễm môi trường cho nguồn tiếp nhận. Mặt khác, nếu kho chứa không đảm bảo yêu cầu về phòng chống cháy nổ khi xảy ra sự cố cháy nổ gây tác động lớn đến môi trường, con người và tài sản.

Phát tán tại chỗ: Do rò rỉ thiết bị chứa, chiết rót... dẫn đến chất thải phát tán ra nền nhà kho chứa, với số lượng lớn sẽ phát tán ra môi trường,

Phát tán cường bức: Do kho chứa có chất dễ cháy, nổ, hoặc được xây dựng cạnh các thiết bị có khả năng phát nổ như nồi hơi... trong quá trình sản xuất vô tình gây nổ kho chứa vì một lý do nào đó nêu trên dẫn đến chất thải nguy hại theo sức ép của vụ nổ mà phát tán mạnh ra môi trường xung quanh, không theo diễn biến cố định ảnh hưởng lớn đến tài sản, tính mạng con người cũng như môi trường xung quanh.

Kịch bản ứng phó khi có sự cố xảy ra:

 **Tình huống 1: Phương án xử lý tình huống do tràn trong quá trình lưu trữ chất thải:**

Vị trí đổ tràn:

- Tại nhà kho chất thải nguy hại;
- Chất thải đổ tràn là dầu nhớt thải ra từ quá trình bảo trì máy móc được vận chuyển xuống kho chứa CTNH;

Thời gian xảy ra đổ tràn: Xảy ra lúc A giờ B phút ngày X tháng Y năm Z

Nguyên nhân xảy ra đổ tràn: Trong quá trình sắp xếp nhân viên để chồng các thùng chứa nhớt thải lên nhau tại kho và gây ra đổ tràn;

Thời gian diện tích đổ tràn:

- Thời gian từ khi đổ tràn tới khi khoanh vùng là: 2 phút
- Diện tích đổ tràn đến khi triển khai lực lượng ứng phó tại chỗ là: 3 m²

Yếu tố gây ảnh hưởng tác động lớn tới việc khoanh vùng: Xung quanh là các thùng chứa CTNH khác nhau cần phải di chuyển các thùng chứa này ra ngoài;

Tổ chức triển khai lực lượng:


- Lực lượng: 4 nhân viên đội UPSC chất thải công ty và 3 nhân viên bảo vệ;
- Phương tiện: 02 bộ ứng phó đổ tràn, 2 mặt nạ phòng độc, 2 ủng cao su, 2 bao tay chống hóa chất, 2 khẩu trang than hoạt tính, 2 mắt kính, 2 tạp dề, 1 cuộn dây cảnh báo;

Người chỉ huy: chia đội UPSC chất thải cơ sở làm 04 tổ và do người chỉ huy điều khiển như sau:

- Tổ Thông tin liên lạc: Gồm 1 người. Có nhiệm vụ:
- Khi phát hiện đổ tràn báo động khu vực tại đó biết bằng cách hô to, dùng loa, chuông đổ tràn, dùng loa, chuông ... hoặc sử dụng loa hay kèn, cô lập khu vực không cho phương tiện, người qua lại. Báo cáo ngay cho Chỉ huy Đội UPSC cơ sở biết vị trí và tình hình đổ tràn;
- Làm các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chỉ huy UPSC. Tổ cứu hộ: Gồm 3 người thực hiện các nhiệm vụ:
- Nhanh chóng căng dây cảnh báo và thực hiện giám sát khu vực vào khu nhà kho chứa chất thải.

Tổ UPSC: Gồm 2 người. Có nhiệm vụ:

- Nhanh chóng sử dụng phương tiện bảo hộ lao động, thiết bị ứng phó sự cố khẩn cấp để tiến hành cô lập, khoanh vùng không cho chất thải chảy lan ra môi trường.
- Thu hồi chất thải tràn đổ và chứa trong thùng chứa chất thải kín.
- Báo cáo tình hình diễn biến cho Chỉ huy UPSC.

 **Tình huống 2: Phương án xử lý tình huống chập điện dẫn đến cháy kho chất thải:**

Vị trí xảy ra: Tại nhà kho chất thải tập trung; Chập đường dây điện dẫn đến phát lửa ở khu vực này.

Thời gian xảy ra: Xảy ra lúc A giờ B phút ngày X tháng Y năm Z.

Nguyên nhân xảy ra: chập điện.

Thời gian phát hiện sự cố: ngay khi xảy ra chập điện và bắt cháy; Vị trí gần kho CTNH.

Yếu tố gây ảnh hưởng tác động lớn tới việc ứng phó: các thùng rác đang sắp xếp để nhập kho lưu trữ.

Tổ chức triển khai lực lượng:

- Lực lượng: 4 nhân viên đội UPSC chất thải công ty và 3 nhân viên bảo vệ;
- Phương tiện: 02 bình cứu hỏa, 2 mặt nạ phòng độc, 2 khẩu trang than hoạt tính, 2 mắt kính, cát chuyên dụng, 1 cuộn dây cảnh báo.

Người chỉ huy: chia đội UPSC chất thải cơ sở làm 04 tổ và do người chỉ huy điều khiển như sau:

- Tổ Thông tin liên lạc: Gồm 1 người. Có nhiệm vụ:
- Khi phát hiện đổ tràn báo động khu vực tại đó biết bằng cách hô to, dầu nhớt đổ tràn, dầu nhớt đổ tràn ... hoặc sử dụng loa hay kêng, cô lập khu vực không cho phương tiện, người qua lại. Báo cáo ngay cho Chỉ huy Đội UPSC cơ sở biết vị trí và tình hình đổ tràn;
- Liên lạc với UBND phường An Điền, Ban chỉ huy phòng chống ứng phó sự cố và tìm kiếm cứu nạn TP Bến Cát và Đội PCCC TP Bến Cát theo lệnh của chỉ huy khi sự cố vượt ngoài khả năng ứng phó.
- Làm các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chỉ huy UPSC. Tổ cứu hộ: Gồm 3 người thực hiện các nhiệm vụ:
- Nhanh chóng căng dây cảnh báo và thực hiện giám sát khu vực vào khu nhà kho chứa chất thải.

Tổ UPSC: Gồm 2 người. Có nhiệm vụ: Nhanh chóng sử dụng phương tiện bảo hộ lao động, thiết bị ứng phó sự cố khẩn.

3.8. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Tổng hợp các nội dung thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.17. Tổng hợp các nội dung thay đổi so với ĐTM đã được phê duyệt

STT	Hạng mục	Phương án xử lý đăng kí trong ĐTM	Phương án xử lý thực tế
1	Công trình xử lý bụi từ công đoạn bắn bi làm sạch	Bụi => chụp hút => Thiết bị lọc bụi túi vải => Tháp rửa khí (bằng nước) => Ống thải	Bụi => Chụp hút => Cyclone tách bụi => Filter lọc bụi ống thải
2	Công trình xử lý bụi từ công đoạn sơn tĩnh điện	Bụi sơn => Filter lọc bụi => Ống dẫn => quạt hút => thùng chứa bột sơn tái sử dụng	Bụi sơn => Filter lọc bụi => Ống dẫn => quạt hút => thùng chứa bột sơn tái sử dụng => ống thải

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại XNK Dầu Khí Thái Bình Dương)

3.9. KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ, PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Công ty Cổ phần Thương mại XNK Dầu Khí Thái Bình Dương không thuộc đối tượng khai thác khoáng sản. Do đó, Cơ sở sẽ không thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh tại nhà văn phòng với lưu lượng khoảng $1,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh tại khu nhà vệ sinh công nhân với lưu lượng khoảng $3,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động kiểm tra độ kín của bình gas với lưu lượng khoảng $0,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh vỏ bình gas trước khi chiết nạp gas với lưu lượng khoảng $1,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ quá trình hấp thụ khói hàn của công đoạn hàn với lưu lượng khoảng $1,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

4.1.2. Lưu lượng xả thải tối đa: $7,0 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

4.1.3. Dòng nước thải

Nước thải sau khi xử lý \Rightarrow Đường ống uPVC đường kính 114 mm \Rightarrow Hồ ga bê tông cốt thép (*kích thước rộng $1,4\text{m} \times$ dài $1,5\text{m} \times$ sâu $2,5\text{m}$*) của hệ thống thoát nước trên đường giao thông nông thôn trước cổng công ty \Rightarrow Rạch thoát nước tự nhiên \Rightarrow Sông Thị Tính.

4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn tương ứng

Nước thải tại cơ sở trước khi thải ra môi trường phải đạt QCVN 40:2011/ BTNMT, cột A, $K_q=0,9$; $K_f=1,2$. Cụ thể các chỉ tiêu và tiêu chuẩn giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm như sau:

Bảng 4.1. Danh sách các thông số ô nhiễm trong nước thải và giá trị giới hạn tương ứng theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột A

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động
1	Lưu lượng	$\text{m}^3/\text{ngày}$	7,0	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	pH	-	6-9		
3	TSS	mg/L	54		
4	BOD ₅	mg/L	32,4		
5	COD	mg/L	81		
7	Tổng Nitơ	mg/L	21,6		
8	Tổng Phospho	mg/L	4,32		

9	Sắt	mg/L	1,08		
10	Coliform	Vi khuẩn/100mL	3.000		

4.1.5. Vị trí, phương thức xả thải vào nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí xả thải: Nước thải sau khi xử lý => Đường ống uPVC đường kính 114 mm => Hồ ga bê tông cốt thép (kích thước rộng 1,4m × dài 1,5m × sâu 2,5m) của hệ thống thoát nước trên đường giao thông nông thôn trước cổng công ty => Rạch thoát nước tự nhiên => Sông Thị Tính.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1233392; Y = 671099 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 3⁰).
- Phương thức xả: tự chảy
- Các chất ô nhiễm: pH, TSS, BOD₅, COD, T-N, T-P, Fe, coliform
- Chế độ xả thải: Liên tục
- Quy chuẩn xả thải: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (Kq=0,9; Kf=1,2)

❖ Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh:

- Nước thải từ bể xí, âu tiêu phát sinh từ khu nhà vệ sinh văn phòng sau bể tự hoại + Nước rửa tay chân được thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính 60 -114 mm về công trình xử lý nước thải tập trung công suất 17 m³/ngày.đêm.
- Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh công nhân sau bể tự hoại + Nước rửa tay chân được thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính 60 -114 mm về công trình xử lý nước thải tập trung công suất 17 m³/ngày.đêm.
- Nước thải phát sinh từ hoạt động kiểm tra độ kín của bình gas được thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính 42 -114 mm về công trình xử lý nước thải tập trung công suất 17 m³/ngày.đêm.
- Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh vỏ bình gas trước khi chiết nạp gas được thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính 42 -114 mm về công trình xử lý nước thải tập trung công suất 17 m³/ngày.đêm.
- Nước thải phát sinh từ quá trình hấp thụ khói hàn của công đoạn hàn được thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính 42 -114 mm về công trình xử lý nước thải tập trung công suất 17 m³/ngày.đêm.

❖ Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải => Bể thu gom => Bể điều hòa => Bể sinh học SBR => Bể trung gian => Bồn lọc áp lực => Hệ thống thoát nước trên đường giao thông nông thôn trước cổng công ty => Rạch thoát nước tự nhiên => Sông Thị Tính.
- Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Kq=0,9; Kf=1,2 trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.
- Công suất thiết kế: 17 m³/ngày.đêm.

- Lưu lượng xin cấp phép: 7 m³/ngày
- Hóa chất vật liệu sử dụng: Javen

4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải

Bảng 4.2. Các nguồn phát sinh bụi và khí thải

TT	Nguồn phát sinh khí thải	
1	Nguồn số 01	Bụi và khí thải phát sinh từ máy hàn 01
2	Nguồn số 02	Bụi và khí thải phát sinh từ máy hàn 02
3	Nguồn số 03	Bụi và khí thải phát sinh từ máy hàn 03
4	Nguồn số 04	Bụi và khí thải phát sinh từ máy hàn 04
5	Nguồn số 05	Bụi và khí thải phát sinh từ máy hàn 05
6	Nguồn số 06	Bụi và khí thải phát sinh từ máy hàn 06
7	Nguồn số 07	Bụi và khí thải phát sinh từ máy hàn 07
8	Nguồn số 08	Bụi và khí thải phát sinh từ máy hàn 08
9	Nguồn số 09	Bụi và khí thải phát sinh từ máy phun bi (01 máy)
10	Nguồn số 10	Bụi và khí thải phát sinh từ buồng sơn tĩnh điện (01 buồng)
11	Nguồn số 11	Khí thải phát sinh từ lò nung nhiệt đốt gas LPG (01 lò)

4.2.2. Dòng khí thải, vị trí xả thải, phương thức xả khí thải

Bảng 4.3. Lưu lượng các nguồn khí thải xin cấp phép

TT	Nguồn khí thải	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Lưu lượng m ³ /h	Tọa độ
1	Nguồn số 01	Dòng khí thải số 01	Ống thải của công trình xử lý khí thải số 01 (Công trình xử lý bụi phát sinh từ công đoạn bắn bi làm sạch bề mặt vỏ bình gas)	8.000	X=1232865.1; Y = 589292.9
2	Nguồn số 02	Dòng khí thải số 02	Ống thải của công trình xử lý khí thải số 02 (Công trình xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn hàn)	6.000	X=1232866.7; Y = 589308.3
	Nguồn số 03				
	Nguồn số 04				
	Nguồn số 05				
	Nguồn số 06				
	Nguồn số 07				
	Nguồn số 08				
	Nguồn số 09				
3	Nguồn số 10	Dòng khí thải số 03	Ống thải của công trình xử lý khí thải số	9.000	X=1232861.1; Y = 589272.6

TT	Nguồn khí thải	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Lưu lượng m ³ /h	Tọa độ
			03 (Công trình xử lý bụi từ quá trình phun sơn tĩnh điện)		
4	Nguồn số 11	Dòng khí thải số 04	Ống thải từ lò luyện nhiệt đốt bằng khí gas LPG	-	X=1232846.4; Y = 589277.1

- Phương thức xả thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả thải liên tục trong thời gian hoạt động của nhà máy.

4.2.3. Quy chuẩn kỹ thuật môi trường

Khí thải trước khi xả thải vào môi trường phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, cột B Kp = 1 và Kv = 0,8 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất vô cơ cụ thể như sau:

Bảng 4.4. Giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm khí thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng thải số 01				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	8.000	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi	mg/Nm ³	160		
II	Dòng thải số 02				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	6.000	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi	mg/Nm ³	160		
3	CO	mg/Nm ³	800		
III	Dòng thải số 03				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	9.000	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi	mg/Nm ³	160		
IV	Dòng thải số 04				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	9.000	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi	mg/Nm ³	160		
3	CO	mg/Nm ³	800		
4	SO ₂	mg/Nm ³	1.200		
5	NO ₂	mg/Nm ³	800		

❖ Mạng lưới thu gom bụi, khí thải từ nguồn phát sinh để đưa về công trình xử lý:

- Nguồn số 01: Bụi và khí thải phát sinh từ máy bắn bi làm sạch bề mặt vỏ bình gas được thu gom bằng các chụp hút, vật liệu tôn tráng kẽm dẫn về công trình xử lý khí thải số 01.

- Nguồn số 02: Bụi và khí thải phát sinh từ máy hàn 01 được thu gom bằng các chụp hút, vật liệu tôn tráng kẽm dẫn về công trình xử lý khí thải số 02.
- Nguồn số 03: Bụi và khí thải phát sinh từ máy hàn 02 được thu gom bằng các chụp hút, vật liệu tôn tráng kẽm dẫn về công trình xử lý khí thải số 02.
- Nguồn số 04: Bụi và khí thải phát sinh từ máy hàn 03 được thu gom bằng các chụp hút, vật liệu tôn tráng kẽm dẫn về công trình xử lý khí thải số 02.
- Nguồn số 05: Bụi và khí thải phát sinh từ máy hàn 04 được thu gom bằng các chụp hút, vật liệu tôn tráng kẽm dẫn về công trình xử lý khí thải số 02.
- Nguồn số 06: Bụi và khí thải phát sinh từ máy hàn 05 được thu gom bằng các chụp hút, vật liệu tôn tráng kẽm dẫn về công trình xử lý khí thải số 02.
- Nguồn số 07: Bụi và khí thải phát sinh từ máy hàn 06 được thu gom bằng các chụp hút, vật liệu tôn tráng kẽm dẫn về công trình xử lý khí thải số 02.
- Nguồn số 08: Bụi và khí thải phát sinh từ máy hàn 07 được thu gom bằng các chụp hút, vật liệu tôn tráng kẽm dẫn về công trình xử lý khí thải số 02.
- Nguồn số 09: Bụi và khí thải phát sinh từ máy hàn 08 được thu gom bằng các chụp hút, vật liệu tôn tráng kẽm dẫn về công trình xử lý khí thải số 02.
- Nguồn số 10: Bụi và khí thải phát sinh từ buồng sơn tĩnh điện được thu gom bằng các chụp hút, vật liệu tôn tráng kẽm dẫn về công trình xử lý khí thải số 03.
- Nguồn số 09: Bụi và khí thải phát sinh từ lò nung nhiệt đốt bằng gas LPG được thu gom và phát tán qua ống thải.

❖ **Công trình, thiết bị xử lý khí thải:**

- ***Công trình xử lý khí thải số 01 (Công trình xử lý bụi phát sinh từ công đoạn bắn bi làm sạch bề mặt vỏ bình gas)***
 - + Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi => Cyclone => Filter lọc bụi => Quạt hút => Ống thải (đường kính 400mm; cao 9 m).
 - + Công suất thiết kế: 8.000 m³/giờ.
 - + Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.
 - + Số ống thải: 01 ống thải.
- ***Công trình xử lý khí thải số 02 (Công trình xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn hàn)***
 - + Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải => Chụp hút => Ống nhánh => Ống dẫn chính => Tháp hấp thụ => Quạt hút => Ống thải (đường kính 400mm; cao 9m).
 - + Công suất thiết kế: 6.000 m³/giờ
 - + Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.
 - + Số ống thải: 01 ống thải.

- **Công trình xử lý khí thải số 03 (Công trình xử lý bụi từ quá trình phun sơn tĩnh điện)**
- + Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi => Buồng thu hồi bụi sơn => Filter lọc bụi => Ống dẫn => Quạt hút => Ống thải (đường kính 400 mm; cao 14m).
- + Công suất thiết kế: 9.000 m³/giờ
- + Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.
- + Số ống thải: 01 ống thải.
- **Khí thải từ lò luyện nhiệt đốt bằng khí gas LPG được thu gom và phát tán qua ống thải cao 14m, đường kính D60mm.**

4.3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

4.3.1. Nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực chiết nạp gas
- Nguồn số 02: Khu vực gia công cơ khí.
- Nguồn số 03: Khu vực bán bi.
- Nguồn số 04: Khu vực sơn tĩnh điện.
- Nguồn số 05: Khu vực lò nung.
- Nguồn số 06: Khu vực xử lý khí thải số 1 (Công trình xử lý khí thải từ công đoạn bán bi làm sạch).
- Nguồn số 07: Khu vực xử lý khí thải số 2 (Công trình xử lý khí thải từ công đoạn hàn)
- Nguồn số 08: Khu vực xử lý nước thải tập trung công suất 17 m³/ngày.

4.3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tọa độ X= 1232889.4, Y = 589340.9.
- Nguồn số 02: Tọa độ X= 1232832.9, Y = 589308.7
- Nguồn số 03: Tọa độ X= 1232861.1, Y = 589284.6.
- Nguồn số 04: Tọa độ X=1232861.1; Y = 589272.6
- Nguồn số 05: Tọa độ X=1232846.4; Y = 589277.1
- Nguồn số 06: Tọa độ X=1232865.1; Y = 589292.9
- Nguồn số 07: Tọa độ X=1232866.7; Y = 589308.3
- Nguồn số 08: Tọa độ X= 1232863.3, Y = 589321.9.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi chiều 3°).

4.3.3. Tiếng ồn, độ rung:

Đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

➤ Tiếng ồn:

Bảng 4.5. Giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

➤ Độ rung:

Bảng 4.6. Giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

4.4. NỘI DUNG CẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG VỀ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

4.4.1. *Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh*

❖ Chất thải nguy hại

Bảng 4.7. Danh mục các chất thải nguy hại phát sinh của nhà máy

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Các vật liệu mài dạng hạt thải có thành phần nguy hại	Rắn	5.487	07 03 08	KS
2	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn	7.115	08 01 01	KS
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh thải	Rắn	30	16 01 06	KS
4	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	4.769	18 02 01	NH
5	Hộp mực in thải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	14	08 02 04	NH
6	Bùn thải từ hệ thống xử lý	Bùn	11.935	12 06 05	NH

	nước thải				
7	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	200	17 01 06	KS
8	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn khác	Lỏng	1.200	17 02 04	KS
Tổng			30.750	-	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại XNK Dầu Khí Thái Bình Dương)

❖ **Chất thải rắn công nghiệp thông thường**

Bảng 4.8. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Sắt phế liệu	66.411,9
2	Van đồng	1.705
3	Bao bì, giấy bìa carton hư hỏng.	1.093,8
Tổng		69.210,7

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại XNK Dầu Khí Thái Bình Dương)

❖ **Chất thải rắn sinh hoạt:**

Bảng 4.9. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	10.900
TỔNG KHỐI LƯỢNG		10.900

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại XNK Dầu Khí Thái Bình Dương)

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường được lưu trữ trong nhà chứa có diện tích 100 m² và chất thải nguy hại được lưu chứa trong nhà chứa có diện tích 50 m². Nhà chứa chất thải được chia thành các ngăn có gờ chống tràn cao 20cm. Trước cửa mỗi ngăn sẽ được gắn biển hiệu và dán nhãn phân loại chất thải.

4.4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị 08 thùng chứa 120 lít bằng nhựa HDPE, có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại.
- Khu vực lưu chứa:
- + Diện tích: 100 m².

- + Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm, có rãnh và hố thu dầu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy đựng nước lẫn dầu, thùng phuy chứa dầu thải, có thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

4.4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị 05 thùng 120 lít bằng nhựa HDPE có nắp đậy.
- Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường
- + Diện tích: 50 m².
- + Thiết kế, cấu tạo: phân ra từng khu vực lưu trữ có dán nhãn theo từng loại. Tường bao và mái che, nền gia cố bằng bê tông gạch vỡ để chống thấm. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

4.4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: chứa rác trong 05 thùng chứa có nắp đậy dung tích 320 lít bằng nhựa HDPE, đặt tại các khu vực thường xuyên phát sinh chất thải như xưởng sản xuất, các tuyến đường nội bộ. Hằng ngày chất thải rắn sinh hoạt được công nhân nhà máy thu gom đưa về điểm tập kết và giao cho đơn vị có chức năng thu gom.

- Diện tích điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt: 5 m².

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất: Thiết kế xây dựng nhà kho,

khu vực lưu chứa hóa chất và các khu vực sản xuất có liên quan theo quy định tại QCVN 05A:2020/BCT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 28/12/2017 của Chính Phủ về hướng dẫn Luật Hóa chất và các quy định khác của pháp luật.

- Trường hợp rơi ngã thiết bị chứa hóa chất nhưng không tràn đổ hóa chất ra môi trường: Sử dụng xe nâng hàng để tiếp tục di chuyển kiện hàng hóa chất đến vị trí chất xếp, sử dụng (kiểm tra lại chất lượng thiết bị chứa trước khi chất xếp).

- Trường hợp tràn đổ, rò rỉ hoá chất: thông tin cho mọi người xung quanh được biết sự cố, cách ly khu vực có hóa chất bị rò rỉ bằng các biển cảnh báo, người cảnh giới, cách ly càng xa càng tốt, nhân viên đội ứng phó sự cố có mặt tại hiện trường nhanh chóng trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, sử dụng các vật liệu thấm hút (giẻ lau nếu tràn đổ ít hoặc dùng cát nếu tràn đổ nhiều) hoặc dụng cụ xúc đổ để thu gom hóa chất tràn đổ, lưu chứa vào thùng phuy rỗng và lưu giữ tại nhà kho chứa CTNH hoặc chờ mang đi xử lý đúng theo quy định; sử dụng phương tiện xe nâng di chuyển các thiết bị chứa hóa chất bị vỡ, tràn đổ đến lưu chứa tại kho CTNH hoặc chờ mang đi xử lý đúng theo quy định; áp dụng các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất được duyệt theo quy định khác.

4.5. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan, bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc tại Cơ sở.

- Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo

vệ môi trường của Cơ sở được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Công ty phải đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về an toàn hóa chất, phòng cháy chữa cháy theo quy định và chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xảy ra các sự cố môi trường, hóa chất, cháy nổ tại các nhà máy khi không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này và các quy định khác của pháp luật

- Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

Hiện tại, nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy là nước thải sinh hoạt của công nhân và nước thải sản xuất. Nước thải hiện hữu phát sinh được thu gom và xử lý qua hệ thống xử lý nước thải có công suất 17 m³/ngày. Kết quả phân tích nước thải sau hệ thống xử lý của năm 2023 và năm 2024 như sau:

Bảng 5.1. Chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				QCVN 40:2011/ BTNMT cột A
			Quý 4/2023	Quý 1/2024	Quý 2/2024	Quý 3/2024	
1	pH	-	6,81	6,93	6,86	6,20	6-9
2	TSS	mg/l	41	28	32	17	50
3	COD	mg/l	60	46	53	36	75
4	BOD ₅	mg/l	21	22	26	20	30
5	Tổng N	mg/l	15,7	18,3	17,1	18,2	20
6	Tổng P	mg/l	2,55	1,66	1,94	0,35	4
7	Tổng coliform	MPN /100ml	2.500	2.700	2.400	2.400	3.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại XNK Dầu Khí Thái Bình Dương)

Theo bảng kết quả phân tích ở trên cho thấy, nồng độ các chỉ tiêu trong nước thải sau hệ thống xử lý của công ty đều nằm trong giới hạn phép theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột A. Điều này chứng tỏ hệ thống xử lý nước thải của công ty đang hoạt động khá hiệu quả.

5.2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ TẠI CÁC KHU VỰC SẢN XUẤT TẠI CƠ SỞ

➤ Vị trí lấy mẫu:

- KK1: Khu vực gia công cơ khí
- KK2: Khu vực chiết nạp gas

➤ Kết quả phân tích

Kết quả phân tích các chỉ tiêu tại các vị trí được trình bày trong bảng sau:

Bảng 5.1. Kết quả chất lượng môi trường không khí tại khu vực sản xuất

<div>Khu vực</div> <div>Đơn vị</div>	Nhiệt độ	Tiếng ồn	Ánh sáng	Bụi	NO ₂	SO ₂	CO
	(°C)	dBA	Lux	(mg/m ³)			
QUÝ 4/2023							
Khu vực gia công cơ khí	31,1	79,1	658	0,49	0,078	0,089	6,14
Khu vực chiết nạp gas	30,9	74,5	542	0,38	0,081	0,096	6,26
QUÝ 1/2024							
Khu vực gia công cơ khí	30,3	62,9	544	0,17	0,055	0,067	5,65
Khu vực chiết nạp gas	30,6	64,5	523	0,16	0,052	0,059	5,41
QUÝ 2/2024							
Khu vực gia công cơ khí	30,1	62,2	520	0,15	0,059	0,060	5,26
Khu vực chiết nạp gas	30,3	64,0	555	0,19	0,056	0,068	5,35
QUÝ 3/2024							
Khu vực gia công cơ khí	31,7	78,8	373	0,23	0,059	0,071	5,29
Khu vực chiết nạp gas	31,4	72,0	375	0,19	0,056	0,079	5,06
QCVN 22:2016/BYT	-	-	≥ 300	-	-	-	-
QCVN 24:2016/BYT	-	≤ 85	-	-	-	-	-
QCVN 26:2016/BYT	18-32	-	-	-	-	-	-
QCVN 02:2019/BYT	-	-	-	≤ 8	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT	-	-	-	-	≤ 5	≤ 5	≤ 20

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại XNK Dầu Khí Thái Bình Dương)

Nhận xét:

Theo kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí tại nhà máy hiện hữu cho thấy tất cả các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép. Chất lượng môi trường không khí tại môi trường lao động khá tốt.

5.3. CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI TẠI NGUỒN

❖ **Khí thải tại ống xả HTXL bụi từ công đoạn bắn bi**

Vị trí lấy mẫu: Tại ống thải sau HTXL bụi từ công đoạn bắn bi

Kết quả phân tích các chỉ tiêu tại các vị trí được trình bày trong bảng sau:

Bảng 5.2. Kết quả ống thải sau HTXL bụi từ công đoạn bắn bi

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B; Kp = 1; Kv =0,8
1	Lưu lượng	m ³ /h		-
2	Bụi	mg/m ³		128

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại XNK Dầu Khí Thái Bình Dương)

Nhận xét: Từ bảng kết quả trên, nhận thấy, nồng độ bụi tại ống thải của HTXL đạt quy chuẩn cho phép.

❖ **Khí thải tại ống thải sau HTXL khí thải từ công đoạn hàn**

Bảng 5.3. Kết quả ống thải sau HTXL khí thải từ công đoạn hàn

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B; Kp = 1; Kv =0,8
1	Lưu lượng	m ³ /h		-
2	Bụi	mg/m ³		128

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại XNK Dầu Khí Thái Bình Dương)

Nhận xét:

Từ bảng kết quả trên, nhận thấy, nồng độ bụi tại ống thải sau các HTXL đạt quy chuẩn cho phép.

❖ **Khí thải tại ống thải sau HTXL sơn tĩnh điện**

Bảng 5.5. Kết quả ống thải sau HTXL sơn tĩnh điện

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B; Kp = 1; Kv =0,8
1	Lưu lượng	m ³ /h		-
2	Bụi	mg/m ³		128

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại XNK Dầu Khí Thái Bình Dương)

Nhận xét:

Từ bảng kết quả trên, nhận thấy, nồng độ khí thải tại ống thải sau các HTXL đều đạt quy chuẩn cho phép.

❖ **Khí thải tại ống thải lò nung nhiệt đốt gas LPG**

Bảng 5.6. Kết quả ống thải lò nung nhiệt đốt gas LPG

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B; Kp = 1; Kv =0,8
1	Lưu lượng	m ³ /h		-
2	Bụi	mg/m ³		128

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại XNK Dầu Khí Thái Bình Dương)

Nhận xét:

Từ bảng kết quả trên, nhận thấy, nồng độ khí thải tại ống thải sau các HTXL đều đạt quy chuẩn cho phép.

CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CỦA CƠ SỞ

Theo khoản 2, điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường các công trình xử lý chất thải của cơ sở thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm. Kế hoạch vận hành thử nghiệm của cơ sở cụ thể như sau:

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

Công trình xử lý chất thải	Công suất	Quy trình xử lý	Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm
Công trình xử lý nước thải tập trung	7 m ³ /ngày	Nước thải => Bể thu gom => Bể điều hòa => Bể sinh học SBR => Bể trung gian => Bồn lọc áp lực => Hệ thống thoát nước trên đường giao thông nông thôn trước cổng công ty => Rạch thoát nước tự nhiên => Sông Thị Tính.	Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: sau 15 ngày kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực và vận hành thử nghiệm trong 01 tháng.
Công trình xử lý bụi số 01 (Công trình xử lý bụi phát sinh từ công đoạn bắn bi làm sạch bề mặt vỏ bình gas)	8.000 m ³ /giờ	Bụi (nguồn số 01) => Cyclone => Filter lọc bụi => Quạt hút => Ống thải (đường kính 400mm; cao 9 m).	
Công trình xử lý khí thải số 02 (Công trình xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn hàn)	6.000 m ³ /giờ	Khí thải (Nguồn số 02 đến nguồn số 09) => Chụp hút => Ống nhánh => Ống dẫn chính => Tháp hấp thụ => Quạt hút => Ống thải (đường kính 400mm; cao 9m).	
Công trình xử lý bụi số 03 (Công trình xử lý bụi từ quá trình phun sơn tĩnh điện)	9.000 m ³ /giờ	Bụi (nguồn số 10) => Bồng thu hồi bụi sơn => Filter lọc bụi => Ống dẫn => Quạt hút => Ống thải (đường kính 400 mm; cao 14m).	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại XNK Dầu Khí Thái Bình Dương)

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01

năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp.
- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (03 lần)
- Loại mẫu: Mẫu đơn

Chương trình quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải được chủ cơ sở phối hợp với đơn vị đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên & Môi trường thực hiện.

Việc lấy mẫu khí thải để đo đạc, phân tích, đánh giá sự phù hợp của công trình xử lý khí thải bảo đảm phù hợp với TCVN 5999:1995 (ISO 5667- 10:1992).

Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải như bảng sau:

Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc, lấy mẫu phân tích chất thải của từng công trình

STT	Vị trí	Số lượng	Đơn vị	Thông số quan trắc	Quy chuẩn so sánh	Tần suất
Hệ thống xử lý nước thải						
1	Đầu vào HTXL nước thải	1	Mẫu	pH, TSS, BOD ₅ , COD, Tổng N, Tổng P, Fe, coliform	QCVN 40:2011/ BTNMT, cột A. (Kq = 0,9; Kf = 1,2)	Sau 15 ngày kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực, lấy tối thiểu 3 ngày liên tục (01 ngày lấy 01 mẫu)
2	Đầu ra HTXL nước thải	3	Mẫu			
Hệ thống xử lý bụi, khí thải						
1	01 mẫu đầu ra tại ống thải công trình xử lý số 01 (Công trình xử lý bụi phát sinh từ công đoạn bắn bi làm sạch bề mặt vỏ bình gas)	3	Mẫu	Lưu lượng, Bụi	QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B (Kp=1, Kv=0,8)	Sau 15 ngày kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực, lấy tối thiểu 3 ngày liên tục (01 ngày lấy 01 mẫu)
2	01 mẫu đầu ra tại ống thải công trình xử lý số 02 (Công trình xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn hàn)	3	Mẫu	Lưu lượng, Bụi, CO	QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B (Kp=1, Kv=0,8)	

3	01 mẫu đầu ra tại ống thải công trình xử lý số 03 (Công trình xử lý bụi từ quá trình phun sơn tĩnh điện)	3	Mẫu	Lưu lượng, Bụi	QCVN 19:2009/BT NMT, Cột B (Kp=1, Kv=0,8)	
---	--	---	-----	----------------	---	--

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại XNK Dầu Khí Thái Bình Dương)

6.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI (TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC VÀ ĐỊNH KỲ) THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

❖ Giám sát nước thải

Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ nước thải theo quy định.

❖ Giám sát bụi, khí thải sau hệ thống xử lý

Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ nước thải theo quy định.

❖ Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Các điểm tập kết rác
- Thông số giám sát: thành phần và khối lượng

6.2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác

Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục chất thải

CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong quá trình hoạt động, công ty luôn thực hiện tốt các công tác bảo vệ môi trường. Đồng thời, trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo, công ty không có đoàn kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đến kiểm tra, thanh tra.

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

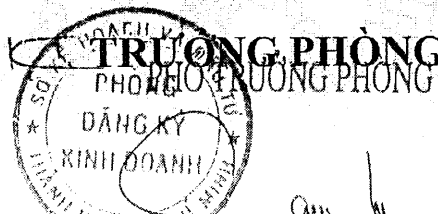
Chúng tôi cam kết về việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu trong kế hoạch bảo vệ môi trường đạt các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

- Công ty cam kết trong quá trình hoạt động sẽ tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06/07/2023
- Môi trường sản xuất đạt các quy chuẩn của Bộ Y tế QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT.
- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT và QCVN 27:2010/BYT.
- Chất lượng khí thải đầu ra đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT cột B.
- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh tại công ty đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A.
- Chất thải rắn: Được quản lý theo đúng quy định hiện hành: Rác thải sinh hoạt được thu gom và vận chuyển đến nơi xử lý theo đúng yêu cầu với sự hỗ trợ của đơn vị có chức năng; Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom, tập trung, xử lý theo đúng yêu cầu với sự hỗ trợ của đơn vị có chức năng.
- Chất thải nguy hại: Được thực hiện theo đúng quy chế quản lý chất thải nguy hại ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ - Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được phân loại, lưu trữ và giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.
- Công ty sẽ quản lý và lưu trữ các loại rác thải theo đúng Quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chúng tôi đảm bảo về độ trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường, kể cả các tài liệu đính kèm.

Nếu có sai phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN****Mã số doanh nghiệp: 0315670054****Đăng ký lần đầu: ngày 13 tháng 05 năm 2019****Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 15 tháng 03 năm 2024****1. Tên công ty****Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG****Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PACIFIC PETROLEUM EXPORT AND IMPORT TRADING JOINT STOCK COMPANY****Tên công ty viết tắt: PACIFIC PETROLEUM EXPORT AND IMPORT TRADING J.S.C****2. Địa chỉ trụ sở chính****Số 19, Đường số 32, Rio Vista, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam****Điện thoại: 028.37300896****Fax:****Email:****Website:****3. Vốn điều lệ: 200.500.000.000 đồng.****Bằng chữ: Hai trăm tỷ năm trăm triệu đồng****Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng****Tổng số cổ phần: 20.050.000****4. Người đại diện theo pháp luật của công ty***** Họ và tên: TOSHIHIKO NAKANO****Giới tính: Nam****Chức danh: Tổng giám đốc****Sinh ngày: 21/07/1969****Dân tộc:****Quốc tịch: Nhật Bản****Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài****Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: TZ2229606****Ngày cấp: 19/02/2024****Nơi cấp: Tổng Lãnh sự quán Nhật Bản tại Thành phố Hồ Chí Minh****Địa chỉ thường trú: 4076-14 Shineicho, Isesaki, Gumma, Nhật Bản****Địa chỉ liên lạc: Căn 601, tầng 6, Tòa nhà Glenwood Suites, số 3, đường 65, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 0315670054-001

Đăng ký lần đầu, ngày 31 tháng 05 năm 2019

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 23 tháng 05 năm 2024

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU
KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt:

2. Địa chỉ:

*Số 245B, Tổ 10, Khu phố Kiến An, Phường An Điền, Thành Phố Bến Cát, Tỉnh Bình
Dương, Việt Nam*

Điện thoại: 028 37300896

Fax: 028 37300898

Email:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: TOSHIHIKO NAKANO

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 21/07/1969 Dân tộc:

Quốc tịch: Nhật Bản

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: TZ2229606

Ngày cấp: 19/02/2024 Nơi cấp: Tổng lãnh sự quán Nhật Bản tại Thành phố
Hồ Chí Minh

Địa chỉ thường trú: 4076-14 Shineicho, Isesaki, Gumma, Nhật Bản, Nhật Bản

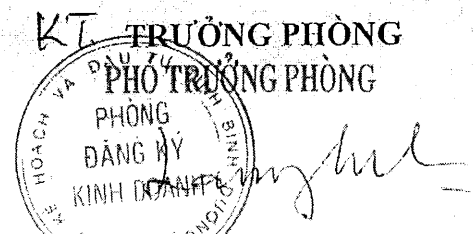
Địa chỉ liên lạc: Căn 601, tầng 6, Tòa nhà Glenwood Suites, số 3, đường 65, Phường
Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU
KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Mã số doanh nghiệp: 0315670054

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19, Đường số 32, Rio Vista, Phường Phước Long B, Thành
phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần

Mã số doanh nghiệp: 0309984937

Đăng ký lần đầu ngày 12/05/2010

Đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 14/03/2016

Do phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: 99 Ích Thạnh, phường Trường Thạnh, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

CE 057011

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: **946**, tờ bản đồ số: **15**
b) Địa chỉ: xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
c) Diện tích: **17.559,2m²**, (bằng chữ: Mười bảy ngàn năm trăm năm mươi chín phẩy hai mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
e) Thời hạn sử dụng: **13/5/2063**
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Nhà xưởng cơ khí

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà xưởng cơ khí 1	2450,0	2450,0	Sở hữu riêng	3	-/-
Nhà văn phòng + nhà nghỉ công nhân	331,1	331,1	Sở hữu riêng	3	-/-
Nhà kho	344,4	344,4	Sở hữu riêng	3	-/-
Nhà chiết nạp gas	496,0	496,0	Sở hữu riêng	3	-/-
Nhà đặt máy bơm PCCC	29,1	29,1	Sở hữu riêng	4	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Tổng diện tích khu đất là 17.559,2 m² (Trong đó có 897,9m² thuộc hành lang an toàn đường bộ). Diện tích Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất là 16.661,3m²
- Cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 075998 ngày 01/7/2013, và chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất vào giấy chứng nhận đã cấp.

Bình Dương, ngày **17** tháng **10** năm 2016

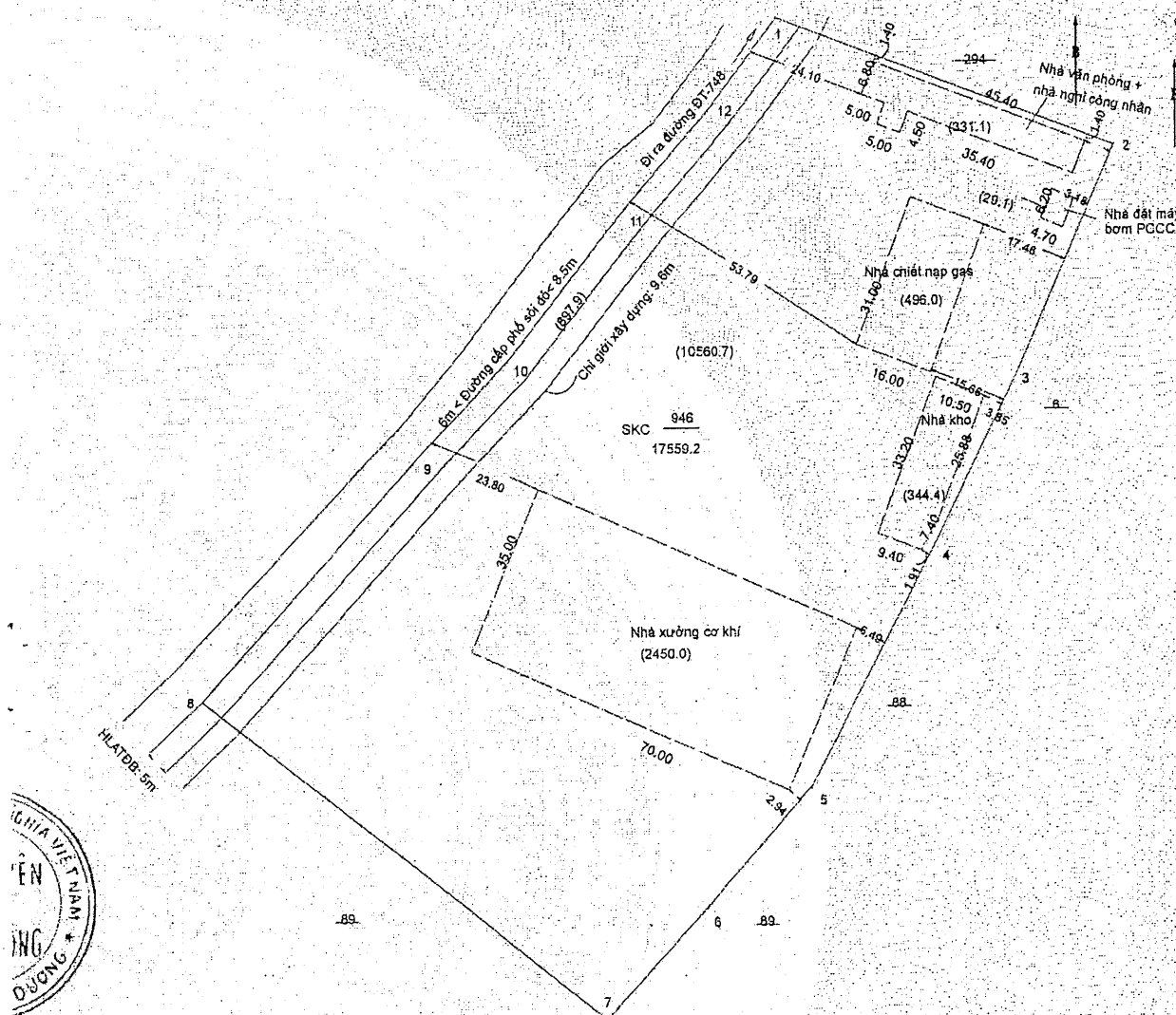
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
GIÁM ĐỐC




Phạm Danh

Số vào sổ cấp GCN: CT16290

III. Sơ đồ thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



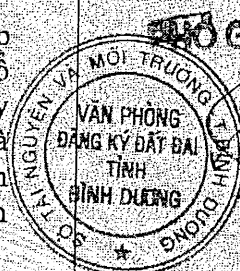
IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

<p>Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý</p>	<p>Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền</p>
<p>Thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai (giấy phép xây dựng số 2198/GPXD-SXD ngày 25/11/2013) tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương (Đ/c: số 10 Đại lộ Hữu Nghị, KCN Việt Nam - Singapore, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương) theo hồ sơ số 815/quyên số 02/2014).</p> <p>Đã đăng ký ngày 07/10/2014 <i>pie</i></p>	 <p>HỒ GIÁM ĐỐC</p> <p><i>Nguyễn Thị Tuyết</i></p>

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần thương mại xuất nhập
khẩu dầu khí Thái Bình Dương, Giấy CNĐKDN công ty cổ
phần, mã số doanh nghiệp: 0315670054; đăng ký lần đầu ngày
13/05/2019 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và
Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp; Địa chỉ trụ sở chính: 99 Ích
Thanh, phường Trường Thạnh, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh
- Theo hồ sơ số 0539



QUỐC GIẢM ĐỐC

20/4/2020

Nguyễn Chiến Cường



**Kèm theo Giấy chứng nhận này có Trang bổ sung
số: 01**

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ
sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư
hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



742584016014925



TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 946

Tờ bản đồ số: 15

Số phát hành GCN: CE 057011

Số vào sổ cấp GCN: CT16290

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Xoá nội dung đăng ký thế chấp ngày 07/10/2014 theo hồ sơ số 00128.</p> <p><i>mai</i></p> 	<p>15.01.2020</p> <p>PHÓ GIÁM ĐỐC</p> <p><i>Nguyễn Thị Tuyết</i></p> 

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 4433 /UBND-KT

Bình Dương, ngày 16 tháng 3 năm 2020

V/v địa điểm thực hiện dự án
của Công ty Cổ phần Thương
mại Xuất nhập khẩu dầu khí
Thái Bình Dương

Kính gửi:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu dầu khí Thái Bình Dương.

Căn cứ Thông báo số 36/TB-UBND ngày 06/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh – Trần Thanh Liêm tại cuộc họp giao ban Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét kiến nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 69/BC-SKHĐT ngày 19/02/2020 về việc địa điểm thực hiện dự án của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu dầu khí Thái Bình Dương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

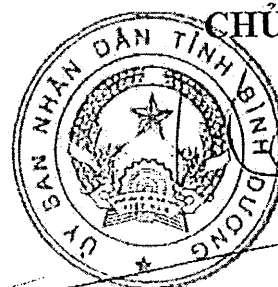
1. Chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu dầu khí Thái Bình Dương thực hiện dự án chiết nạp dầu khí mỏ hóa lỏng (LPG); kinh doanh khí hóa lỏng (LPG); sản xuất vỏ bình gas; sửa chữa bình gas, bồn gas tại số 245B tổ 10, ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương trên cơ sở nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với 17.559,2m² đất của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Thái Bình Dương. Thời gian hoạt động của dự án đến ngày 13/05/2063.

2. Nhà đầu tư liên hệ Sở Kế hoạch và Đầu tư để được hướng dẫn thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định hiện hành; liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan để được hướng dẫn thực hiện các thủ tục về đất đai và xây dựng, bảo vệ môi trường theo quy định; đảm bảo các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

3. Sau thời gian 12 (mười hai) tháng kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh ký văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư nếu nhà đầu tư không triển khai dự án hoặc không có khả năng thực hiện theo tiến độ đã cam kết và không có lý do chính đáng thì chủ trương đầu tư này sẽ không còn hiệu lực thực hiện./

Nơi nhận:

- CT và các PCT;
- Như trên;
- Các Sở: TNMT, CT, TC, CA tỉnh;
- UBND thị xã Bến Cát;
- LBVP (Lg, Th), Tạo, Tiến, TH;
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH

Trần Thanh Liêm

Số: ~~46~~ 9 /QĐ-STNMT

Bình Dương, ngày 16 tháng 4 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
Nhà máy chiết nạp gas công suất 12.000 tấn/năm; sản xuất vỏ bình gas 112.000
sản phẩm/năm; sửa chữa bảo trì bình gas 138.000 sản phẩm/năm
tại ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường và hoàn thành phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với các dự án nằm ngoài khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Nhà máy chiết nạp gas công suất 12.000 tấn/năm; sản xuất vỏ bình gas 112.000 sản phẩm/năm; sửa chữa bảo trì bình gas 138.000 sản phẩm/năm tại ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương tại Tờ trình số ~~2826~~ /TTr-CCBVM ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Nhà máy chiết nạp gas công suất 12.000 tấn/năm; sản xuất vỏ bình gas 112.000 sản phẩm/năm; sửa chữa bảo trì bình gas 138.000 sản phẩm/năm tại ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương;

Xét đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Nhà máy chiết nạp gas công suất 12.000 tấn/năm; sản xuất vỏ bình gas 112.000 sản phẩm/năm; sửa chữa bảo trì bình gas 138.000 sản phẩm/năm tại ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Chi cục Bảo vệ môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ TNMT (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Xây Dựng;
- UBND thị xã Bến Cát;
- UBND xã An Điền;
- Lưu: VT, CCBVMT, H.Giang7.



GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
NHÀ MÁY CHIẾT NẠP GAS CÔNG SUẤT 12.000 TẤN/NĂM; SẢN XUẤT
VỎ BÌNH GAS 112.000 SẢN PHẨM/NĂM; SỬA CHỮA BẢO TRÌ BÌNH
GAS 138.000 SẢN PHẨM/NĂM TẠI ẤP KIẾN AN, XÃ AN ĐIỀN, THỊ XÃ
BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 469 /QĐ-STNMT ngày 16 tháng 4 năm 2020
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Nhà máy chiết nạp gas công suất 12.000 tấn/năm; sản xuất vỏ bình gas 112.000 sản phẩm/năm; sửa chữa bảo trì bình gas 138.000 sản phẩm/năm

1.2 Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương.

1.3. Địa điểm, địa chỉ: ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất: Chiết nạp gas, sản xuất vỏ bình gas, sửa chữa và bảo trì bình gas; công suất chiết nạp gas: 12.000 tấn/năm, sản xuất vỏ bình gas: 112.000 sản phẩm/năm, sửa chữa, bảo trì bình gas: 138.000 sản phẩm/năm.

1.5. Công nghệ sản xuất của dự án:

- Quy trình chiết nạp gas:

Vỏ bình gas (12kg, 45kg, 50kg, 6kg) nhập về → Làm sạch và kiểm tra → Thử kín bằng xà phòng → Vỏ bình gas đảm bảo yêu cầu (1)

Gas → Nạp vào bồn chứa → Lưu chứa trong bồn → Ống dẫn gas → Hệ thống máy chiết nạp gas tự động + (1) → Bình chứa gas (12kg, 45kg, 50kg, 6kg) → Kiểm tra → Kho chứa.

- Quy trình sản xuất vỏ bình gas:

Thép tấm cuộn → Kiểm tra → Cắt phôi tròn → Kiểm tra → Dập thông số kỹ thuật → Kiểm tra → Dập chỏm cầu trên → Kiểm tra chiều dày → Cắt viền chỏm → Kiểm tra → Làm sạch miệng → Kiểm tra → Đốt lỗ van → Kiểm tra → Hàn ốc van → Kiểm tra → Hàn tay xách → Tạo thành chỏm cầu trên của bình gas.

Thép tấm cuộn → Kiểm tra → Cắt phôi tròn → Kiểm tra → Dập thông số kỹ thuật → Kiểm tra → Dập chỏm cầu dưới → Kiểm tra chiều dày → Cắt viền chỏm → Kiểm tra → Làm sạch miệng → Kiểm tra → Tạo gờ → Kiểm tra →

Hàn đính chân đế → Kiểm tra → Ghép thân chai → Tạo thành chòm cầu dưới của bình gas.

Chòm cầu trên + chòm cầu dưới → Hàn chu vi → Kiểm tra → Nhiệt luyện → Kiểm tra → Bắn bi làm sạch → Sơn lót → Sấy → Sơn phủ và sấy → Kiểm tra → In nhãn hiệu → Vệ sinh chai → Lắp van → Bơm hơi cao áp → Kiểm tra → Hút chân không → Cân và in trọng lượng → Đóng trọng lượng → Kiểm tra → Thành phẩm bình gas.

- Quy trình sửa chữa, bảo trì bình gas

Bình gas cũ (đã xả gas trong bình; tháo bỏ toàn bộ van) → Nung nhiệt luyện → Kiểm tra → Bắn bi làm sạch → Sơn lót → Sấy → Sơn phủ và sấy → Kiểm tra → In nhãn hiệu → Vệ sinh chai → Lắp van → Bơm hơi cao áp → Kiểm tra → Hút chân không → Cân và in trọng lượng → Đóng trọng lượng → Kiểm tra → Thành phẩm.

1.6. Các hạng mục công trình chính của dự án: Tổng diện tích khu đất là 17.559,2 m², trong đó:

- Xưởng chiết nạp gas: 496 m²;
- Xưởng sản xuất vỏ bình gas: 2.450 m².
- Nhà kho: 344,5 m²
- Khu vực bồn chứa gas: 400 m².
- Nhà văn phòng+ nhà nghỉ công nhân: 331,1 m².
- Nhà ăn: 100 m².
- Diện tích đất trồng cây xanh: 3.600 m².

- Đường giao thông nội bộ và các hạng mục phụ trợ: nhà vệ sinh, nhà xe, trạm điện, trạm bơm, bể PCCC,...

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

a. Quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân viên, thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, vi sinh vật với lưu lượng khoảng 08 m³/ngày.

- Nước thải từ hoạt động kiểm tra độ kín của bình gas, với lưu lượng khoảng 02 m³/lần cấp (định kỳ 1 tháng thay nước 1 lần).

- Nước thải từ quá trình vệ sinh các vỏ bình gas trước khi chiết nạp gas, với lưu lượng khoảng 03 m³/ngày.

- Nước thải từ quá trình hấp thụ bụi từ quá trình bắn bi làm sạch, với lưu lượng khoảng 01 m³/ngày.

- Nước thải từ quá trình hấp thụ khói hàn của công đoạn hàn, với lưu lượng khoảng 01 m³/lần cấp (định kỳ 1 tuần thay nước 1 lần).

b. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Khí gas rò rỉ từ hoạt động chiết nạp gas khoảng 02 kg/năm (khoảng 6,5g/ngày).

- Bụi sơn từ quá trình phun sơn tĩnh điện với tải lượng khoảng 7.980kg/năm (khoảng 26,6 kg/ngày).

- Khí thải từ hoạt động hàn với tải lượng khoảng 56,7 kg/năm (khoảng 188,8g/ngày).

- Khí thải từ lò luyện nhiệt đốt bằng khí gas LPG với tổng tải lượng khoảng 480 kg/năm (khoảng 1,6kg/ngày).

- Bụi từ công đoạn bắn bi làm sạch với nồng độ bụi đo tại ống thải 28,1-40,5 mg/m³.

c. Quy mô, tính chất của tiếng ồn và độ rung:

- Tiếng ồn tại khu vực chiết nạp gas: 83,2 - 84,2 dBA

- Tiếng ồn từ hoạt động của máy móc, thiết bị trong dây chuyền sản xuất vỏ bình gas, sửa chữa bảo trì bình gas:

+ Khu vực cắt dập định hình vỏ bình gas: 83,9 - 84,5 dBA

+ Khu vực bắn bi: 81,2 - 83,6 dBA

+ Khu vực sơn tĩnh điện: 83,7 - 84,2 dBA

d. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái sử dụng, tái chế như sắt thép vụn thải; vụn kim loại thải từ quá trình bắn bi làm sạch; giấy vụn, chất thải khác từ văn phòng; bi thải sau khi sử dụng; van, ốc hư hỏng từ bình gas cũ,... với khối lượng khoảng 433,08 tấn/năm (khoảng 1.400 kg/ngày).

- Nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý như thực phẩm thừa, giấy vụn, ni long,... với khối lượng khoảng 15 tấn/năm (khoảng 50 kg/ngày).

đ. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Chủ yếu là dầu nhớt thải; giẻ lau dính dầu nhớt, dính thành phần nguy hại thải; hộp mực in, photo, pin, ắc quy chì thải; bóng đèn huỳnh quang thải; thùng kim loại đựng mực in, dung môi pha mực in; cặn dầu giải nhiệt thải; que hàn, dây hàn thải, xỉ hàn thải; vụn kim loại dính dầu; màng PE dính dầu; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải ... với tổng khối lượng phát sinh khoảng 4,6 tấn/năm (khoảng 15kg/ngày).

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

a. Về thu gom và xử lý nước thải

- Mạng lưới thu gom nước thải của dự án:

+ Nước thải sinh hoạt (nước thải từ bể xí, âu tiêu sau xử lý bằng bể tự hoại + nước rửa tay chân) với lưu lượng 08 m³/ngày → Thu gom bằng đường ống nhựa PVC đường kính 60-114mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 17 m³/ngày.

+ Nước thải từ hoạt động kiểm tra độ kín của bình gas với lưu lượng khoảng 02 m³/tháng + Nước thải từ quá trình vệ sinh các vỏ bình gas trước khi chiết nạp gas với lưu lượng khoảng 03m³/ngày + Nước thải từ quá trình hấp thụ bụi từ quá trình bắn bi làm sạch với lưu lượng khoảng 01m³/ngày + Nước thải từ quá trình hấp thụ khói hàn của đoạn hàn với lưu lượng khoảng 01 m³/tuần sau khi qua công đoạn lắng → Thu gom bằng đường ống nhựa PVC, đường kính 42mm-114mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 17 m³/ngày.

- Quy trình công nghệ xử lý nước thải tập trung công suất là 17 m³/ngày: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể sinh học SBR → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K_q = 0,9, K_f = 1,2, sau đó thải ra cống thoát nước chung của khu vực trên đường giao thông nông thôn, thoát ra rạch thoát nước tự nhiên, sau đó thoát ra sông Thị Tín.

b. Về xử lý bụi, khí thải

- Giảm thiểu, hạn chế tác động khí gas rò rỉ từ hoạt động chiết nạp gas:

+ Tạo khoảng cách cách ly đối với các hộ dân lân cận tối thiểu 50m, trong khoảng cách cách ly được trồng cây xanh;

+ Xây dựng hàng rào cách ly nhà máy và các hộ dân bên ngoài bằng tường gạch chống cháy với chiều cao 03m;

+ Trồng cây xanh phân cách giữa khu vực chiết nạp và khu sản xuất vỏ bình gas và các khu vực khác.

+ Định kỳ 1 lần/tháng thực hiện bảo dưỡng hệ thống chiết nạp, bồn gas,...

- Bụi sơn từ quá trình phun sơn tĩnh điện: Bụi sơn → Filter lọc bụi → Ống dẫn → Quạt hút → Thùng chứa bột sơn tái sử dụng.

- Khí thải từ hoạt động hàn: Khí thải từ khu vực hàn → Chụp hút từ các đường ống nhánh, đường kính D90mm tại các nguồn phát sinh, sau đó dẫn về đường ống chính, đường kính D200 → Tháp hấp thụ bằng nước → Thải ra môi trường qua ống thải cao 9m, đường kính D400mm. Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

- Khí thải từ lò luyện nhiệt đốt bằng khí gas LPG được thu gom và phát tán qua ống thải cao 14m, đường kính D400mm.

- Bụi từ công đoạn bắn bi làm sạch: Bụi từ buồng bắn bi xử lý bề mặt → Chụp hút từ các ống dẫn đường kính D250mm tại nguồn phát sinh → Thiết bị lọc bụi túi vải → Tháp rửa khí (bằng nước) → Thải ra môi trường qua ống thải cao 16m, đường kính D400mm. Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

c. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái chế, tái sử dụng → Thu gom, lưu trữ trong kho chứa có diện tích 100 m² trong nhà rác 150 m² nằm ở phía Tây dự án. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom để tái chế, tái sử dụng đúng quy định, với tần suất thu gom 02 lần/tuần.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý → Thùng rác đặt dọc nhà xưởng → Lưu trữ trong các thùng chứa có thể tích lớn → Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom để xử lý đúng quy định, với tần suất thu gom 02 lần/tuần.

- Chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

d. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Lưu trữ trong nhà kho chứa chất thải nguy hại có diện tích khoảng 50m² trong nhà rác 150 m² nằm ở phía Tây dự án, độ cao nền đảm bảo không bị ngập lụt; mặt sàn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, bằng vật liệu chống thấm, chịu ăn mòn, không có khả năng phản ứng hóa học với chất thải nguy hại, tường và vách ngăn bằng vật liệu không cháy; có mái che kín nằng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại bằng vật liệu không cháy, có dán các bảng phân khu vực, dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại, trang bị các thùng chứa riêng cho từng loại chất thải).

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định, với tần suất thu gom 02 tháng/lần.

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

e. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của các thiết bị máy móc trên nền nhà xưởng trong quá trình hoạt động để hiệu chỉnh kịp thời.

- Định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất, khu vực xử lý bụi.

- Bố trí hợp lý các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực.

- Trang bị nút chống ồn cho công nhân khi mức ồn của các máy móc vượt tiêu chuẩn quy định.

- Tạo khoảng cách cách ly, trồng cây xanh xung quanh khu vực nhà xưởng và các công trình thu gom xử lý bụi, khí thải.

f. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Trang bị hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống báo cháy tự động và hệ thống chữa cháy tự động; thực hiện các giải pháp phòng ngừa rủi ro giữa khu vực chiết nạp và sản xuất vỏ bình gas.

- Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ khí gas và phòng chống cháy nổ giữa hoạt động sản xuất vỏ bình gas và chiết nạp gas.

- Đảm bảo an toàn trong lưu trữ và sử dụng hóa chất theo quy định của Luật Hóa chất và các văn bản liên quan.

- Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, phòng ngừa và ứng phó sự cố, quản lý đất đai và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

- Đảm bảo kinh phí để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính

- Công trình thu gom, xử lý nước thải.
- Công trình xử lý bụi từ công đoạn bắn bi làm sạch; Khí thải từ hoạt động hàn.
- Các công trình thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải thông thường và chất thải nguy hại.
- Các công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

a. Giám sát khí thải

- Bụi từ công đoạn bắn bi làm sạch
 - + Vị trí giám sát: 01 vị trí tại ống thải của hệ thống xử lý bụi từ công đoạn bắn bi làm sạch
 - + Thông số giám sát: lưu lượng, bụi tổng, PM10, PM2.5.
 - + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
 - + Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.
- Khí thải từ lò nung nhiệt đốt LPG
 - + Vị trí giám sát: 01 điểm tại ống thải của lò nung nhiệt
 - + Thông số giám sát: lưu lượng, nhiệt độ, bụi tổng, CO, SO₂, NO₂.
 - + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
 - + Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.
- Khí thải từ quá trình hàn
 - + Vị trí giám sát: 01 vị trí tại ống thải sau hệ thống xử lý khí hàn
 - + Chỉ tiêu giám sát: lưu lượng, nhiệt độ, bụi, Fe₂O₃, Mn, CO
 - + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

b. Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại hồ ga sau hệ thống xử lý nước thải
- Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD, COD, TSS, T-N, T-P, Coliform, Fe tổng
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_f=1,2$; $K_q=0,9$)

c. Giám sát không khí

- Vị trí giám sát: 02 vị trí tại khu vực gia công cơ khí và khu vực chiết nạp gas
- Chỉ tiêu giám sát: tiếng ồn, bụi, nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm đối với khu vực gia công cơ khí và giám sát rò rỉ khí gas, butan, propan, nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, tiếng ồn đối với khu vực chiết nạp gas.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

d. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: thành phần và khối lượng
- Thống kê, lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định tại Điều 37 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01 /GP-UBND

Bến Cát, ngày 31 tháng 3 năm 2022

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 3258/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành danh mục vùng cấm, vùng hạn chế, vùng đăng ký khai thác nước dưới đất và bản đồ phân vùng khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Công ty Cổ phần Thương mại XNK Dầu khí Thái Bình Dương và hồ sơ kèm theo.

Xét Tờ trình số 324/TTr-TNMT ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Thương mại XNK Dầu khí Thái Bình Dương, địa chỉ: Ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương khai thác nước dưới đất với các nội dung như sau:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Sinh hoạt, sản xuất, làm mát và phòng cháy, chữa cháy;

2. Vị trí công trình khai thác nước dưới đất: Thửa đất số 946, tờ bản đồ số 15, ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;

3. Tầng chứa nước khai thác: Pliocen giữa (G1);

4. Tổng số giếng khai thác: 01 giếng khoan.

5. Tổng lượng nước khai thác: 18 m³/ngày đêm.

6. Số ngày khai thác trong năm: 365 ngày;

7. Thời hạn của giấy phép: 05 năm;

8. Bảng tổng hợp các thông số kỹ thuật của giếng khoan cụ thể như sau:

Số hiệu giếng	Tọa độ (VN2000)		Đường kính giếng (mm)	Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Chế độ khai thác (giờ/ngày)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y				Từ	Đến			
G1	12.32.833	06.71.201	114	18	04	45	50	3,26	6,81	Pliocen giữa

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty Cổ phần Thương mại XNK Dầu khí Thái Bình Dương:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản;

2. Thực hiện việc quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định;

3. Thiết lập vùng bảo vệ sinh của công trình khai theo quy định;

4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định;

5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước;

6. Hằng năm (trước ngày 30 tháng 01), tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thị xã (thông qua Phòng Tài nguyên và Môi trường) về tình hình khai thác, sử

dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc theo quy định tại khoản 2 Điều này;

7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Phòng Tài nguyên và Môi trường;

8. Sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm;

9. Nộp thuế tài nguyên và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Công ty Cổ phần Thương mại XNK Dầu khí Thái Bình Dương được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký. Chậm nhất 90 (chín mươi) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần Thương mại XNK Dầu khí Thái Bình Dương còn tiếp tục khai thác nước dưới đất với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./. *Thập*

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Thương mại XNK Dầu khí Thái Bình Dương;
- CT, PCT UBND thị xã;
- Chi Cục Thuế khu vực Bến Cát;
- Phòng TNMT;
- UBND xã An Điền;
- Lưu: VT. *Thập*

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Kim Liên



Số: 13 /GP-STNMT

Bình Dương, ngày 20 tháng 01 năm 2022

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

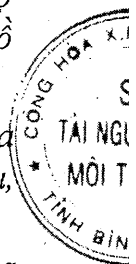
Xét đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương ngày 14 tháng 12 năm 2021 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên nước, Khoáng sản và Khí tượng thủy văn tại tờ trình số 32.../TTr-TNNKSKTTV ngày 11 tháng 01 năm 2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương; ngành nghề: chiết nạp gas, sản xuất vỏ bình; địa chỉ: ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung như sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: rạch thoát nước tự nhiên – sông Thị Tính;
2. Vị trí nơi xả nước thải:
 - Địa chỉ: xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
 - Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 12.33.392; Y: 06.71.099
3. Phương thức xả nước thải: tự chảy;



4. Chế độ xả nước thải: liên tục;

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 07 m³/ngày đêm;

6. Chất lượng nước thải: nước thải sau hệ thống xử lý phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $k_q=0,9$; $k_f=1,2$ đối với các thông số pH, BOD₅, COD, SS, tổng N, tổng P, amoni, Coliform;

7. Thời hạn của giấy phép: năm (05) năm kể từ ngày ký.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

2. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận như sau:

a) Quan trắc nước thải:

Quan trắc định kỳ lưu lượng, chất lượng nước thải sau xử lý với các thông số, tần suất, vị trí quan trắc như sau:

- Vị trí quan trắc: nước thải sau hệ thống xử lý;

- Các thông số quan trắc chất lượng nước thải theo quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này;

- Tần suất quan trắc chất lượng nước thải: ba (03) tháng/lần;

- Tần suất quan trắc lưu lượng nước thải: mỗi ngày một (01) lần vào cùng một thời điểm.

b) Quan trắc nguồn nước tiếp nhận:

- Vị trí quan trắc chất lượng nguồn tiếp nhận: một (01) điểm trên sông Thị Tính cách vị trí rạch thoát nước tự nhiên xả thải ra 30m về phía hạ nguồn;

- Thông số quan trắc: pH, COD, BOD, TSS, Amoni, Nitrat, Nitrit, Phosphat, Coliforms theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A2.

- Tần suất quan trắc: ba (03) tháng/lần.

3. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, thiết kế nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào vượt quá mức quy định của Giấy phép và ngưng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục;

4. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép;

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường;

6. Thực hiện báo cáo hoạt động xả nước thải vào nguồn nước theo Điều 10 và Biểu mẫu số 24, 25 tại phụ lục đính kèm Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT

ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo;

7. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước.

Điều 3. Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký. Khi giấy phép hết hạn, Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương phải thực hiện việc cấp phép xả thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- UBND tỉnh Bình Dương;
- UBND thị xã Bến Cát;
- Công ty CP TM XNK Dầu khí Thái Bình Dương;
- Lưu: VT. *SP*

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Thúy

BỘ CÔNG AN
SỞ CẢNH SÁT PC&CC
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 211/SCSPCCC-P2

Bình Dương, ngày 25 tháng 8 năm 2013

V/v xác nhận nghiệm thu
hệ thống phòng cháy chữa cháy

Kính gửi: Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Thái Bình Dương

Xét công văn đề nghị ngày 13 tháng 8 năm 2013 của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Thái Bình Dương về việc nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy đối với công trình: Xưởng chiết nạp gas, công trình phụ trợ. Địa chỉ: Ấp Kiến An, xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ hồ sơ đã thẩm duyệt số 33/TD-PCCC(P2) ngày 29 tháng 01 năm 2013; hồ sơ nghiệm thu hệ thống PCCC của công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện các bên liên quan lập ngày 28 tháng 8 năm 2013;

Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bình Dương đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đối với công trình trên với nội dung sau:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy tự động lắp đặt theo đúng thiết kế được phê duyệt.
- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng hướng dẫn và quy định. *Từ nay*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Phòng 2(2).

Ký GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Lo Anh Viet
Đại tá *Lo Anh Viet*

Số 130/KĐ-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 18 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Thương mại Trần Dũy về việc kiểm định về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện tại văn bản số ngày 31 tháng 12 năm 2019

Căn cứ kết quả kiểm định về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện tại biên bản kiểm định ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Công an Thành phố Hồ Chí Minh

**PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ
CHỨNG NHẬN**

Phương tiện/lô phương tiện Phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 02 của Công ty Cổ phần Thương mại Trần Dũy địa chỉ: Số 50 Cầu Xéo, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Tại thời điểm kiểm định số phương tiện này có các thông số kỹ thuật phù hợp với các quy định về phòng cháy và chữa cháy và được phép sử dụng trong công tác phòng cháy và chữa cháy

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 01 năm 2020

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Văn Huỳnh Quang Tâm

BỘ CÔNG AN
SỞ CS PCCC T. BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004 - ln 2007

Số: 24.2 /TD-PCCC (..... P.2)

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số NL-CV ngày 09 / 8 / 2013
của: CÔNG TY CỔ PHẦN TM DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Người đại diện là ông/ bà: Nguyễn Thanh Tùng Chức danh Tổng Giám đốc
(1) Sở Cảnh sát PCCC (tỉnh) Bình Dương

CHỨNG NHẬN:

(2) NHÀ XƯỞNG, NHÀ KHO, BỒN GAS LPG 118M3
Địa điểm: Ấp Kiến An, xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty cổ phần TM Dầu khí Thái Bình Dương
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Phú Cường
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Kiến trúc
- Kết cấu
- Hệ thống cấp nước chữa cháy
- Hệ thống báo cháy tự động
- Hệ thống chữa cháy tự động

..... theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) Bổ sung 02 cửa thoát nạn cho nhà xưởng (có kích thước tối thiểu
..... 0.8m x 1.9m), cửa có cánh mở ra theo hướng thoát nạn theo quy định tại mục 3 QCVN 06:2010/BXD;
..... Trang bị đèn chiếu sáng sự cố đảm bảo khoảng cách giữa các đèn $\leq 30m$ theo mục 10 TCVN 3890-2009;
..... Nghiệm thu công trình trước khi đưa vào hoạt động theo quy định tại Điều 16 Luật PCCC.

Nơi nhận:

- Cục CS PCCC (Bộ Công An);
- Công ty cổ phần TM Dầu khí Thái Bình Dương;
- Lưu P2(2);

Bình Dương ngày 21 tháng 08 năm 2013



GIÁM ĐỐC
THO GIÁM ĐỐC

Đại tá Lê Anh Việt

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

[illegible]

Số: 257/TD-PCCC-P2.....

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 01/CV ngày 01/3/2016 của: Công ty CP thương mại dầu khí Thái Bình Dương

Người đại diện là ông/bà: Nguyễn Thanh Tùng Chức danh: Tổng Giám đốc

**CẢNH SÁT PC&CC TỈNH BÌNH DƯƠNG
CHỨNG NHẬN:**

Công trình: NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT VỎ BÌNH GAS

Địa điểm xây dựng: Ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty CP thương mại dầu khí Thái Bình Dương

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH TVXD Phú Cường & Công ty TNHH TMDVTVTK điện Đỗ Gia Phát

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Giao thông phục vụ chữa cháy;

- Điều kiện thoát nạn;

- Hệ thống cấp nước chữa cháy (vách tường, ngoài nhà);

- Hệ thống báo cháy tự động;

.....

.....

.....theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2

Nơi nhận:

- Công ty CP thương mại dầu khí Thái Bình Dương;

- Lưu: Phòng Cảnh sát PCCC Số 4 (KT);

- Lưu: Phòng 2 (TH, TDKT).

Bình Dương, ngày 05 tháng 4 năm 2016



GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đại tá Lê Anh Việt

[illegible]

Số: 33.../TD-PCCC (P2...)

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 166/CV ngày 24/01/2012

của: CÔNG TY CP TM DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Người đại diện là ông/ bà: Nguyễn Thanh Tùng Chức danh Tổng Giám đốc

(1) Sở Cảnh sát PCCC tỉnh Bình Dương

CHỨNG NHẬN:

XUỐNG CHIẾT NẠP GAS, CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ

- (2) Địa điểm: Xã An Điền, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty CP TM dầu khí Thái Bình Dương
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Cty TNHH TVXD Phú Cường; Cty TNHH XD-DV-TM An Toàn VN
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Kiến trúc
- Kết cấu
- Hệ thống cấp nước chữa cháy
- Hệ thống báo cháy tự động
- Hệ thống chữa cháy tự động

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.
Các yêu cầu kèm theo: (3) - Trang bị đèn chiếu sáng sự cố, Exit theo mục 10 TCVN 3890-2009;
- Tổ chức nghiệm thu công trình trước khi đưa vào hoạt động theo Điều 16 Luật PCCC.

Bình Dương, ngày 29 tháng 01 năm 2013...

GIÁM ĐỐC

(4)



Nơi nhận:
- Cục CS PCCC (Báo cáo);
- Công ty CP TM dầu khí Thái Bình Dương;
- Lưu P2(2);

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

[illegible]

Số: 14/TT-PA

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 01/CV, ngày 14/11/2019 của: Công ty CP TM XNK dầu khí Thái Bình Dương

Người đại diện là Ông/Bà: Nguyễn Thanh Tùng Chức danh: Tổng Giám đốc

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

CHỨNG NHẬN:

NHÀ XƯỞNG GIA CÔNG CƠ KHÍ (70M X 32.5M), CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ
Địa điểm xây dựng: TDS 946, TBDS 15, ấp Kiến An, Xã An Điền, TX Bến Cát, T. Bình Dương

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty CP TM XNK dầu khí Thái Bình Dương

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH IV DT XD và TM Kiến Quốc, Công ty TNHH MTV Dức Tân Tại

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

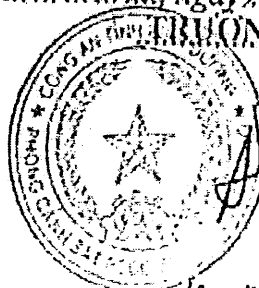
- Giao thông phục vụ chữa cháy, điều kiện thoát nạn;
- Khoảng cách an toàn PCCC; trang bị phương tiện PCCC ban đầu;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy (trong nhà, ngoài nhà);
- Hệ thống báo cháy tự động;

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Nơi nhận:

- Công ty CP TM XNK dầu khí Thái Bình Dương;
- C07: Công an thị xã Bến Cát;
- Lưu: VT, CTPC.

Bình Dương, ngày 18 tháng 12 năm 2019.
THƯỢNG PHÒNG.



Thượng tá Nguyễn Anh Tuấn

CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÒNG CS PCCC&CNCH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA
VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ
Kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đối với công trình
Nhà xưởng gia công cơ khí (70M x 32,5M), công trình phụ trợ

Hồi 08 giờ 00 phút ngày 10 tháng 03 năm 2020, tại Nhà xưởng gia công cơ khí (70M X 32,5M). công trình phụ trợ.

Địa chỉ: TĐS 946, TBĐS 15, ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Chúng tôi gồm:

*** Đại diện phòng Cảnh sát PCCC & CNCH – Công an tỉnh Bình Dương**

1. Ông: Võ Thanh Tra - Chức vụ: Đội trưởng - Đội Công tác phòng cháy - Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH;

2. Ông: Nguyễn Anh Tiến - Chức vụ: Cán bộ - Đội Công tác Phòng cháy - Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH;

Đã tiến hành kiểm tra nghiệm thu phòng cháy chữa cháy đối với công trình: Nhà xưởng gia công cơ khí (70M X 32,5M), công trình phụ trợ.

*** Đại diện Chủ đầu tư: Nhà xưởng gia công cơ khí (70M X 32,5M), công trình phụ trợ.**

1. Ông: Nguyễn Thanh Tùng - Chức vụ: Tổng Giám đốc;

2. Ông: Lê Hữu Chí - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh.

*** Đại diện Đơn vị thi công PCCC: Công ty TNHH MTV Đức Tấn Tài.**

1. Ông: Đặng Thế Phong - Chức vụ: Giám đốc;

2. Ông: Trần Long Thành - Chức vụ: Phụ trách thi công.

Tình hình và kết quả kiểm tra nghiệm thu như sau:

1. Hồ sơ kiểm tra nghiệm thu gồm

- Công văn đề nghị nghiệm thu hệ thống PCCC.

- Giấy ủy quyền.

- Bản sao Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 868/TD-PCCC ngày 18/12/2019.

+ Đã lắp đặt đèn thoát hiểm (Exit), đèn chiếu sáng sự cố đúng theo bản vẽ đã được thẩm duyệt về PCCC.

+ Khoảng cách an toàn phòng cháy và chữa cháy đảm bảo an toàn đúng theo thẩm duyệt PCCC.

- Kiểm tra hệ thống báo cháy tự động bao gồm:

+ Trung tâm báo cháy: 05 kênh; sử dụng 02 kênh được lắp đặt tại Nhà xưởng gia công cơ khí và trạm chứa vỏ bình.

+ Đầu báo cháy Beam: 04 bộ; đầu báo cháy nhiệt: 04 cái

+ Chuông báo cháy, nút ấn: 07 nút ấn, 07 chuông báo cháy.

- Kiểm tra hệ thống cấp nước chữa cháy:

+ 01 trụ nước chữa cháy ngoài nhà.

+ Hệ thống chữa cháy:

Hạng nước chữa cháy: 02 hạng nước chữa cháy ngoài nhà; 10 hạng nước chữa cháy vách tường trong nhà, tại các hạng có bố trí 10 lăng, 10 vòi chữa cháy D50.

Đường ống cấp nước chữa cháy: Mạng vòng, kết nối với hệ thống chữa cháy hiện hữu từ đường ống DN 125mm ra ống DN 80mm ra hạng chữa cháy trong nhà DN 50mm.

4. Phương pháp kiểm tra thử nghiệm

- Thực hiện công tác kiểm tra bằng mắt, thước để kiểm tra đường giao thông phục vụ chữa cháy, điều kiện thoát nạn, khoảng cách an toàn PCCC.

- Thực hiện công tác kiểm tra bằng mắt, thước kiểm tra vị trí đặt các phương tiện PCCC ban đầu, lắp đặt của các thiết bị báo cháy, dùng khói để tác động lên đầu báo khói, dùng tay tác động trực tiếp lên các nút ấn.

Tiến hành kiểm tra phun nước từ 02 hạng nước chữa cháy vách tường tại vị trí xa nhất của công trình.

5. Kết quả kiểm tra

- Đường giao thông phục vụ chữa cháy thi công đúng theo bản vẽ đã được thẩm duyệt, không có vật cản chiều cao dưới 4,5m.

- Trung tâm báo cháy lắp đặt đạt yêu cầu TCVN, các đầu báo cháy báo đúng vị trí khu vực đã quy định và thời gian báo phù hợp với TCVN, hộp nút ấn báo cháy lắp đặt phù hợp TCVN, chuông báo cháy nghe rõ.

- Hệ thống chữa cháy vách tường lắp đặt đạt theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt; các hạng chữa cháy vách tường đảm bảo tia nước đặc ở đầu lăng phun >6m.

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 6218 /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Thái Bình Dương**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

Căn cứ Thông tư số 20/2013/TT-BCT ngày 05 tháng 8 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định về Kế hoạch và Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp;

Trên cơ sở Biên bản họp ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Thái Bình Dương được thành lập theo Quyết định số 10607/QĐ-BCT ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Xét Văn bản đề nghị phê duyệt số 11/CV/2015/TBD ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Thái Bình Dương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hóa chất,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Thái Bình Dương (sau đây viết tắt là Kế hoạch) tại Thửa đất 69 và 391, Tờ Bản đồ 15, Ấp Kiến An, Xã An Diên, Huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Thái Bình Dương có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung trong Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và thực hiện những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Lưu giữ và phổ biến nội dung bản Kế hoạch đã được phê duyệt tới toàn thể cán bộ, công nhân viên của Công ty, Chi nhánh và các cơ quan, đơn vị phối hợp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

2. Hàng năm, tổ chức diễn tập phương án ứng phó sự cố hóa chất đã được xây dựng trong Kế hoạch với sự chứng kiến của đại diện Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương Bình Dương.

3. Thực hiện chế độ báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch theo quy định hiện hành.

Điều 3. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Thái Bình Dương và những yêu cầu kết luận quy định tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện công tác an toàn hóa chất và ứng phó sự cố hóa chất đối với Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Thái Bình Dương.

Điều 4. Trong quá trình hoạt động, nếu có những thay đổi về nội dung của Kế hoạch đã được phê duyệt, Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Thái Bình Dương phải có văn bản báo cáo để Bộ Công Thương xem xét, quyết định.

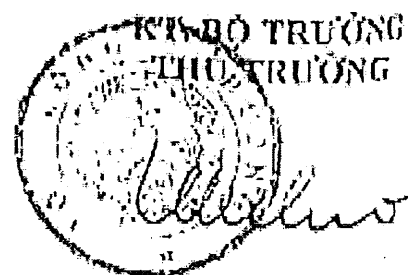
Điều 5. Ủy quyền Sở Công Thương tỉnh Bình Dương thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung của bản Kế hoạch đã được phê duyệt và các yêu cầu quy định tại Điều 2 của Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Cục trưởng Cục Hóa chất, Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Bình Dương, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Thái Bình Dương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ trưởng (đó báo cáo);
- UBND huyện Bến Cát;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;
- Cảnh sát PCCC tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HC.



Hoàng Quốc Vượng

Số: 516 /GCNĐĐK-SCT

Bình Dương, ngày 12 tháng 12 năm 2019

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN TRẠM NẠP LPG VÀO CHAI**

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công thương tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

Căn cứ Quyết định số 257/QĐ-SCT ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Giám đốc Sở Công thương về việc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai của Chi nhánh Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Thái Bình Dương;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai ngày 10/12/2019 của Công ty cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Năng lượng và Kỹ thuật an toàn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai.

Tên trạm nạp: Chi nhánh Công ty cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương.

Địa chỉ trạm nạp: số 245B, Tổ 10, ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 028 37300896; Fax: 028 37300898.

Thuộc sở hữu thương nhân: Công ty cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương;

Địa chỉ trụ sở chính chi nhánh: số 245B, tổ 10, ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Mã số thuế: 0315670054-001.

Đủ điều kiện nạp LPG vào chai.

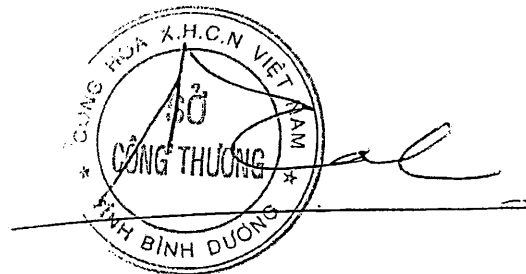
Điều 2. Chi nhánh Công ty cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Dầu khí Thái Bình Dương phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai có giá trị đến hết ngày 12 tháng 12 năm 2029. 7.2

Nơi nhận:

- Cty CP TM XNK DK Thái Bình Dương;
- Cục QLTT Bình Dương;
- UBND TX Bến Cát;
- Lưu: VT, QLN&KTAT, Vu(5), "pdf" 7.2

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Dành

16

BỘ CÔNG THƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **4414/GCNĐDK-BCT**

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2016

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
SẢN XUẤT, SỬA CHỮA CHAI CHỨA LPG**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 95/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BCT ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn trong lĩnh vực khí dầu mỏ hoá lỏng;

Xét đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG ngày 10 tháng 6 năm 2016 của Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Thái Bình Dương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Thái Bình Dương

Địa chỉ: 99 Ích Thạnh, phường Trường Thạnh, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.37300896 - 08.37300897

Fax: 08.37300898

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0309984937 thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 3 năm 2016.

Đủ điều kiện để sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG tại Nhà máy sản xuất chai chứa LPG - Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Thái Bình Dương.

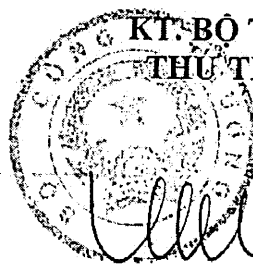
Địa chỉ: 245B Tổ 10, ấp kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Thái Bình Dương, Nhà máy sản xuất chai chứa LPG tại 245B Tổ 10, ấp kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 41/2011/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn trong lĩnh vực khí dầu mỏ hoá lỏng, các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày 08 tháng 11 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Thái Bình Dương;
- Cục QLTT, Vụ TTTN;
- Sở Công Thương thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, ATMT.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Hoàng Quốc Vượng



LAO ĐỘNG
LỎNG (LPG)
TIỆT NAM
C

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN KHU VỰC II (CISR)

www.kiemdinh.vn - Tel: (028) 39493147 - Số ĐKCN: 03-17/GCNĐDK-BCT

1 năm 2023

I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG

Tên tổ chức, cá nhân sử dụng: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 245B tổ 10, Ấp Kiến An, xã An Điền, Bến Cát, Bình Dương

II. ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH

Tên đối tượng kiểm định: Bồn chứa LPG

Mã hiệu: WG18-3100-118

Số chế tạo: M5539

Nhà sản xuất/nước sản xuất: Trung Quốc

Năm chế tạo: 11/2012

Đặc tính, thông số kỹ thuật:

- Dung tích: 118 m³
- Áp suất làm việc: 18 kg/cm²
- Môi chất làm việc: Khí đốt hóa lỏng (LPG)
- Công dụng của bình: Chứa, cấp khí đốt hóa lỏng

Địa điểm lắp đặt: 245B tổ 10, Ấp Kiến An, xã An Điền, Bến Cát, Bình Dương

Đã được kiểm định định kỳ đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số H15306/KĐ2
ngày 25-11-2023 (*)

Tem kiểm định số: H15306

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến ngày: 10-11-2025

HẠP KHẨU

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2023



PHÓ GIÁM ĐỐC
Thái Đôn Cơ

HD số: KS2023-07147



(*) ~~Đơn vị~~ Tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định
về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất.

Lưu giữ ☐ , ☐

(Lý do kiểm định bất thường:)

ong ☐

III - NỘI DUNG KIỂM ĐỊNH

1. Kiểm tra hồ sơ: (Theo mục 10.2 của QT23.3)

TT	Tên hồ sơ	Có	Không có
	Hồ sơ kỹ thuật thiết bị khi kiểm định kỹ thuật an toàn định kỳ - mục 10.2.2		

M01-QT23.3-BAN HÀNH LẦN 1.1 (07/2023)

(Bổ sung chi tiết hóa mẫu Biên bản kiểm định bồn chứa khí dầu mỏ hóa lỏng LPG tại các phụ lục của QTKĐ: 03-2017/BCT) 1/4



TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN KHU VỰC II (CISR)

www.kiemdinh.vn - Tel: (028) 39493147 - Số ĐCKN: 03-17/GCNĐĐK-BCT

LAO ĐỘNG
LỎNG (LPG)

TIỆT NAM

1 năm 2023

I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG

Tên tổ chức, cá nhân sử dụng: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 245B tổ 10, Ấp Kiển An, xã An Điền, Bến Cát, Bình Dương

II. ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH

Tên đối tượng kiểm định: Bồn chứa LPG

Mã hiệu: WG18-3100-118

Số chế tạo: M5540

Nhà sản xuất/nước sản xuất: Trung Quốc

Năm chế tạo: 11/2012

Đặc tính, thông số kỹ thuật:

- Dung tích: 118 m³
- Áp suất làm việc: 18 kg/cm²
- Môi chất làm việc: Khí đốt hóa lỏng (LPG)
- Công dụng của bình: Chứa, cấp khí đốt hóa lỏng

Địa điểm lắp đặt: 245B tổ 10, Ấp Kiển An, xã An Điền, Bến Cát, Bình Dương

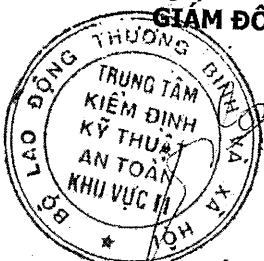
Đã được kiểm định định kỳ đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số H15305/KĐ2 ngày 25-11-2023 (*)

Tem kiểm định số: H15305

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến ngày: 10-11-2025

ÁP KHẨU

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2023



PHÓ GIÁM ĐỐC
Thái Đôn Cơ

HD số: KS2023-07147



(*) Với địa chỉ tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất.

II - HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH:

Lần đầu ☐; Khám xét định kỳ và thử thủy lực ☐; Khám xét định kỳ ☒; Bất thường ☐
(Lý do kiểm định bất thường:)

III - NỘI DUNG KIỂM ĐỊNH

1. Kiểm tra hồ sơ: (Theo mục 10.2 của QT23.3)

TT	Tên hồ sơ	Có	Không có
----	-----------	----	----------

M01-QT23.3-BAN HÀNH LẦN 1.1 (07/2023)

(Bổ sung chi tiết hóa mẫu Biên bản kiểm định bồn chứa khí dầu mỏ hóa lỏng LPG tại các phụ lục của QTKĐ: 03-2017/BCT) 1/4



TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN KHU VỰC II (CISR)

www.kiemdinh.vn - Tel: (028) 39493147 - Số ĐKCN: 03-17/GCNĐĐK-BCT

I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG

Tên tổ chức, cá nhân sử dụng: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 99 Ích Thạnh, Phường Trường Thạnh, TP. Thủ Đức, TP. HCM

II. ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH

Tên đối tượng kiểm định: Bồn chứa LPG

Mã hiệu: LST-50

Số chế tạo: HR-04-016

Nhà sản xuất/nước sản xuất: Hanil Robot Heavy Machine Industry Co., Ltd - Korea

Năm chế tạo: 02-2004

Đặc tính, thông số kỹ thuật:

- Dung tích: 118,596 m³
- Áp suất thiết kế: 18,0 kG/cm² ≈ 17,6 bar
- Áp suất làm việc: ≤ (18 kG/cm² ≈ 17,6 bar)
- Nhiệt độ thiết kế lớn nhất: 40 °C
- Nhiệt độ thiết kế nhỏ nhất: -10 °C
- Môi chất làm việc: Khí đốt hóa lỏng (LPG)
- Công dụng của bình: Chứa khí đốt hóa lỏng (LPG)

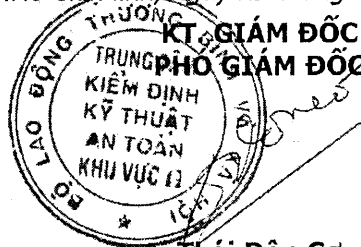
Địa điểm lắp đặt: Số 254B, Tổ 10, Ấp Kiến An, Xã An Điền, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Đã được kiểm định bất thường đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số H07282/KĐ2 ngày 28-12-2022 (*)

Tem kiểm định số: H07282

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến ngày: 28-12-2024

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2022



Thái Đôn Cơ



(*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất.

Serial: 01-2201064611

1. Kiểm tra hồ sơ: (Theo mục 10.2 của QT23.3)

TT	Tên hồ sơ	Có	Không có
1	Lý lịch bồn chứa LPG	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Biên bản kiểm định và Giấy chứng nhận kết quả kiểm định lần trước	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

M01-QT23.3-BAN HÀNH LẦN 1 (11/2022)

(Bổ sung chi tiết hóa mẫu Biên bản kiểm định bồn chứa khí dầu mỏ hóa lỏng LPG tại các phụ lục của QTKĐ: 03-2017/BCT) 1/4



OC
Hạn 28/12/2022



ÔNG ĐƯỜNG
NG NGHIỆP)

VIỆT NAM
S

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN KHU VỰC II (CISR)

www.kiemdinh.vn - Tel: (028) 39493147 - Số ĐKCN: 03-17/GCNDĐK-BCT

2 năm 2022



I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG

Tên tổ chức, cá nhân sử dụng: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP
KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 99 Ích Thạnh, Phường Trường Thạnh, TP. Thủ Đức, TP. HCM

II. ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH

Tên đối tượng kiểm định: Hệ thống đường ống dẫn khí đốt sử dụng trong công
nghiệp

Mã hiệu: Đường ống dẫn khí đốt công nghiệp (LPG)

Số chế tạo: N/A

Nhà sản xuất/nước sản xuất: Công Ty TNHH Hưng Phú Cường - Việt Nam

Năm chế tạo: 2013 (tháng 11-2022 Công Ty TNHH Watari Cải tạo lắp đặt thêm
325m ống)

Đặc tính, thông số kỹ thuật:

- Chiều dài ống có ĐK ≤ 150 mm: 791 m
- Đường kính ống: ($\varnothing 90/\varnothing 60/\varnothing 34$) mm
- Áp suất thiết kế: $18,0 \text{ kg/cm}^2 \approx 17,6 \text{ bar}$
- Áp suất làm việc cho phép: $\leq (18,0 \text{ kg/cm}^2 \approx 17,6 \text{ bar})$
- Môi chất làm việc: Khí đốt hóa lỏng (LPG)
- Công dụng: Dẫn khí đốt hóa lỏng (LPG)

Địa điểm lắp đặt: Số 254B, Tổ 10, Ấp Kiến An, Xã An Điền, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh
Bình Dương

Đã được kiểm định bất thường đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số
H07285/KĐ2 ngày 28-12-2022 (*)

Tem kiểm định số: H07285

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến ngày: 28-12-2024

ội

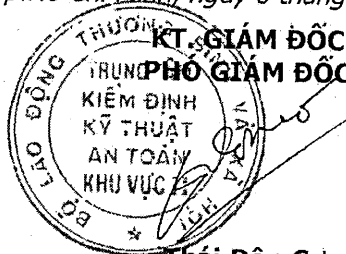
HÁI BÌNH

, Tỉnh Bình

Dương

tạo

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 1 năm 2023



Thái Đôn Cơ

(*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định
về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất.

Serial: 01-2201075434

☒
G)

TT	Tên hồ sơ	Có	Không có
1	Lý lịch hệ thống đường ống; Sơ đồ tuyến ống	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

M01-QT23.5-BAN HÀNH LẦN 1 (11/2022)

(Bổ sung chi tiết hóa mẫu Biên bản kiểm định đường ống dẫn khí đốt cố định bằng kim loại tại các phụ lục của QTKĐ: 05-
2017/BCT)



TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN KHU VỰC II (CISR)

www.kiemdinh.vn - Tel: (028) 39493147 - Số ĐCKN: 03-17/GCNĐDK-BCT

LAO ĐỘNG
LỎNG (LPG)

ỆT NAM

năm 2023

I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG

Tên tổ chức, cá nhân sử dụng: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 245B tổ 10, Ấp Kiến An, xã An Điền, Bến Cát, Bình Dương

II. ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH

Tên đối tượng kiểm định: Hệ thống nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)

Mã hiệu: Trạm LPG

Số chế tạo: //

Nhà sản xuất/nước sản xuất: Công ty TNHH Hưng Phú Cường & Cty CP TM Dầu
Khí Thái Bình Dương

Năm chế tạo: 2013

Đặc tính, thông số kỹ thuật:

- | | |
|------------------------------|-------------------------------------|
| - Số miệng nạp: | 27 miệng nạp |
| - Số dàn nạp: | 03 |
| - Dung lượng tồn chứa: | 120 tấn |
| - Năng suất nạp: | 3000 kg/h |
| - Áp suất tồn chứa lớn nhất: | $\leq 18 \text{ kg/cm}^2$ |
| - Áp suất nạp chai: | $\leq 18 \text{ kg/cm}^2$ |
| - Công dụng: | Nạp LPG từ bồn chứa vào
chai LPG |

Địa điểm lắp đặt: 245B tổ 10, Ấp Kiến An, xã An Điền, Bến Cát, Bình Dương

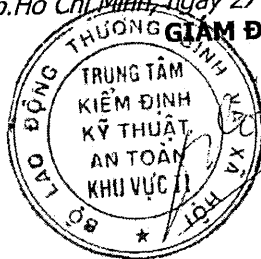
Đã được kiểm định định kỳ đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số H21515/KĐ2
ngày 25-11-2023 (*)

Tem kiểm định số: H21515

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến ngày: 10-11-2025

LAU KHÍ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2023



PHÓ GIÁM ĐỐC
Thái Đơn Cơ

Khí



(*) Việc kiểm định tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định
về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất

HĐ số: KS2023-07147

THUỐC KIỂM ĐỊNH:

Lần đầu ☐; Khám xét định kỳ và thử thủy lực ☐; Khám xét định kỳ ☒; Bất thường ☐
(Lý do kiểm định bất thường:)

III - NỘI DUNG KIỂM ĐỊNH

1. Kiểm tra hồ sơ: (Theo mục 10.2 của QT23.6)

TT	Tên hồ sơ	Có	Không có
----	-----------	----	----------

M01-QT23.6-BAN HÀNH LẦN 1.1 (07/2023)

(Bổ sung chi tiết hóa mẫu Biên bản kiểm định hệ thống nạp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) tại các phụ lục của QTKĐ: 06-2017/BCT)

Bình Dương, ngày 05 tháng 5 năm 2021

SỞ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: 74.004.261.T
(Cấp lần 1)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên: Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu dầu khí Thái Bình Dương

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính: 99 Ích Thạnh, phường Trường Thạnh, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số: 0315670054

Ngày cấp (đăng ký thay đổi lần thứ 4): ngày 01 tháng 3 năm 2021.

Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải chất thải nguy hại đã đăng ký cơ sở phát sinh chất thải nguy hại kèm theo danh sách chất thải nguy hại tại Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3. Trường hợp tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH thì phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý quy định tại Phụ lục 2 (A) ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và đăng ký trong Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.

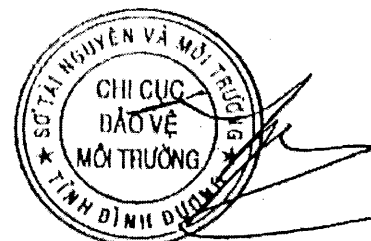
IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động.

Nơi nhận:

- Cty cổ phần TM XNK khẩu dầu khí Thái Bình Dương;
- Lưu: VT, QLCT, T.Giang.3

CHI CỤC TRƯỞNG



Trần Thanh Quang



T (05/5/2021)

Trang 2/3

PHỤ LỤC

Số đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 74.004.261.T
(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 74.004.261.T
do Chi cục Bảo vệ môi trường cấp lần 1 ngày 05 tháng 5 năm 2021)

1. Cơ sở phát sinh CTNH:

Tên: Chi nhánh Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu dầu khí Thái Bình Dương

Địa chỉ: số 245B, tổ 10, ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

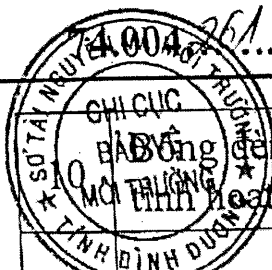
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số: 0315670054-001

Ngày cấp (đăng ký lần đầu): ngày 31 tháng 5 năm 2019.

Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Các vật liệu mài dạng hạt thải có các thành phần nguy hại (cát, bột mài...)	Rắn	8.000	07 03 08
2	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn	1.000	07 03 11
3	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	Rắn	600	07 04 01
4	Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	Rắn	400	07 04 02
5	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn	600	08 01 01
6	Mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	30	08 02 01
7	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	20	08 02 04
8	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn/lỏng	50	08 03 01
9	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác	Bùn	1.500	12 06 06



4004...T (05/11/2021)

	Dầu huỳnh quang và các loại thủy tinh thải	Rắn	20	16 01 06
11	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	280	17 01 06
12	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	440	17 02 04
13	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	Lỏng	30	17 08 03
14	Bao bì mềm thải	Rắn	150	18 01 01
15	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	Rắn	1.500	18 01 02
16	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	1.000	18 01 03
17	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	2.500	18 02 01
18	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	25	19 06 01
19	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ	Rắn	450	19 12 03
	Tổng khối lượng		18.595 kg	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
Số: 140 /HĐTGVC/2024

Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày 31 tháng 8 năm 2024, tại CÔNG TY TNHH MTV XUÂN THẢO, đại diện các bên gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH MTV XUÂN THẢO

Đại diện bà: Nguyễn Xuân Thảo

Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại di động: 0933984911.

Địa chỉ: Số 10 đường Hoàng Cầm, tổ 15b, Khu phố 2, phường Mỹ Phước, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Mã số thuế: 3703241741

Số tài khoản: 8620034617.

Tại Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, CN Mỹ Phước

Đơn vị thụ hưởng: CÔNG TY TNHH MTV XUÂN THẢO

Gmail: xuanthaomtv@gmail.com

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Đại diện bởi: Ông TOSHIHIKO NAKANO

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: Số 19, Đường số 32, Rio Vista, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028.37300896

Mã số thuế: 0315670054

Gmail nhận hóa đơn: thuyhoaho064@gmail.com và acc@gaspacific.vn

Hợp đồng này được lập trên cơ sở hai Bên đã thống nhất khối lượng, đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, thỏa thuận như sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

Bên A nhận thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt của Bên B tại địa điểm sau: 245B, KP Kiến An, phường An Điền, TP.Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

Bên B không được để chất thải nguy hại, chất thải từ hoạt động xây dựng, bùn thải, cây, ván, đá, vật cứng... lẫn trong chất thải rắn sinh hoạt. Đồng thời Bên B phải tập trung

chất thải rắn sinh hoạt tại một điểm trong thùng chứa, đảm bảo thuận tiện để xe của Bên A đến thu gom nhanh gọn và đảm bảo vệ sinh môi trường.

Điều 2. Khối lượng, giá trị, phương thức và thời hạn thanh toán

- Khối lượng ước thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt hàng tháng cho bên B là dưới 1.000 kg/tháng; Nếu vượt quá khối lượng này, hai bên cùng thống nhất xác định lại khối lượng và bên B phải thanh toán phần tăng thêm cho Bên A là: 1.595.000 đồng/tấn.

- Dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn cho Bên B phải thanh toán cho Bên A mỗi tháng như sau:

STT	Nội dung	Số tiền
1	Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	1.581.000 đồng/tháng
Giá trên chưa bao gồm thuế VAT		

(Số tiền bằng chữ: Một triệu, năm trăm tám mươi một ngàn đồng)

- Thời hạn thanh toán: Bên B thanh toán phí thu gom, vận chuyển và xử lý cho Bên A từ ngày 05 đến ngày 20 hàng tháng, thông qua tài khoản tại ngân hàng TMCP Dầu khí và Phát triển Việt Nam, CN Mỹ Phước, Bên A xuất hóa đơn tài chính cho Bên B ngay khi nhận được thông báo chuyển khoản từ ngân hàng.

- Thời gian làm việc: Sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ (trừ Chủ nhật, Lễ, Tết).

- Phương thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

* Phí dịch vụ Ngân hàng do bên B thanh toán.

Điều 3. Thời gian thực hiện

Bên A thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho Bên B vào khoảng thời gian từ 6 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút (02-03 lần/tuần), bắt đầu từ ngày 01/9/2024 đến ngày 30/8/2025.

Điều 4: Điều khoản chống gian lận

Công ty CP TM XNK Dầu khí Thái Bình Dương coi trọng uy tín của mình trong vấn đề giữ gìn đạo đức kinh doanh, trung thực tài chính. Vì vậy, chúng tôi không chấp nhận mọi hình thức hối lộ, gian lận trong kinh doanh làm ảnh hưởng đến uy tín và hình ảnh công ty.

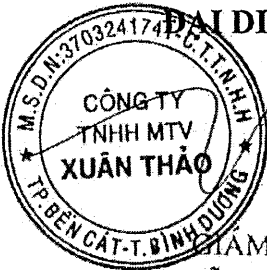
Điều 5. Điều khoản chung


Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản trong Hợp đồng, không bên nào tự ý hủy Hợp đồng. Trong khi thực hiện nếu có trở ngại, khó khăn, hai bên cùng nhau bàn bạc trên tinh thần hợp tác.

Trường hợp Bên B để chất thải nguy hại, chất thải từ hoạt động xây dựng, bùn thải và vật cứng (cây, ván, đá ...) lẫn trong chất thải rắn sinh hoạt thì Bên A sẽ lập biên bản vi phạm và không nhận thu gom, vận chuyển loại rác này, khi đó Bên B vẫn phải thanh toán phí vệ sinh cho Bên A theo điều 2 của Hợp đồng.

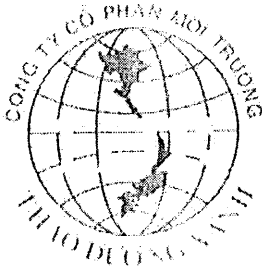
* Trường hợp một trong hai bên vì lý do khách quan chung mà không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia biết trước ít nhất 30 ngày (trừ thứ 7, Chủ nhật).

Hợp đồng tự thanh lý khi khi Bên B thanh toán dứt điểm cho Bên A, thời gian Hợp đồng sẽ chấm dứt hiệu lực. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01/9/2024, được lập hai bản, mỗi bên giữ một bản, có cùng nội dung và giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Thảo

ĐẠI DIỆN BÊN B

TOSHIEKO NAKANO
Tổng Giám Đốc





CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH

Nhà máy: Ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước
Văn phòng: Ô67 Lô L65 đường NE8 KĐT Mỹ Phước 3 Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương
Mã số thuế: 3800769008 Điện thoại: 02713 708 900 Fax: 02713 708 900
Emails: info@moitruongthaoduongxanh.com / thaoduongxanhvn@gmail.com
HOTLINE: 0934 777 678

Số: 97/2024/HDXL-TDX

Bình Phước, ngày 31 tháng 01 năm 2024

HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ THU MUA SAU XỬ LÝ

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;
- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;
- Căn cứ vào giấy phép xử lý chất thải Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.074.VX do Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường cấp ngày 19/08/2021 cho CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH.
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên

Hôm nay chúng tôi đứng tên dưới đây gồm có:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ : Số 19, Đường Số 32, Rio Vista, Phường Phước Long, TP. Thủ Đức
Điện thoại : 02837300896 Fax: 02837300898
Mã số thuế : 0315670054
Do Ông : Ông TOSHIHIKO NAKANO Chức vụ: Tổng Giám đốc
Tài khoản số :

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH

Địa chỉ : ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước
Điện thoại : 02713.708.900 - Fax: 02713.708.900
Mã số thuế : 3800.769.008
Do ông : LÊ KHẮC TIẾN. Chức vụ: Tổng Giám Đốc làm đại diện.
Tài khoản số : 117000132226 tại Vietinbank PGD Hớn Quản Bình Phước.

Các bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

1.1. Nội dung hợp đồng

- Bên A đồng ý giao cho bên B thực hiện việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý và thu mua phế liệu phát sinh các loại chất thải trong quá trình hoạt động sản xuất của bên A. Các chất thải của bên A được đưa về xử lý tại nhà máy bên B (ấp Xa Lách, xã Tân Quan,

huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước) theo đúng quy chuẩn kỹ thuật mà bên B đã được cơ quan quản lý môi trường cấp phép hành nghề căn cứ vào quy định của pháp luật Việt Nam.

1.2. Thời hạn hợp đồng:

Hợp đồng này có thời hạn là 03 (ba) năm tính từ ngày hợp đồng được các bên ký.

ĐIỀU 2: THỜI GIAN THU GOM, ĐỊA ĐIỂM TIẾP NHẬN, SỐ LƯỢNG VÀ ĐƠN GIÁ XỬ LÝ CHẤT THẢI.

2.1 Thời gian và địa điểm tiếp nhận chất thải:

Bên B sẽ tiến hành thu gom theo định kỳ theo thời gian Bên A thông báo vào số hotline của Bên B: 0934 777 678, trừ ngày chủ nhật và các ngày lễ tết.

Địa điểm tiếp nhận chất thải: 245B tổ 10, Ấp Kiến An, Xã An Điền, Thành phố Bến Cát Tỉnh Bình Dương.

Địa điểm xử lý chất thải: Nhà máy bên B đặt tại ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

2.2. Số lượng chất thải:

Được tính theo số lượng thực tế mà bên A giao cho bên B thông qua biên bản giao nhận hoặc phiếu xuất kho hoặc chứng từ chất thải có xác nhận của đại diện các bên.

2.3. Đơn giá thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải và thu mua sau xử lý:

I. Đơn giá xử lý chất thải:

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Đơn vị tính	Mã CTNH	Đơn giá xử lý (VNĐ)
1	Các vật liệu mài dạng hạt thải có các thành phần nguy hại	Rắn	Kg	07.03.08	5.000
2	Phôi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác.	Rắn	Kg	07.03.11	5.000
3	Que hàn, xỉ hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại.	Rắn	Kg	07.04.01 07.04.02	5.000
4	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác.	Rắn	Kg	08.01.01	5.000
5	Mực in thải, hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	Kg	08.02.01 08.02.04	5.000
6	Chất kết dính và chất bột kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các	Rắn/lỏng	Kg	08.03.01	5.000

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Đơn vị tính	Mã CTNH	Đơn giá xử lý (VNĐ)
	thành phần nguy hại khác.				
7	Bùn thải có thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải CN khác.	Rắn	Kg	12.06.06	5.000
8	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh thải.	Rắn	Kg	16.01.06	5.000
9	Dầu thủy lực tổng hợp thải. Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn khác.	Lỏng	Kg	17.01.06 17.02.04	5.000
10	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác.	Lỏng	Kg	17.08.03	5.000
11	Bao bì mềm thải. bao bì cứng thải bằng kim loại. bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	Kg	18.01.01 18.01.02 18.01.03	5.000
12	Chất hấp thụ vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các tp nh	Rắn	Kg	18.02.01	5.000
13	Pin, ác quy, chì thải	Rắn	Kg	19.06.01	5.000
14	Các loại chất thải khác có thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ.	Rắn	Kg	19.12.03	5.000
15	Chất thải y tế	Rắn	Kg	13.01.01	5.000
16	Chất thải công nghiệp	Rắn	Kg		5.000

II. Đơn giá thu mua phế liệu sau xử lý

STT	Tên chất thải	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá
1	Phôi sắt	Kg	Cân thực tế mỗi chuyến hàng.	Báo giá theo giá theo từng thời điểm.
2	Đồng sắt	Kg		
3	Bình ga phế	Bình		

Ghi chú : Đơn giá xử lý chưa bao gồm thuế VAT.

Đơn giá xử lý áp dụng 01 lần thu gom trên 03 tấn, nếu trường hợp chất thải phát sinh dưới 03 tấn thì vẫn tính là 03 tấn. Thảo Dương Xanh không hoàn trả bao bì chứa chất thải.

ĐIỀU 3: HÌNH THỨC VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN

3.1. Điều kiện thanh toán:

a. **Đối với việc xử lý:** Khi bên A nhận được bộ chứng từ thanh toán hợp lệ gồm:

1. Bảng đối chiếu khối lượng hàng hóa
2. Hóa đơn tài chính

b. **Đối với việc thu mua:** Khi bên B nhận được bộ chứng từ thanh toán hợp lệ gồm:

1. Bảng đối chiếu khối lượng hàng hóa
2. Hóa đơn tài chính được gửi vào địa chỉ email kế toán:

pkt@moitruongthaoduongxanh.com hoặc ketoan.thaoduongxanh@gmail.com

3.2. Hình thức thanh toán:

a. **Đối với việc xử lý:**

Chuyển khoản bằng tiền đồng Việt Nam (VNĐ) vào tài khoản sau:

Tài khoản số: 117000132226 tại Ngân hàng Vietinbank - PGD Hớn Quản Bình Phước.

Tên tài khoản: Công ty cổ phần môi trường Thảo Dương Xanh.

Hoặc thanh toán bằng tiền mặt.

b. **Đối với việc thu mua:**

Chuyển khoản bằng tiền đồng Việt Nam (VNĐ) vào tài khoản sau:

Tài khoản số: 6512527722 – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

– CN Nam Bình Dương.

Tên tài khoản: Công ty Cổ Phần Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Dầu Khí Thái Bình Dương.

Hoặc thanh toán bằng tiền mặt.

3.3. Thời hạn thanh toán:

a. **Đối với việc xử lý:** Bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị hoá đơn trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày bên A nhận đủ hóa đơn tài chính của bên B.

b. **Đối với việc thu mua:** Bên B thanh toán cho bên A 100% giá trị hoá đơn trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày bên B nhận đủ hóa đơn tài chính của bên A.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

a) Trách nhiệm bên A:

Toàn bộ chất thải bên A phải có trách nhiệm phân loại thành từng loại riêng biệt theo đúng quy định của pháp luật về môi trường hiện hành. Các loại chất thải sau khi phân loại phải chứa trong các thùng chứa riêng biệt có dán nhãn chất thải và lưu giữ tại một khu vực cố định trước khi bàn giao cho bên B.

Các phương tiện tới thu gom trực tiếp sẽ nằm trong danh sách mà Thảo Dương Xanh cung cấp cho quý công ty. Nếu phát hiện ra phương tiện tới thu gom không đúng với danh sách mà Thảo Dương Xanh cung cấp thì phải báo lại với bên B. Công ty có trách nhiệm kiểm tra đối chiếu trước khi thực hiện bàn giao chất thải, nếu có vấn đề gì xảy ra liên quan tới vấn đề phương tiện thu gom không đúng với Thảo Dương Xanh cung cấp mà công ty vẫn bàn giao thì bên A phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi có các vấn đề xảy ra.

Bên A có trách nhiệm tạo điều kiện thuận tiện cho xe của bên B vào thu gom chất thải đúng thời gian đã thông báo với bên B, bố trí nhân lực và phương tiện phối hợp để chuyển

chất thải vào xe của bên B. Toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình thu gom chất thải tại địa điểm chứa chất thải của bên A do bên A thanh toán.

Lập chứng từ khi bàn giao chất thải và cung cấp cho người đại diện của bên B khi bàn giao chất thải.

Thông báo bên B thu gom chất thải khi nhận thấy chất thải sắp tồn đọng tại kho lưu của bên A.

b) Trách nhiệm bên B:

Cử người đại diện liên hệ với bên A chịu trách nhiệm trong việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý dưới hình thức tận thu/tái chế hoặc thiêu hủy chất thải tại nhà máy của bên B theo quy định hiện hành về quản lý chất thải của Nhà nước Việt Nam.

Bên B chỉ đồng ý ký xác nhận chứng từ CTNH theo quy định pháp luật cho những đợt thu gom bởi phương tiện của bên B, ngoài ra nếu chất thải đó được thu gom bởi phương tiện không phải của bên B thì bên B sẽ từ chối ký xác nhận bộ chứng từ đó.

Cung cấp phương tiện vận chuyển ra khỏi Công ty của bên A. Trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ nhằm đảm bảo an toàn cần thiết khi đến thu gom chất thải.

Bên B có trách nhiệm thực hiện thu gom chất thải theo yêu cầu của bên A để tránh tình trạng tồn đọng kho bãi.

Phương tiện vận chuyển và công nhân của bên B khi ra vào Công ty của bên A phải chịu sự kiểm tra, giám sát của bên A và thực hiện đúng nội quy của bên A.

Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi Công ty của bên A. Bên B phải tuân thủ triệt để các quy định về đăng ký cấp phép hành nghề, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

Không nhận chất thải ngoài danh mục 2.3 điều 2, cũng như chất thải có tính chất khác biệt so với danh mục trên.

Thực hiện kiểm tra, xác nhận và chuyển giao lại Chứng từ chất thải cho bên A.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHỐNG GIAN LẬN

Công Ty Cổ Phần Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Dầu Khí Thái Bình Dương coi trọng uy tín của mình trong vấn đề giữ gìn đạo đức kinh doanh, trung thực tài chính. Vì vậy, chúng tôi không chấp nhận mọi hình thức hối lộ, gian lận trong kinh doanh làm ảnh hưởng đến uy tín và hình ảnh công ty.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Các bên cam kết thực hiện nghiêm túc thỏa thuận tại Hợp đồng này. Mọi tranh chấp phát sinh các bên cùng giải quyết bằng thương lượng trên cơ sở tôn trọng quyền lợi của nhau, trường hợp không thể thương lượng được thì một trong các bên có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền để giải quyết theo luật định.

Mọi thay đổi phát sinh trong thời gian thực hiện Hợp đồng này mà chưa được các bên thỏa thuận thì phải lập thành văn bản dưới hình thức "*Phụ lục hợp đồng*". *Phụ lục hợp đồng* phải được xác nhận, ký tên và đóng dấu hợp pháp, *Phụ lục hợp đồng* là phần không thể tách rời đối với Hợp đồng này.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu một trong các bên tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải báo trước cho bên kia 30 ngày.

Nếu quá 90 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng. Bên A không giao chất thải cho Bên B, Hợp đồng tự động chấm dứt.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Nếu Hợp đồng không chấm dứt trước thời hạn thì sau khi hết hạn hợp đồng, nếu hai Bên không tiến hành thủ tục thanh lý hợp đồng thì hợp đồng này tự động gia hạn thêm 01 (một) năm nữa.

Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt với đầy đủ các chữ ký và con dấu của các bên. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau

ĐẠI DIỆN BÊN A
Tổng Giám đốc



FOSHIHIKO NAKANO

ĐẠI DIỆN BÊN B
Tổng Giám đốc



LÊ KHẮC TIỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THU MUA SẮT PHẾ LIỆU

Số: 024/2023/PLQ/TBD

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/6/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 25/6/2015, có hiệu lực từ ngày 01/7/2016;

- Theo đề nghị của CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Hôm nay, ngày 06 tháng 11 năm 2023, Chúng tôi gồm:

BÊN A(Bên bán): CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XNK DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ : Số 19, Đường số 32, Rio Vista, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028.37300896

Mã số thuế : 0315670054

Do Ông : TOSHIHIKO NAKANO

Chức vụ: Tổng giám đốc

Làm đại diện.

BÊN B(Bên mua): CÔNG TY TNHH PHÚC LỘC QUÂN.

Địa chỉ : Thửa đất số 3782, TĐĐ số 32, tổ 8, khu phố 4, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Mã số thuế : 3702467418

Tài khoản : 1036847999 - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Bình Dương

Do ông : PHẠM ĐÌNH HIỀN

- Chức vụ: Giám Đốc.

Làm đại diện.

Hai bên nhất trí ký hợp đồng gồm các điều khoản sau:

Điều 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG VÀ QUY CÁCH HÀNG HÓA

Bên A đồng ý bán và bên B đồng ý thu mua các loại mặt hàng phế liệu Sắt thép cụ thể như sau:

- Tên hàng: Sắt thép phế liệu có hàm lượng mangan thấp
- Chất lượng hàng hóa: đạt chất lượng thành phần hóa học đầu vào, hàng không dính nước và không lẫn tạp chất.
- Đơn giá được thể hiện cụ thể trên từng lần bên B gửi bảng báo giá và giá đã bao gồm thuế GTGT.

CÔNG TY TNHH PHÚC LỘC QUÂN

Địa chỉ: Thửa đất số 3782, TBD số 63, Tờ 8, Khu phố 4, P. Mỹ Phước, Bến Cát, Bình Dương

Điều 2: PHƯƠNG THỨC, THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM GIAO NHẬN

- Bên A giao đúng chất lượng hàng hóa như qui định tại Điều 1 của hợp đồng
- Thời gian mua hàng được thể hiện trên từng đơn mua hàng
- Hàng hóa được giao bằng xe của bên B tại kho bên A. trọng lượng làm căn cứ thanh toán là trọng lượng theo phiếu cân tại kho bên A khi hai bên ký xác nhận
- Bên B đảm bảo tiến độ dỡ xe đúng thời gian qui định của bên A

Điều 3: HÌNH THỨC THANH TOÁN:

- Số lượng và tổng giá trị thanh toán sẽ dựa trên trọng lượng thực tế tại bàn cân điện tử do hai bên xác nhận.
- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản/tiền mặt bằng Việt Nam Đồng, Bên B thanh toán cho Bên A tổng giá trị đơn hàng bao gồm thuế GTGT và các thuế khác (nếu có).

Điều 4: ĐIỀU KHOẢN CHỐNG GIAN LẬN:

- Bên A coi trọng uy tín của mình trong vấn đề giữ gìn đạo đức kinh doanh, trung thực tài chính. Vì vậy, chúng tôi không chấp nhận mọi hình thức hối lộ, gian lận trong kinh doanh làm ảnh hưởng đến uy tín và hình ảnh công ty.
- Bên B thực hiện và làm đúng đạo đức trong lĩnh vực kinh doanh, nếu có phát sinh tình trạng gian lận thì bên A có quyền lập biên bản xử phạt theo qui định Công ty

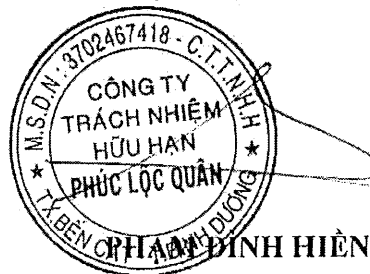
Điều 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện các điều khoản của hợp đồng này. Nếu có gì vướng mắc thì cùng nhau bàn bạc giải quyết. Nếu không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải thì đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại tòa án kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2023 đến 31/12/2024 và được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, Bên A giữ 01 bản, Bên B giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



ĐẠI DIỆN BÊN B





CÔNG TY CỔ PHẦN TM XNK DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ: 99 Ích Thạnh, Trường Thạnh, TP. Thủ Đức, TP HCM
Điện thoại: 08.37300896/97 Fax 08.37300898

2

Số: 1 /QĐ/2024

Tp.HCM, ngày 22 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

(Thanh lý phế liệu Tại Nhà máy cơ khí Bến Cát)

- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần TM XNK Dầu khí Thái Bình Dương đã được Đại hội Cổ đông thông qua;
- Căn cứ quy chế quản lý và hạch toán Công ty Cổ phần TM XNK Dầu khí Thái Bình Dương đã được HĐQT thống nhất thông qua;
- Căn cứ Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ký ngày 22/12/2014.
- Căn cứ Đề xuất ngày 19 tháng 02 năm 2024.
- Căn cứ Hợp Đồng Thu Mua Phế Liệu ngày 01 tháng 11 năm 2023
- Căn cứ chức năng và quyền hạn của Tổng giám đốc.

TỔNG GIÁM ĐỐC

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU 1: Tổng giám đốc quyết định thanh lý phế liệu và hạch toán vào thu nhập khác như sau:

Mặt hàng	Số lượng	Đơn Vị Tính	Đơn giá (VNĐ/Kg)	Thành tiền (VNĐ)
Sắt phế liệu	10,580	kg	8800	93.104.000
Van Đồng	206	kg	80.000	16.480.000
Tổng tiền				109.584.000

Bằng chữ: Một Trăm lẻ chín triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng chẵn./.

(Giá trên đã bao gồm thuế GTGT)

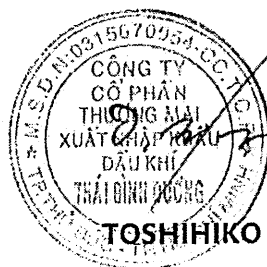
ĐIỀU 2: Phòng kế toán, phòng kinh doanh, và các bộ phận liên quan thi hành quyết định này.

ĐIỀU 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Trưởng BKS
- P. Kỹ thuật
- P. Kế toán
- P. Kinh doanh
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



TOSHIIKO NAKANO



Số hiệu: QTQLK-BM03

PHIẾU CÂN XUẤT KHO 重量出荷伝票

Ngày 日 tháng 月 02 năm 年 2024

Lý do xuất kho 出荷の目的: ...XUẤT BÁN.....PHẾ LIỆU.....

Đơn vị thu mua : ...買取客先 ;PHÚC LỘC QUÂN.

Xuất tại kho 出荷場所:NHÀ MÁY BỀN CÁT.....

STT	Tên hàng, mã hàng 品名	Số lượng thực xuất 出荷数量	Đơn vị tính 単位	Ghi chú 備考
	SẮT PHẾ LIỆU 鉄筋スクラップ	6,050	kg	TỔNG 10580KG
	SẮT PHẾ LIỆU 鉄筋スクラップ	4,530	kg	
	ĐỒNG THẢI バルブスクラップ	206	kg	

BÊN GIAO
倉庫責任者

Nguyễn Văn Quý

PHÊ DUYỆT
承認

Nguyễn Phương Tuấn

BÊN NHẬN
客先



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TTB

Số (No.): 00002394

Ngày (Date) 22 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Mã CQT (Code): 00B4CF656ACF114A138AF624EAF88E6F23

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax code): 0315670054

Địa chỉ (Address): Số 19, Đường số 32, Rio Vista, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 0283 730 0896

Số tài khoản (Bank account): 100056073099999 - Tại ngân hàng TMCP Nam Á - CN Trung Tâm Kinh Doanh

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH PHÚC LỘC QUÂN

Mã số thuế (Tax code): 3702467418

Địa chỉ (Address): Thửa đất số 3782, Tờ bản đồ số 63, Tờ 8, Khu phố 4, Phường Mỹ Phước, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số tài khoản (Bank account):

SIT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6
1	Thanh lý phế liệu sắt theo quyết định số 01/QĐ/2024 ngày 22/02/2024	kg	10.580.0000	8.000,0000	84.640.000
2	Thanh lý phế liệu van đồng theo quyết định số 01/QĐ/2024 ngày 22/02/2024	kg	206.0000	72.727,2727	14.981.818
Tổng tiền hàng (Total amount excl. VAT):					99.621.818
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% Tiền thuế GTGT (VAT amount):					9.962.182
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					109.584.000
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Một trăm linh chín triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): CÔNG TY CỔ PHẦN

THƯƠNG MẠI XUẤT

NHẬP KHẨU DẦU

KHÍ THÁI BÌNH

DƯƠNG

Ký ngày (Signing Date): 22/02/2024

Tra cứu tại Website (Search in website): <https://www.mcinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): 9PCWTLXL9LM

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150



(5)

CÔNG TY CỔ PHẦN TM XNK DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ: 99 Ích Thạnh, Trường Thạnh, TP. Thủ Đức, TP HCM
Điện thoại: 08.37300896/97 Fax 08.37300898

Số: 2 /QĐ/2024

Tp.HCM, ngày 26 tháng 04 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

(Thanh lý phế liệu Tại Nhà máy cơ khí Bến Cát)

- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần TM XNK Dầu khí Thái Bình Dương đã được Đại hội Cổ đông thông qua;
- Căn cứ quy chế quản lý và hạch toán Công ty Cổ phần TM XNK Dầu khí Thái Bình Dương đã được HĐQT thống nhất thông qua;
- Căn cứ Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ký ngày 22/12/2014.
- Căn cứ Đề xuất ngày 26 tháng 04 năm 2024.
- Căn cứ Hợp Đồng Thu Mua Phế Liệu ngày 01 tháng 11 năm 2023
- Căn cứ chức năng và quyền hạn của Tổng giám đốc.

TỔNG GIÁM ĐỐC

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU 1: Tổng giám đốc quyết định thanh lý phế liệu và hạch toán vào thu nhập khác như sau:

Mặt hàng	Số lượng	Đơn Vị Tính	Đơn giá (VNĐ/Kg)	Thành tiền (VNĐ)
Sắt phế liệu	17.485.5	kg	8800	153.872.400
Van Đồng	600	kg	85.000	51.000.000
Tổng tiền				204.872.000

Bằng chữ: Hai trăm lẻ bốn triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng chẵn./.

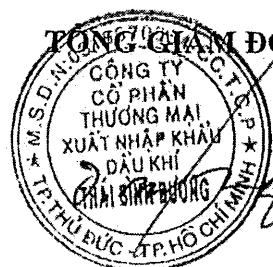
(Giá trên đã bao gồm thuế GTGT)

ĐIỀU 2: Phòng kế toán, phòng kinh doanh, và các bộ phận liên quan thi hành quyết định này.

ĐIỀU 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Trưởng BKS
- P. Kỹ thuật
- P. Kế toán
- P. Kinh doanh
- Lưu VT.



TOSHIHIKO NAKANO



Số hiệu: QTQLK-BM03

PHIẾU CÂN XUẤT KHO 重量出荷伝票

Ngày 日 26 tháng 月 4 năm 年 2024

Lý do xuất kho 出荷の目的: ...XUẤT BÁN.....PHÉ LIỆU.....


Đơn vị thu mua : ...買取客先 :PHÚC LỘC QUÂN.

Xuất tại kho 出荷場所:NHÀ MÁY BÈN CÁT.....

STT	Tên hàng, mã hàng 品名	Số lượng thực xuất 出荷数量	Đơn vị tính 単位	Ghi chú 備考
	SẮT PHÉ LIỆU 鉄筋スクラップ	17,486	kg	TỔNG 17,846 KG
	ĐỒNG THẢI バルブスクラップ	600	kg	

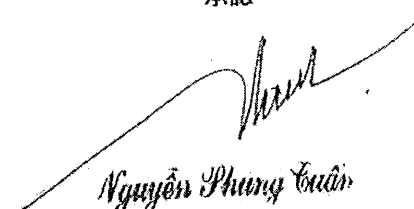
BÊN GIAO

倉庫責任者


Nguyễn Văn Duy

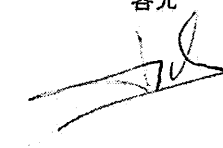
PHÊ DUYỆT

承認


Nguyễn Phùng Tuấn

BÊN NHẬN

客先





CÔNG TY CỔ PHẦN TM XNK DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ: 99 Ích Thạnh, Trường Thạnh, TP. Thủ Đức, TP HCM
Điện thoại: 08.37300896/97 Fax 08.37300898

Số: 3 /QĐ/2024

Tp.HCM, ngày 05 tháng 06 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

(Thanh lý phế liệu Tại Nhà máy cơ khí Bến Cát)

- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần TM XNK Dầu khí Thái Bình Dương đã được Đại hội Cổ đông thông qua;
- Căn cứ quy chế quản lý và hạch toán Công ty Cổ phần TM XNK Dầu khí Thái Bình Dương đã được HĐQT thống nhất thông qua;
- Căn cứ Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ký ngày 22/12/2014.
- Căn cứ Đề xuất ngày 26 tháng 04 năm 2024.
- Căn cứ Hợp Đồng Thu Mua Phế Liệu ngày 01 tháng 11 năm 2023
- Căn cứ chức năng và quyền hạn của Tổng giám đốc.

TỔNG GIÁM ĐỐC

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU 1: Tổng giám đốc quyết định thanh lý phế liệu và hạch toán vào thu nhập khác như sau:

Mặt hàng	Số lượng	Đơn Vị Tính	Đơn giá (VNĐ/Kg)	Thành tiền (VNĐ)
Sắt Phế Liệu	17.920	kg	8.500	152.320.000
Van Phế Liệu	158	kg	85.000	13.430.000
Sắt Phế Liệu	1.764	kg	8.500	14.994.000
Giấy Vụn	875	kg	2.000	1.750.000
Tổng tiền				182.494.000

Bằng chữ: Một Trăm tám mươi hai triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng chẵn ./.
(Giá trên đã bao gồm thuế GTGT)

ĐIỀU 2: Phòng kế toán, phòng kinh doanh, và các bộ phận liên quan thi hành quyết định này.

ĐIỀU 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Trường BKS
- P. Kỹ thuật
- P. Kế toán
- P. Kinh doanh
- Lưu VT.





Số hiệu: QTQLK-BM03

PHIẾU CÂN XUẤT KHO

重量出荷伝票

Ngày 日 tháng 月 12

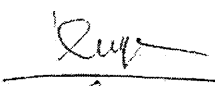
Lý do xuất kho 出荷の目的: ...XUẤT BÁN.....PHẾ LIỆU.....

Đơn vị thu mua : ...買取客先 ;PHUCS LỘC QUÂN.....

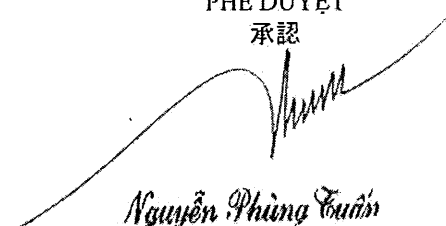
Xuất tại kho 出荷場所:NHÀ MÁY BẾN CÁT.....

STT	Tên hàng, mã hàng 品名	Số lượng thực xuất 出荷数量	Đơn vị tính 単位	Ghi chú 備考
	SẮT PHẾ LIỆU 鉄筋スクラップ	17,920	kg	
	SẮT PHẾ LIỆU 鉄筋スクラップ	1764	kg	
	VAN THẢI バルブスクラップ	157.5	kg	
	THÙNG GIẤY VỤNG ダンボール	875	kg	

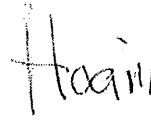
BÊN GIAO
倉庫責任者


Nguyễn Văn Quý

PHÊ DUYỆT
承認


Nguyễn Phùng Tuấn

BÊN NHẬN
客先


Hoàng



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TTB

Số (No.): 00007757

Ngày (Date) 14 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Mã CQT (Code): 0075EAE6EEB72F4C9D92A1EE1FD8D6158

B

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax code): 0315670054

Địa chỉ (Address): Số 19, Đường số 32, Rio Vista, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 0283 730 0896

Số tài khoản (Bank account): 100056073099999 - Tại ngân hàng TMCP Nam Á - CN Trung Tâm Kinh Doanh

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH PHÚC LỘC QUÂN

Mã số thuế (Tax code): 3702467418

Địa chỉ (Address): Thửa đất số 3782, Tờ bản đồ số 63, Tổ 8, Khu phố 4, Phường Mỹ Phước, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt

Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6
1	Thanh lý phế liệu sắt theo quyết định số 03/QĐ/2024 ngày 05/06/2024	kg	19.684,0000	7.727,2727	152.103.636
2	Thanh lý phế liệu van đồng theo quyết định số 03/QĐ/2024 ngày 05/06/2024	kg	158,0000	77.272,7272	12.209.091
3	Thanh lý phế liệu giấy carton theo quyết định số 03/QĐ/2024 ngày 05/06/2024	kg	875,0000	1.818,1818	1.590.909
Cộng tiền hàng (Total amount excl. VAT):					165.903.636
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% Tiền thuế GTGT (VAT amount):					16.590.364
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					182.494.000
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Một trăm tám mươi hai triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): CÔNG TY CỔ PHẦN

THƯƠNG MẠI XUẤT

NHẬP KHẨU DẦU

KHÍ THÁI BÌNH

DƯƠNG

Ký ngày (Signing Date): 14/06/2024

Tra cứu tại Website (Search in website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): X5CBS4ZWV21B

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150



(9)

CÔNG TY CỔ PHẦN TM XNK DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ: Số 19, Đường số 32, Rio Vista, Phường Phước Long B, Thành
Phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08.37300896/97 Fax 08.37300898

Số: 4 /QĐ/2024

Tp.HCM, ngày 16 tháng 09 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
(Thanh lý phế liệu Tại Nhà máy cơ khí Bến Cát)

- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần TM XNK Dầu khí Thái Bình Dương đã được Đại hội Cổ đông thông qua;
- Căn cứ quy chế quản lý và hạch toán Công ty Cổ phần TM XNK Dầu khí Thái Bình Dương đã được HĐQT thống nhất thông qua;
- Căn cứ Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ký ngày 22/12/2014.
- Căn cứ Đề xuất ngày 16 tháng 09 năm 2024.
- Căn cứ Hợp Đồng Thu Mua Phế Liệu ngày 01 tháng 11 năm 2023
- Căn cứ chức năng và quyền hạn của Tổng giám đốc.

TỔNG GIÁM ĐỐC
QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU 1: Tổng giám đốc quyết định thanh lý phế liệu và hạch toán vào thu nhập khác như sau:

Mặt hàng	Số lượng	Đơn Vị Tính	Đơn giá (VNĐ/Kg)	Thành tiền (VNĐ)
Sắt Phế Liệu	5.380	kg	8.000	43.040.000
Van Phế Liệu	400	kg	85.000	34.000.000
Tổng tiền				77.040.000

Bằng chữ: Bảy Mươi bảy triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn./.

(Giá trên đã bao gồm thuế GTGT)

ĐIỀU 2: Phòng kế toán, phòng kinh doanh, và các bộ phận liên quan thi hành quyết định này.

ĐIỀU 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Trưởng BKS
- P. Kỹ thuật
- P. Kế toán
- P. Kinh doanh
- Lưu VT.





HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TTB

Số (No.): 00012473

Ngày (Date) 21 tháng (month) 09 năm (year) 2024

Mã QGT (Code): 00D9E6A6914E404307B8A795B49D4799A4

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax code): 0315670054

Địa chỉ (Address): Số 19, Đường số 32, Rio Vista, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 0283 730 0896

Số tài khoản (Bank account): 100056073099999 - Tại ngân hàng TMCP Nam Á - CN Trung Tâm Kinh Doanh

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH PHÚC LỘC QUÂN

Mã số thuế (Tax code): 3702467418

Địa chỉ (Address): Thửa đất số 3782, Tờ bản đồ số 63, Tổ 8, Khu phố 4, Phường Mỹ Phước, Thành phố Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6
1	Thanh lý phế liệu sắt theo quyết định số 03/QĐ/2024 ngày 05/06/2024	kg	5.380,0000	7.272,7272	39.127.272
2	Thanh lý phế liệu van đồng theo quyết định số 03/QĐ/2024 ngày 05/06/2024	kg	400,0000	77.272,7300	30.909.092

Cộng tiền hàng (Total amount excl. VAT): 70.036.364

Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% Tiền thuế GTGT (VAT amount): 7.003.636

Tổng tiền thanh toán (Total amount): 77.040.000

Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Bảy mươi bảy triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): CÔNG TY CỔ PHẦN

THƯƠNG MẠI XUẤT

NHẬP KHẨU DẦU

KHÍ THÁI BÌNH

DƯƠNG

Ký ngày (Signing Date): 21/09/2024

Tra cứu tại Website (Search in website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): X5CXT483QXB0

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150



Số hiệu: QTQLK-BM03


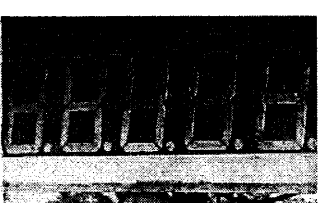
PHIẾU CÂN XUẤT KHO 重量出荷伝票

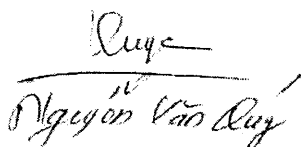
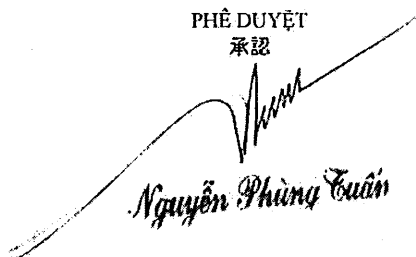
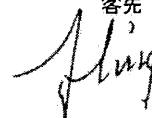
Ngày 16 tháng 9 năm 2024


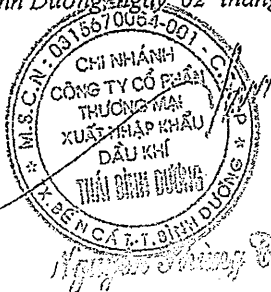
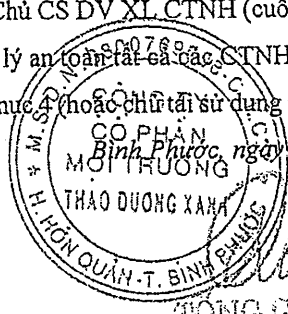
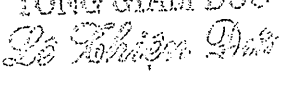
Lý do xuất kho 出荷の目的: ... XUẤT BÁN ... PHÉ LIỆU ...


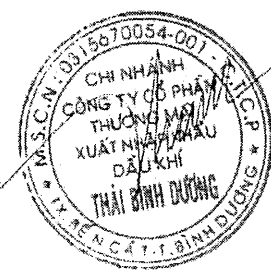
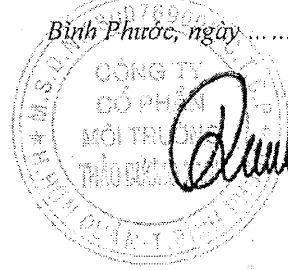
Đơn vị thu mua : ... 買取客先 ; ... PHÚC LỘC QUÂN.

Xuất tại kho 出荷場所: ... NHÀ MÁY BÈN CÁT ...

STT	Tên hàng, mã hàng 品名	Xe không cân vào 空トラック測定の重量 (kg)	xe có hàng cân ra 積み込む後の重量 (kg)	trọng lượng hàng thực tế 実際の重量(kg)
		18,500	23,880	5,380
	SẮT PHÉ LIỆU 鉄筋スクラップ			
	Van thái バルブスクラップ			400

BÊN GIAO
倉庫責任者
Nguyễn Văn DuyPHÊ DUYỆT
承認
Nguyễn Phùng TuấnBÊN NHẬN
客先

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH PHƯỚC		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 01/2024/ 3-4-5-6.074.VX					
1.Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH Địa chỉ văn phòng: Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước Địa chỉ cơ sở : Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước						Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.074.VX ĐT: 02713 708 900 ĐT: 02713 708 900	
2.Chủ CS DV XL CTNH 2: Địa chỉ văn phòng : Địa chỉ cơ sở :						Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:	
3. Chủ nguồn thải : CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THẢI BÌNH DƯƠNG Địa chỉ văn phòng: 99 Ích Thạch, phường Trường Thạch, TP. Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh Địa chỉ cơ sở : 245B tổ 10, ấp Kiến An, xã An Điền, huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương						Mã số QLCTNH: 74.004261.T ĐT : ĐT:	
4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) [#]
		Rắ n	Lỏ ng	Bù n			
1	Các vật liệu mài dạng hạt thải có các TPNH	*			07 03 08	1.200	HR
2	Cặn son, son và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	*			08 01 01	2.500	TĐ-HR
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh thải	*			16 01 06	10	Nghiên-HR
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	*			18 01 02	/	Súc rửa-TC
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	*			18 01 03	/	Súc rửa-TC
6	Giẻ lau nhiễm TPNH	*			18 02 01	1.856	TĐ-HR
7	Hộp mực in thải nhiễm TPNH	*			08 02 04	4	TĐ-HR
8	Bùn thải từ hệ thống XLNT			*	12 06 05	2.000	TĐ-HR
9	Dầu thủy lực tổng hợp thải		*		17 01 06	200	TĐ-HR
10	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn khác.		*		17 02 04	/	TĐ-HR
TỔNG						7.770	
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5.Xuất khẩu CTNH (nếu có)				Nước nhập khẩu:...		Cửa khẩu xuất:	
Số hiệu phương tiện:				Ngày xuất cảng:		Cửa khẩu nhập: :	
7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4						Số hiệu phương tiện: 93H-02311	
7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Danh Phô Lô				Ký: 		Ngày 02 tháng 01 năm 2024	
7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 :				Ký:		Ngày tháng năm 2024	
6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5). Bình Dương, ngày 02 tháng 01 năm 2024 				8.Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả các CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng CTNH đúng như mục đích ban đầu). Bình Phước, ngày 11 tháng 01 năm 2024  TỔNG GIÁM ĐỐC 			
@ Liên số: 1 <input type="checkbox"/> - 2 <input type="checkbox"/> - 3 <input type="checkbox"/> - 4 <input type="checkbox"/>							

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH PHƯỚC		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 01 /2023/ 3-4-5-6.074.VX					
1.Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH Địa chỉ văn phòng: Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước Địa chỉ cơ sở : Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước						Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.074.VX ĐT: 02713 708 900 ĐT: 02713 708 900	
2.Chủ CS DV XL CTNH 2: Địa chỉ văn phòng : Địa chỉ cơ sở :						Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:	
3. Chủ nguồn thải : CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THẢI BÌNH DƯƠNG Địa chỉ văn phòng: 99 Ích Thạch, phường Trường Thạch, TP. Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh Địa chỉ thu gom : 245B tổ 10, ấp Kiến An, xã An Điền, huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương						Mã số QLCTNH: 74.004261.T ĐT : ĐT:	
4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) [#]
		Rắ n	Lỏ ng	Bủ n			
1	Các vật liệu mài dạng hạt thải có các thành phần nguy hại	x			07 03 08	500	HR
2	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác		x		08 01 01	2,163	TĐ-HR
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh thải		x		16 01 06	5	Nghiên-HR
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02	855	Súc rửa-TC
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	x			18 01 03	560	Súc rửa-TC
6	Chất hấp thụ vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	4,532	TĐ-HR
7	Chất thải y tế	x			13 01 01	10	TĐ-HR
TỔNG						8.625	
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5.Xuất khẩu CTNH (nếu có)				Nước nhập khẩu:...		Cửa khẩu xuất:	
Số hiệu phương tiện:				Ngày xuất cảng:		Cửa khẩu nhập: :	
7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4						Số hiệu phương tiện: 93C-10936	
7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Phước Định				Ký: 		Ngày 09 tháng 01 năm 2023	
7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 :				Ký:		Ngày tháng năm 2023	
6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5). Bình Dương, ngày 09 tháng 01 năm 2023  Nguyễn Phước Định				8.Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả các CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng CTNH đúng như mục đích ban đầu). Bình Phước, ngày tháng năm 2023  TỔNG GIÁM ĐỐC Phạm Văn Đức			
@ Liên số: 1 <input type="checkbox"/> - 2 <input type="checkbox"/> - 3 <input type="checkbox"/> - 4 <input type="checkbox"/>							

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH
Địa chỉ văn phòng: Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hón Quán, Bình Phước
Địa chỉ cơ sở: Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hón Quán, Bình Phước

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.074.VX
ĐT: 02713 708 900
ĐT: 02713 708 900

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:
Địa chỉ văn phòng :
Địa chỉ cơ sở :

Mã số QLCTNH:.....
ĐT:.....
ĐT:

3. Chủ nguồn thải : CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THẢI BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: 99 Ích Thạch, phường Trường Thạch, TP. Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh
Địa chỉ thu gom: 245B tổ 10, ấp Kiến An, xã An Điền, huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã số QLCTNH: 74.004261.T
ĐT :
ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) ^a
		Rắ n	Lỏng	Bùn			
1	Các vật liệu mài dạng hạt thải có các TPNH	*			07 03 08	/	HR
2	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	*			08 01 01	3.250	TĐ-HR
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh thải	*			16 01 06	10	Nghiên-HR
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	*			18 01 02	/	Súc rửa-TC
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	*			18 01 03	/	Súc rửa-TC
6	Giẻ lau nhiễm TPNH	*			18 02 01	2.460	TĐ-HR
7	Hộp mực in thải nhiễm TPNH	*			08 02 04	5	TĐ-HR
8	Bùn thải từ hệ thống XLNT			*	12 06 05	5.585	TĐ-HR
9	Dầu thủy lực tổng hợp thải		*		17 01 06	/	TĐ-HR
10	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn khác.		*		17 02 04	600	TĐ-HR
TỔNG						11.910	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Nước nhập khẩu: ...

Cửa khẩu xuất:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu nhập: :

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Hồng Sơn

Ký: *SHT*

Ngày 19 tháng 04 năm 2024

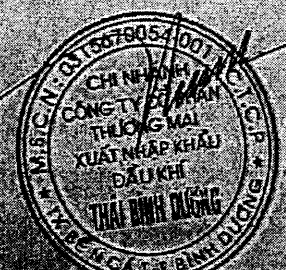
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

Ngày tháng năm 2024


6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).


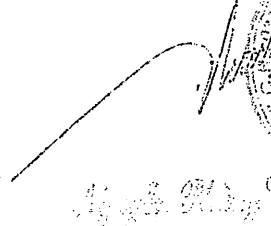

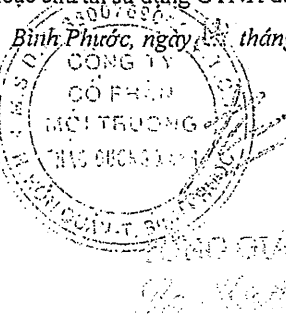
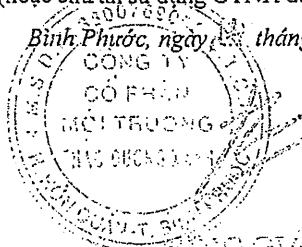
Bình Dương, ngày 19 tháng 04 năm 2024

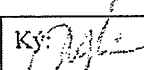


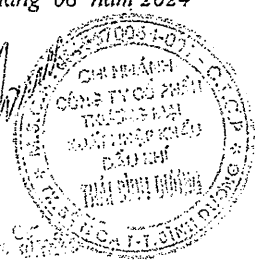
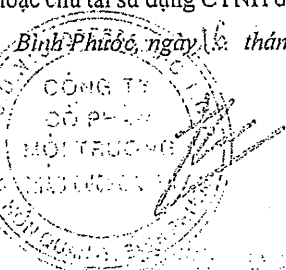
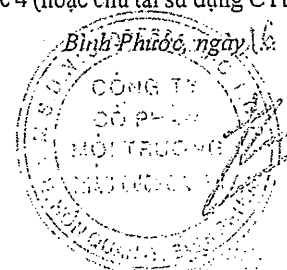

Nguyễn Hùng Tuấn

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả các CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng CTNH đúng như mục đích ban đầu).

Bình Phước, ngày 02 tháng 05 năm 2024


TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Khắc Tiến

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH PHƯỚC	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 04/2024/ 3-4-5-6.074.VX						
1.Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH Địa chỉ văn phòng: Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước Địa chỉ cơ sở: Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước		Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.074.VX ĐT: 02713 708 900 ĐT: 02713 708 900					
2.Chủ CS DV XL CTNH 2: Địa chỉ văn phòng : Địa chỉ cơ sở :		Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:					
3. Chủ nguồn thải : CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THẢI BÌNH DƯƠNG Địa chỉ văn phòng: 99 Ích Thạch, phường Trường Thạch, TP. Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh Địa chỉ cơ sở : 245B tổ 10, ấp Kiến An, xã An Điền, huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương		Mã số QLCTNH: 74.004261.T ĐT : ĐT:					
4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) [#]
		Rắ n	Lỏng	Bùn			
1	Các vật liệu mài dạng hạt thải có các TPNH	*			07 03 08	4.287	HR
2	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	*			08 01 01	1.365	TĐ-HR
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh thải	*			16 01 06	10	Nghiên-HR
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	*			18 01 02	/	Súc rửa-TC
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	*			18 01 03	/	Súc rửa-TC
6	Giẻ lau nhiễm TPNH	*			18 02 01	453	TĐ-HR
7	Hộp mực in thải nhiễm TPNH	*			08 02 04	5	TĐ-HR
8	Bùn thải từ hệ thống XLNT			*	12 06 05	4350	TĐ-HR
9	Dầu thủy lực tổng hợp thải		*		17 01 06	/	TĐ-HR
10	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn khác.		*		17 02 04	600	TĐ-HR
TỔNG						11.070	
[#] Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5.Xuất khẩu CTNH (nếu có)		Nước nhập khẩu:....			Cửa khẩu xuất:		
Số hiệu phương tiện:		Ngày xuất cảng:			Cửa khẩu nhập: :		
7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4						Số hiệu phương tiện: 93H-023.11	
7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Danh Phó Lô					Ký: 	Ngày 05 tháng 08 năm 2024	
7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 :					Ký:	Ngày tháng năm 2024	
6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5). <div style="text-align: right;"> Bình Dương, ngày 05 tháng 08 năm 2024   </div>					8.Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả các CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng CTNH đúng như mục đích ban đầu). <div style="text-align: right;"> Bình Phước, ngày 05 tháng 08 năm 2024   </div>		
@ Liên số: 1 <input type="checkbox"/> - 2 <input type="checkbox"/> - 3 <input type="checkbox"/> - 4 <input type="checkbox"/>							

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH PHƯỚC		CHỨNG TỰ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 05/2024/ 3-4-5-6.074.VX					
1.Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH Địa chỉ văn phòng: Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước Địa chỉ cơ sở : Ấp Xa Lách, Tân Quan, Hớn Quản, Bình Phước						Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.074.VX ĐT: 02713 708 900 ĐT: 02713 708 900	
2.Chủ CS DV XL CTNH 2: Địa chỉ văn phòng : Địa chỉ cơ sở :						Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:	
3. Chủ nguồn thải : CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG Địa chỉ văn phòng: 99 Ích Thạch, phường Trường Thạch, TP. Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh Địa chỉ cơ sở : 245B tổ 10, ấp Kiến An, xã An Điền, huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương						Mã số QLCTNH: 74.004261.T ĐT : ĐT:	
4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) ¹
		Rắ n	Lỏ ng	Bù n			
1	Các vật liệu mài dạng hạt thải có các TPNH	*			07 03 08	2.195	HR
2	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	*			08 01 01	770	TĐ-HR
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh thải	*			16 01 06	/	Nghiên-HR
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	*			18 01 02	205	Súc rửa-TC
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	*			18 01 03	185	Súc rửa-TC
6	Giẻ lau nhiễm TPNH	*			18 02 01	105	TĐ-HR
7	Hộp mực in thải nhiễm TPNH	*			08 02 04	/	TĐ-HR
8	Bùn thải từ hệ thống XLNT			*	12 06 05	1.000	TĐ-HR
9	Dầu thủy lực tổng hợp thải		*		17 01 06	/	TĐ-HR
10	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn khác.		*		17 02 04	/	TĐ-HR
TỔNG						4.460	
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD							
5.Xuất khẩu CTNH (nếu có)				Nước nhập khẩu:...		Cửa khẩu xuất:	
Số hiệu phương tiện:				Ngày xuất cảng:		Cửa khẩu nhập: :	
7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4						Số hiệu phương tiện: 93F-006.73	
7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Quang Nghiệp				Ký: 		Ngày 07 tháng 08 năm 2024	
7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2 :				Ký: 		Ngày tháng năm 2024	
6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5). Bình Dương, ngày 07 tháng 08 năm 2024  				8.Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả các CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng CTNH đúng như mục đích ban đầu). Bình Phước, ngày 16 tháng 08 năm 2024  			
@ Liên số: 1 <input type="checkbox"/> - 2 <input type="checkbox"/> - 3 <input type="checkbox"/> - 4 <input type="checkbox"/>							

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 3D tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 10 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23THD

Số (No): 510879

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty CP TM XNK Dầu Khí Thái Bình Dương

Mã số thuế (Tax code): 0315670054

Địa chỉ (Address): Số 19, đường số 32, Rio Vista, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04040053404

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 9 năm 2023 từ ngày 01/09/2023 đến ngày 30/09/2023 (kèm theo bảng kê số 1284012315 ngày 01 tháng 10 năm 2023)	kWh	39.370	-	124.009.270
Cộng tiền hàng (Total amount):					124.009.270
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			9.920.742
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			133.930.012
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm ba mươi ba triệu chín trăm ba mươi nghìn không trăm mười hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG
Ngày ký: 01/10/2023 12:00:00



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 11 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23THD

Số (No): 562761

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty CP TM XNK Dầu Khí Thái Bình Dương

Mã số thuế (Tax code): 0315670054

Địa chỉ (Address): Số 19, đường số 32, Rio Vista, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04040053404

Số tài khoản (Account No):

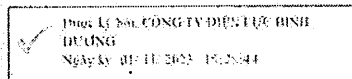
Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 10 năm 2023 từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/10/2023 (kèm theo bảng kê số 1293734904 ngày 01 tháng 11 năm 2023)	kWh	40.330	-	127.046.190
Cộng tiền hàng (Total amount):					127.046.190
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			10.163.695
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			137.209.885
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm ba mươi bảy triệu hai trăm linh chín nghìn tám trăm tám mươi lăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)



**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Bến Cát - Số TK: 0031000650008 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 12 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23THD

Số (No): 630921

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty CP TM XNK Dầu Khí Thái Bình Dương

Mã số thuế (Tax code): 0315670054

Địa chỉ (Address): Số 19, đường số 32, Rio Vista, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PBO4040053404

Số tài khoản (Account No):

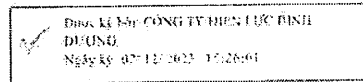
Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 11 năm 2023 từ ngày 01/11/2023 đến ngày 30/11/2023	kWh	41.660	-	136.306.160
	(kèm theo bảng kê số 1303413847 ngày 02 tháng 12 năm 2023)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					136.306.160
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			10.904.493
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			147.210.653
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm mười nghìn sáu trăm năm mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)





TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



VILAS 444

Số : 251-03/21-5.3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP TM XNK XNK DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

2/ Địa chỉ : Ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 24/03/2021

4/ Loại mẫu : Vi khí hậu, Tiếng ồn, ánh sáng

5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30÷120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷50 °C
3	Độ ẩm*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷100 %RH
4	Ánh sáng	Máy đo ánh sáng TES 1335	0÷400.000 Lux

BẢNG KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ÒN, ÁNH SÁNG

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Ánh sáng (Lux)
1.Khu vực gia công cơ khí	84	31,8	58,2	310
2.Khu vực chiết nạp gas	78	32,0	54,2	370
QCVN 22:2016/BYT QCVN 24:2016/BYT QCVN 26:2016/BYT	≤ 85	18 - 32	40 - 80	≥ 300

Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông

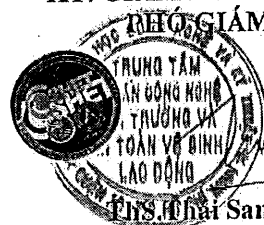
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG


Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

PHÒNG GIÁM ĐỐC



Phs. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



VILAS 444

Số : 251-03/21-5.3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP TM XNK XNK DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

2/ Địa chỉ : Ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 24/03/2021

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Butan ^(c)	Ống phát hiện nhanh	-	59,3 mg/m ³
2	Propan ^(c)	Ống phát hiện nhanh	-	48,2 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Butan (mg/m ³)	Propan (mg/m ³)
1.Khu vực chiết nạp gas	112,7	75,1
QCVN 03:2019/BYT ^(a)	-	-
Tiêu chuẩn vệ sinh lao động (Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT - 10/10/2002)	-	-

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(a) Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

(c) : Kết quả mang tính chất tham khảo thực hiện theo yêu cầu khách hàng

KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÒNG GIÁM ĐỐC



ThS. Lê Văn Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 251-03/21-5.3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP TM XNK XNK DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

2/ Địa chỉ : Ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 24/03/2021

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm ³
3	NO _x (tính theo NO ₂)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm ³
4	SO ₂ *	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm ³
5	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m ³ /h
6	Nhiệt độ*	SOP_HTKT04	-	0±1.200°C
7	Mangan và các hợp chất theo mangan (Mn)*	US EPA Method 29	US.EPA Method 29	0,009 mg/Nm ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu Nguồn thải	Lưu lượng P (m ³ /h)	Nhiệt độ (°C)	Bụi (mg/Nm ³)	CO (mg/Nm ³)	SO ₂ (mg/Nm ³)	NO _x (mg/Nm ³)	Mn (mg/Nm ³)
Ống khói sau hệ thống xử lý bụi từ công đoạn sản phẩm làm sạch (X=589291; Y=1232865) (Đo tại nguồn thải)	3.215	-	54	-	-	-	-
Ống khói của lò nung nhiệt (Đo tại nguồn thải)	P<20.000	92	16	22,1	7,82	12,8	-
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p =1 và K _v =1	-	200	1000	500	800	-
QCVN 20 : 2009/BTNMT	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



VILAS 444

Số : 251-03/21-5.3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP TM XNK XNK DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

2/ Địa chỉ : Ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 24/03/2021

4/ Loại mẫu : Vi khí hậu, Tiếng ồn, ánh sáng

5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30÷120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷50 °C
3	Độ ẩm*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷100 %RH
4	Ánh sáng	Máy đo ánh sáng TES 1335	0÷400.000 Lux

BẢNG KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ỒN, ÁNH SÁNG

Điểm Đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Ánh sáng (Lux)
1.Khu vực gia công cơ khí	84	31,8	58,2	310
2.Khu vực chiết nạp gas	78	32,0	54,2	370
QCVN 22:2016/BYT QCVN 24:2016/BYT QCVN 26:2016/BYT	≤ 85	18 - 32	40 - 80	≥ 300

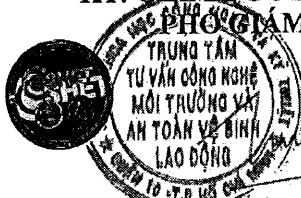
Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS. Thái Sanh Bảo Huy



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



VILAS 444

Số : 251-03/21-5.3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP TM XNK DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

2/ Địa chỉ : Ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 24/03/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột A)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,3 ⁰ C)	-	6,05	2 ÷ 12,5	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	17	5,0	50	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD*	mg/L	6	2,0	75	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	3	1,0	30	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	8,54	1,56	20	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	0,085	0,017	4	TCVN 6202: 2008
7	Fe**	mg/L	0,48	0,05	1	TCVN 6177: 1996
8	Coliform*	MPN/100mL	600	2	3.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**



ThS. Thái Sanh Bảo Huy



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 399-05/21-4.2 / KQPT

Tp.HCM, ngày 01 tháng 06 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP TM XNK DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

2/ Địa chỉ : Ấp Kiến An, xã An Điền, Thị xã Bến Cát, T. Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 25/05/2021

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm ³
3	NO _x (tính theo NO ₂)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm ³
4	SO ₂ *	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm ³
5	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m ³ /h
6	Nhiệt độ*	SOP_HTKT04	-	0÷1.200°C

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Lưu lượng	Nhiệt độ	Bụi	CO	SO ₂	NO _x
Nguồn thải	P (m ³ /h)	(°C)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)
Ống khói sau hệ thống xử lý bụi từ công đoạn bắn bi làm sạch (X=589291; Y=1232865) (Đo tại nguồn thải)	3.533	-	64	-	-	-
Ống khói của lò nung nhiệt (Đo tại nguồn thải)	P<20.000	106	23	40,7	10,5	18,3
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p =1 và K _v =1	-	200	1000	500	850

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS: Thái Sanh Bảo Huy



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 399-05/21-4.2 / KQPT

Tp.HCM, ngày 01 tháng 06 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP TM XNK DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

2/ Địa chỉ : Ấp Kiên An, xã An Điền, Thị xã Bến Cát, T. Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 25/05/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột A)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,7°C)	-	6,23	2 ÷ 12,5	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	14	5,0	50	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD*	mg/L	18	2,0	75	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	9	1,0	30	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	5,33	1,56	20	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	0,040	0,017	4	TCVN 6202: 2008
7	Fe**	mg/L	0,21	0,05	1	TCVN 6177: 1996
8	Coliform*	MPN/ 100mL	800	2	3.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy



**TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



VILAS 444

Số : 742-10/21-5.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 03 tháng 11 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP TM XNK DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

2/ Địa chỉ : Ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu: 27/10/2021

4/ Loại mẫu : Vi khí hậu, Tiếng ồn, ánh sáng

5/ Phương pháp thực hiện:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp thực hiện	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn*	TCVN 7878-2: 2018	30÷120 dBA
2	Nhiệt độ*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷50 °C
3	Độ ẩm*	QCVN 46: 2012/BTNMT	0÷100 %RH
4	Ánh sáng	Máy đo ánh sáng TES 1335	0÷400.000 Lux

BẢNG KẾT QUẢ ĐO VI KHÍ HẬU, TIẾNG ÒN, ÁNH SÁNG

Điểm đo	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Ánh sáng (Lux)
1.Khu vực gia công cơ khí	82	31,8	78,3	323
2.Khu vực chiết nạp gas	68	31,7	76,4	910
QCVN 22:2016/BYT QCVN 24:2016/BYT QCVN 26:2016/BYT	≤ 85	18 - 32	40 - 80	≥ 300

Ghi chú: Đã loại trừ tiếng ồn do các phương tiện giao thông

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

BM02-TT17, LẦN BH 02; SĐ 03 (NGÀY BH, SĐ: 29/01/2021)



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



VILAS 444

Số : 742-10/21-5.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 03 tháng 11 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP TM XNK DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

2/ Địa chỉ : Ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu: 27/10/2021

4/ Loại mẫu : Chất lượng không khí

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Butan ^(c)	Ống phát hiện nhanh	-	59,3 mg/m ³
2	Propan ^(c)	Ống phát hiện nhanh	-	48,2 mg/m ³
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP)*	TCVN 5067: 1995	TCVN 5067:1995	0,010 mg/m ³

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Chỉ tiêu Điểm đo	Bụi (mg/m ³)	Butan (mg/m ³)	Propan (mg/m ³)
1.Khu vực gia công cơ khí	0,42	-	-
2.Khu vực chiết nạp gas	-	96,3	71,2
QCVN 02:2019/BYT ^(a) QCVN 03:2019/BYT ^(a)	3,125	-	-
Tiêu chuẩn vệ sinh lao động (Quyết định 3733/2002/ QĐ-BYT – 10/10/2002)	-	-	-

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

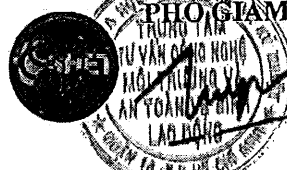
(a) Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

(c) : Kết quả mang tính chất tham khảo thực hiện theo yêu cầu khách hàng

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

BM02-TT17, LẦN BH 02; SD 03 (NGÀY BH, SD: 29/01/2021)



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM

Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869

Email : trungtamcoshet@gmail.com



VILAS 444

Số : 742-10/21-5.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 03 tháng 11 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP TM XNK DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

2/ Địa chỉ : Ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu: 27/10/2021

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm ³
3	NO _x (tính theo NO ₂)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm ³
4	SO ₂ *	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm ³
5	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m ³ /h
6	Nhiệt độ*	SOP_HTKT04	-	0÷1.200°C

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu Nguồn thải	Lưu lượng P (m ³ /h)	Nhiệt độ (°C)	Bụi (mg/Nm ³)	CO (mg/Nm ³)	SO ₂ (mg/Nm ³)	NO _x (mg/Nm ³)
Ống khói sau hệ thống xử lý bụi từ công đoạn bắn bi làm sạch (X=589291; Y=1232865) (Đo tại nguồn thải)	3.622	-	59	-	-	-
Ống khói của lò nung nhiệt (Đo tại nguồn thải)	1.063	113	23	46,9	KPH	17,9
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p =1 và K _v = 1	-	200	1000	500	850

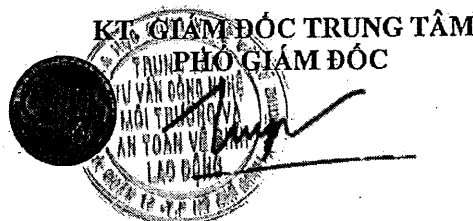
Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

KPH: Không phát hiện (<MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy



ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

BM02-TT17, LẦN BH 02; SĐ 03 (NGÀY BH, SĐ: 29/01/2021)



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



VILAS 444

Số : 742-10/21-5.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 03 tháng 11 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP TM XNK DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

2/ Địa chỉ : Ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu: 27/10/2021

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm ³
3	Mangan và các hợp chất theo mangan (Mn)*	US EPA Method 29	US.EPA Method 29	0,009 mg/Nm ³
4	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m ³ /h
5	Nhiệt độ*	SOP_HTKT04	-	0÷1.200°C

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Lưu lượng	Nhiệt độ	Bụi	CO	Mn
Nguồn thải	P (m ³ /h)	(°C)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)
Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải hàn (Đo tại nguồn thải)	1.633	133	45	236,1	KPH
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p = 1 và K _v = 1	-	200	1000	-

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

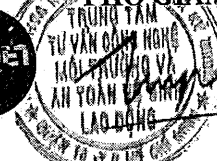
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS.Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

BM02-TT17, LẦN BH 02; SĐ 03 (NGÀY BH, SĐ: 29/01/2021)



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



VILAS 444

Số : 742-10/21-5.1 / KQPT

Tp.HCM, ngày 03 tháng 11 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP TM XNK DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

2/ Địa chỉ : Ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu: 27/10/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột A)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(31,9°C)	-	7,12	2 ÷ 12,5	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	22	5,0	50	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD*	mg/L	56	2,0	75	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	29	1,0	30	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	4,12	1,56	20	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	0,099	0,017	4	TCVN 6202: 2008
7	Fe**	mg/L	0,12	0,05	1	TCVN 6177: 1996
8	Coliform*	MPN/100mL	1.100	2	3.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy



ThS.Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

BM02-TT17, LẦN BH 02; SỐ 03 (NGÀY BH, SỐ: 29/01/2021)



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 899-12/21-4.3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 04 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP TM XNK DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

2/ Địa chỉ : Ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 28/12/2021

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm ³
3	NO _x (tính theo NO ₂)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm ³
4	SO ₂ *	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm ³
5	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m ³ /h
6	Nhiệt độ*	SOP_HTKT04	-	0÷1.200°C

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Lưu lượng	Nhiệt độ	Bụi	CO	SO ₂	NO _x
Nguồn thải	P (m ³ /h)	(°C)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)
Ống khói sau hệ thống xử lý bụi từ công đoạn bắn bi làm sạch (X=589291; Y=1232865) (Đo tại nguồn thải)	3.561	-	59	-	-	-
Ống khói của lò nung nhiệt (Đo tại nguồn thải)	P<20.000	83	20	36,7	10,1	25,4
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p =1 và K _v =1	-	200	1000	500	850

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

BM02-TT17, LẦN BH 02; SD 03 (NGÀY BH, SD: 29/01/2021)



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 899-12/21-4.3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 04 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP TM XNK DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

2/ Địa chỉ : Ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 28/12/2021

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm ³
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm ³
3	Sắt oxit (Fe ₂ O ₃) ^(c)	TK. US EPA Method 29	TK. US EPA Method 29	0,009 mg/Nm ³
4	Mangan và các hợp chất theo mangan (Mn)*	US EPA Method 29	US.EPA Method 29	0,009 mg/Nm ³
5	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 - 4.521.600 m ³ /h
6	Nhiệt độ*	SOP_HTKT04	-	0÷1.200 ⁰ C

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Lưu lượng	Nhiệt độ	Bụi	CO	Mn	Fe ₂ O ₃
Nguồn thải	P (m ³ /h)	(⁰ C)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)
Ống khói sau hệ thống xử lý khí thải hàn (Đo tại nguồn thải)	P<20.000	48	23	7,36	0,25	1,31
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p =1 và K _v =1	-	200	1000	-	-

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(c): Kết quả mang tính chất tham khảo thực hiện theo yêu cầu khách hàng

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

BM02-TT17, LẦN BH 02; SD 03 (NGÀY BH, SD: 29/01/2021)



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 899-12/21-4.3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 04 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CP TM XNK DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

2/ Địa chỉ : Ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, Bình Dương

3/ Thời gian lấy mẫu : 28/12/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột A)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,1 ⁰ C)	-	6,36	2 ÷ 12,5	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	14	5,0	50	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD*	mg/L	13	2,0	75	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD ₅ **	mg/L	8	1,0	30	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N**	mg/L	5,24	1,56	20	TCVN 6638: 2000
6	Tổng P**	mg/L	KPH	0,017	4	TCVN 6202: 2008
7	Fe**	mg/L	0,25	0,05	1	TCVN 6177: 1996
8	Coliform*	MPN/100mL	700	2	3.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

BM02-TT17, LẦN BH 02; SĐ 03 (NGÀY BH, SĐ: 29/01/2021)



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0917.370.458
Website: www.moitruongsaoviet.vn



Số: 2303.22/KQTN-11

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

29/03/2023

1. Địa điểm lấy mẫu : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
2. Địa chỉ : Số 245B, Tổ 10, ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
3. Ngày lấy mẫu : 22/03/2023
4. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
5. Loại mẫu : Không khí môi trường lao động
6. Kết quả đo đạc, phân tích :

Bảng 1:

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Tiếng ồn (dBA)	Ánh sáng (Lux)
Khu vực gia công cơ khí	30,5	74,5	755
Khu vực chiết nạp ga	30,2	70,5	555
QCVN 22:2016/BYT	-	-	≥ 300
QCVN 24:2016/BYT	-	≤ 85	-
QCVN 26:2016/BYT	18 – 32	-	-
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	QCVN 46 : 2012/BTNMT	TCVN 7878-2:2010	TCVN 5176:1990

Bảng 2:

Vị trí đo	Bụi (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
Khu vực gia công cơ khí	0,33	0,072	0,078	6,55
Khu vực chiết nạp ga	0,28	0,067	0,068	6,33
QCVN 02:2019/BYT	≤ 8	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT	-	≤ 5	≤ 5	≤ 20
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.CV.03

Ghi chú : Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng – mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ HUYỀN

Sự hài lòng của bạn - Uy tín của chúng tôi



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0917.370.458
Website: www.moitruongsaoviet.vn



Số: 2303.22/KQTN-11

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

29/03/2023

1 Địa điểm lấy mẫu

: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

2 Địa chỉ

: Số 245B, Tổ 10, ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

3 Ngày lấy mẫu

: 22/03/2023

4 Điều kiện lấy mẫu

: Trời nắng, gió nhẹ

5 Loại mẫu

: Nước thải

6 Ký hiệu và mô tả mẫu

: 2303.22NT11: Nước thải tại hố ga sau HTXL nước thải

7 Phương pháp lấy mẫu

: TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1:

và bảo quản mẫu

Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải

TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.

TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8 Kết quả đo đạc, phân tích :

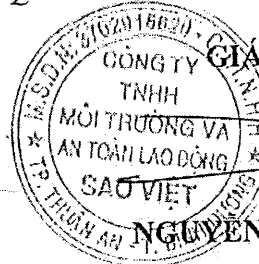
Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A	Phương pháp đo đạc, phân tích
			2303.22 NT11		
1.	Lưu lượng ⁽²⁾	m ³ /h	20	-	HD/NT – Lưu lượng
2.	pH ⁽¹⁾	-	6,77	6 – 9	TCVN 6492:2011
3.	TSS ⁽¹⁾	mg/L	15	50	TCVN 6625:2000
4.	COD ⁽¹⁾	mg/L	32	75	SMEWW 5220C:2017
5.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	14	30	TCVN 6001-1:2008
6.	Tổng Nito ⁽¹⁾	mg/L	15,4	20	TCVN 6638:2000
7.	Tổng phosphor ⁽¹⁾	mg/L	3,22	4	SMEWW 4500-P. B&D:2017
8.	Tổng Coliform ⁽¹⁾	MPN /100mL	19x10 ²	3.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- ⁽¹⁾ Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp;

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ HUYỀN



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0917.370.458
Website: www.moitruongsaoviet.vn



- Số: 2306.20/KQTN-11** **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 27/06/2023
- Địa điểm lấy mẫu** : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
 - Địa chỉ** : Số 245B, Tổ 10, ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
 - Ngày lấy mẫu** : 20/06/2023
 - Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
 - Loại mẫu** : Không khí môi trường lao động
 - Kết quả đo đạc, phân tích** :

Bảng 1:

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Tiếng ồn (dBA)	Ánh sáng (Lux)
Khu vực gia công cơ khí	30,7	76,7	750
Khu vực chiết nạp ga	30,6	70,5	541
QCVN 22:2016/BYT	-	-	≥ 300
QCVN 24:2016/BYT	-	≤ 85	-
QCVN 26:2016/BYT	18 – 32	-	-
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	QCVN 46 : 2012/BTNMT	TCVN 7878-2:2010	TCVN 5176:1990

Bảng 2:

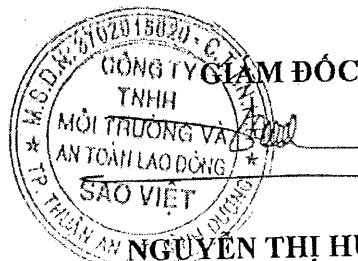
Vị trí đo	Bụi (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
Khu vực gia công cơ khí	0,31	0,070	0,076	6,43
Khu vực chiết nạp ga	0,25	0,062	0,065	6,44
QCVN 02:2019/BYT	≤ 8	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT	-	≤ 5	≤ 5	≤ 20
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.CV.03

Ghi chú : Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng – mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

PHÒNG THỬ NGHIỆM

[Signature]



HOÀNG ANH TRÚC ĐOAN

NGUYỄN THỊ HUYỀN

Sự hài lòng của bạn - Uy tín của chúng tôi



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0917.370.458
Website: www.moitruongsaoviet.vn



Số: 2306.20/KQTN-11

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

27/06/2023

- 1 Địa điểm lấy mẫu : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
- 2 Địa chỉ : Số 245B, Tổ 10, ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
- 3 Ngày lấy mẫu : 20/06/2023
- 4 Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- 5 Loại mẫu : Nước thải
- 6 Ký hiệu và mô tả mẫu : 2306.20NT11: Nước thải tại hố ga sau HTXL nước thải
- 7 Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8 Kết quả đo đạc, phân tích :

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A	Phương pháp đo đạc, phân tích
			2306.20 NT11		
1.	Lưu lượng ⁽²⁾	m ³ /h	20	-	HD/NT – Lưu lượng
2.	pH ⁽¹⁾	-	6,66	6 – 9	TCVN 6492:2011
3.	TSS ⁽¹⁾	mg/L	13	50	TCVN 6625:2000
4.	COD ⁽¹⁾	mg/L	30	75	SMEWW 5220C:2017
5.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	13	30	TCVN 6001-1:2008
6.	Tổng Nito ⁽¹⁾	mg/L	13,7	20	TCVN 6638:2000
7.	Tổng phosphor ⁽¹⁾	mg/L	3,01	4	SMEWW 4500-P. B&D:2017
8.	Tổng Coliform ⁽¹⁾	MPN /100mL	21x10 ²	3.000	TCVN 6187-2:1996

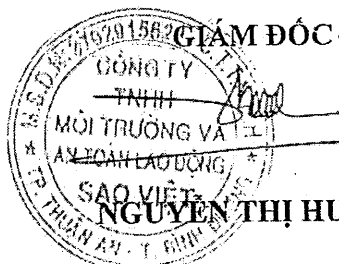
Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- ⁽¹⁾ Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp;

PHÒNG THỬ NGHIỆM

[Signature]

HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN



NGUYỄN THỊ HUYỀN

Số: 2309.12/KQTN-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM 19/09/2023

1. Địa điểm lấy mẫu : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
2. Địa chỉ : Số 245B, Tổ 10, ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
3. Ngày lấy mẫu : 12/09/2023
4. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
5. Loại mẫu : Không khí môi trường lao động
6. Kết quả đo đạc, phân tích :

Bảng 1:

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Tiếng ồn (dBA)	Ánh sáng (Lux)
Khu vực gia công cơ khí	30,6	72,7	741
Khu vực chiết nạp ga	30,3	71,2	534
QCVN 22:2016/BYT	-	-	≥ 300
QCVN 24:2016/BYT	-	≤ 85	-
QCVN 26:2016/BYT	18 – 32	-	-
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	QCVN 46 : 2012/BTNMT	TCVN 7878-2:2010	TCVN 5176:1990

Bảng 2:

Vị trí đo	Bụi (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
Khu vực gia công cơ khí	0,36	0,075	0,082	5,78
Khu vực chiết nạp ga	0,31	0,068	0,068	5,91
QCVN 02:2019/BYT	≤ 8	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT	-	≤ 5	≤ 5	≤ 20
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.CV.03

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng – mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

PHÒNG THỬ NGHIỆM



HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN



CHỖ ĐÓNG CHỮ

NGUYỄN THỊ HUYỀN



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
 Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
 Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0917.370.458
 Website: www.moitruongsaoviet.vn



Số: 2309.12/KQTN-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

19/09/2023

- 1 Địa điểm lấy mẫu : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
- 2 Địa chỉ : Số 245B, Tổ 10, ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
- 3 Ngày lấy mẫu : 12/09/2023
- 4 Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- 5 Loại mẫu : Nước thải
- 6 Ký hiệu và mô tả mẫu : 2309.12NT1: Nước thải tại hồ ga sau HTXL nước thải
- 7 Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
 TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
 TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
 TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8 Kết quả đo đạc, phân tích :

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A	Phương pháp đo đạc, phân tích
			2309.12 NT1		
1.	Lưu lượng ⁽²⁾	m ³ /h	21	-	HD/NT – Lưu lượng
2.	pH ⁽¹⁾	-	6,72	6 – 9	TCVN 6492:2011
3.	TSS ⁽¹⁾	mg/L	19	50	TCVN 6625:2000
4.	COD ⁽¹⁾	mg/L	33	75	SMEWW 5220C:2017
5.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	11	30	TCVN 6001-1:2008
6.	Tổng Nito ⁽¹⁾	mg/L	14,9	20	TCVN 6638:2000
7.	Tổng phosphor ⁽¹⁾	mg/L	2,81	4	SMEWW 4500-P. B&D:2017
8.	Tổng Coliform ⁽¹⁾	MPN/ 100mL	2,4×10 ³	3.000	TCVN 6187-2:1996

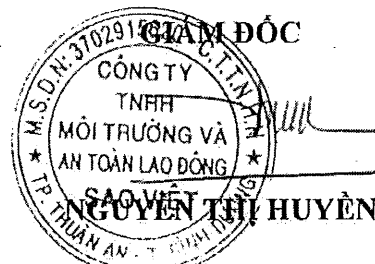
Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- ⁽¹⁾ Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp;

PHÒNG THỬ NGHIỆM

[Signature]

HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN





CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn



Số: 00569/2023/KQTN/24 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 27/11/2023

1. Địa điểm lấy mẫu : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
2. Địa chỉ : Số 245B, Tổ 10, ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
3. Ngày lấy mẫu : 20/11/2023
4. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
5. Loại mẫu : Không khí môi trường lao động
6. Kết quả đo đạc, phân tích :

Bảng 1:

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Tiếng ồn (dBA)	Ánh sáng (Lux)
Khu vực gia công cơ khí	31,1	79,1	658
Khu vực chiết nạp ga	30,9	74,5	542
QCVN 22:2016/BYT	-	-	≥ 300
QCVN 24:2016/BYT	-	≤ 85	-
QCVN 26:2016/BYT	18 – 32	-	-
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	QCVN 46 : 2012/BTNMT	TCVN 7878-2:2010	TCVN 5176:1990

Bảng 2:

Vị trí đo	Bụi (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
Khu vực gia công cơ khí	0,49	0,078	0,089	6,14
Khu vực chiết nạp ga	0,38	0,081	0,096	6,26
QCVN 02:2019/BYT	≤ 8	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT	-	≤ 10	≤ 10	≤ 40
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.CV.03

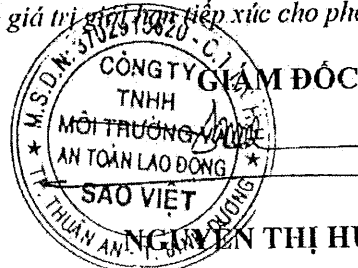
Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng – mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

PHÒNG THỬ NGHIỆM

(Chữ ký)

HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN



Sự hài lòng của bạn - Uy tín của chúng tôi

Số: 00569/2023/KQTN/24 PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM 27/11/2023

- 1 Địa điểm lấy mẫu** : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
- 2 Địa chỉ** : Số 245B, Tổ 10, ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
- 3 Ngày lấy mẫu** : 20/11/2023
- 4 Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
- 5 Loại mẫu** : Nước thải
- 6 Ký hiệu và mô tả mẫu** : 231120.24NT01: Nước thải tại hồ ga sau HTXL nước thải
- 7 Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu** : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

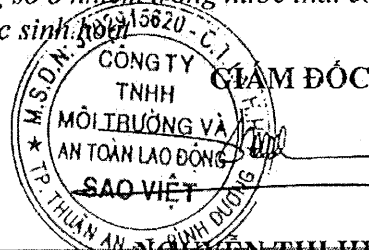
8 Kết quả đo đạc, phân tích :

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		Phương pháp đo đạc, phân tích
			231120.24 NT01	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A	
1.	Lưu lượng ^(*)	m ³ /h	20.8	-	HD/NT – Lưu lượng
2.	pH ⁽¹⁾	-	6,81	6 – 9	TCVN 6492:2011
3.	TSS ⁽¹⁾	mg/L	41	50	TCVN 6625:2000
4.	COD ⁽¹⁾	mg/L	60	75	SMEWW 5220C:2017
5.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	21	30	TCVN 6001-1:2008
6.	Tổng Nito ⁽¹⁾	mg/L	15,7	20	TCVN 6638:2000
7.	Tổng phosphor ⁽¹⁾	mg/L	2,55	4	SMEWW 4500-P. B&D:2017
8.	Tổng Coliform ⁽¹⁾	MPN/ 100mL	2,5×10 ³	3.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- ⁽¹⁾ Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- ^(*) Thông số không quy định tại Thông tư quy định về kỹ thuật quan trắc môi trường và các Quy chuẩn hiện hành về môi trường do Bộ TN&MT ban hành, được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng và chỉ mang tính chất tham khảo.
- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp; Cột A Bảng 1 quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

PHÒNG THỬ NGHIỆM

HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN

Sự hài lòng của bạn - Uy tín của chúng tôi



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn



- Số: 00191/2024/KQTN/12 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 22/03/2024
- Địa điểm lấy mẫu : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
 - Địa chỉ : Số 245B, Tổ 10, Ấp Kiến An, Xã An Điền, Thị Xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
 - Ngày lấy mẫu : 15/03/2024
 - Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
 - Loại mẫu : Không khí môi trường lao động
 - Kết quả đo đạc, phân tích :

Bảng 1:

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Tiếng ồn (dBA)	Ánh sáng (Lux)
Khu vực gia công cơ khí	30,3	62,9	544
Khu vực chiết nạp ga	30,6	64,5	523
QCVN 22:2016/BYT	-	-	≥ 300
QCVN 24:2016/BYT	-	≤ 85	-
QCVN 26:2016/BYT	18 – 32	-	-
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	QCVN 46 : 2022/BTNMT	TCVN 7878-2:2018	TCVN 5176:1990

Bảng 2:

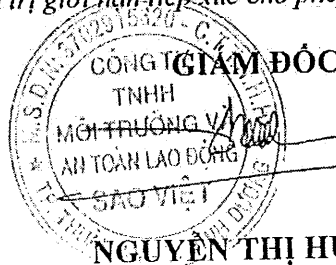
Vị trí đo	Bụi (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
Khu vực gia công cơ khí	0,17	0,055	0,067	5,65
Khu vực chiết nạp ga	0,16	0,052	0,059	5,41
QCVN 02:2019/BYT	≤ 8	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT	-	≤ 5	≤ 5	≤ 20
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HDPT-31-KHI CO

Ghi chú : Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng – mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG



NGUYỄN THỊ HUYỀN

Số: 00191/2024/KQTN/12 PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM 22/03/2024

1 Địa điểm lấy mẫu : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP
KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

2 Địa chỉ : Số 245B, Tổ 10, Ấp Kiến An, Xã An Điền, Thị Xã Bến Cát,
tỉnh Bình Dương

3 Ngày lấy mẫu : 15/03/2024

4 Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ

5 Loại mẫu : Nước thải

6 Ký hiệu và mô tả mẫu : 240315.22NT1: Nước thải tại hố ga sau HTXL, nước thải

7 Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng
dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy
mẫu nước thải
TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý
mẫu.
TCVN 6663-14:2018 - Chất lượng nước. Lấy mẫu. phần 14: Hướng dẫn
về đảm bảo và kiểm soát chất lượng nước được lấy mẫu và xử lý
TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8 Kết quả đo đạc, phân tích:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT CỘT A	Phương pháp đo đạc, phân tích
			240315. 22NT1		
1.	Lưu lượng ⁽²⁾	m ³ /h	3,27	-	HDCV/ĐN-H23
2.	pH ⁽¹⁾	-	6,93	6 - 9	TCVN 6492:2011
3.	TSS ⁽¹⁾	mg/L	28	50	TCVN 6625:2000
4.	COD ⁽¹⁾	mg/L	46	75	SMEWW 5220C:2023
5.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	22	30	TCVN 6001-1:2021
6.	Tổng Nito ⁽¹⁾	mg/L	18,3	20	TCVN 6638:2000
7.	Tổng phosphor ⁽¹⁾	mg/L	1,66	4	SMEWW 4500-P. B&E:2023
8.	Tổng Coliform ⁽¹⁾	MPN /100mL	2,7x10 ³	3.000	SMEWW 9221B:2023


Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- ⁽¹⁾ Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- ⁽²⁾ Thông số sử dụng nhà thầu phụ Vincerts 292
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp;
- KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện

PHÒNG THỬ NGHIỆM



TRẦN THỊ THÙY NHUNG

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH
MÔI TRƯỜNG VÀ
AN TOÀN LAO ĐỘNG
SAO VIỆT

NGUYỄN THỊ HUYỀN

Số: 00449/2024/KQTN/44 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 01/07/2024

- Địa điểm lấy mẫu : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
- Địa chỉ : Số 245B, Tổ 10, Ấp Kiến An, Xã An Điền, Thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu : 24/06/2024
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- Loại mẫu : Không khí môi trường lao động
- Kết quả đo đạc, phân tích :

Bảng 1:

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Tiếng ồn (dBA)	Ánh sáng (Lux)
Khu vực gia công cơ khí	30,1	62,2	520
Khu vực chiết nạp ga	30,3	64,0	555
QCVN 22:2016/BYT	-	-	≥ 300
QCVN 24:2016/BYT	-	≤ 85	-
QCVN 26:2016/BYT	18 – 32	-	-
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	QCVN 46 : 2022/BTNMT	TCVN 7878-2:2018	TCVN 5176:1990

Bảng 2:

Vị trí đo	Bụi (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
Khu vực gia công cơ khí	0,15	0,059	0,060	5,26
Khu vực chiết nạp ga	0,19	0,056	0,068	5,35
QCVN 02:2019/BYT	≤ 8	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT	-	≤ 5	≤ 5	≤ 20
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HDPT-31-KHI CO

Ghi chú : Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng – mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại

PHÒNG THỬ NGHIỆM



TRẦN THỊ THỦY NHUNG

CÔNG TY
TNHH
MÔI TRƯỜNG VÀ
AN TOÀN LAO ĐỘNG
SAO VIỆT
GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ HUYỀN



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn



- Số: 00449/2024/KQTN/44 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 01/07/2024
- 1 Địa điểm lấy mẫu : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
- 2 Địa chỉ : Số 245B, Tổ 10, Ấp Kiến An, Xã An Điền, Thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương
- 3 Ngày lấy mẫu : 24/06/2024
- 4 Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- 5 Loại mẫu : Nước thải
- 6 Ký hiệu và mô tả mẫu : 240624.54NT1; Nước thải tại hồ ga sau HTXL nước thải – X=11°8'51''; Y=106°34'10''
- 7 Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
TCVN 6663-14:2018 - Chất lượng nước. Lấy mẫu. phần 14: Hướng dẫn về đảm bảo và kiểm soát chất lượng nước được lấy mẫu và xử lý
TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8 Kết quả đo đạc, phân tích:

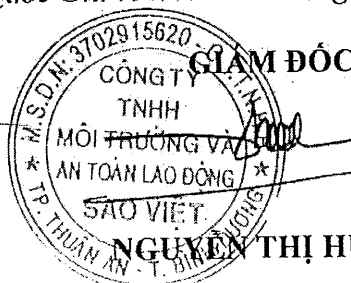
Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT CỘT A	Phương pháp đo đạc, phân tích
			240624.54NT1		
1.	Lưu lượng ⁽²⁾	m ³ /h	3,10	-	HDCV/ĐN-H23
2.	pH ⁽¹⁾	-	6,86	6 - 9	TCVN 6492:2011
3.	TSS ⁽¹⁾	mg/L	32	50	TCVN 6625:2000
4.	COD ⁽¹⁾	mg/L	53	75	SMEWW 5220C:2023
5.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	26	30	TCVN 6001-1:2021
6.	Tổng Nito ⁽¹⁾	mg/L	17,1	20	TCVN 6638:2000
7.	Tổng phosphor ⁽¹⁾	mg/L	1,94	4	SMEWW 4500-P. B&E:2023
8.	Tổng Coliform ⁽¹⁾	MPN /100mL	2,4x10 ³	3.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- (1) Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- (2) Thông số được Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam công nhận;
- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp;

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG



NGUYỄN THỊ HUỖN

Sự hài lòng của bạn - Uy tín của chúng tôi



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn



- Số: 01052/2024/KQTN/01 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 07/09/2024
- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG NAM Á
 - Địa điểm lấy mẫu : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
 - Địa chỉ : Số 245B, Tổ 10, Ấp Kiến An, Phường An Điền, Thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương
 - Ngày lấy mẫu : 28/08/2024
 - Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
 - Loại mẫu : Không khí môi trường lao động
 - Kết quả đo đạc, phân tích :

Bảng 1:

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Tiếng ồn (dBA)	Ánh sáng (Lux)
Khu vực gia công cơ khí	31,7	78,8	373
Khu vực chiết nạp ga	31,4	72,0	375
QCVN 22:2016/BYT	-	-	≥ 300
QCVN 24:2016/BYT	-	≤ 85	-
QCVN 26:2016/BYT	18 – 32	-	-
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	QCVN 46 : 2022/BTNMT	TCVN 7878-2:2018	TCVN 5176:1990

Bảng 2:

Vị trí đo	Bụi (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
Khu vực gia công cơ khí	0,23	0,059	0,071	5,29
Khu vực chiết nạp ga	0,19	0,056	0,079	5,06
QCVN 02:2019/BYT	≤ 8	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT	-	≤ 5	≤ 5	≤ 20
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HDPT-31-KHI CO

Ghi chú : Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng – mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THỦY NHUNG

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
MÔI TRƯỜNG VÀ
AN TOÀN LAO ĐỘNG
SAO VIỆT
NGUYỄN THỊ HUYỀN

Sự hài lòng của bạn - Uy tín của chúng tôi



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn



Số: 01052/2024/KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM 07/09/2024

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG NAM Á
- Địa điểm lấy mẫu : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
- Địa chỉ : Số 245B, Tổ 10, Ấp Kiến An, Phường An Điền, Thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu : 28/08/2024
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- Loại mẫu : Nước thải
- Ký hiệu và mô tả mẫu : 240828.03NT1: Nước thải tại hồ ga sau HTXL nước thải – X: 11°8'50.93"; Y: 106°34'8.69"
- Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
TCVN 6663-14:2018 - Chất lượng nước. Lấy mẫu. phần 14: Hướng dẫn về đảm bảo và kiểm soát chất lượng nước được lấy mẫu và xử lý
TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

9 Kết quả đo đạc, phân tích:

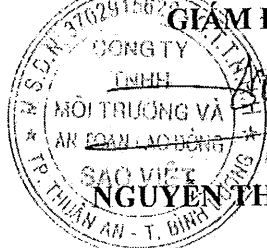
Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT CỘT A	Phương pháp đo đạc, phân tích
			240828.03NT1		
1.	pH ⁽¹⁾	-	6,20	6 - 9	TCVN 6492:2011
2.	TSS ^{(1)(a)}	mg/L	17	50	TCVN 6625:2000
3.	COD ⁽¹⁾	mg/L	36	75	SMEWW 5220C:2023
4.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	20	30	TCVN 6001-1:2021
5.	Tổng Nito ⁽¹⁾	mg/L	18,2	20	TCVN 6638:2000
6.	Tổng phosphor ⁽¹⁾	mg/L	0,35	4	SMEWW 4500-P. B&E:2023
7.	Tổng Coliform ⁽¹⁾	MPN /100mL	2,4x10 ³	3.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- ⁽¹⁾ Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- ^(a) Thông số được Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam công nhận;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp;

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG



NGUYỄN THỊ HUYỀN



ISO 9001 - 2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84 - 28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84 - 28) 3 765 3386

BẢNG THÔNG SỐ AN TOÀN VẬT LIỆU

1. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ SẢN PHẨM VÀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : DP29/1053/CR(W)
Màu sắc : Bột màu vàng.
Nhà cung cấp : CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ
D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc
Quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. THÀNH PHẦN CỦA SẢN PHẨM

Thành phần	Số CAS
Nhựa Polyester (s)	Không độc hại
Chất đông rắn	2451-62-9
Dioxide Titan	13463-67-7
Bột màu hữu cơ	14059-33-7
Ô xít sắt	51274-00-1
Canxi cacbonate	1317-65-3

3. XÁC ĐỊNH CÁC MỐI NGUY HẠI

Tổng quan:
Hình dạng: Bột mịn
Màu sắc: Xem Mục 1

HMIS	NHẬN DIỆN MỐI NGUY HIỂM	
Sức khỏe 1	Có thể gây kích ứng da	
Tính dễ cháy 0	Có thể gây kích ứng mắt	
Phản ứng 0	Có thể gây kích ứng hệ hô hấp	
Bảo vệ cá nhân	BÁO CÁO PHÒNG NGỪA	

Cần chú ý:

Có thể có hại khi hít vào hoặc nuốt.
Có thể gây ra các vấn đề di truyền học.

Các cơ quan cơ thể có thể chịu tác động

Mắt: Tương tự bất kỳ dị vật nào khi rơi vào mắt có thể gây kích ứng.
Da: Khi tiếp xúc trực tiếp với da, có thể có các hiện tượng dị ứng

Khi hít vào hoặc nuốt: Có thể gây ra hiện tượng đau đầu, buồn nôn.

Các tác hại cụ thể khi hít hoặc nuốt phải, hoặc tiếp xúc trực tiếp với mắt và da:



ISO 9001-2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84-28) 3 765 3386

Canxi cacbonat		Không có biểu hiện nào
Dioxide Titan	IARC	Không có biểu hiện cụ thể tại thời điểm này
Dioxide Titan	NIOSH	Không độc hại
Bột màu hữu cơ		Không độc hại
Oxit sắt		Có độc hại

4. SƠ CỨU

Khi hít phải: Cần nhanh chóng cấp cứu và tìm các cơ sở y tế để được tư vấn. Giữ bệnh nhân được ấm và nghỉ ngơi. Cần được hô hấp nhân tạo nếu ngừng thở và đưa ra khu vực có khí thoáng.

Tiếp xúc trực tiếp với da: Cần được tắm rửa ngay bằng nhiều nước sạch. Cởi bỏ quần áo và giày dép bẩn ngay. Giặt sạch quần áo trước khi sử dụng lại.

Roi vào mắt: Cần rửa ngay bằng nhiều nước sạch

Bị nuốt phải: Rửa miệng ngay. Nếu người nằm ngửa bị nôn mửa thì chuyển sang tư thế nằm cấp cứu.

5. KHẢ NĂNG GÂY CHÁY

Điểm bắt lửa:	Không có
Giới hạn nổ tối thiểu	30- 70% (v)
Giới hạn nổ tối đa	Không có
Sự phân tán nhiệt:	Trong khi cháy có thể sinh ra sương mù hoặc khói độc hại cao.

Dập lửa: Có thể dùng nước, Bột khí, Hóa chất hay Khí Cacbon Dioxide Khô.

Cần có đủ quần áo, các thiết bị đặc chủng và các mặt nạ phòng độc cho lính cứu hỏa.

Dập lửa theo các phương pháp vẫn dùng tại địa phương.

6. ĐỀ PHÒNG TAI NẠN

Mỗi cá nhân cần cẩn trọng tránh hít phải bụi.

Sản phẩm có tính độc hại nhất định. Do vậy trong quá trình dọn dẹp, làm vệ sinh cần mang quần áo, giày dép, khi dính bẩn cần giặt sạch bằng xà phòng và nước sạch.

Cần dùng các thiết bị bảo hộ để bảo vệ các khu vực của cơ thể có thể gây nguy hiểm khi tiếp xúc trực tiếp như mắt, mũi, miệng, v.v...

Các điều cần chú ý đối với Môi trường

Không xả trực tiếp ngay ra cống thoát nước.

Cần bao, che chắn cẩn thận khu vực sản xuất không để bụi lọt ra ngoài môi trường.

Chú ý: không để bột rơi ra các khu vực đất xốp có thể làm ngấm tới nước ngầm bên dưới lòng đất.

Phương pháp dọn dẹp làm vệ sinh

Không sử dụng các công cụ có thể gây đánh lửa điện.

Loại bỏ mọi nguy cơ gây cháy nổ.

E-mail: daiphuoxypplast@vnn.vn hoặc daiphuhcm@yahoo.com hoặc daiphu_pkd@yahoo.com.vn

Website://www.daiphu.com.vn



ISO 9001 - 2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84 - 28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84 - 28) 3 765 3386

Không nên dùng chổi hay khí nén thổi tung đám bụi lên.
Cần làm sạch bề mặt các khu vực bị bẩn.

7. QUÁ TRÌNH SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN LƯU KHO

Sử dụng:

Xem kỹ Mục 8. Cấm ăn, uống, hút thuốc trong khu vực sử dụng sản phẩm. Nếu có sử dụng quạt, cần mặc đủ các đồ bảo hộ cần thiết. Cần có hệ thống quạt hút bụi, hệ thống thông gió phù hợp tại nơi sử dụng. Không nên để sản phẩm ở ngoài mà không có bao bọc. Không nên tuyển dụng các cá nhân có tiền sử dị ứng hay kích ứng với các chất liệu.

Bảo quản, Lưu Kho:

Điều kiện lưu Kho: Không đòi hỏi điều kiện đặc biệt nào trong quá trình lưu kho. Phải có người trông giữ Kho, không để người không có nhiệm vụ ra vào kho. Kho cần khô ráo và thoáng mát, nên có quạt thông gió.

Thời gian lưu kho: 06 tháng kể từ ngày sản xuất trong điều kiện nhiệt độ <30°C.

Dữ liệu khác: Không bị phân hủy nếu được lưu trữ và áp dụng theo chỉ dẫn

8. CHI TIẾT CÁC THÀNH PHẦN VÀ ĐỊNH LƯỢNG CÓ THỂ TIẾP XÚC

Giới hạn tiếp xúc được liệt kê dưới đây:

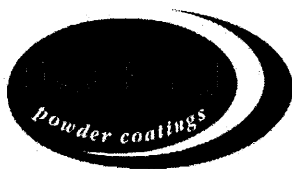
Thành Phần	Tiêu chuẩn	Chủng loại	Định lượng
Canxi cacbonate	ACGIH	TWA	10 mg/m ³
	OSHA_TRANS	PEL	5 mg/m ³
	OSHA_TRANS	PEL	15 mg/m ³
Titanium dioxide	ACGIH	TWA	10mg/m ³
	OSHA_TRANS	PEL	15mg/m ³
	OSHA Z3		
	Z1A	TWA	10 mg/m ³
Triglycidyl isocyanuarate (TGIC)	ACGIH	TWA	0.05mg/m ³

Bảo vệ Mắt: Cần dùng kính bảo hộ

Bảo vệ Tay: Đi găng tay bảo hộ, chống hóa chất

Tùy thuộc vào điều kiện môi trường, sản phẩm sử dụng để đưa ra những hướng dẫn liên quan đến an toàn.

Hãy quan sát các hướng dẫn liên quan đến tính hút ẩm, điều kiện này phụ thuộc vào các điều kiện cụ thể của địa phương. Khi đưa sản phẩm vào sử dụng, khi sản phẩm có các vết cắt, mài mòn nên mang găng tay bảo hộ, chống chịu hóa chất để phòng ngừa sự nguy hiểm. Chú ý: Chất liệu có thể bị hư hại do sự ăn mòn hóa học.



ISO 9001-2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84-28) 3765 2522 (4 lines) – 5425 0611 – 5425 0612

Fax: (84-28) 3765 3386

Bảo vệ da và cơ thể: mang giày an toàn hoàn chỉnh phù hợp với việc bảo vệ chống hóa chất. Lựa chọn các phương thức bảo vệ cơ thể phù hợp với nồng độ hóa chất và phù hợp với nơi làm việc. Bảo vệ hệ hô hấp: không cần thiết nếu nồng độ trong không khí được duy trì dưới mức giới hạn tiếp xúc được liệt kê trong thông tin Giới hạn phơi sáng. Trong cuộc họp chương trình bảo vệ hô hấp OSHA 1910.134 và ANSI Z88.2 yêu cầu phải tuân thủ các điều kiện nơi làm việc, bảo đảm sử dụng mặt nạ bảo hộ khi thấy nguy hiểm. Nếu môi trường bị bụi, yêu cầu đeo khẩu trang hoặc mặt nạ lọc không khí thở theo tiêu chuẩn NIOSH phê duyệt.

Biện pháp vệ sinh: Khi sử dụng không hút thuốc, không được ăn hay uống rượu. Giữ quần áo làm việc riêng. Không hít bụi hoặc phun sương. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và ngay lập tức sau khi sử dụng sản phẩm. Xử lý phù hợp yêu cầu vệ sinh công nghiệp và thực hành an toàn.

Các biện pháp bảo vệ: Không hít bụi. Khi bị dính phải cần được rửa và tắm vòi sen an toàn. Phải có thiết bị bảo hộ đặc biệt cần thiết.

Biện pháp kỹ thuật: Sử dụng chống nổ máy thông khí với vận tốc quay tối thiểu là 100 ft / min (0,5 m/giây) tại thời điểm tiến hóa hơi. Hãy tham khảo các phiên bản hiện tại của hệ thống thông gió công nghiệp. Một hướng dẫn thực hành Đề xuất công bố tại Hội nghị của Chính phủ công nghiệp vệ sinh Mỹ cho thông tin về thiết kế, lắp đặt, sử dụng và bảo dưỡng hệ thống thoát khí.

Bảo vệ da và cơ thể: Đi giày và mặc quần áo bảo hộ đủ kín để tránh tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm.

9. LÝ TÍNH VÀ HÓA TÍNH

Trạng thái :	Bột mịn
Màu sắc:	Xem Mục 1
PH	Không sử dụng
Phạm vi nóng chảy	80°C-104°C
Điểm bắt lửa:	Không có
Giới hạn nổ tối thiểu	30- 70% (v)
Giới hạn nổ tối đa	Không có
Hòa tan trong nước:	Không đáng kể
Tỉ lệ bay hơi	1%
VOC's	Không có

10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

Những phản ứng nguy hại:	Nguy cơ về bụi bẩn
Điều kiện phòng tránh:	Tĩnh điện
Các chất cần tránh:	Các chất axit mạnh và các chất gây oxy hóa

11. THÔNG TIN VỀ SỰ ĐỘC HẠI

Sản phẩm này không có sự độc hại nào.

Sự kích thích da: Bột nhựa có thể gây dị ứng cho da ở các vùng có nếp gấp, khe kẽ hoặc vùng da dưới quần áo chật.

Thành phần:

E-mail: daiphuoxypplast@vnn.vn hoặc daiphuhcm@yahoo.com hoặc daiphu_pkd@yahoo.com.vn

Website://www.daiphu.com.vn



ISO 9001-2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84 - 28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84 - 28) 3 765 3386

Nhựa Polyester: Không độc hại
TGIC: LD50 : 188mg/kg (đường miệng-chuột)
Canxi cacbonate: LD50 > 500mg/kg (đường miệng-chuột)
Dioxide Titan: LD50 > 10000mg/kg (đường miệng-chuột)
LD50 > 10000mg/kg (về da-thỏ)
Bột màu hữu cơ: LD50 LC50 > 10000 mg/L (đối với cá)
Bột màu Oxit Sắt: LD50 > 5000mg/kg (đường miệng-chuột)

12. THÔNG TIN VỀ MÔI TRƯỜNG

Tính độc trong nước không rõ rệt do sự hòa tan cực kỳ thấp.

Nhựa Polyester: Không độc hại
TGIC: Không độc hại
Barium sulphate: Độc hại đối với cá: TLM96: 7500 ppm (Oncorhynchus mykiss)
Canxi cacbonate: Độc hại đối với Cá: LC50 = 10000 mg/l/96h
Độc hại đối với thủy sinh: LC50 = 1000 mg/l/49h
Độc hại đối với Tảo: LC50 = 200 mg/l/72h
Dioxide Titan: Không độc hại
Bột màu hữu cơ: Không độc hại
Bột màu Oxit Sắt: Không độc hại

13. XỬ LÝ RÁC THẢI

Cần xử lý rác thải theo đúng qui định của địa phương.

Cần trọng đối với môi trường: Không thổi bụi nhựa trực tiếp ra nguồn nước hay hệ thống cống.
Không để thấm thấu ngấm xuống hệ thống nước ngầm

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Không gây nguy hiểm nào trong quá trình vận chuyển

Có thể vận chuyển bằng tàu hỏa, xe tải, tàu thủy, hàng không.v.v...

15. CÁC THÔNG TIN QUY ĐỊNH

Sản phẩm này được tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn của OSHA 29 CFR 1910.1200 (Ban Quản lý về an toàn và sức khỏe lao động).

Sản phẩm này được kiểm soát bởi Hệ thống các cơ quan Kiểm soát nguyên liệu nguy hại:

- Canadian Workplace Hazardous materials Information System (WHMIS) (Hệ thống thông tin về vật liệu nguy hại của Canada)
- SARA TITTLE III: Section 311/312 Categorization (40CFR370)
- CERCLA Information (40CFR302.4)
- CERCLA Components : Barium sulfate 7727 – 43-7 1,000lbs RQ



ISO 9001-2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP.HCM

Điện thoại: (84 - 28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84 - 28) 3 765 3386

- US. Toxic Substances Control Act (TSCA) (Cơ quan quản lý các vật liệu độc hại của Mỹ):
Tất cả các thành phần của sản phẩm này đều phù hợp với tiêu chuẩn được nêu trong qui định của TSCA.

16. CÁC THÔNG TIN KHÁC

DIỄN GIẢI NHỮNG KÍ HIỆU:

ACGIH	American conference of Governmental Industrial Hygienist
BAC	Butyl Acetate
OSHA	Occupational Safety and Health Administration
PEL	Permissible Exposure Limit
STEL	Short term Exposure Limit
TLV	Threshold Limit value
TWA	Time Weighted Average
	Bar denotes a revision from prior SDS

Sản phẩm ở dạng bột có thể tạo thành hỗn hợp bụi.

Sản phẩm nóng chảy sẽ tạo ra sự bốc cháy sinh ra nhiệt.

Người sử dụng sản phẩm cần được đào tạo trước.

Bảng Thông tin này được làm ra với những thông tin đúng đắn với khả năng nghiên cứu của chúng tôi. Thông tin này được làm ra với mục đích hướng dẫn người sử dụng các phương pháp sử dụng, vận chuyển, lưu kho, xử lý một cách an toàn và đảm bảo chất lượng nhất. Bản Thông số này có thể được thay thế bằng bản khác khi có thêm các thông tin mới phù hợp hơn.



ISO 9001:2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: D2/1 – D3/1, Đường số 1B, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình

Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (+ 84) 283 765 2522 (4 lines)

Fax: (+ 84) 283 765 3386

BẢNG THÔNG SỐ AN TOÀN VẬT LIỆU

1. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ SẢN PHẨM VÀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : **DP31/0243/C/BA(W) (DP31/0243/AG(W))**

Màu sắc : **Bột màu xám nhũ**

Nhà cung cấp : **CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ**

D2/1-D3/1, Đường số 1B, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B,
Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. THÀNH PHẦN CỦA SẢN PHẨM

Thành phần	Số CAS
Nhựa Polyester	Không độc hại
Triglycidyl isocyanurate	2451-62-9
Dioxide Titan	13463-67-7
Ô xít sắt	51274-00-1
Bột Aluminium	7429-90-5
Canxi cacbonate	1317-65-3

3. XÁC ĐỊNH CÁC MỐI NGUY HẠI

Tổng quan:

Hình dạng: Bột mịn

Màu sắc: Xem Mục 1

HMIS	NHẬN DIỆN MỐI NGUY HIỂM	
Sức khỏe 1	Có thể gây kích ứng da	
Tính dễ cháy 0	Có thể gây kích ứng mắt	
Phản ứng 0	Có thể gây kích ứng hệ hô hấp	
Bảo vệ cá nhân	BẢO CÁO PHÒNG NGỪA	

Cần chú ý:

Có thể có hại khi hít vào hoặc nuốt.

Có thể gây ra các vấn đề di truyền học.

Các cơ quan cơ thể có thể chịu tác động

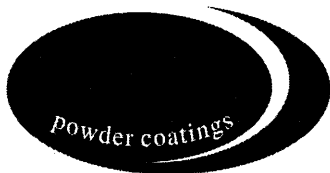
Mắt: Tương tự bất kỳ dị vật nào khi rơi vào mắt có thể gây kích ứng.

Da: Khi tiếp xúc trực tiếp với da, có thể có các hiện tượng dị ứng

Khi hít vào hoặc nuốt: Có thể gây ra hiện tượng đau đầu, buồn nôn.

E-mail: phongkinhdoanh@daiphuoxypplast.com – phongkinhdoanh@daiphu.com.vn

<https://daiphuoxypplast.com/>



CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: D2/1 – D3/1, Đường số 1B, KCN Vĩnh Lộc; Phường Bình
Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (+ 84) 283 765 2522 (4 lines)

Fax: (+ 84) 283 765 3386

ISO 9001:2015

Các tác hại cụ thể khi hít hoặc nuốt phải, hoặc tiếp xúc trực tiếp với mắt và da:

Canxi cacbonat		Không có biểu hiện nào
Dioxide Titan	IARC	Không có biểu hiện cụ thể tại thời điểm này
Dioxide Titan	NIOSH	Không độc hại
Oxit sắt		Có độc hại

4. SƠ CỨU

Khi hít phải: Cần nhanh chóng cấp cứu và tìm các cơ sở y tế để được tư vấn. Giữ bệnh nhân được ấm và nghỉ ngơi. Cần được hô hấp nhân tạo nếu ngừng thở và đưa ra khu vực có khí thoáng.

Tiếp xúc trực tiếp với da: Cần được tắm rửa ngay bằng nhiều nước sạch. Cởi bỏ quần áo và dây dép bẩn ngay. Giặt sạch quần áo trước khi sử dụng lại.

Roi vào mắt: Cần rửa ngay bằng nhiều nước sạch

Bị nuốt phải: Rửa miệng ngay. Nếu người nằm ngửa bị nôn mửa thì chuyển sang tư thế nằm cấp cứu.

5. KHẢ NĂNG GÂY CHÁY

Điểm bắt lửa:	Không có
Giới hạn nổ tối thiểu	30- 70% (v)
Giới hạn nổ tối đa	Không có
Sự phân tán nhiệt:	Trong khi cháy có thể sinh ra sương mù hoặc khói độc hại cao.

Dập lửa: Có thể dùng nước, Bọt khí, Hóa chất hay Khí Cacbon.Dioxide Khô.

Cần có đủ quần áo, các thiết bị đặc chủng và các mặt nạ phòng độc cho lính cứu hỏa.
Dập lửa theo các phương pháp vẫn dùng tại địa phương.

6. PHÒNG TAI NẠN

Mỗi cá nhân cần cẩn trọng tránh hít phải bụi.

Sản phẩm có tính độc hại nhất định. Do vậy trong quá trình dọn dẹp, làm vệ sinh cần mang quần áo, dây đeo, khi dính bẩn cần giặt sạch bằng xà phòng và nước sạch.

Cần dùng các thiết bị bảo hộ để bảo vệ các khu vực của cơ thể có thể gây nguy hiểm khi tiếp xúc trực tiếp như mắt, mũi, miệng, v.v...

Các điều cần chú ý đối với Môi trường

Không xả trực tiếp ngay ra cống thoát nước.

Cần bao, che chắn cẩn thận khu vực sản xuất không để bụi lọt ra ngoài môi trường.



CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: D2/1 – D3/1, Đường số 1B, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình

Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (+ 84) 283 765 2522 (4 lines)

Fax: (+ 84) 283 765 3386

ISO 9001:2015

Chú ý: không để bột rơi ra các khu vực đất xốp có thể làm ngấm tới nước ngầm bên dưới lòng đất.

Phương pháp dọn dẹp làm vệ sinh

Không sử dụng các công cụ có thể gây đánh lửa điện.

Loại bỏ mọi nguy cơ gây cháy nổ.

Không nên dùng chổi hay khí nén thổi đám bụi lên.

Cần làm sạch bề mặt các khu vực bị bắn.

7. QUÁ TRÌNH SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN LƯU KHO

Sử dụng:

Xem kỹ Mục 8. Cấm ăn, uống, hút thuốc trong khu vực sử dụng sản phẩm. Nếu có sử dụng quạt, cần mặc đủ các đồ bảo hộ cần thiết. Cần có hệ thống quạt hút bụi, hệ thống thông gió phù hợp tại nơi sử dụng. Không nên để sản phẩm ở ngoài mà không có bao bọc. Không nên tuyển dụng các cá nhân có tiền sử dị ứng hay kích ứng với các chất liệu.

Bảo quản, Lưu Kho:

Điều kiện lưu Kho: Không đòi hỏi điều kiện đặc biệt nào trong quá trình lưu kho. Phải có người trông giữ Kho, không để người không có nhiệm vụ ra vào kho. Kho cần khô ráo và thoáng mát, nên có quạt thông gió.

Thời gian lưu kho: 06 tháng kể từ ngày sản xuất trong điều kiện nhiệt độ < 30°C.

Dữ liệu khác: Không bị phân hủy nếu được lưu trữ và áp dụng theo chỉ dẫn

8. CHI TIẾT CÁC THÀNH PHẦN VÀ ĐỊNH LƯỢNG CÓ THỂ TIẾP XÚC

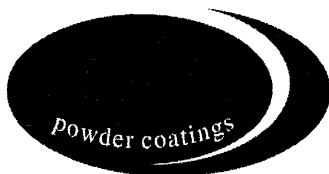
Giới hạn tiếp xúc được liệt kê dưới đây:

Thành Phần	Tiêu chuẩn	Chủng loại	Định lượng
Canxi cacbonate	ACGIH	TWA	10 mg/m ³
	OSHA_TRANS	PEL	5 mg/m ³
	OSHA_TRANS	PEL	15 mg/m ³
Titanium dioxide	ACGIH	TWA	10mg/m ³
	OSHA_TRANS	PEL	15mg/m ³
	OSHA Z3		
	Z1A	TWA	10 mg/m ³
Triglycidyl isocyanuarate	ACGIH	TWA	0.05mg/m ³

Bảo vệ Mắt: Cần dùng kính bảo hộ

Bảo vệ Tay: Đi găng tay bảo hộ, chống hóa chất

Tùy thuộc vào điều kiện môi trường, sản phẩm sử dụng để đưa ra những hướng dẫn liên quan đến an toàn.



CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: D2/1 – D3/1, Đường số 1B, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình
Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (+ 84) 283 765 2522 (4 lines)

Fax: (+ 84) 283 765 3386

ISO 9001:2015

Hãy quan sát các hướng dẫn liên quan đến tính hút ẩm, điều kiện này phụ thuộc vào các điều kiện cụ thể của địa phương. Khi đưa sản phẩm vào sử dụng, khi sản phẩm có các vết cắt, mài mòn nên mang găng tay bảo hộ, chống chịu hóa chất để phòng ngừa sự nguy hiểm. Chú ý: Chất liệu có thể bị hư hại do sự ăn mòn hóa học.

Bảo vệ da và cơ thể: mang giày an toàn hoàn chỉnh phù hợp với việc bảo vệ chống hóa chất. Lựa chọn các phương thức bảo vệ cơ thể phù hợp với nồng độ hóa chất và phù hợp với nơi làm việc. Bảo vệ hệ hô hấp: không cần thiết nếu nồng độ trong không khí được duy trì dưới mức giới hạn tiếp xúc được liệt kê trong thông tin Giới hạn phơi sáng. Trong cuộc họp chương trình bảo vệ hô hấp OSHA 1910.134 và ANSI Z88.2 yêu cầu phải tuân thủ các điều kiện nơi làm việc, bảo đảm sử dụng mặt nạ bảo hộ khi thấy nguy hiểm. Nếu môi trường bị bụi, yêu cầu đeo khẩu trang hoặc mặt nạ lọc không khí thở theo tiêu chuẩn NIOSH phê duyệt.

Biện pháp vệ sinh: Khi sử dụng không hút thuốc, không được ăn hay uống rượu. Giữ quần áo làm việc riêng. Không hít bụi hoặc phun sương. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và ngay lập tức sau khi sử dụng sản phẩm. Xử lý phù hợp yêu cầu vệ sinh công nghiệp và thực hành an toàn.

Các biện pháp bảo vệ: Không hít bụi. Khi bị dính phải cần được rửa và tắm vòi sen an toàn. Phải có thiết bị bảo hộ đặc biệt cần thiết.

Biện pháp kỹ thuật: Sử dụng chống nổ máy thông khí với vận tốc quay tối thiểu là 100 ft / min (0,5 m/giây) tại thời điểm tiến hóa hơi. Hãy tham khảo các phiên bản hiện tại của hệ thống thông gió công nghiệp. Một hướng dẫn thực hành Đề xuất công bố tại Hội nghị của Chính phủ công nghiệp vệ sinh Mỹ cho thông tin về thiết kế, lắp đặt, sử dụng và bảo dưỡng hệ thống thoát khí.

Bảo vệ da và cơ thể: Đi giày và mặc quần áo bảo hộ đủ kín để tránh tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm.

9. LÝ TÍNH VÀ HÓA TÍNH

Trạng thái :	Bột mịn
Màu sắc:	Xem Mục 1
PH	Không sử dụng
Phạm vi nóng chảy	80°C-104°C
Điểm bắt lửa:	Không có
Giới hạn nổ tối thiểu	30- 70% (v)
Giới hạn nổ tối đa	Không có
Hòa tan trong nước:	Không đáng kể
Tỉ lệ bay hơi	1%
VOC's	Không có

10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

Những phản ứng nguy hại:	Nguy cơ về bụi bẩn
Điều kiện phòng tránh:	Tĩnh điện
Các chất cần tránh:	Các chất axit mạnh và các chất gây oxy hóa



CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: D2/1 – D3/1, Đường số 1B, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình

Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (+ 84) 283 765 2522 (4 lines)

Fax: (+ 84) 283 765 3386

ISO 9001:2015

11. THÔNG TIN VỀ SỰ ĐỘC HẠI

Sản phẩm này không có sự độc hại nào.

Sự kích thích da: Bột nhựa có thể gây dị ứng cho da ở các vùng có nếp gấp, khe kẽ hoặc vùng da dưới quần áo chật.

Thành phần:

Nhựa Polyester: Không độc hại
TGIC: LD50 : 188mg/kg (đường miệng-chuột)

Canxi cacbonate: LD50 > 500mg/kg (đường miệng-chuột)

Dioxide Titan: LD50 > 10000mg/kg (đường miệng-chuột)
LD50 > 10000mg/kg (về da-thỏ)

Bột màu Oxit Sắt: LD50 > 5000mg/kg (đường miệng-chuột)

Bột nhũ: LD50 > 2000mg/kg bw (đường miệng-chuột)

12. THÔNG TIN VỀ MÔI TRƯỜNG

Tính độc trong nước không rõ rệt do sự hòa tan cực kỳ thấp.

Nhựa Polyester: Không độc hại

TGIC: Không độc hại

Canxi cacbonate: Độc hại đối với Cá: LC50 = 10000 mg/l/96h
Độc hại đối với thủy sinh: LC50 = 1000 mg/l/49h
Độc hại đối với Tảo: LC50 = 200 mg/l/72h

Dioxide Titan: Không độc hại

Bột màu Oxit Sắt: Không độc hại

Bột nhũ: Không độc hại

13. XỬ LÝ RÁC THẢI

Cần xử lý rác thải theo đúng qui định của địa phương.

Cần trọng đối với môi trường: Không thổi bụi nhựa trực tiếp ra nguồn nước hay hệ thống cống.

Không để thấm thấu ngấm xuống hệ thống nước ngầm



ISO 9001:2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: D2/1 – D3/1, Đường số 1B, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình
Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (+ 84) 283 765 2522 (4 lines)

Fax: (+ 84) 283 765 3386

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Không gây nguy hiểm nào trong quá trình vận chuyển

Có thể vận chuyển bằng tàu hỏa, xe tải, tàu thủy, hàng không.v.v...

15. CÁC THÔNG TIN QUY ĐỊNH

Sản phẩm này được tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn của OSHA 29 CFR 1910.1200 (Ban Quản lý về an toàn và sức khỏe lao động).

Sản phẩm này được kiểm soát bởi Hệ thống các cơ quan Kiểm soát nguyên liệu nguy hại:

- Canadian Workplace Hazardous materials Information System (WHMIS) (Hệ thống thông tin về vật liệu nguy hại của Canada)
- SARA TITTLE III: Section 311/312 Categorization (40CFR370)
- CERCLA Information (40CFR302.4)
- CERCLA Components : Barium sulfate 7727 – 43-7 1,000lbs RQ
- US. Toxic Substances Control Act (TSCA) (Cơ quan quản lý các vật liệu độc hại của Mỹ):
Tất cả các thành phần của sản phẩm này đều phù hợp với tiêu chuẩn được nêu trong qui định của TSCA.

16. CÁC THÔNG TIN KHÁC

DIỄN GIẢI NHỮNG KÍ HIỆU:

ACGIH	American conference of Governmental Industrial Hygienist
BAC	Butyl Acetate
OSHA	Occupational Safety and Health Administration
PEL	Permissible Exposure Limit
STEL	Short term Exposure Limit
TLV	Threshold Limit value
TWA	Time Weighted Average
	Bar denotes a revision from prior SDS

Sản phẩm ở dạng bột có thể tạo thành hỗn hợp bụi.

Tránh để sản phẩm nơi có nhiệt độ cao, dẫn đến nóng chảy sơn gây vón cục.

Người sử dụng sản phẩm cần được đào tạo trước.

Bảng Thông tin này được làm ra với những thông tin đúng đắn với khả năng nghiên cứu của chúng tôi. Thông tin này được làm ra với mục đích hướng dẫn người sử dụng các phương pháp sử dụng, vận chuyển, lưu kho, xử lý một cách an toàn và đảm bảo chất lượng nhất. Bản Thông số này có thể được thay thế bằng bản khác khi có thêm các thông tin mới phù hợp hơn.



ISO 9001-2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84-28) 3 765 3386

BẢNG THÔNG SỐ AN TOÀN VẬT LIỆU

1. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ SẢN PHẨM VÀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : DP29/2013/CR(W)
Màu sắc : Bột màu cam.
Nhà cung cấp : CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ
D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc
Quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. THÀNH PHẦN CỦA SẢN PHẨM

Thành phần	Số CAS
Nhựa Polyester (s)	Không độc hại
Chất đông rắn	2451-62-9
Dioxide Titan	13463-67-7
Bột màu hữu cơ	84632-65-5
Ô xít sắt	51274-00-1
Canxi cacbonate	1317-65-3

3. XÁC ĐỊNH CÁC MỐI NGUY HẠI

Tổng quan:
Hình dạng: Bột mịn
Màu sắc: Xem Mục 1

HMIS	NHẬN DIỆN MỐI NGUY HIỂM	
Sức khỏe	1	
Tính dễ cháy	0	
Phản ứng	0	
Bảo vệ cá nhân		
	CÓ THỂ GÂY KÍCH ỨNG DA	
	CÓ THỂ GÂY KÍCH ỨNG MẮT	
	CÓ THỂ GÂY KÍCH ỨNG HỆ HÔ HẤP	
	BÁO CÁO PHÒNG NGỪA	

Cần chú ý:

Có thể có hại khi hít vào hoặc nuốt.
Có thể gây ra các vấn đề di truyền học.

Các cơ quan cơ thể có thể chịu tác động

Mắt: Tương tự bất kỳ dị vật nào khi rơi vào mắt có thể gây kích ứng.

Da: Khi tiếp xúc trực tiếp với da, có thể có các hiện tượng dị ứng

Khi hít vào hoặc nuốt: Có thể gây ra hiện tượng đau đầu, buồn nôn.

Các tác hại cụ thể khi hít hoặc nuốt phải, hoặc tiếp xúc trực tiếp với mắt và da:

E-mail: daiphuoxypplast@vnn.vn hoặc daiphuhcm@yahoo.com hoặc daiphu_pkd@yahoo.com.vn

Website://www.daiphu.com.vn



ISO 9001-2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84-28) 3 765 3386

Canxi cacbonat		Không có biểu hiện nào
Dioxide Titan	IARC	Không có biểu hiện cụ thể tại thời điểm này
Dioxide Titan	NIOSH	Không độc hại
Bột màu hữu cơ		Không độc hại
Oxit sắt		Có độc hại

4. SƠ CỨU

Khi hít phải: Cần nhanh chóng cấp cứu và tìm các cơ sở y tế để được tư vấn. Giữ bệnh nhân được ấm và nghỉ ngơi. Cần được hô hấp nhân tạo nếu ngừng thở và đưa ra khu vực có khí thoáng.

Tiếp xúc trực tiếp với da: Cần được tắm rửa ngay bằng nhiều nước sạch. Cởi bỏ quần áo và dây dép bẩn ngay. Giặt sạch quần áo trước khi sử dụng lại.

Roi vào mắt: Cần rửa ngay bằng nhiều nước sạch

Bị nuốt phải: Rửa miệng ngay. Nếu người nằm ngửa bị nôn mửa thì chuyển sang tư thế nằm cấp cứu.

5. KHẢ NĂNG GÂY CHÁY

Điểm bắt lửa:	Không có
Giới hạn nổ tối thiểu	30- 70% (v)
Giới hạn nổ tối đa	Không có
Sự phân tán nhiệt:	Trong khi cháy có thể sinh ra sương mù hoặc khói độc hại cao.

Dập lửa: Có thể dùng nước, Bột khí, Hóa chất hay Khí Cacbon Dioxide Khô.

Cần có đủ quần áo, các thiết bị đặc chủng và các mặt nạ phòng độc cho lính cứu hỏa.

Dập lửa theo các phương pháp vẫn dùng tại địa phương.

6. PHÒNG TAI NẠN

Mỗi cá nhân cần cẩn trọng tránh hít phải bụi.

Sản phẩm có tính độc hại nhất định. Do vậy trong quá trình dọn dẹp, làm vệ sinh cần mang quần áo, dây đeo, khi dính bẩn cần giặt sạch bằng xà phòng và nước sạch.

Cần dùng các thiết bị bảo hộ để bảo vệ các khu vực của cơ thể có thể gây nguy hiểm khi tiếp xúc trực tiếp như mắt, mũi, miệng, v.v...

Các điều cần chú ý đối với Môi trường

Không xả trực tiếp ngay ra cống thoát nước.

Cần bao, che chắn cẩn thận khu vực sản xuất không để bụi lọt ra ngoài môi trường.

Chú ý: không để bột rơi ra các khu vực đất xốp có thể làm ngấm tới nước ngầm bên dưới lòng đất.

Phương pháp dọn dẹp làm vệ sinh

Không sử dụng các công cụ có thể gây đánh lửa điện.

Loại bỏ mọi nguy cơ gây cháy nổ.



ISO 9001-2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84 - 28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84 - 28) 3 765 3386

Không nên dùng chổi hay khí nén thổi đám bụi lên.
Cần làm sạch bề mặt các khu vực bị bẩn.

7. QUÁ TRÌNH SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN LƯU KHO

Sử dụng:

Xem kỹ Mục 8. Cấm ăn, uống, hút thuốc trong khu vực sử dụng sản phẩm. Nếu có sử dụng quạt, cần mặc đủ các đồ bảo hộ cần thiết. Cần có hệ thống quạt hút bụi, hệ thống thông gió phù hợp tại nơi sử dụng. Không nên để sản phẩm ở ngoài mà không có bao bọc. Không nên tuyển dụng các cá nhân có tiền sử dị ứng hay kích ứng với các chất liệu.

Bảo quản, Lưu Kho:

Điều kiện lưu Kho: Không đòi hỏi điều kiện đặc biệt nào trong quá trình lưu kho. Phải có người trông giữ Kho, không để người không có nhiệm vụ ra vào kho. Kho cần khô ráo và thoáng mát, nên có quạt thông gió.

Thời gian lưu kho: 06 tháng kể từ ngày sản xuất trong điều kiện nhiệt độ $<30^{\circ}\text{C}$.

Dữ liệu khác: Không bị phân hủy nếu được lưu trữ và áp dụng theo chỉ dẫn

8. CHI TIẾT CÁC THÀNH PHẦN VÀ ĐỊNH LƯỢNG CÓ THỂ TIẾP XÚC

Giới hạn tiếp xúc được liệt kê dưới đây:

Thành Phần	Tiêu chuẩn	Chủng loại	Định lượng
Barium sulphate	ACGIH	TWA	10 mg/m ³
	OSHA_TRANS	PEL	5 mg/m ³
	OSHA_TRANS	PEL	15 mg/m ³
Canxi cacbonate	ACGIH	TWA	10 mg/m ³
	OSHA_TRANS	PEL	5 mg/m ³
	OSHA_TRANS	PEL	15 mg/m ³
Titanium dioxide	ACGIH	TWA	10mg/m ³
	OSHA_TRANS	PEL	15mg/m ³
	OSHA_Z3		
	Z1A	TWA	10 mg/m ³
Triglycidyl isocyanurate (TGIC)	ACGIH	TWA	0.05mg/m ³

Bảo vệ Mắt: Cần dùng kính bảo hộ

Bảo vệ Tay: Đi găng tay bảo hộ, chống hóa chất

Tùy thuộc vào điều kiện môi trường, sản phẩm sử dụng để đưa ra những hướng dẫn liên quan đến an toàn.

Hãy quan sát các hướng dẫn liên quan đến tính hút ẩm, điều kiện này phụ thuộc vào các điều kiện cụ thể của địa phương. Khi đưa sản phẩm vào sử dụng, khi sản phẩm có các vết cắt, mài mòn nên



ISO 9001 - 2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84 - 28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84 - 28) 3 765 3386

mang găng tay bảo hộ, chống chịu hóa chất để phòng ngừa sự nguy hiểm. Chú ý: Chất liệu có thể bị hư hại do sự ăn mòn hóa học.

Bảo vệ da và cơ thể: mang giày an toàn hoàn chỉnh phù hợp với việc bảo vệ chống hóa chất. Lựa chọn các phương thức bảo vệ cơ thể phù hợp với nồng độ hóa chất và phù hợp với nơi làm việc. **Bảo vệ hệ hô hấp:** không cần thiết nếu nồng độ trong không khí được duy trì dưới mức giới hạn tiếp xúc được liệt kê trong thông tin Giới hạn phơi sáng. Trong cuộc họp chương trình bảo vệ hô hấp OSHA 1910.134 và ANSI Z88.2 yêu cầu phải tuân thủ các điều kiện nơi làm việc, bảo đảm sử dụng mặt nạ bảo hộ khi thấy nguy hiểm. Nếu môi trường bị bụi, yêu cầu đeo khẩu trang hoặc mặt nạ lọc không khí thở theo tiêu chuẩn NIOSH phê duyệt.

Biện pháp vệ sinh: Khi sử dụng không hút thuốc, không được ăn hay uống rượu. Giữ quần áo làm việc riêng. Không hít bụi hoặc phun sương. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và ngay lập tức sau khi sử dụng sản phẩm. Xử lý phù hợp yêu cầu vệ sinh công nghiệp và thực hành an toàn.

Các biện pháp bảo vệ: Không hít bụi. Khi bị dính phải cần được rửa và tắm vòi sen an toàn. Phải có thiết bị bảo hộ đặc biệt cần thiết.

Biện pháp kỹ thuật: Sử dụng chống nổ máy thông khí với vận tốc quay tối thiểu là 100 ft / min (0,5 m/giây) tại thời điểm tiến hóa hơi. Hãy tham khảo các phiên bản hiện tại của hệ thống thông gió công nghiệp. Một hướng dẫn thực hành Đề xuất công bố tại Hội nghị của Chính phủ công nghiệp vệ sinh Mỹ cho thông tin về thiết kế, lắp đặt, sử dụng và bảo dưỡng hệ thống thoát khí.

Bảo vệ da và cơ thể: Đi giày và mặc quần áo bảo hộ đủ kín để tránh tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm.

9. LÝ TÍNH VÀ HÓA TÍNH

Trạng thái :	Bột mịn
Màu sắc:	Xem Mục 1
PH	Không sử dụng
Phạm vi nóng chảy	80°C-104°C
Điểm bắt lửa:	Không có
Giới hạn nổ tối thiểu	30- 70% (v)
Giới hạn nổ tối đa	Không có
Hòa tan trong nước:	Không đáng kể
Tỉ lệ bay hơi	1%
VOC's	Không có

10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

Những phản ứng nguy hại:	Nguy cơ về bụi bẩn
Điều kiện phòng tránh:	Tĩnh điện
Các chất cần tránh:	Các chất axit mạnh và các chất gây oxy hóa

11. THÔNG TIN VỀ SỰ ĐỘC HẠI

Sản phẩm này không có sự độc hại nào.

Sự kích thích da: Bột nhựa có thể gây dị ứng cho da ở các vùng có nếp gấp, khe kẽ hoặc vùng da dưới quần áo chật.

E-mail: daiphuoxypplast@vnn.vn hoặc daiphuhcm@yahoo.com hoặc daiphu_pkd@yahoo.com.vn

Website://www.daiphu.com.vn



ISO 9001-2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84 - 28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84 - 28) 3 765 3386

Thành phần:

Nhựa Polyester:	Không độc hại
TGIC:	LD50 : 188mg/kg (đường miệng-chuột)
Canxi cacbonate:	LD50 > 500mg/kg (đường miệng-chuột)
Dioxide Titan:	LD50 > 10000mg/kg (đường miệng-chuột) LD50 > 10000mg/kg (về da-thỏ)
Bột màu hữu cơ:	LD50(oral)>2000mg/kg
Bột màu Oxit Sắt:	LD50 > 5000mg/kg (đường miệng-chuột)

12. THÔNG TIN VỀ MÔI TRƯỜNG

Tính độc trong nước không rõ rệt do sự hòa tan cực kỳ thấp.

Nhựa Polyester:	Không độc hại
TGIC:	Không độc hại
Canxi cacbonate:	Độc hại đối với Cá: LC50 = 10000 mg/l/96h Độc hại đối với thủy sinh: LC50 = 1000 mg/l/49h Độc hại đối với Tảo: LC50 = 200 mg/l/72h
Dioxide Titan:	Không độc hại
Bột màu hữu cơ:	Không độc hại
Bột màu Oxit Sắt:	Không độc hại

13. XỬ LÝ RÁC THẢI

Cần xử lý rác thải theo đúng qui định của địa phương.

Cần trọng đối với môi trường: Không thổi bụi nhựa trực tiếp ra nguồn nước hay hệ thống cống.
Không để thấm thấu ngấm xuống hệ thống nước ngầm

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Không gây nguy hiểm nào trong quá trình vận chuyển

Có thể vận chuyển bằng tàu hỏa, xe tải, tàu thủy, hàng không.v.v...

15. CÁC THÔNG TIN QUY ĐỊNH

Sản phẩm này được tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn của OSHA 29 CFR 1910.1200 (Ban Quản lý về an toàn và sức khỏe lao động).

Sản phẩm này được kiểm soát bởi Hệ thống các cơ quan Kiểm soát nguyên liệu nguy hại:

- Canadian Workplace Hazardous materials Information System (WHMIS) (Hệ thống thông tin về vật liệu nguy hại của Canada)
- SARA TITTLE III: Section 311/312 Categorization (40CFR370)

E-mail: daiphuoxypplast@vnn.vn hoặc daiphuhcm@yahoo.com hoặc daiphu_pkd@yahoo.com.vn

Website://www.daiphu.com.vn



ISO 9001 - 2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP.HCM

Điện thoại: (84 - 28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84 - 28) 3 765 3386

- CERCLA Information (40CFR302.4)
- CERCLA Components : Barium sulfate 7727 – 43-7 1,000lbs RQ
- US. Toxic Substances Control Act (TSCA) (Cơ quan quản lý các vật liệu độc hại của Mỹ):
Tất cả các thành phần của sản phẩm này đều phù hợp với tiêu chuẩn được nêu trong qui định của TSCA.

16. CÁC THÔNG TIN KHÁC

DIỄN GIẢI NHỮNG KÍ HIỆU:

ACGIH	American conference of Governmental Industrial Hygienist
BAC	Butyl Acetate
OSHA	Occupational Safety and Health Administration
PEL	Permissible Exposure Limit
STEL	Short term Exposure Limit
TLV	Threshold Limit value
TWA	Time Weighted Average
	Bar denotes a revision from prior SDS

Sản phẩm ở dạng bột có thể tạo thành hỗn hợp bụi.

Sản phẩm nóng chảy sẽ tạo ra sự bốc cháy sinh ra nhiệt.

Người sử dụng sản phẩm cần được đào tạo trước.

Bảng Thông tin này được làm ra với những thông tin đúng đắn với khả năng nghiên cứu của chúng tôi. Thông tin này được làm ra với mục đích hướng dẫn người sử dụng các phương pháp sử dụng, vận chuyển, lưu kho, xử lý một cách an toàn và đảm bảo chất lượng nhất. Bản Thông số này có thể được thay thế bằng bản khác khi có thêm các thông tin mới phù hợp hơn.



ISO 9001 - 2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84 - 28) 3 765 2522 (4 lines) – 5425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84 - 28) 3 765 3386

BẢNG THÔNG SỐ AN TOÀN VẬT LIỆU

1. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ SẢN PHẨM VÀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : **DP29/3079/CR(W)**
Màu sắc : Bột màu đỏ
Nhà cung cấp : CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ
D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc
Quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. THÀNH PHẦN CỦA SẢN PHẨM

Thành phần	Số CAS
Nhựa Polyester (s)	Không độc hại
Chất đông rắn	2451-62-9
Dioxide Titan	13463-67-7
Bột màu hữu cơ	84632-65-5
Ô xít sắt	1309-37-1
Canxi cacbonate	1317-65-3

3. XÁC ĐỊNH CÁC MỐI NGUY HẠI

Tổng quan:
Hình dạng: Bột mịn
Màu sắc: Xem Mục 1

HMIS	NHẬN DIỆN MỐI NGUY HIỂM	
Sức khỏe	1 Có thể gây kích ứng da	
Tính dễ cháy	0 Có thể gây kích ứng mắt	
Phản ứng	0 Có thể gây kích ứng hệ hô hấp	
Bảo vệ cá nhân	BẢO CÁO PHÒNG NGỪA	

Cần chú ý:

Có thể có hại khi hít vào hoặc nuốt.
Có thể gây ra các vấn đề di truyền học.

Các cơ quan cơ thể có thể chịu tác động

Mắt: Tương tự bất kỳ dị vật nào khi rơi vào mắt có thể gây kích ứng.
Da: Khi tiếp xúc trực tiếp với da, có thể có các hiện tượng dị ứng

Khi hít vào hoặc nuốt: Có thể gây ra hiện tượng đau đầu, buồn nôn.

Các tác hại cụ thể khi hít hoặc nuốt phải, hoặc tiếp xúc trực tiếp với mắt và da:



ISO 9001-2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84-28) 3 765 3386

Canxi cacbonat		Không có biểu hiện nào
Dioxide Titan	IARC	Không có biểu hiện cụ thể tại thời điểm này
Dioxide Titan	NIOSH	Không độc hại
Bột màu hữu cơ		Không độc hại
Oxit sắt		Có độc hại

4. SƠ CỨU

Khi hít phải: Cần nhanh chóng cấp cứu và tìm các cơ sở y tế để được tư vấn. Giữ bệnh nhân được ấm và nghỉ ngơi. Cần được hô hấp nhân tạo nếu ngừng thở và đưa ra khu vực có khí thoáng.

Tiếp xúc trực tiếp với da: Cần được tắm rửa ngay bằng nhiều nước sạch. Cởi bỏ quần áo và dày dép bẩn ngay. Giặt sạch quần áo trước khi sử dụng lại.

Roi vào mắt: Cần rửa ngay bằng nhiều nước sạch

Bị nuốt phải: Rửa miệng ngay. Nếu người nằm ngửa bị nôn mửa thì chuyển sang tư thế nằm cấp cứu.

5. KHẢ NĂNG GÂY CHÁY

Điểm bắt lửa:	Không có
Giới hạn nổ tối thiểu	30- 70% (v)
Giới hạn nổ tối đa	Không có
Sự phân tán nhiệt:	Trong khi cháy có thể sinh ra sương mù hoặc khói độc hại cao.

Dập lửa: Có thể dùng nước, Bột khí, Hóa chất hay Khí Cacbon Dioxide Khô.

Cần có đủ quần áo, các thiết bị đặc chủng và các mặt nạ phòng độc cho lính cứu hỏa.

Dập lửa theo các phương pháp vẫn dùng tại địa phương.

6. ĐỀ PHÒNG TAI NẠN

Mỗi cá nhân cần cẩn trọng tránh hít phải bụi.

Sản phẩm có tính độc hại nhất định. Do vậy trong quá trình dọn dẹp, làm vệ sinh cần mang quần áo, dày dép, khi dính bẩn cần giặt sạch bằng xà phòng và nước sạch.

Cần dùng các thiết bị bảo hộ để bảo vệ các khu vực của cơ thể có thể gây nguy hiểm khi tiếp xúc trực tiếp như mắt, mũi, miệng, v.v...

Các điều cần chú ý đối với Môi trường

Không xả trực tiếp ngay ra cống thoát nước.

Cần bao, che chắn cẩn thận khu vực sản xuất không để bụi lọt ra ngoài môi trường.

Chú ý: không để bột rơi ra các khu vực đất xốp có thể làm ngấm tới nước ngầm bên dưới lòng đất.

Phương pháp dọn dẹp làm vệ sinh

Không sử dụng các công cụ có thể gây đánh lửa điện.

Loại bỏ mọi nguy cơ gây cháy nổ.



ISO 9001-2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84 - 28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84 - 28) 3 765 3386

Không nên dùng chổi hay khí nén thổi tung đám bụi lên.
Cần làm sạch bề mặt các khu vực bị bẩn.

7. QUÁ TRÌNH SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN LƯU KHO

Sử dụng:

Xem kỹ Mục 8. Cấm ăn, uống, hút thuốc trong khu vực sử dụng sản phẩm. Nếu có sử dụng quạt, cần mặc đủ các đồ bảo hộ cần thiết. Cần có hệ thống quạt hút bụi, hệ thống thông gió phù hợp tại nơi sử dụng. Không nên để sản phẩm ở ngoài mà không có bao bọc. Không nên tuyển dụng các cá nhân có tiền sử dị ứng hay kích ứng với các chất liệu.

Bảo quản, Lưu Kho:

Điều kiện lưu kho: Không đòi hỏi điều kiện đặc biệt nào trong quá trình lưu kho. Phải có người trông giữ kho, không để người không có nhiệm vụ ra vào kho. Kho cần khô ráo và thoáng mát, nên có quạt thông gió.

Thời gian lưu kho: 06 tháng kể từ ngày sản xuất trong điều kiện nhiệt độ $<30^{\circ}\text{C}$.

Dữ liệu khác: Không bị phân hủy nếu được lưu trữ và áp dụng theo chỉ dẫn

8. CHI TIẾT CÁC THÀNH PHẦN VÀ ĐỊNH LƯỢNG CÓ THỂ TIẾP XÚC

Giới hạn tiếp xúc được liệt kê dưới đây:

Thành Phần	Tiêu chuẩn	Chủng loại	Định lượng
Canxi cacbonate	ACGIH	TWA	10 mg/m ³
	OSHA_TRANS	PEL	5 mg/m ³
	OSHA_TRANS	PEL	15 mg/m ³
Titanium dioxide	ACGIH	TWA	10mg/m ³
	OSHA_TRANS	PEL	15mg/m ³
	OSHA_Z3		
	Z1A	TWA	10 mg/m ³
Triglycidyl isocyanurate (TGIC)	ACGIH	TWA	0.05mg/m ³

Bảo vệ Mắt: Cần dùng kính bảo hộ

Bảo vệ Tay: Đi găng tay bảo hộ, chống hóa chất

Tùy thuộc vào điều kiện môi trường, sản phẩm sử dụng để đưa ra những hướng dẫn liên quan đến an toàn.

Hãy quan sát các hướng dẫn liên quan đến tính hút ẩm, điều kiện này phụ thuộc vào các điều kiện cụ thể của địa phương. Khi đưa sản phẩm vào sử dụng, khi sản phẩm có các vết cắt, mài mòn nên mang găng tay bảo hộ, chống chịu hóa chất để phòng ngừa sự nguy hiểm. Chú ý: Chất liệu có thể bị hư hại do sự ăn mòn hóa học.

Bảo vệ da và cơ thể: mang giày an toàn hoàn chỉnh phù hợp với việc bảo vệ chống hóa chất. Lựa chọn các phương thức bảo vệ cơ thể phù hợp với nồng độ hóa chất và phù hợp với nơi làm việc.



ISO 9001-2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84-28) 3765 2522 (4 lines) – 5425 0611 – 5425 0612

Fax: (84-28) 3765 3386

Bảo vệ hệ hô hấp: không cần thiết nếu nồng độ trong không khí được duy trì dưới mức giới hạn tiếp xúc được liệt kê trong thông tin Giới hạn phơi sáng. Trong cuộc họp chương trình bảo vệ hô hấp OSHA 1910.134 và ANSI Z88.2 yêu cầu phải tuân thủ các điều kiện nơi làm việc, bảo đảm sử dụng mặt nạ bảo hộ khi thấy nguy hiểm. Nếu môi trường bị bụi, yêu cầu đeo khẩu trang hoặc mặt nạ lọc không khí thở theo tiêu chuẩn NIOSH phê duyệt.

Biện pháp vệ sinh: Khi sử dụng không hút thuốc, không được ăn hay uống rượu. Giữ quần áo làm việc riêng. Không hít bụi hoặc phun sương. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và ngay lập tức sau khi sử dụng sản phẩm. Xử lý phù hợp yêu cầu vệ sinh công nghiệp và thực hành an toàn.

Các biện pháp bảo vệ: Không hít bụi. Khi bị dính phải cần được rửa và tắm vòi sen an toàn. Phải có thiết bị bảo hộ đặc biệt cần thiết.

Biện pháp kỹ thuật: Sử dụng chống nổ máy thông khí với vận tốc quay tối thiểu là 100 ft / min (0,5 m/giây) tại thời điểm tiến hóa hơi. Hãy tham khảo các phiên bản hiện tại của hệ thống thông gió công nghiệp. Một hướng dẫn thực hành Đề xuất công bố tại Hội nghị của Chính phủ công nghiệp vệ sinh Mỹ cho thông tin về thiết kế, lắp đặt, sử dụng và bảo dưỡng hệ thống thoát khí.

Bảo vệ da và cơ thể: Đi giày và mặc quần áo bảo hộ đủ kín để tránh tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm.

9. LÝ TÍNH VÀ HÓA TÍNH

Trạng thái :	Bột mịn
Màu sắc:	Xem Mục 1
PH	Không sử dụng
Phạm vi nóng chảy	80°C-104°C
Điểm bắt lửa:	Không có
Giới hạn nổ tối thiểu	30- 70% (v)
Giới hạn nổ tối đa	Không có
Hòa tan trong nước:	Không đáng kể
Tỉ lệ bay hơi	1%
VOC's	Không có

10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

Những phản ứng nguy hại:	Nguy cơ về bụi bắn
Điều kiện phòng tránh:	Tĩnh điện
Các chất cần tránh:	Các chất axit mạnh và các chất gây oxy hóa

11. THÔNG TIN VỀ SỰ ĐỘC HẠI

Sản phẩm này không có sự độc hại nào.

Sự kích thích da: Bột nhựa có thể gây dị ứng cho da ở các vùng có nếp gấp, khe kẽ hoặc vùng da dưới quần áo chật.

Thành phần:

Nhựa Polyester:	Không độc hại
TGIC:	LD50 : 188mg/kg (đường miệng-chuột)

E-mail: daiphuoxypplast@vnn.vn hoặc daiphuhcm@yahoo.com hoặc daiphu_pkd@yahoo.com.vn

Website://www.daiphu.com.vn



ISO 9001 - 2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84 - 28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84 - 28) 3 765 3386

Canxi cacbonate: LD50 > 500mg/kg (đường miệng-chuột)
Dioxide Titan: LD50 > 10000mg/kg (đường miệng-chuột)
LD50 > 10000mg/kg (về da-thỏ)
Bột màu hữu cơ: D50(oral)>2000mg/kg
Bột màu Oxit Sắt: LD50 > 5000mg/kg (đường miệng-chuột)

12. THÔNG TIN VỀ MÔI TRƯỜNG

Tính độc trong nước không rõ rệt do sự hòa tan cực kỳ thấp.

Nhựa Polyester: Không độc hại
TGIC: Không độc hại
Canxi cacbonate: Độc hại đối với Cá: LC50 = 10000 mg/l/96h
Độc hại đối với thủy sinh: LC50 = 1000 mg/l/49h
Độc hại đối với Tảo: LC50 = 200 mg/l/72h
Dioxide Titan: Không độc hại
Bột màu hữu cơ: LD50 > 2000mg/kg (đường miệng-chuột)
Bột màu Oxit Sắt: Không độc hại

13. XỬ LÝ RÁC THẢI

Cần xử lý rác thải theo đúng qui định của địa phương.

Cần trọng đối với môi trường: Không thổi bụi nhựa trực tiếp ra nguồn nước hay hệ thống cống.
Không để thấm thấu ngấm xuống hệ thống nước ngầm

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Không gây nguy hiểm nào trong quá trình vận chuyển

Có thể vận chuyển bằng tàu hỏa, xe tải, tàu thủy, hàng không.v.v...

15. CÁC THÔNG TIN QUY ĐỊNH

Sản phẩm này được tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn của OSHA 29 CFR 1910.1200 (Ban Quản lý về an toàn và sức khỏe lao động).

Sản phẩm này được kiểm soát bởi Hệ thống các cơ quan Kiểm soát nguyên liệu nguy hại:

- Canadian Workplace Hazardous materials Information System (WHMIS) (Hệ thống thông tin về vật liệu nguy hại của Canada)
- SARA TITTLE III: Section 311/312 Categorization (40CFR370)
- CERCLA Information (40CFR302.4)
- CERCLA Components : Barium sulfate 7727 - 43-7 1,000lbs RQ
- US. Toxic Substances Control Act (TSCA) (Cơ quan quản lý các vật liệu độc hại của Mỹ):
Tất cả các thành phần của sản phẩm này đều phù hợp với tiêu chuẩn được nêu trong qui định của TSCA.

16. CÁC THÔNG TIN KHÁC

DIỄN GIẢI NHỮNG KÍ HIỆU:

E-mail: daiphuoxypplast@vnn.vn hoặc daiphuhcm@yahoo.com hoặc daiphu_pkd@yahoo.com.vn

Website://www.daiphu.com.vn



ISO 9001 - 2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84 - 28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84 - 28) 3 765 3386

ACGIH	American conference of Governmental Industrial Hygienist
BAC	Butyl Acetate
OSHA	Occupational Safety and Health Administration
PEL	Permissible Exposure Limit
STEL	Short term Exposure Limit
TLV	Threshold Limit value
TWA	Time Weighted Average
	Bar denotes a revision from prior SDS

Sản phẩm ở dạng bột có thể tạo thành hỗn hợp bụi.

Sản phẩm nóng chảy sẽ tạo ra sự bốc cháy sinh ra nhiệt.

Người sử dụng sản phẩm cần được đào tạo trước.

Bảng Thông tin này được làm ra với những thông tin đúng đắn với khả năng nghiên cứu của chúng tôi. Thông tin này được làm ra với mục đích hướng dẫn người sử dụng các phương pháp sử dụng, vận chuyển, lưu kho, xử lý một cách an toàn và đảm bảo chất lượng nhất. Bản Thông số này có thể được thay thế bằng bản khác khi có thêm các thông tin mới phù hợp hơn.



ISO 9001-2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84 - 28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84 - 28) 3 765 3386

BẢNG THÔNG SỐ AN TOÀN VẬT LIỆU

1. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ SẢN PHẨM VÀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : DP29/3088/CR(W)
Màu sắc : Bột màu hồng
Nhà cung cấp : CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ
D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc
Quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. THÀNH PHẦN CỦA SẢN PHẨM

Thành phần	Số CAS
Nhựa Polyester (s)	Không độc hại
Chất đóng rắn	2451-62-9
Dioxide Titan	13463-67-7
Bột màu hữu cơ	980-26-7
Canxi cacbonate	1317-65-3

3. XÁC ĐỊNH CÁC MỐI NGUY HẠI

Tổng quan:
Hình dạng: Bột mịn
Màu sắc: Xem Mục 1

HMIS	NHẬN DIỆN MỐI NGUY HIỂM	
Sức khỏe	1	
Tính dễ cháy	0	
Phản ứng	0	
Bảo vệ cá nhân		
	Có thể gây kích ứng da	
	Có thể gây kích ứng mắt	
	Có thể gây kích ứng hệ hô hấp	
	BÁO CÁO PHÒNG NGỪA	

Cần chú ý:

Có thể có hại khi hít vào hoặc nuốt.
Có thể gây ra các vấn đề di truyền học.

Các cơ quan cơ thể có thể chịu tác động

Mắt: Tương tự bất kỳ dị vật nào khi rơi vào mắt có thể gây kích ứng.

Da: Khi tiếp xúc trực tiếp với da, có thể có các hiện tượng dị ứng

Khi hít vào hoặc nuốt: Có thể gây ra hiện tượng đau đầu, buồn nôn.

Các tác hại cụ thể khi hít hoặc nuốt phải, hoặc tiếp xúc trực tiếp với mắt và da:

Canxi cacbonat

Không có biểu hiện nào

E-mail: daiphuoxypplast@vnn.vn hoặc daiphuhcm@yahoo.com hoặc daiphu_pkd@yahoo.com.vn

Website://www.daiphu.com.vn



ISO 9001-2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84-28) 3 765 3386

Dioxide Titan	IARC	Không có biểu hiện cụ thể tại thời điểm này
Dioxide Titan	NIOSH	Không độc hại
Bột màu hữu cơ		Không độc hại

4. SƠ CỨU

Khi hít phải: Cần nhanh chóng cấp cứu và tìm các cơ sở y tế để được tư vấn. Giữ bệnh nhân được ấm và nghỉ ngơi. Cần được hô hấp nhân tạo nếu ngừng thở và đưa ra khu vực có khí thoáng.

Tiếp xúc trực tiếp với da: Cần được tắm rửa ngay bằng nhiều nước sạch. Cởi bỏ quần áo và giày dép bẩn ngay. Giặt sạch quần áo trước khi sử dụng lại.

Roi vào mắt: Cần rửa ngay bằng nhiều nước sạch

Bị nuốt phải: Rửa miệng ngay. Nếu người nằm ngửa bị nôn mửa thì chuyển sang tư thế nằm cấp cứu.

5. KHẢ NĂNG GÂY CHÁY

Điểm bắt lửa:	Không có
Giới hạn nổ tối thiểu	30- 70% (v)
Giới hạn nổ tối đa	Không có
Sự phân tán nhiệt:	Trong khi cháy có thể sinh ra sương mù hoặc khói độc hại cao.

Dập lửa: Có thể dùng nước, Bột khí, Hóa chất hay Khí Cacbon Dioxide Khô.

Cần có đủ quần áo, các thiết bị đặc chủng và các mặt nạ phòng độc cho lính cứu hỏa.
Dập lửa theo các phương pháp vẫn dùng tại địa phương.

6. ĐỀ PHÒNG TAI NẠN

Mỗi cá nhân cần cẩn trọng tránh hít phải bụi.

Sản phẩm có tính độc hại nhất định. Do vậy trong quá trình dọn dẹp, làm vệ sinh cần mang quần áo, giày dép, khi dính bẩn cần giặt sạch bằng xà phòng và nước sạch.

Cần dùng các thiết bị bảo hộ để bảo vệ các khu vực của cơ thể có thể gây nguy hiểm khi tiếp xúc trực tiếp như mắt, mũi, miệng, v.v...

Các điều cần chú ý đối với Môi trường

Không xả trực tiếp ngay ra cống thoát nước.

Cần bao, che chắn cẩn thận khu vực sản xuất không để bụi lọt ra ngoài môi trường.

Chú ý: không để bột rơi ra các khu vực đất xốp có thể làm ngấm tới nước ngầm bên dưới lòng đất.

Phương pháp dọn dẹp làm vệ sinh

Không sử dụng các công cụ có thể gây đánh lửa điện.

Loại bỏ mọi nguy cơ gây cháy nổ.

Không nên dùng chổi hay khí nén thổi tung đám bụi lên.

Cần làm sạch bề mặt các khu vực bị bẩn.



ISO 9001-2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84 - 28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84 - 28) 3 765 3386

7. QUÁ TRÌNH SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN LƯU KHO

Sử dụng:

Xem kỹ Mục 8. Cấm ăn, uống, hút thuốc trong khu vực sử dụng sản phẩm. Nếu có sử dụng quạt, cần mặc đủ các đồ bảo hộ cần thiết. Cần có hệ thống quạt hút bụi, hệ thống thông gió phù hợp tại nơi sử dụng. Không nên để sản phẩm ở ngoài mà không có bao bọc. Không nên tuyển dụng các cá nhân có tiền sử dị ứng hay kích ứng với các chất liệu.

Bảo quản, Lưu Kho:

Điều kiện lưu Kho: Không đòi hỏi điều kiện đặc biệt nào trong quá trình lưu kho. Phải có người trông giữ Kho, không để người không có nhiệm vụ ra vào kho. Kho cần khô ráo và thoáng mát, nên có quạt thông gió.

Thời gian lưu kho: 06 tháng kể từ ngày sản xuất trong điều kiện nhiệt độ $<30^{\circ}\text{C}$

Dữ liệu khác: Không bị phân hủy nếu được lưu trữ và áp dụng theo chỉ dẫn

8. CHI TIẾT CÁC THÀNH PHẦN VÀ ĐỊNH LƯỢNG CÓ THỂ TIẾP XÚC

Giới hạn tiếp xúc được liệt kê dưới đây:

Thành Phần	Tiêu chuẩn	Chủng loại	Định lượng
Canxi cacbonate	ACGIH	TWA	10 mg/m ³
	OSHA_TRANS	PEL	5 mg/m ³
	OSHA_TRANS	PEL	15 mg/m ³
Titanium dioxide	ACGIH	TWA	10mg/m ³
	OSHA_TRANS	PEL	15mg/m ³
	OSHA_Z3		
	Z1A	TWA	10 mg/m ³

Bảo vệ Mắt: Cần dùng kính bảo hộ

Bảo vệ Tay: Đi găng tay bảo hộ, chống hóa chất

Tùy thuộc vào điều kiện môi trường, sản phẩm sử dụng để đưa ra những hướng dẫn liên quan đến an toàn.

Hãy quan sát các hướng dẫn liên quan đến tính hút ẩm, điều kiện này phụ thuộc vào các điều kiện cụ thể của địa phương. Khi đưa sản phẩm vào sử dụng, khi sản phẩm có các vết cắt, mài mòn nên mang găng tay bảo hộ, chống chịu hóa chất để phòng ngừa sự nguy hiểm. Chú ý: Chất liệu có thể bị hư hại do sự ăn mòn hóa học.

Bảo vệ da và cơ thể: mang giày an toàn hoàn chỉnh phù hợp với việc bảo vệ chống hóa chất. Lựa chọn các phương thức bảo vệ cơ thể phù hợp với nồng độ hóa chất và phù hợp với nơi làm việc.

Bảo vệ hệ hô hấp: không cần thiết nếu nồng độ trong không khí được duy trì dưới mức giới hạn tiếp xúc được liệt kê trong thông tin Giới hạn phơi sáng. Trong cuộc họp chương trình bảo vệ hô hấp OSHA 1910.134 và ANSI Z88.2 yêu cầu phải tuân thủ các điều kiện nơi làm việc, bảo đảm sử dụng mặt nạ bảo hộ khi thấy nguy hiểm. Nếu môi trường bị bụi, yêu cầu đeo khẩu trang hoặc mặt nạ lọc không khí thở theo tiêu chuẩn NIOSH phê duyệt.



ISO 9001-2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84-28) 3 765 3386

Biện pháp vệ sinh: Khi sử dụng không hút thuốc, không được ăn hay uống rượu. Giữ quần áo làm việc riêng. Không hít bụi hoặc phun sương. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và ngay lập tức sau khi sử dụng sản phẩm. Xử lý phù hợp yêu cầu vệ sinh công nghiệp và thực hành an toàn.

Các biện pháp bảo vệ: Không hít bụi. Khi bị dính phải cần được rửa và tắm vòi sen an toàn. Phải có thiết bị bảo hộ đặc biệt cần thiết.

Biện pháp kỹ thuật: Sử dụng chống nổ máy thông khí với vận tốc quay tối thiểu là 100 ft / min (0,5 m/giây) tại thời điểm tiến hóa hơi. Hãy tham khảo các phiên bản hiện tại của hệ thống thông gió công nghiệp. Một hướng dẫn thực hành Đề xuất công bố tại Hội nghị của Chính phủ công nghiệp vệ sinh Mỹ cho thông tin về thiết kế, lắp đặt, sử dụng và bảo dưỡng hệ thống thoát khí.

Bảo vệ da và cơ thể: Đi giày và mặc quần áo bảo hộ đủ kín để tránh tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm.

9. LÝ TÍNH VÀ HÓA TÍNH

Trạng thái :	Bột mịn
Màu sắc:	Xem Mục 1
PH	Không sử dụng
Phạm vi nóng chảy	80°C-104°C
Điểm bắt lửa:	Không có
Giới hạn nổ tối thiểu	30- 70% (v)
Giới hạn nổ tối đa	Không có
Hòa tan trong nước:	Không đáng kể
Tỉ lệ bay hơi	1%
VOC's	Không có

10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

Những phản ứng nguy hại:	Nguy cơ về bụi bẩn
Điều kiện phòng tránh:	Tĩnh điện
Các chất cần tránh:	Các chất axit mạnh và các chất gây oxy hóa

11. THÔNG TIN VỀ SỰ ĐỘC HẠI

Sản phẩm này không có sự độc hại nào.

Sự kích thích da: Bột nhựa có thể gây dị ứng cho da ở các vùng có nếp gấp, khe kẽ hoặc vùng da dưới quần áo chật.

Thành phần:

Nhựa Polyester:	Không độc hại
TGIC:	LD50 : 188mg/kg (đường miệng-chuột)
Canxi cacbonate:	LD50 = 6450mg/kg (đường miệng-chuột) LD50 > 10000mg/kg (về da-thỏ)
Bột màu hữu cơ:	Không độc hại

12. THÔNG TIN VỀ MÔI TRƯỜNG

Tính độc trong nước không rõ rệt do sự hòa tan cực kỳ thấp.

E-mail: daiphuoxypplast@vnn.vn hoặc daiphuhcm@yahoo.com hoặc daiphu_pkd@yahoo.com.vn

Website://www.daiphu.com.vn



ISO 9001-2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84-28) 3 765 3386

Nhựa Polyester:	Không độc hại
TGIC:	Không độc hại
Canxi cacbonate:	Độc hại đối với Cá: LC50 = 10000 mg/l/96h Độc hại đối với thủy sinh: LC50 = 1000 mg/l/49h Độc hại đối với Tảo: LC50 = 200 mg/l/72h
Dioxide Titan:	Không độc hại
Bột màu hữu cơ:	Không độc hại

13. XỬ LÝ RÁC THẢI

Cần xử lý rác thải theo đúng qui định của địa phương.

Cẩn trọng đối với môi trường: Không thổi bụi nhựa trực tiếp ra nguồn nước hay hệ thống cống.

Không để thấm thấu ngấm xuống hệ thống nước ngầm

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Không gây nguy hiểm nào trong quá trình vận chuyển

Có thể vận chuyển bằng tàu hỏa, xe tải, tàu thủy, hàng không.v.v...

15. CÁC THÔNG TIN QUY ĐỊNH

Sản phẩm này được tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn của OSHA 29 CFR 1910.1200 (Ban Quản lý về an toàn và sức khỏe lao động).

Sản phẩm này được kiểm soát bởi Hệ thống các cơ quan Kiểm soát nguyên liệu nguy hại:

- Canadian Workplace Hazardous materials Information System (WHMIS) (Hệ thống thông tin về vật liệu nguy hại của Canada)
- SARA TITTLE III: Section 311/312 Categorization (40CFR370)
- CERCLA Information (40CFR302.4)
- CERCLA Components : Barium sulfate 7727 – 43-7 1,000lbs RQ
- US. Toxic Substances Control Act (TSCA) (Cơ quan quản lý các vật liệu độc hại của Mỹ):
Tất cả các thành phần của sản phẩm này đều phù hợp với tiêu chuẩn được nêu trong qui định của TSCA.

16. CÁC THÔNG TIN KHÁC

DIỄN GIẢI NHỮNG KÍ HIỆU:

ACGIH	American conference of Governmental Industrial Hygienist
BAC	Butyl Acetate
OSHA	Occupational Safety and Health Administration
PEL	Permissible Exposure Limit
STEL	Short term Exposure Limit
TLV	Threshold Limit value
TWA	Time Weighted Average
	Bar denotes a revision from prior SDS

E-mail: daiphuoxypplast@vnn.vn hoặc daiphuhcm@yahoo.com hoặc daiphu_pkd@yahoo.com.vn

Website://www.daiphu.com.vn



ISO 9001 - 2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84 - 28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84 - 28) 3 765 3386

Sản phẩm ở dạng bột có thể tạo thành hỗn hợp bụi.
Sản phẩm nóng chảy sẽ tạo ra sự bốc cháy sinh ra nhiệt.
Người sử dụng sản phẩm cần được đào tạo trước.

Bảng Thông tin này được làm ra với những thông tin đúng đắn với khả năng nghiên cứu của chúng tôi. Thông tin này được làm ra với mục đích hướng dẫn người sử dụng các phương pháp sử dụng, vận chuyển, lưu kho, xử lý một cách an toàn và đảm bảo chất lượng nhất. Bản Thông số này có thể được thay thế bằng bản khác khi có thêm các thông tin mới phù hợp hơn.



ISO 9001-2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: .Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84 -28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84- 28) 3 765 3386

BẢNG THÔNG SỐ AN TOÀN VẬT LIỆU

1. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ SẢN PHẨM VÀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : DP29/5011/CR(W)
Màu sắc : Bột màu xanh
Nhà cung cấp : CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ
D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc
Quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. THÀNH PHẦN CỦA SẢN PHẨM

Thành phần	Số CAS
Nhựa Polyester (s)	Không độc hại
Chất đóng rắn	2451-62-9
Dioxide Titan	13463-67-7
Bột màu hữu cơ	147-14-8
Ô xít sắt	51274-00-1
Canxi cacbonate	1317-65-3

3. XÁC ĐỊNH CÁC MỐI NGUY HẠI

Tổng quan:
Hình dạng: Bột mịn
Màu sắc: Xem Mục 1

HMIS	NHẬN DIỆN MỐI NGUY HIỂM	
Sức khỏe	1	
Tính dễ cháy	0	
Phản ứng	0	
Bảo vệ cá nhân		
	BÁO CÁO PHÒNG NGỪA	

Cần chú ý:

Có thể có hại khi hít vào hoặc nuốt.
Có thể gây ra các vấn đề di truyền học.

Các cơ quan cơ thể có thể chịu tác động

Mắt: Tương tự bất kỳ dị vật nào khi rơi vào mắt có thể gây kích ứng.

Da: Khi tiếp xúc trực tiếp với da, có thể có các hiện tượng dị ứng

Khi hít vào hoặc nuốt: Có thể gây ra hiện tượng đau đầu, buồn nôn.

Các tác hại cụ thể khi hít hoặc nuốt phải, hoặc tiếp xúc trực tiếp với mắt và da:

E-mail: daiphuoxypplast@vnn.vn hoặc daiphuhcm@yahoo.com hoặc daiphu_pkd@yahoo.com.vn

Website://www.daiphu.com.vn



ISO 9001 - 2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84 - 28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84 - 28) 3 765 3386

Canxi cacbonat		Không có biểu hiện nào
Dioxide Titan	IARC	Không có biểu hiện cụ thể tại thời điểm này
Dioxide Titan	NIOSH	Không độc hại
Bột màu hữu cơ		Không độc hại
Oxit sắt		Có độc hại

4. SƠ CỨU

Khi hít phải: Cần nhanh chóng cấp cứu và tìm các cơ sở y tế để được tư vấn. Giữ bệnh nhân được ấm và nghỉ ngơi. Cần được hô hấp nhân tạo nếu ngừng thở và đưa ra khu vực có khí thoáng.

Tiếp xúc trực tiếp với da: Cần được tắm rửa ngay bằng nhiều nước sạch. Cởi bỏ quần áo và dây dép bẩn ngay. Giặt sạch quần áo trước khi sử dụng lại.

Rơi vào mắt: Cần rửa ngay bằng nhiều nước sạch

Bị nuốt phải: Rửa miệng ngay. Nếu người nằm ngửa bị nôn mửa thì chuyển sang tư thế nằm cấp cứu.

5. KHẢ NĂNG GÂY CHÁY

Điểm bắt lửa:	Không có
Giới hạn nổ tối thiểu	30- 70% (v)
Giới hạn nổ tối đa	Không có
Sự phân tán nhiệt:	Trong khi cháy có thể sinh ra sương mù hoặc khói độc hại cao.

Dập lửa: Có thể dùng nước, Bột khí, Hóa chất hay Khí Cacbon Dioxide Khô.

Cần có đủ quần áo, các thiết bị đặc chủng và các mặt nạ phòng độc cho lính cứu hỏa.

Dập lửa theo các phương pháp vẫn dùng tại địa phương.

6. PHÒNG TAI NẠN

Mỗi cá nhân cần cẩn trọng tránh hít phải bụi.

Sản phẩm có tính độc hại nhất định. Do vậy trong quá trình dọn dẹp, làm vệ sinh cần mang quần áo, dây đeo, khi dính bẩn cần giặt sạch bằng xà phòng và nước sạch.

Cần dùng các thiết bị bảo hộ để bảo vệ các khu vực của cơ thể có thể gây nguy hiểm khi tiếp xúc trực tiếp như mắt, mũi, miệng, v.v...

Các điều cần chú ý đối với Môi trường

Không xả trực tiếp ngay ra cống thoát nước.

Cần bao, che chắn cẩn thận khu vực sản xuất không để bụi lọt ra ngoài môi trường.

Chú ý: không để bột rơi ra các khu vực đất xốp có thể làm ngấm tới nước ngầm bên dưới lòng đất.

Phương pháp dọn dẹp làm vệ sinh

Không sử dụng các công cụ có thể gây đánh lửa điện.

Loại bỏ mọi nguy cơ gây cháy nổ.

E-mail: daiphuoxypplast@vnn.vn hoặc daiphuhcm@yahoo.com hoặc daiphu_pkd@yahoo.com.vn

Website://www.daiphu.com.vn



ISO 9001-2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84-28) 3 765 3386

Không nên dùng chổi hay khí nén thổi tung đám bụi lên.
Cần làm sạch bề mặt các khu vực bị bắn.

7. QUÁ TRÌNH SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN LƯU KHO

Sử dụng:

Xem kỹ Mục 8. Cấm ăn, uống, hút thuốc trong khu vực sử dụng sản phẩm. Nếu có sử dụng quạt, cần mặc đủ các đồ bảo hộ cần thiết. Cần có hệ thống quạt hút bụi, hệ thống thông gió phù hợp tại nơi sử dụng. Không nên để sản phẩm ở ngoài mà không có bao bọc. Không nên tuyển dụng các cá nhân có tiền sử dị ứng hay kích ứng với các chất liệu.

Bảo quản, Lưu Kho:

Điều kiện lưu kho: Không đòi hỏi điều kiện đặc biệt nào trong quá trình lưu kho. Phải có người trông giữ kho, không để người không có nhiệm vụ ra vào kho. Kho cần khô ráo và thoáng mát, nên có quạt thông gió.

Thời gian lưu kho: 06 tháng kể từ ngày sản xuất trong điều kiện nhiệt độ $<30^{\circ}\text{C}$.

Dữ liệu khác: Không bị phân hủy nếu được lưu trữ và áp dụng theo chỉ dẫn

8. CHI TIẾT CÁC THÀNH PHẦN VÀ ĐỊNH LƯỢNG CÓ THỂ TIẾP XÚC

Giới hạn tiếp xúc được liệt kê dưới đây:

Thành Phần	Tiêu chuẩn	Chủng loại	Định lượng
Canxi cacbonate	ACGIH	TWA	10 mg/m ³
	OSHA_TRANS	PEL	5 mg/m ³
	OSHA_TRANS	PEL	15 mg/m ³
Titanium dioxide	ACGIH	TWA	10mg/m ³
	OSHA_TRANS	PEL	15mg/m ³
	OSHA_Z3		
	Z1A	TWA	10 mg/m ³
Triglycidyl isocyanuarate (TGIC)	ACGIH	TWA	0.05mg/m ³

Bảo vệ Mắt: Cần dùng kính bảo hộ

Bảo vệ Tay: Đi găng tay bảo hộ, chống hóa chất

Tùy thuộc vào điều kiện môi trường, sản phẩm sử dụng để đưa ra những hướng dẫn liên quan đến an toàn.

Hãy quan sát các hướng dẫn liên quan đến tính hút ẩm, điều kiện này phụ thuộc vào các điều kiện cụ thể của địa phương. Khi đưa sản phẩm vào sử dụng, khi sản phẩm có các vết cắt, mài mòn nên mang găng tay bảo hộ, chống chịu hóa chất để phòng ngừa sự nguy hiểm. Chú ý: Chất liệu có thể bị hư hại do sự ăn mòn hóa học.

Bảo vệ da và cơ thể: mang giày an toàn hoàn chỉnh phù hợp với việc bảo vệ chống hóa chất. Lựa chọn các phương thức bảo vệ cơ thể phù hợp với nồng độ hóa chất và phù hợp với nơi làm việc.



ISO 9001-2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84-28) 3 765 3386

Bảo vệ hệ hô hấp: không cần thiết nếu nồng độ trong không khí được duy trì dưới mức giới hạn tiếp xúc được liệt kê trong thông tin Giới hạn phơi sáng. Trong cuộc họp chương trình bảo vệ hô hấp OSHA 1910.134 và ANSI Z88.2 yêu cầu phải tuân thủ các điều kiện nơi làm việc, bảo đảm sử dụng mặt nạ bảo hộ khi thấy nguy hiểm. Nếu môi trường bị bụi, yêu cầu đeo khẩu trang hoặc mặt nạ lọc không khí thở theo tiêu chuẩn NIOSH phê duyệt.

Biện pháp vệ sinh: Khi sử dụng không hút thuốc, không được ăn hay uống rượu. Giữ quần áo làm việc riêng. Không hít bụi hoặc phun sương. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và ngay lập tức sau khi sử dụng sản phẩm. Xử lý phù hợp yêu cầu vệ sinh công nghiệp và thực hành an toàn.

Các biện pháp bảo vệ: Không hít bụi. Khi bị dính phải cần được rửa và tắm với xà phòng an toàn. Phải có thiết bị bảo hộ đặc biệt cần thiết.

Biện pháp kỹ thuật: Sử dụng chống nổ máy thông khí với vận tốc quay tối thiểu là 100 ft / min (0,5 m/giây) tại thời điểm tiến hóa hơi. Hãy tham khảo các phiên bản hiện tại của hệ thống thông gió công nghiệp. Một hướng dẫn thực hành Đề xuất công bố tại Hội nghị của Chính phủ công nghiệp vệ sinh Mỹ cho thông tin về thiết kế, lắp đặt, sử dụng và bảo dưỡng hệ thống thoát khí.

Bảo vệ da và cơ thể: Đi giày và mặc quần áo bảo hộ đủ kín để tránh tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm.

9. LÝ TÍNH VÀ HÓA TÍNH

Trạng thái :	Bột mịn
Màu sắc:	Xem Mục 1
PH	Không sử dụng
Phạm vi nóng chảy	80°C-104°C
Điểm bắt lửa:	Không có
Giới hạn nổ tối thiểu	30- 70% (v)
Giới hạn nổ tối đa	Không có
Hòa tan trong nước:	Không đáng kể
Tỉ lệ bay hơi	1%
VOC's	Không có

10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

Những phản ứng nguy hại:	Nguy cơ về bụi bẩn
Điều kiện phòng tránh:	Tĩnh điện
Các chất cần tránh:	Các chất axit mạnh và các chất gây oxy hóa

11. THÔNG TIN VỀ SỰ ĐỘC HẠI

Sản phẩm này không có sự độc hại nào.

Sự kích thích da: Bột nhựa có thể gây dị ứng cho da ở các vùng có nếp gấp, khe kẽ hoặc vùng da dưới quần áo chật.

Thành phần:

Nhựa Polyester: Không độc

E-mail: daiphuoxypplast@vnn.vn hoặc daiphuhcm@yahoo.com hoặc daiphu_pkd@yahoo.com.vn

Website://www.daiphu.com.vn



ISO 9001 - 2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84 - 28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84 - 28) 3 765 3386

TGIC: LD50 : 188mg/kg (đường miệng-chuột)
Canxi cacbonate: LD50 > 500mg/kg (đường miệng-chuột)
Dioxide Titan: LD50 > 10000mg/kg (đường miệng-chuột)
LD50 > 10000mg/kg (về da-thỏ)
Bột màu hữu cơ: LD 50>6400 mg/kg(rat oral)
Bột màu Oxit Sắt: LD50 > 5000mg/kg (đường miệng-chuột)

12. THÔNG TIN VỀ MÔI TRƯỜNG

Tính độc trong nước không rõ rệt do sự hòa tan cực kỳ thấp.

Nhựa Polyester: Không độc hại
TGIC: Không độc hại
Canxi cacbonate: Độc hại đối với Cá: LC50 = 10000 mg/l/96h
Độc hại đối với thủy sinh: LC50 = 1000 mg/l/49h
Độc hại đối với Tảo: LC50 = 200 mg/l/72h
Dioxide Titan: Không độc hại
Bột màu hữu cơ: Không độc hại
Bột màu Oxit Sắt: Không độc hại

13. XỬ LÝ RÁC THẢI

Cần xử lý rác thải theo đúng qui định của địa phương.

Cần trọng đối với môi trường: Không thổi bụi nhựa trực tiếp ra nguồn nước hay hệ thống cống.

Không để thấm thấu ngấm xuống hệ thống nước ngầm

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Không gây nguy hiểm nào trong quá trình vận chuyển

Có thể vận chuyển bằng tàu hỏa, xe tải, tàu thủy, hàng không.v.v...

15. CÁC THÔNG TIN QUY ĐỊNH

Sản phẩm này được tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn của OSHA 29 CFR 1910.1200 (Ban Quản lý về an toàn và sức khỏe lao động).

Sản phẩm này được kiểm soát bởi Hệ thống các cơ quan Kiểm soát nguyên liệu nguy hại:

- Canadian Workplace Hazardous materials Information System (WHMIS) (Hệ thống thông tin về vật liệu nguy hại của Canada)
- SARA TITTLE III: Section 311/312 Categorization (40CFR370)
- CERCLA Information (40CFR302.4)
- CERCLA Components : Barium sulfate 7727 – 43-7 1,000lbs RQ
- US. Toxic Substances Control Act (TSCA) (Cơ quan quản lý các vật liệu độc hại của Mỹ):
Tất cả các thành phần của sản phẩm này đều phù hợp với tiêu chuẩn được nêu trong qui định của TSCA.

16. CÁC THÔNG TIN KHÁC

E-mail: daiphuoxypplast@vnn.vn hoặc daiphuhcm@yahoo.com hoặc daiphu_pkd@yahoo.com.vn

Website://www.daiphu.com.vn



ISO 9001-2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84-28) 3 765 3386

DIỄN GIẢI NHỮNG KÍ HIỆU:

ACGIH	American conference of Governmental Industrial Hygienist
BAC	Butyl Acetate
OSHA	Occupational Safety and Health Administration
PEL	Permissible Exposure Limit
STEL	Short term Exposure Limit
TLV	Threshold Limit value
TWA	Time Weighted Average
	Bar denotes a revision from prior SDS

Sản phẩm ở dạng bột có thể tạo thành hỗn hợp bụi.

Sản phẩm nóng chảy sẽ tạo ra sự bốc cháy sinh ra nhiệt.

Người sử dụng sản phẩm cần được đào tạo trước.

Bảng Thông tin này được làm ra với những thông tin đúng đắn với khả năng nghiên cứu của chúng tôi. Thông tin này được làm ra với mục đích hướng dẫn người sử dụng các phương pháp sử dụng, vận chuyển, lưu kho, xử lý một cách an toàn và đảm bảo chất lượng nhất. Bản Thông số này có thể được thay thế bằng bản khác khi có thêm các thông tin mới phù hợp hơn.



ISO 9001-2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84 - 28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84 - 28) 3 765 3386

BẢNG THÔNG SỐ AN TOÀN VẬT LIỆU

1. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ SẢN PHẨM VÀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : DP29/5040/CR(W)
Màu sắc : Bột màu xanh
Nhà cung cấp : CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ
D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc
Quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. THÀNH PHẦN CỦA SẢN PHẨM

Thành phần	Số CAS
Nhựa Polyester (s)	Không độc hại
Chất đông rắn	2451-62-9
Dioxide Titan	13463-67-7
Bột màu hữu cơ	147-14-8
Canxi cacbonate	1317-65-3

3. XÁC ĐỊNH CÁC MỐI NGUY HẠI

Tổng quan:
Hình dạng: Bột mịn
Màu sắc: Xem Mục 1

HMIS	NHẬN DIỆN MỐI NGUY HIỂM	
Sức khỏe	1	
Tính dễ cháy	0	
Phản ứng	0	
Bảo vệ cá nhân		
	Có thể gây kích ứng da	
	Có thể gây kích ứng mắt	
	Có thể gây kích ứng hệ hô hấp	
	BÁO CÁO PHÒNG NGỪA	

Cần chú ý:

Có thể có hại khi hít vào hoặc nuốt.
Có thể gây ra các vấn đề di truyền học.

Các cơ quan cơ thể có thể chịu tác động

Mắt: Tương tự bất kỳ dị vật nào khi rơi vào mắt có thể gây kích ứng.

Da: Khi tiếp xúc trực tiếp với da, có thể có các hiện tượng dị ứng

Khi hít vào hoặc nuốt: Có thể gây ra hiện tượng đau đầu, buồn nôn.

Các tác hại cụ thể khi hít hoặc nuốt phải, hoặc tiếp xúc trực tiếp với mắt và da:

Canxi cacbonat

Không có biểu hiện nào

E-mail: daiphuoxypplast@vnn.vn hoặc daiphuhcm@yahoo.com hoặc daiphu_pkd@yahoo.com.vn

Website://www.daiphu.com.vn



ISO 9001-2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM.

Điện thoại: (84 - 28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84 - 28) 3 765 3386

Dioxide Titan	IARC	Không có biểu hiện cụ thể tại thời điểm này
Dioxide Titan	NIOSH	Không độc hại
Bột màu hữu cơ		Không độc hại

4. SƠ CỨU

Khi hít phải: Cần nhanh chóng cấp cứu và tìm các cơ sở y tế để được tư vấn. Giữ bệnh nhân được ấm và nghỉ ngơi. Cần được hô hấp nhân tạo nếu ngừng thở và đưa ra khu vực có khí thoáng.

Tiếp xúc trực tiếp với da: Cần được tắm rửa ngay bằng nhiều nước sạch. Cởi bỏ quần áo và giày dép bẩn ngay. Giặt sạch quần áo trước khi sử dụng lại.

Roi vào mắt: Cần rửa ngay bằng nhiều nước sạch

Bị nuốt phải: Rửa miệng ngay. Nếu người nằm ngửa bị nôn mửa thì chuyển sang tư thế nằm cấp cứu.

5. KHẢ NĂNG GÂY CHÁY

Điểm bắt lửa:	Không có
Giới hạn nổ tối thiểu	30- 70% (v)
Giới hạn nổ tối đa	Không có
Sự phân tán nhiệt:	Trong khi cháy có thể sinh ra sương mù hoặc khói độc hại cao.

Dập lửa: Có thể dùng nước, Bột khí, Hóa chất hay Khí Cacbon Dioxide Khô.

Cần có đủ quần áo, các thiết bị đặc chủng và các mặt nạ phòng độc cho lính cứu hỏa.

Dập lửa theo các phương pháp vẫn dùng tại địa phương.

6. ĐỀ PHÒNG TAI NẠN

Mỗi cá nhân cần cẩn trọng tránh hít phải bụi.

Sản phẩm có tính độc hại nhất định. Do vậy trong quá trình dọn dẹp, làm vệ sinh cần mang quần áo, giày dép, khi dính bẩn cần giặt sạch bằng xà phòng và nước sạch.

Cần dùng các thiết bị bảo hộ để bảo vệ các khu vực của cơ thể có thể gây nguy hiểm khi tiếp xúc trực tiếp như mắt, mũi, miệng, v.v...

Các điều cần chú ý đối với Môi trường

Không xả trực tiếp ngay ra cống thoát nước.

Cần bao, che chắn cẩn thận khu vực sản xuất không để bụi lọt ra ngoài môi trường.

Chú ý: không để bột rơi ra các khu vực đất xốp có thể làm ngấm tới nước ngầm bên dưới lòng đất.

Phương pháp dọn dẹp làm vệ sinh

Không sử dụng các công cụ có thể gây đánh lửa điện.

Loại bỏ mọi nguy cơ gây cháy nổ.

Không nên dùng chổi hay khí nén thổi tung đám bụi lên.

Cần làm sạch bề mặt các khu vực bị bẩn.



ISO 9001-2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84 -28) 3 765 2522 (4 lines) – 5425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84- 28) 3 765 3386

7. QUÁ TRÌNH SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN LƯU KHO

Sử dụng:

Xem kỹ Mục 8. Cấm ăn, uống, hút thuốc trong khu vực sử dụng sản phẩm. Nếu có sử dụng quạt, cần mặc đủ các đồ bảo hộ cần thiết. Cần có hệ thống quạt hút bụi, hệ thống thông gió phù hợp tại nơi sử dụng. Không nên để sản phẩm ở ngoài mà không có bao bọc. Không nên tuyển dụng các cá nhân có tiền sử dị ứng hay kích ứng với các chất liệu.

Bảo quản, Lưu Kho:

Điều kiện lưu Kho: Không đòi hỏi điều kiện đặc biệt nào trong quá trình lưu kho. Phải có người trông giữ Kho, không để người không có nhiệm vụ ra vào kho. Kho cần khô ráo và thoáng mát, nên có quạt thông gió.

Thời gian lưu kho: 06 tháng kể từ ngày sản xuất trong điều kiện nhiệt độ <30°C

Dữ liệu khác: Không bị phân hủy nếu được lưu trữ và áp dụng theo chỉ dẫn

8. CHI TIẾT CÁC THÀNH PHẦN VÀ ĐỊNH LƯỢNG CÓ THỂ TIẾP XÚC

Giới hạn tiếp xúc được liệt kê dưới đây:

Thành Phần	Tiêu chuẩn	Chủng loại	Định lượng
Canxi cacbonate	ACGIH	TWA	10 mg/m ³
	OSHA_TRANS	PEL	5 mg/m ³
	OSHA_TRANS	PEL	15 mg/m ³
Titanium dioxide	ACGIH	TWA	10mg/m ³
	OSHA_TRANS	PEL	15mg/m ³
	OSHA_Z3		
	Z1A	TWA	10 mg/m ³
Triglycidyl isocyanuarate (TGIC)	ACGIH	TWA	0.05mg/m ³

Bảo vệ Mắt: Cần dùng kính bảo hộ

Bảo vệ Tay: Đi găng tay bảo hộ, chống hóa chất

Tùy thuộc vào điều kiện môi trường, sản phẩm sử dụng để đưa ra những hướng dẫn liên quan đến an toàn.

Hãy quan sát các hướng dẫn liên quan đến tính hút ẩm, điều kiện này phụ thuộc vào các điều kiện cụ thể của địa phương. Khi đưa sản phẩm vào sử dụng, khi sản phẩm có các vết cắt, mài mòn nên mang găng tay bảo hộ, chống chịu hóa chất để phòng ngừa sự nguy hiểm. Chú ý: Chất liệu có thể bị hư hại do sự ăn mòn hóa học.

Bảo vệ da và cơ thể: mang giày an toàn hoàn chỉnh phù hợp với việc bảo vệ chống hóa chất. Lựa chọn các phương thức bảo vệ cơ thể phù hợp với nồng độ hóa chất và phù hợp với nơi làm việc.



ISO 9001 - 2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84 - 28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84 - 28) 3 765 3386

Bảo vệ hệ hô hấp: không cần thiết nếu nồng độ trong không khí được duy trì dưới mức giới hạn tiếp xúc được liệt kê trong thông tin Giới hạn phơi sáng. Trong cuộc họp chương trình bảo vệ hô hấp OSHA 1910.134 và ANSI Z88.2 yêu cầu phải tuân thủ các điều kiện nơi làm việc, bảo đảm sử dụng mặt nạ bảo hộ khi thấy nguy hiểm. Nếu môi trường bị bụi, yêu cầu đeo khẩu trang hoặc mặt nạ lọc không khí thở theo tiêu chuẩn NIOSH phê duyệt.

Biện pháp vệ sinh: Khi sử dụng không hút thuốc, không được ăn hay uống rượu. Giữ quần áo làm việc riêng. Không hít bụi hoặc phun sương. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và ngay lập tức sau khi sử dụng sản phẩm. Xử lý phù hợp yêu cầu vệ sinh công nghiệp và thực hành an toàn.

Các biện pháp bảo vệ: Không hít bụi. Khi bị dính phải cần được rửa và tắm vòi sen an toàn. Phải có thiết bị bảo hộ đặc biệt cần thiết.

Biện pháp kỹ thuật: Sử dụng chống nổ máy thông khí với vận tốc quay tối thiểu là 100 ft / min (0,5 m/giây) tại thời điểm tiến hóa hơi. Hãy tham khảo các phiên bản hiện tại của hệ thống thông gió công nghiệp. Một hướng dẫn thực hành Đề xuất công bố tại Hội nghị của Chính phủ công nghiệp vệ sinh Mỹ cho thông tin về thiết kế, lắp đặt, sử dụng và bảo dưỡng hệ thống thoát khí.

Bảo vệ da và cơ thể: Đi giày và mặc quần áo bảo hộ đủ kín để tránh tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm.

9. LÝ TÍNH VÀ HÓA TÍNH

Trạng thái :	Bột mịn
Màu sắc:	Xem Mục 1
PH	Không sử dụng
Phạm vi nóng chảy	80°C-104°C
Điểm bắt lửa:	Không có
Giới hạn nổ tối thiểu	30- 70% (v)
Giới hạn nổ tối đa	Không có
Hòa tan trong nước:	Không đáng kể
Tỉ lệ bay hơi	1%
VOC's	Không có

10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

Những phản ứng nguy hại:	Nguy cơ về bụi bản
Điều kiện phòng tránh:	Tĩnh điện
Các chất cần tránh:	Các chất axit mạnh và các chất gây oxy hóa

11. THÔNG TIN VỀ SỰ ĐỘC HẠI

Sản phẩm này không có sự độc hại nào.

Sự kích thích da: Bột nhựa có thể gây dị ứng cho da ở các vùng có nếp gấp, khe kẽ hoặc vùng da dưới quần áo chật.

Thành phần:

Nhựa Polyester:

E-mail: daiphuoxypplast@vnn.vn hoặc daiphuhcm@yahoo.com hoặc daiphu_pkd@yahoo.com.vn

Website://www.daiphu.com.vn



ISO 9001-2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: . Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84 - 28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84- 28) 3 765 3386

Nhựa Polyester: Không độc hại
TGIC: LD50 : 188mg/kg (đường miệng-chuột)
Canxi cacbonate: LD50 > 500mg/kg (đường miệng-chuột)
Dioxide Titan: LD50 > 10000mg/kg (đường miệng-chuột)
LD50 > 10000mg/kg (về da-thỏ)
Bột màu hữu cơ: LD 50>6400 mg/kg(rat oral)

12. THÔNG TIN VỀ MÔI TRƯỜNG

Tính độc trong nước không rõ rệt do sự hòa tan cực kỳ thấp.

Nhựa Polyester: Không độc hại
TGIC: Không độc hại
Canxi cacbonate: Độc hại đối với Cá: LC50 = 10000 mg/l/96h
Độc hại đối với thủy sinh: LC50 = 1000 mg/l/49h
Độc hại đối với Tảo: LC50 = 200 mg/l/72h
Dioxide Titan: Không độc hại
Bột màu hữu cơ: Không độc hại

13. XỬ LÝ RÁC THẢI

Cần xử lý rác thải theo đúng qui định của địa phương.

Cần trọng đối với môi trường: Không thổi bụi nhựa trực tiếp ra nguồn nước hay hệ thống cống.
Không để thấm thấu ngấm xuống hệ thống nước ngầm

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Không gây nguy hiểm nào trong quá trình vận chuyển

Có thể vận chuyển bằng tàu hỏa, xe tải, tàu thủy, hàng không.v.v...

15. CÁC THÔNG TIN QUY ĐỊNH

Sản phẩm này được tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn của OSHA 29 CFR 1910.1200 (Ban Quản lý về an toàn và sức khỏe lao động).

Sản phẩm này được kiểm soát bởi Hệ thống các cơ quan Kiểm soát nguyên liệu nguy hại:

- Canadian Workplace Hazardous materials Information System (WHMIS) (Hệ thống thông tin về vật liệu nguy hại của Canada)
- SARA TITTLE III: Section 311/312 Categorization (40CFR370)
- CERCLA Information (40CFR302.4)
- CERCLA Components : Barium sulfate 7727 – 43-7 1,000lbs RQ
- US. Toxic Substances Control Act (TSCA) (Cơ quan quản lý các vật liệu độc hại của Mỹ):
Tất cả các thành phần của sản phẩm này đều phù hợp với tiêu chuẩn được nêu trong qui định của TSCA.

16. CÁC THÔNG TIN KHÁC

E-mail: daiphuoxypplast@vnn.vn hoặc daiphuhcm@yahoo.com hoặc daiphu_pkd@yahoo.com.vn

Website://www.daiphu.com.vn



ISO 9001-2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84 - 28) 3 7 65 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84 - 28) 3 7 65 338 6

DIỄN GIẢI NHỮNG KÍ HIỆU:

ACGIH	American conference of Governmental Industrial Hygienist
BAC	Butyl Acetate
OSHA	Occupational Safety and Health Administration
PEL	Permissible Exposure Limit
STEL	Short term Exposure Limit
TLV	Threshold Limit value
TWA	Time Weighted Average
	Bar denotes a revision from prior SDS

Sản phẩm ở dạng bột có thể tạo thành hỗn hợp bụi.

Sản phẩm nóng chảy sẽ tạo ra sự bốc cháy sinh ra nhiệt.

Người sử dụng sản phẩm cần được đào tạo trước.

Bảng Thông tin này được làm ra với những thông tin đúng đắn với khả năng nghiên cứu của chúng tôi. Thông tin này được làm ra với mục đích hướng dẫn người sử dụng các phương pháp sử dụng, vận chuyển, lưu kho, xử lý một cách an toàn và đảm bảo chất lượng nhất. Bản Thông số này có thể được thay thế bằng bản khác khi có thêm các thông tin mới phù hợp hơn.



ISO 9001-2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84 - 28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84 - 28) 3 765 3386

BẢNG THÔNG SỐ AN TOÀN VẬT LIỆU

1. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ SẢN PHẨM VÀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : DP29/6087/CR(W)
Màu sắc : Bột màu xanh
Nhà cung cấp : CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ
D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc
Quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. THÀNH PHẦN CỦA SẢN PHẨM

Thành phần	Số CAS
Nhựa Polyester (s)	Không độc hại
Chất đóng rắn	2451-62-9
Dioxide Titan	13463-67-7
Bột màu hữu cơ	147-14-8
Ô xít sắt	51274-00-1
Canxi cacbonate	1317-65-3

3. XÁC ĐỊNH CÁC MỐI NGUY HẠI

Tổng quan:
Hình dạng: Bột mịn
Màu sắc: Xem Mục 1

HMIS	NHẬN DIỆN MỐI NGUY HIỂM	
Sức khỏe	1	
Tính dễ cháy	0	
Phản ứng	0	
Bảo vệ cá nhân		
	CÓ THỂ GÂY KÍCH ỨNG DA	
	CÓ THỂ GÂY KÍCH ỨNG MẮT	
	CÓ THỂ GÂY KÍCH ỨNG HỆ HÔ HẤP	
	BÁO CÁO PHÒNG NGỪA	

Cần chú ý:

Có thể có hại khi hít vào hoặc nuốt.
Có thể gây ra các vấn đề di truyền học.

Các cơ quan cơ thể có thể chịu tác động

Mắt: Tương tự bất kỳ dị vật nào khi rơi vào mắt có thể gây kích ứng.

Da: Khi tiếp xúc trực tiếp với da, có thể có các hiện tượng dị ứng

Khi hít vào hoặc nuốt: Có thể gây ra hiện tượng đau đầu, buồn nôn.

Các tác hại cụ thể khi hít hoặc nuốt phải, hoặc tiếp xúc trực tiếp với mắt và da:

E-mail: daiphuoxypplast@vnn.vn hoặc daiphuhcm@yahoo.com hoặc daiphu_pkd@yahoo.com.vn

Website://www.daiphu.com.vn



ISO 9001 - 2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84 - 28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84 - 28) 3 765 3386

Canxi cacbonat		Không có biểu hiện nào
Dioxide Titan	IARC	Không có biểu hiện cụ thể tại thời điểm này
Dioxide Titan	NIOSH	Không độc hại
Bột màu hữu cơ		Không độc hại
Oxit sắt		Có độc hại

4. SƠ CỨU

Khi hít phải: Cần nhanh chóng cấp cứu và tìm các cơ sở y tế để được tư vấn. Giữ bệnh nhân được ấm và nghỉ ngơi. Cần được hô hấp nhân tạo nếu ngừng thở và đưa ra khu vực có khí thoáng.

Tiếp xúc trực tiếp với da: Cần được tắm rửa ngay bằng nhiều nước sạch. Cởi bỏ quần áo và dây dép bẩn ngay. Giặt sạch quần áo trước khi sử dụng lại.

Roi vào mắt: Cần rửa ngay bằng nhiều nước sạch

Bị nuốt phải: Rửa miệng ngay. Nếu người nằm ngửa bị nôn mửa thì chuyển sang tư thế nằm cấp cứu.

5. KHẢ NĂNG GÂY CHÁY

Điểm bắt lửa:	Không có
Giới hạn nổ tối thiểu	30- 70% (v)
Giới hạn nổ tối đa	Không có
Sự phân tán nhiệt:	Trong khi cháy có thể sinh ra sương mù hoặc khói độc hại cao.

Dập lửa: Có thể dùng nước, Bột khí, Hóa chất hay Khí Cacbon Dioxide Khô.

Cần có đủ quần áo, các thiết bị đặc chủng và các mặt nạ phòng độc cho lính cứu hỏa.

Dập lửa theo các phương pháp vẫn dùng tại địa phương.

6. PHÒNG TAI NẠN

Mỗi cá nhân cần cẩn trọng tránh hít phải bụi.

Sản phẩm có tính độc hại nhất định. Do vậy trong quá trình dọn dẹp, làm vệ sinh cần mang quần áo, dây đeo, khi dính bẩn cần giặt sạch bằng xà phòng và nước sạch.

Cần dùng các thiết bị bảo hộ để bảo vệ các khu vực của cơ thể có thể gây nguy hiểm khi tiếp xúc trực tiếp như mắt, mũi, miệng, v.v...

Các điều cần chú ý đối với Môi trường

Không xả trực tiếp ngay ra cống thoát nước.

Cần bao, che chắn cẩn thận khu vực sản xuất không để bụi lọt ra ngoài môi trường.

Chú ý: không để bột rơi ra các khu vực đất xốp có thể làm ngấm tới nước ngầm bên dưới lòng đất.

Phương pháp dọn dẹp làm vệ sinh

Không sử dụng các công cụ có thể gây đánh lửa điện.

Loại bỏ mọi nguy cơ gây cháy nổ.

E-mail: daiphuoxypast@vnn.vn hoặc daiphuhcm@yahoo.com hoặc daiphu_pkd@yahoo.com.vn

Website://www.daiphu.com.vn



ISO 9001 - 2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84 - 28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84 - 28) 3 765 3386

Không nên dùng chổi hay khí nén thổi tung đám bụi lên.
Cần làm sạch bề mặt các khu vực bị bắn.

7. QUÁ TRÌNH SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN LƯU KHO

Sử dụng:

Xem kỹ Mục 8. Cấm ăn, uống, hút thuốc trong khu vực sử dụng sản phẩm. Nếu có sử dụng quạt, cần mặc đủ các đồ bảo hộ cần thiết. Cần có hệ thống quạt hút bụi, hệ thống thông gió phù hợp tại nơi sử dụng. Không nên để sản phẩm ở ngoài mà không có bao bọc. Không nên tuyển dụng các cá nhân có tiền sử dị ứng hay kích ứng với các chất liệu.

Bảo quản, Lưu Kho:

Điều kiện lưu Kho: Không đòi hỏi điều kiện đặc biệt nào trong quá trình lưu kho. Phải có người trông giữ Kho, không để người không có nhiệm vụ ra vào kho. Kho cần khô ráo và thoáng mát, nên có quạt thông gió.

Thời gian lưu kho: 06 tháng kể từ ngày sản xuất trong điều kiện nhiệt độ $<30^{\circ}\text{C}$.

Dữ liệu khác: Không bị phân hủy nếu được lưu trữ và áp dụng theo chỉ dẫn

8. CHI TIẾT CÁC THÀNH PHẦN VÀ ĐỊNH LƯỢNG CÓ THỂ TIẾP XÚC

Giới hạn tiếp xúc được liệt kê dưới đây:

Thành Phần	Tiêu chuẩn	Chủng loại	Định lượng
Canxi cacbonate	ACGIH	TWA	10 mg/m ³
	OSHA_TRANS	PEL	5 mg/m ³
	OSHA_TRANS	PEL	15 mg/m ³
Titanium dioxide	ACGIH	TWA	10mg/m ³
	OSHA_TRANS	PEL	15mg/m ³
	OSHA_Z3		
	Z1A	TWA	10 mg/m ³
Triglycidyl isocyanuarate (TGIC)	ACGIH	TWA	0.05mg/m ³

Bảo vệ Mắt: Cần dùng kính bảo hộ

Bảo vệ Tay: Đi găng tay bảo hộ, chống hóa chất

Tùy thuộc vào điều kiện môi trường, sản phẩm sử dụng để đưa ra những hướng dẫn liên quan đến an toàn.

Hãy quan sát các hướng dẫn liên quan đến tính hút ẩm, điều kiện này phụ thuộc vào các điều kiện cụ thể của địa phương. Khi đưa sản phẩm vào sử dụng, khi sản phẩm có các vết cắt, mài mòn nên mang găng tay bảo hộ, chống chịu hóa chất để phòng ngừa sự nguy hiểm. Chú ý: Chất liệu có thể bị hư hại do sự ăn mòn hóa học.



ISO 9001 - 2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84 - 28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84 - 28) 3 765 3386

Bảo vệ da và cơ thể: mang giày an toàn hoàn chỉnh phù hợp với việc bảo vệ chống hóa chất. Lựa chọn các phương thức bảo vệ cơ thể phù hợp với nồng độ hóa chất và phù hợp với nơi làm việc. Bảo vệ hệ hô hấp: không cần thiết nếu nồng độ trong không khí được duy trì dưới mức giới hạn tiếp xúc được liệt kê trong thông tin Giới hạn phơi sáng. Trong cuộc họp chương trình bảo vệ hô hấp OSHA 1910.134 và ANSI Z88.2 yêu cầu phải tuân thủ các điều kiện nơi làm việc, bảo đảm sử dụng mặt nạ bảo hộ khi thấy nguy hiểm. Nếu môi trường bị bụi, yêu cầu đeo khẩu trang hoặc mặt nạ lọc không khí thở theo tiêu chuẩn NIOSH phê duyệt.

Biện pháp vệ sinh: Khi sử dụng không hút thuốc, không được ăn hay uống rượu. Giữ quần áo làm việc riêng. Không hít bụi hoặc phun sương. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và ngay lập tức sau khi sử dụng sản phẩm. Xử lý phù hợp yêu cầu vệ sinh công nghiệp và thực hành an toàn. Các biện pháp bảo vệ: Không hít bụi. Khi bị dính phải cần được rửa và tắm vòi sen an toàn. Phải có thiết bị bảo hộ đặc biệt cần thiết.

Biện pháp kỹ thuật: Sử dụng chống nổ máy thông khí với vận tốc quay tối thiểu là 100 ft / min (0,5 m/giây) tại thời điểm tiến hóa hơi. Hãy tham khảo các phiên bản hiện tại của hệ thống thông gió công nghiệp. Một hướng dẫn thực hành Đề xuất công bố tại Hội nghị của Chính phủ công nghiệp vệ sinh Mỹ cho thông tin về thiết kế, lắp đặt, sử dụng và bảo dưỡng hệ thống thoát khí.

Bảo vệ da và cơ thể: Đi giày và mặc quần áo bảo hộ đủ kín để tránh tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm.

9. LÝ TÍNH VÀ HÓA TÍNH

Trạng thái :	Bột mịn
Màu sắc:	Xem Mục 1
PH	Không sử dụng
Phạm vi nóng chảy	80°C-104°C
Điểm bắt lửa:	Không có
Giới hạn nổ tối thiểu	30- 70% (v)
Giới hạn nổ tối đa	Không có
Hòa tan trong nước:	Không đáng kể
Tỉ lệ bay hơi	1%
VOC's	Không có

10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

Những phản ứng nguy hại:	Nguy cơ về bụi bản
Điều kiện phòng tránh:	Tĩnh điện
Các chất cần tránh:	Các chất axit mạnh và các chất gây oxy hóa

11. THÔNG TIN VỀ SỰ ĐỘC HẠI

Sản phẩm này không có sự độc hại nào.

Sự kích thích da: Bột nhựa có thể gây dị ứng cho da ở các vùng có nếp gấp, khe kẽ hoặc vùng da dưới quần áo chật.

Thành phần:

E-mail: daiphuoxypplast@vnn.vn hoặc daiphuhcm@yahoo.com hoặc daiphu_pkd@yahoo.com.vn

Website://www.daiphu.com.vn



ISO 9001 - 2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84 - 28) 3 765 2522 (4 lines) – 5425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84 - 28) 3 765 3386

Nhựa Polyester:	Không độc hại
TGIC:	LD50 : 188mg/kg (đường miệng-chuột)
Canxi cacbonate:	LD50 > 500mg/kg (đường miệng-chuột)
Dioxide Titan:	LD50 > 10000mg/kg (đường miệng-chuột) LD50 > 10000mg/kg (về da-thỏ)
Bột màu hữu cơ:	LD50 > 6400mg/kg (đường miệng-chuột)
Bột màu Oxit Sắt:	LD50 > 5000mg/kg (đường miệng-chuột)

12. THÔNG TIN VỀ MÔI TRƯỜNG

Tính độc trong nước không rõ rệt do sự hòa tan cực kỳ thấp.

Nhựa Polyester:	Không độc hại
TGIC:	Không độc hại
Canxi cacbonate:	Độc hại đối với Cá: LC50 = 10000 mg/l/96h Độc hại đối với thủy sinh: LC50 = 1000 mg/l/49h Độc hại đối với Tảo: LC50 = 200 mg/l/72h
Dioxide Titan:	Không độc hại
Bột màu hữu cơ:	Không độc hại
Bột màu Oxit Sắt:	Không độc hại

13. XỬ LÝ RÁC THẢI

Cần xử lý rác thải theo đúng qui định của địa phương.

Cần trọng đối với môi trường: Không thổi bụi nhựa trực tiếp ra nguồn nước hay hệ thống cống.

Không để thấm thấu ngấm xuống hệ thống nước ngầm

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Không gây nguy hiểm nào trong quá trình vận chuyển

Có thể vận chuyển bằng tàu hỏa, xe tải, tàu thủy, hàng không.v.v...

15. CÁC THÔNG TIN QUY ĐỊNH

Sản phẩm này được tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn của OSHA 29 CFR 1910.1200 (Ban Quản lý về an toàn và sức khỏe lao động).

Sản phẩm này được kiểm soát bởi Hệ thống các cơ quan Kiểm soát nguyên liệu nguy hại:

- Canadian Workplace Hazardous materials Information System (WHMIS) (Hệ thống thông tin về vật liệu nguy hại của Canada)
- SARA TITTLE III: Section 311/312 Categorization (40CFR370)
- CERCLA Information (40CFR302.4)
- CERCLA Components : Barium sulfate 7727 – 43-7 1,000lbs RQ
- US. Toxic Substances Control Act (TSCA) (Cơ quan quản lý các vật liệu độc hại của Mỹ):
Tất cả các thành phần của sản phẩm này đều phù hợp với tiêu chuẩn được nêu trong qui định của TSCA.

E-mail: daiphuoxypplast@vnn.vn hoặc daiphuhcm@yahoo.com hoặc daiphu_pkd@yahoo.com.vn

Website://www.daiphu.com.vn



ISO 9001 - 2015

CÔNG TY TNHH TM ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: Lô D2/1-D3/1, Đường 1B, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (84 - 28) 3 765 2522 (4 lines) – 5 425 0611 – 5 425 0612

Fax: (84 - 28) 3 765 3386

16. CÁC THÔNG TIN KHÁC

DIỄN GIẢI NHỮNG KÍ HIỆU:

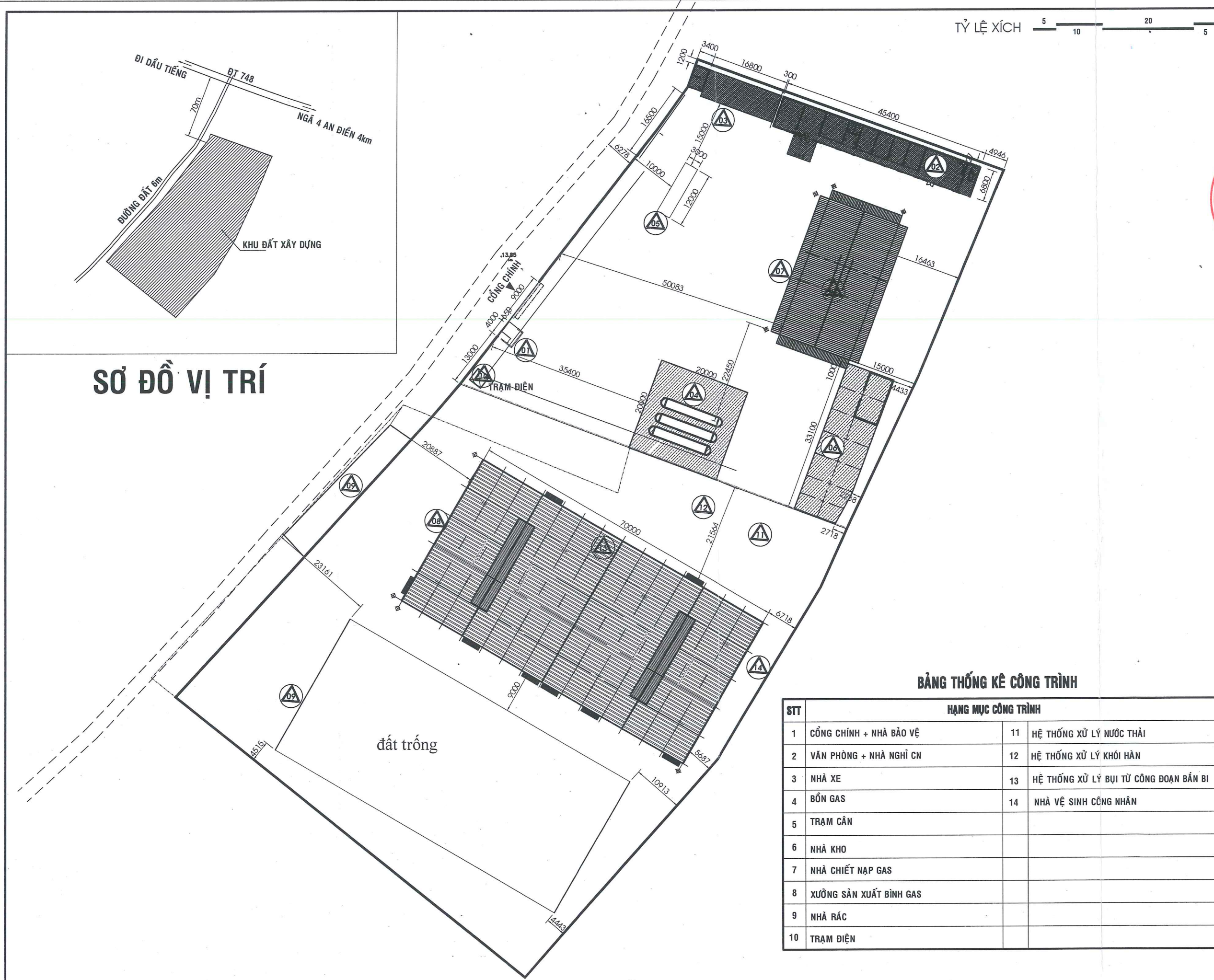
ACGIH	American conference of Governmental Industrial Hygienist
BAC	Butyl Acetate
OSHA	Occupational Safety and Health Administration
PEL	Permissible Exposure Limit
STEL	Short term Exposure Limit
TLV	Threshold Limit value
TWA	Time Weighted Average
	Bar denotes a revision from prior SDS

Sản phẩm ở dạng bột có thể tạo thành hỗn hợp bụi.

Sản phẩm nóng chảy sẽ tạo ra sự bốc cháy sinh ra nhiệt.

Người sử dụng sản phẩm cần được đào tạo trước.

Bảng Thông tin này được làm ra với những thông tin đúng đắn với khả năng nghiên cứu của chúng tôi. Thông tin này được làm ra với mục đích hướng dẫn người sử dụng các phương pháp sử dụng, vận chuyển, lưu kho, xử lý một cách an toàn và đảm bảo chất lượng nhất. Bản Thông số này có thể được thay thế bằng bản khác khi có thêm các thông tin mới phù hợp hơn.



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ

TỶ LỆ XÍCH 5 10 20 50

MẶT BẰNG TỔNG THỂ TL:1/500

BẢNG THỐNG KÊ CÔNG TRÌNH

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH		
1	CỔNG CHÍNH + NHÀ BẢO VỆ	11	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
2	VĂN PHÒNG + NHÀ NGHỈ CN	12	HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÓI HÀN
3	NHÀ XE	13	HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI TỬ CÔNG ĐOẠN BẮN BI
4	BỒN GAS	14	NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN
5	TRẠM CẦN		
6	NHÀ KHO		
7	NHÀ CHIẾT NẠP GAS		
8	XƯỞNG SẢN XUẤT BÌNH GAS		
9	NHÀ RÁC		
10	TRẠM ĐIỆN		

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
XNK DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG.
THIẾT KẾ BẢN VẼ TKKT ĐÃ PHÊ DUYỆT
NGÀY...THÁNG...NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
TOSHIHIKO NAKANO
Tổng Giám Đốc

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG
PHÚ CƯỜNG



ĐỊA CHỈ : 31A ĐOÀN THỊ LIÊN - TP. TDM - BD
ĐIỆN THOẠI : 0650 3840 844
Email: xdphucuong@gmail.com

GIÁM ĐỐC

Ks. NGÔ THANH HIỂN

CHỦ TRÌ + KIỂM

Kts. PHẠM QUANG NHẬT

THIẾT KẾ

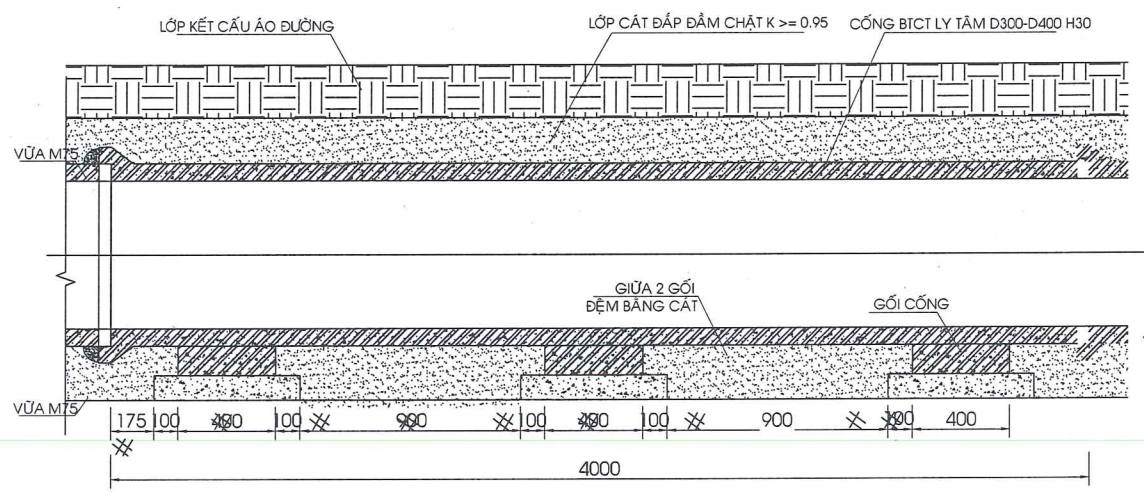
VÕ MINH TÂM

CÔNG TRÌNH
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XNK
DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG.
ĐD XD : ẤP KIẾN AN, XÃ AN ĐIỂN, TX.BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG
HẠNG MỤC: TỔNG THỂ

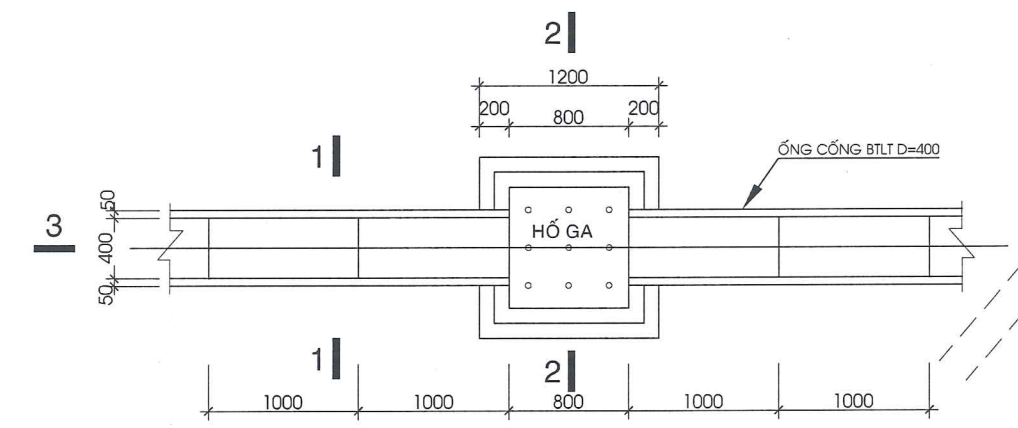
BẢN VẼ
MẶT BẰNG TỔNG THỂ
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ

LOẠI HỒ SƠ	KÝ HIỆU
BẢN VẼ HIỆN TRẠNG	
HOÀN THÀNH: 12/2015	KT 02/03

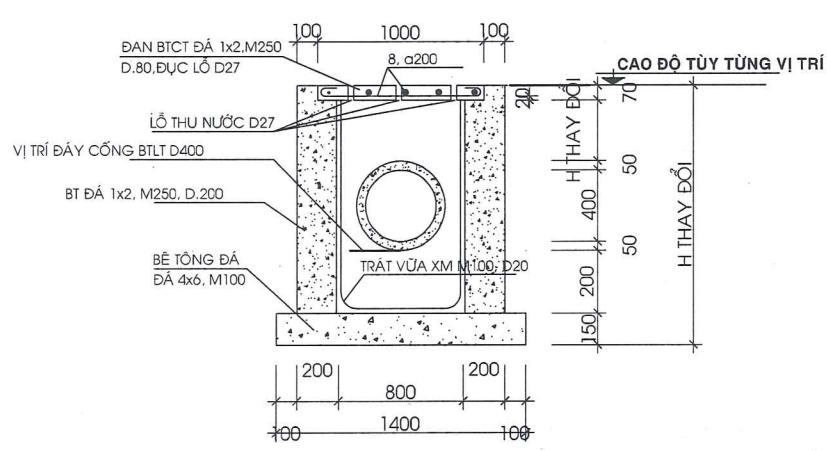
TỶ LỆ XÍCH 5 10 20 5



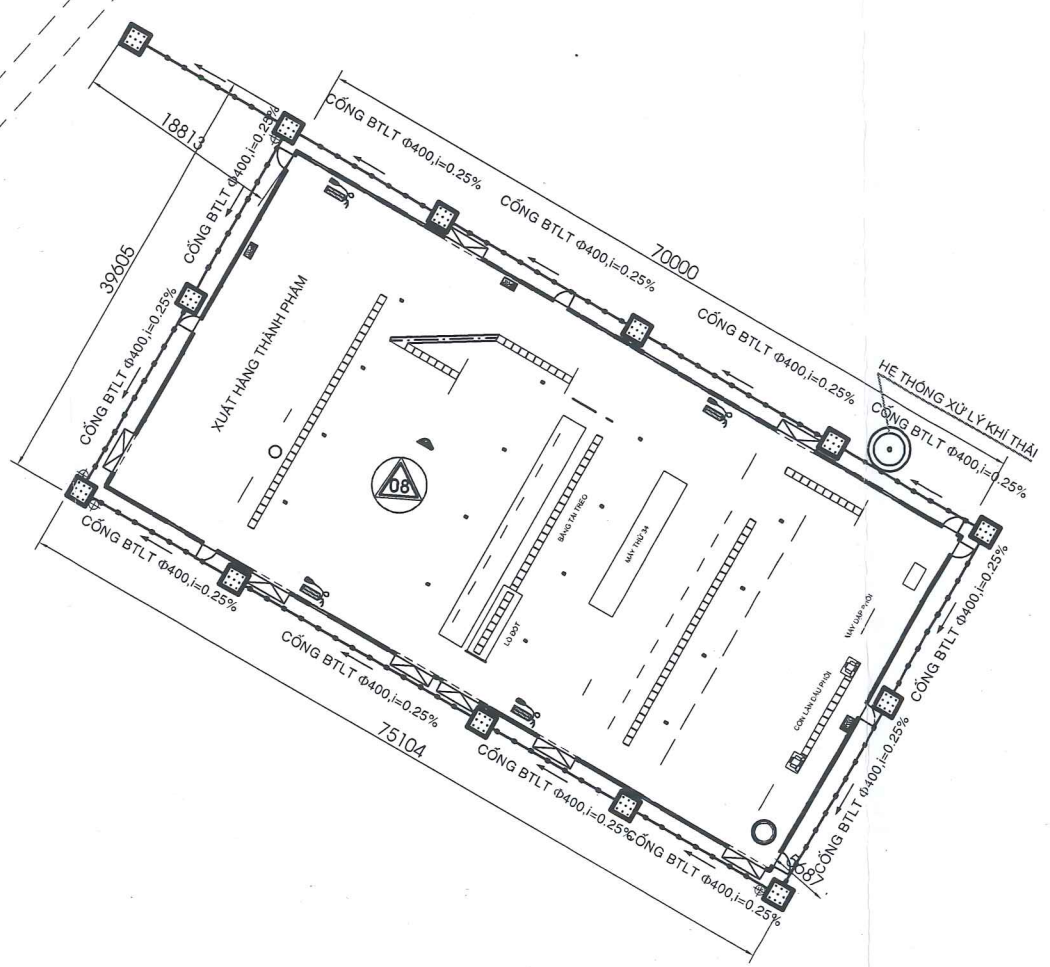
MẶT CẮT 3-3 TỶ LỆ 1/25



MẶT BẰNG CỐNG ĐIỂN HÌNH TỶ LỆ 1/25



MẶT CẮT 2-2 TỶ LỆ 1/25



MẶT BẰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT VỎ BÌNH TL: 1/500

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI

HNK DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG.

THIẾT KẾ BẢN VẼ TKKT ĐÃ PHÊ DUYỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
XUẤT NHẬP KHẨU
DẦU KHÍ
THÁI BÌNH DƯƠNG

TOSHIHIKO NAKANO
Tổng Giám Đốc

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

Ks.

THIẾT KẾ

Ks.

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HNK

DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG.

ĐỒ XD : ÁP KIẾN AN, XÃ AN ĐIỂN, TX.BẾN CÁT

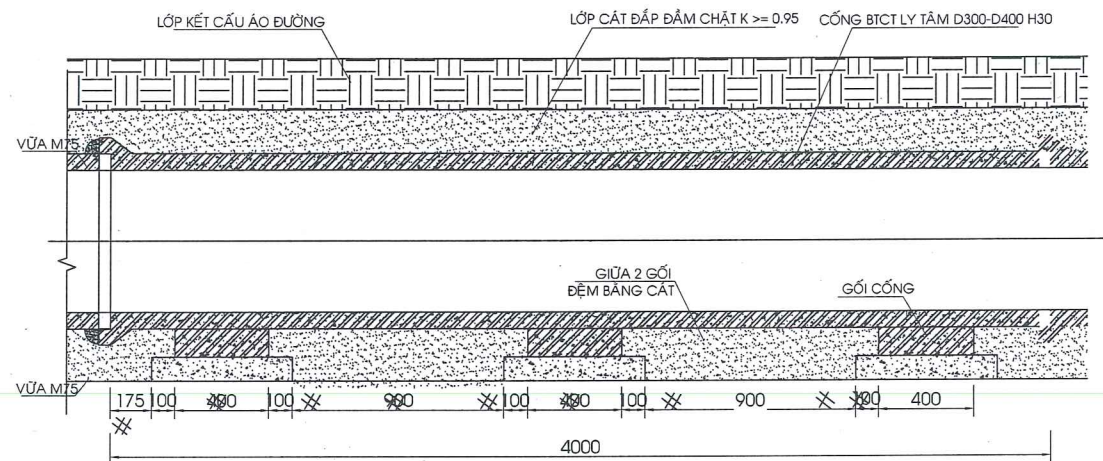
TỈNH BÌNH DƯƠNG

HẠNG MỤC: TỔNG THỂ

BẢN VẼ

SƠ ĐỒ MẶT BẰNG NHÀ MÁY

SẢN XUẤT VỎ BÌNH



Technical drawing of a concrete structure, likely a wall or foundation, showing dimensions and labels.

Dimensions:

- Top horizontal dimensions: 100, 1000, 100.
- Bottom horizontal dimensions: 200, 800, 200, 100.
- Left vertical dimensions: 100, 150, 200, 400, 50, 70.
- Right vertical dimensions: 150, 200, 400, 50, 70.
- Internal vertical dimensions: 20, 40, 50, 70.
- Internal horizontal dimensions: 8, 200.

Labels and Notes:

- ĐAN BTCT ĐÁ 1x2, M250
- D.80, ĐỤC LỖ D27
- LỖ THU NƯỚC D27
- VỊ TRÍ ĐẤY CỐNG BTLT D400
- BT ĐÁ 1x2, M250, D.200
- BÊ TÔNG ĐÁ ĐÁ 4x6, M100
- TRÁI VUA XM M100, D20
- CAO ĐỘ TÙY TỪNG VỊ TRÍ
- H THAY ĐỔI

Site plan of the wastewater treatment plant (Hố ga xử lý nước thải) showing various structures and dimensions. The plan includes a rectangular main building with internal divisions, a circular structure labeled 'TRẠM ĐIỆN' (Electrical Station), and several rectangular structures labeled 'HỒ GA HIỂN HỮU' (Aeration Tank). Dimensions are provided for various sections, including a large rectangular area of 70000x3400 and a circular structure of 20000x22450. The plan also shows a 'HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI' (Gas Treatment System) and a 'ĐƯỜNG ống xả rửa công nghiệp' (Industrial Washdown Pipe). A scale bar indicates 0 to 400 units. A north arrow is present in the top right corner.

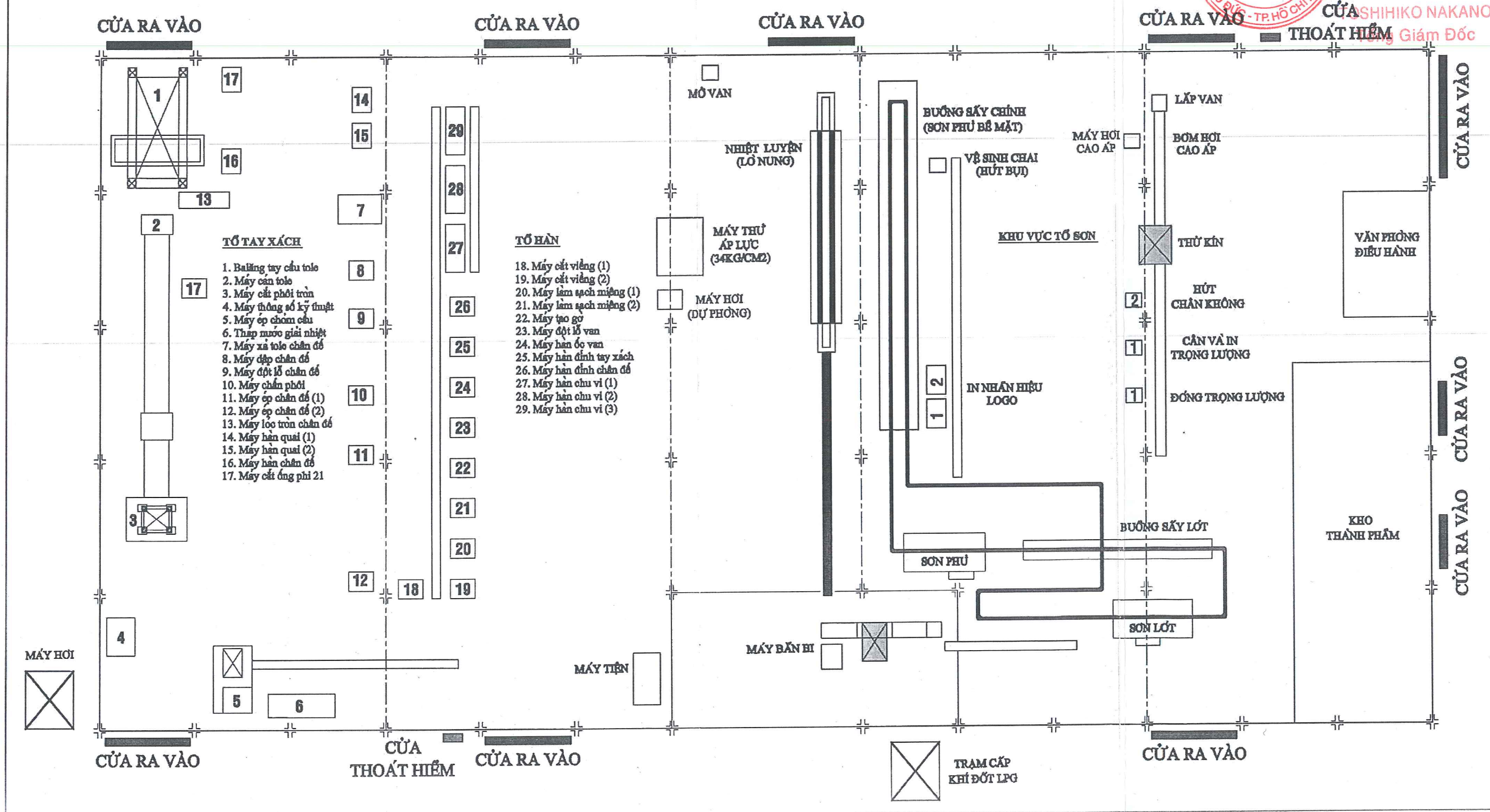
SƠ ĐỒ MẶT BẰNG
TRẠM CHIẾT

I CHUÁ LPG

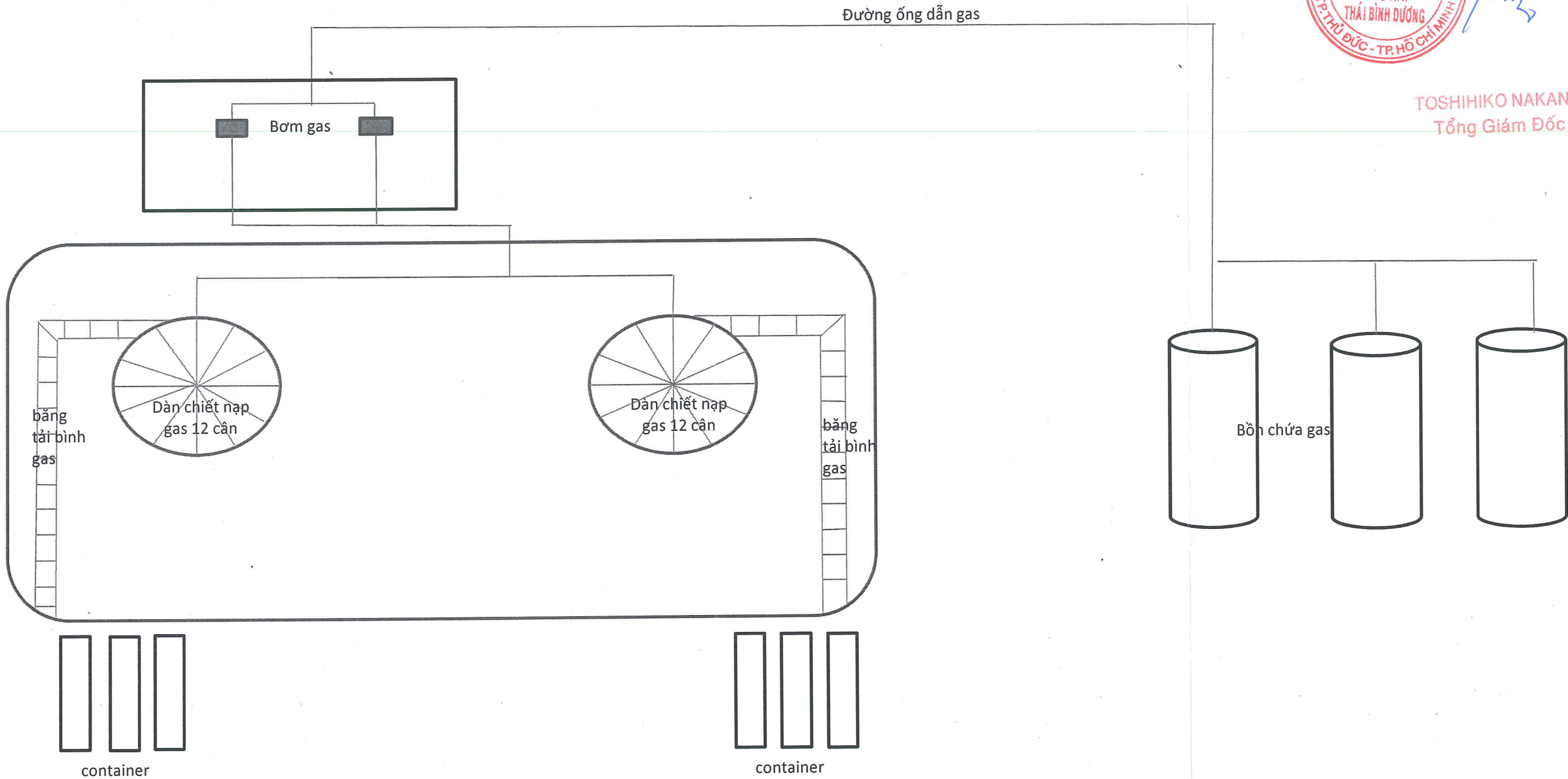
CỬA SHIHIKO NAKANO

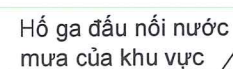
THOÁT HIỂM

Tổng Giám Đốc



SƠ ĐỒ BỐ TRÍ KHU VỰC TRẠM CHIẾT NẠP GAS





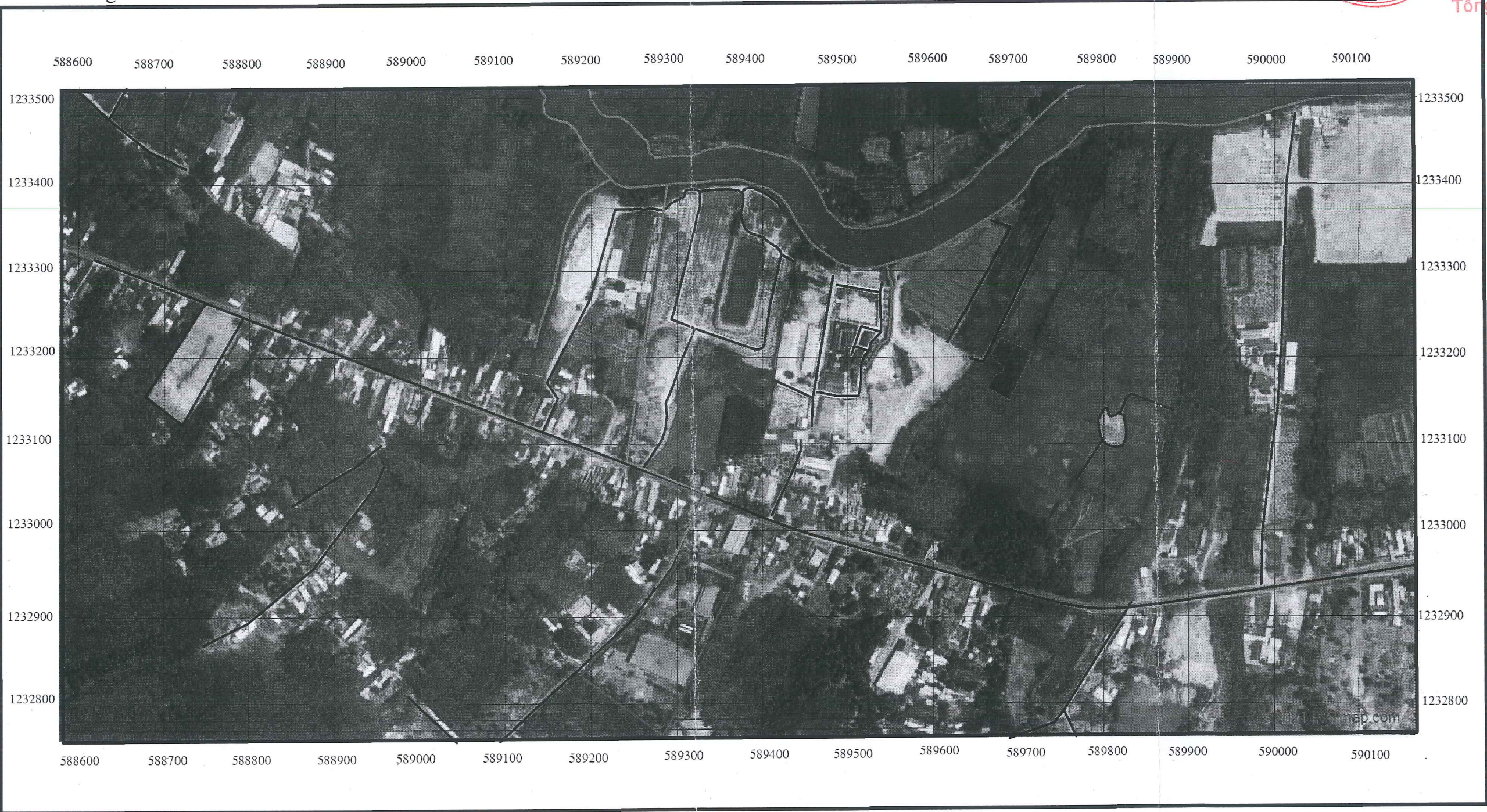
N 01/01

SƠ ĐỒ KHU VỰC CÔNG TRÌNH XẢ THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ VỊ TRÍ LẤY MẪU NƯỚC
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

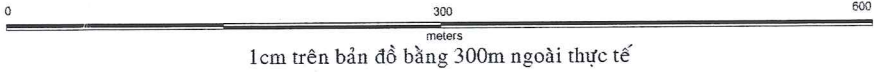


Bình Dương

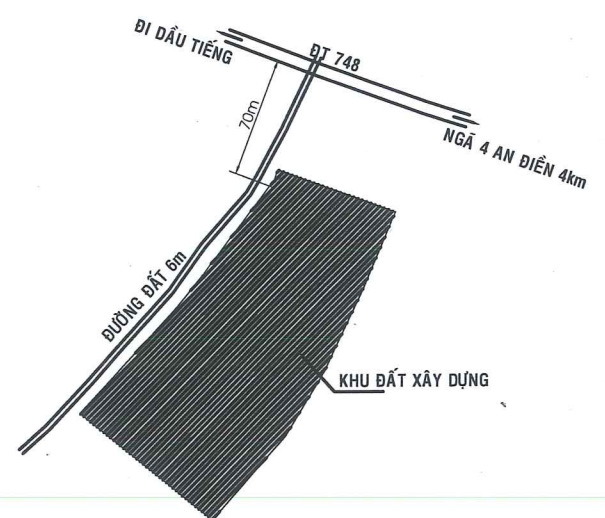
Địa chỉ: ấp Kiến An, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương



TỶ LỆ: 1: 25.000

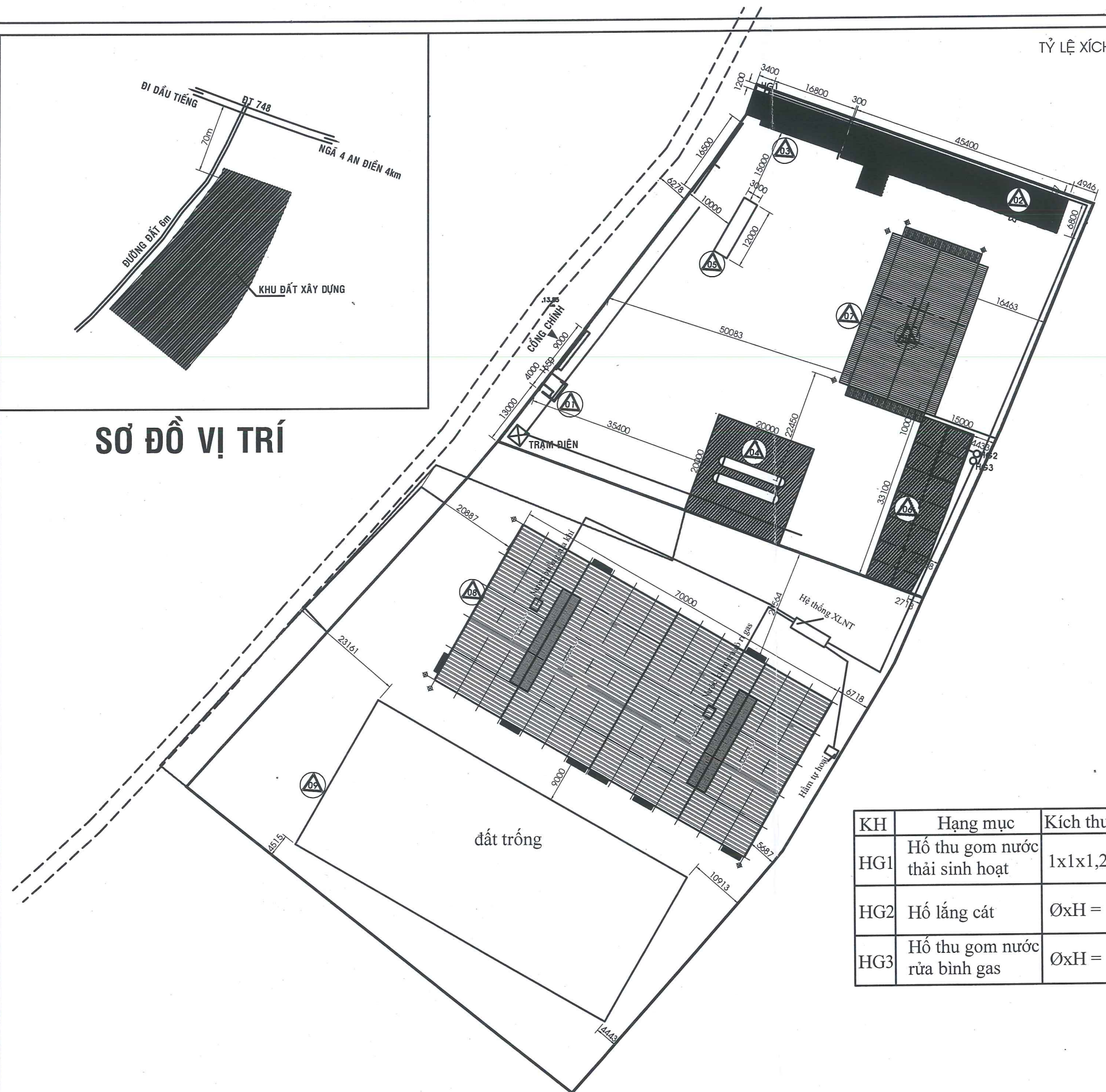


HIKONAKANC
Tống Giám Đốc



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ

TỶ LỆ XÍCH 5 10 20 5



KH	Hạng mục	Kích thước (m)	Ghi chú
HG1	Hồ thu gom nước thải sinh hoạt	1x1x1,2	Thành gạch, đáy BTCT có nắp đan chịu lực
HG2	Hồ lắng cát	ØxH = 1x1,5	BTCT, có nắp đan chịu lực
HG3	Hồ thu gom nước rửa bình gas	ØxH = 1x1,5	BTCT có nắp đan chịu lực

MẶT BẰNG THU GOM NƯỚC THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XNK DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG.

THIẾT KẾ BẢN VẼ TKKT ĐÃ PHÊ DUYỆT

M.S.D.N: 0315670954-CC.T.C.P

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XNK DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

TP. THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH

TOSHIHIKO NAKANO

Tổng Giám Đốc

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG

GIÁM ĐỐC

CHỦ TRÌ + KIỂM

THIẾT KẾ

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XNK DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG.

ĐD XD : ẤP KIẾN AN, XÃ AN ĐIỂN, TX.BẾN CÁT TỈNH BÌNH DƯƠNG

BẢN VẼ

MẶT BẰNG THU GOM NƯỚC THẢI

LOẠI HỒ SƠ


KÝ HIỆU



GHI CHÚ

———— NƯỚC THẢI CHƯA XỬ LÝ

———— NƯỚC THẢI ĐÃ XỬ LÝ

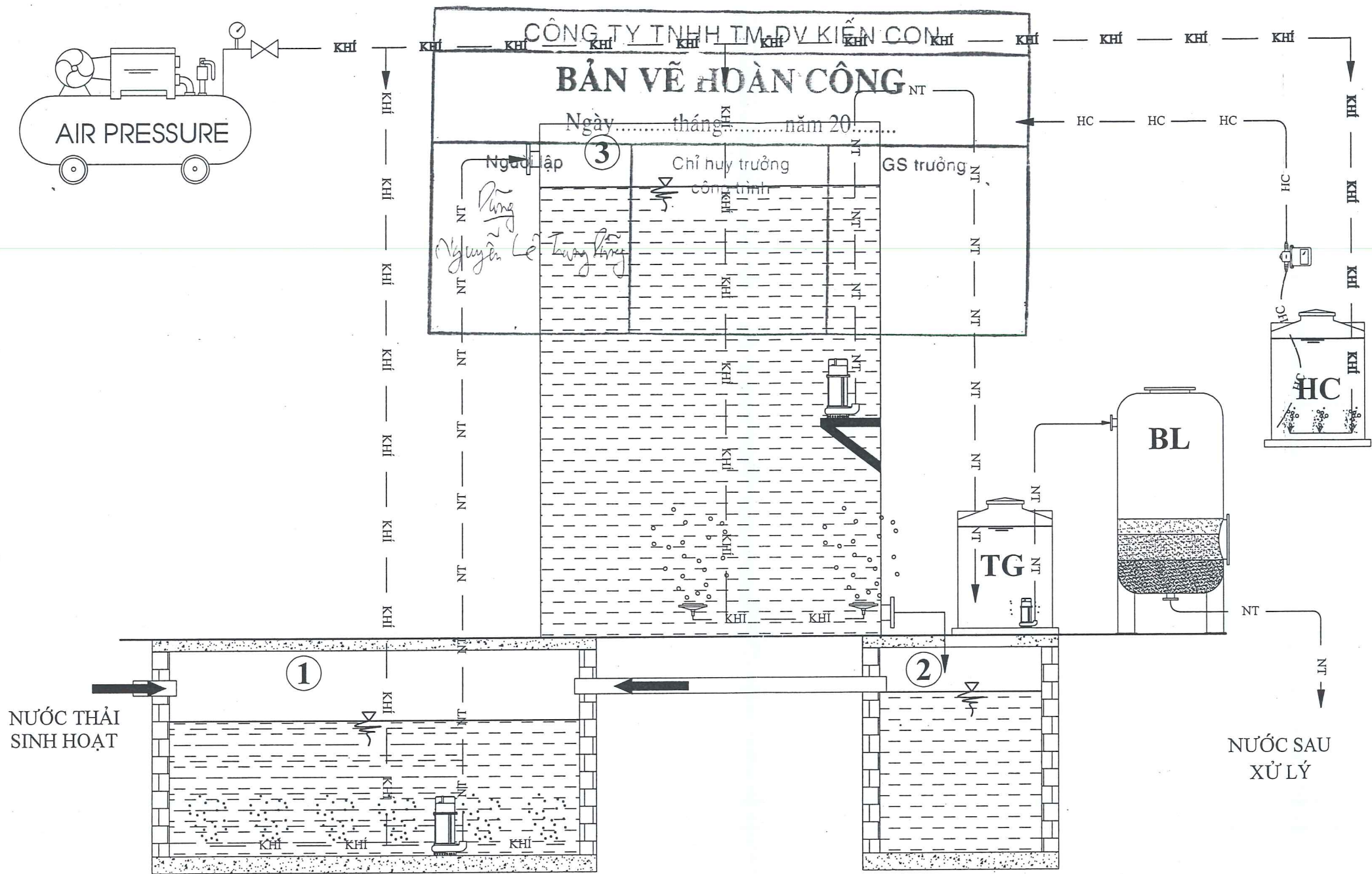
 HỒ GA ĐẦU NỒI NƯỚC THẢI
KHU VỰC

MẶT BẰNG NHÀ MÁY TL: 1/500



HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

CÔNG SUẤT 17 M³/NG.Đ



GHI CHÚ:

- ① BỂ ĐIỀU HÒA
- ② BỂ CHỨA BÙN
- ③ BỂ SINH HỌC SBR

- TG BỒN CHỨA TRUNG GIAN
- BL BỒN LỌC ÁP LỰC
- HC BỒN HÓA CHẤT KHỬ TRÙNG

- NT —
- KHÍ —
- HC —
- BÙN —

- ĐƯỜNG NƯỚC THẢI
- ĐƯỜNG KHÍ THẢI
- ĐƯỜNG HÓA CHẤT
- ĐƯỜNG BÙN

* ĐƠN VỊ GHI KÍCH THƯỚC LÀ MİL.MET.
* ĐƠN VỊ GHI ĐỘ CAO LÀ MET.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

TV THIẾT KẾ ☐ CONCEPT DESIGN

TRÌNH DUYỆT ☐ APPROVAL

THI CÔNG ☐ CONSTRUCTION

HIỆU CHỈNH ☐ REVISION

GHI CHÚ / NOTE:

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY

CP TM XNK DẦU KHÍ THÁI

BÌNH DƯƠNG



TOSHIIKO NAKANO

TU VẤN - CONSULTANT

Giám Đốc

CÔNG TY TNHH

TM - DV KIẾN CON

Đ/C: 453/79/12/12 Lê Hồng

Phong, Phường Phú Hòa, TP. Thủ

Dầu Một, Tỉnh Bình Dương



GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

KIẾN CON

MAI THỊ ANH HUỖN

THIẾT KẾ - DESIGNER

NGUYỄN LÊ TRUNG DŨNG

VẼ - DRAWING

NGUYỄN LÊ TRUNG DŨNG

NGUYỄN LÊ TRUNG DŨNG

NGUYỄN LÊ TRUNG DŨNG

NGUYỄN LÊ TRUNG DŨNG

CÔNG TRÌNH - PROJECT

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG SUẤT 17 M³/NGÀY ĐÊM

HẠNG MỤC - ITEM

TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE

BẢN VẼ SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

TY LỆ - SCALE

NTS

HIỆU CHỈNH BẢN

VẼ DRAWING No

CN- 01

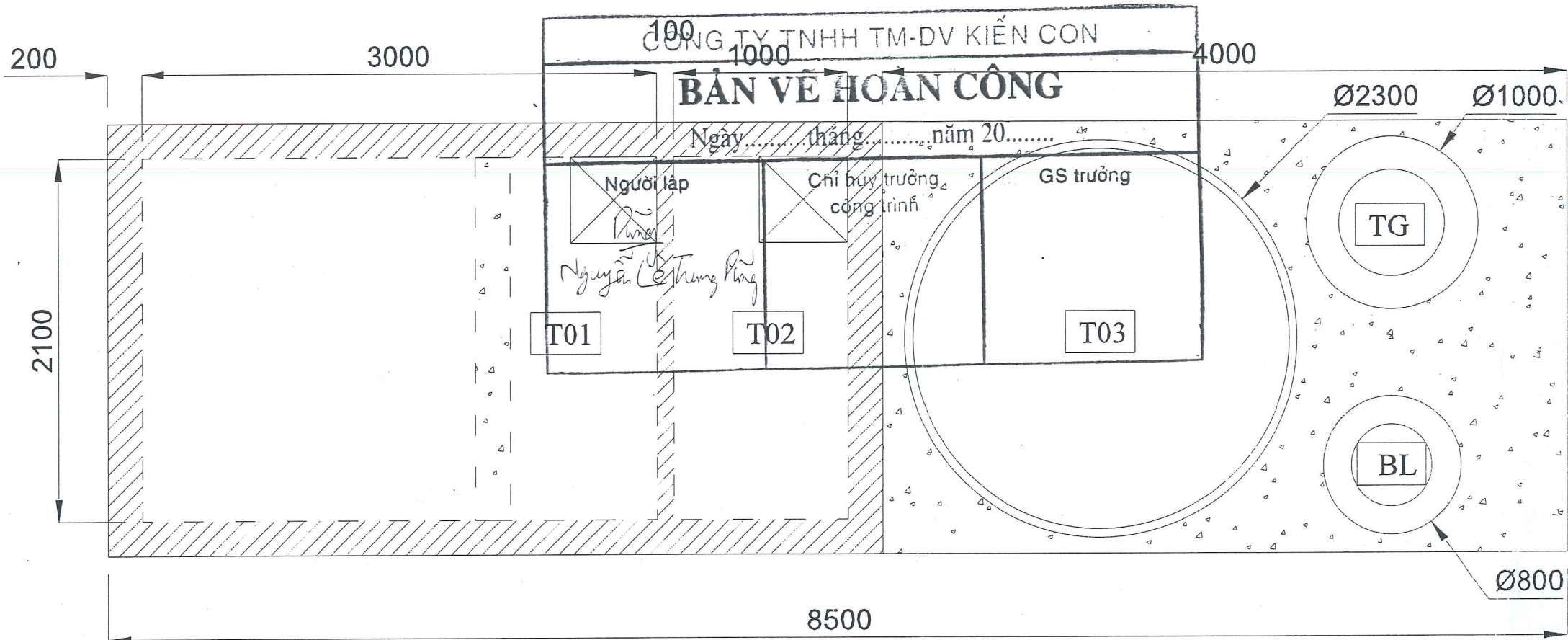
NGÀY PHÁT HÀNH

ISSUE DATE

/ /2019



MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 17M³/NGÀY.ĐÊM



Ký hiệu	Hạng mục	Kích thước	Ghi chú
T01	Bể điều hòa	3 x 2,1 x 2,3 m	Xây âm, có nắp đan chịu lực
T02	Bể chứa bùn	2,1 x 1 x 2,3 m	Xây âm, có nắp đan chịu lực
T03	Bể sinh học SBR	Ø x H = 2.2 x 3,4 m	Bồn thép
TG	Bể trung gian	1000 lít	Bồn nhựa PVC
BL	Bồn lọc áp lực	Ø x H = 0,8 x 1,8 m	Bồn thép

* ĐƠN VỊ GHI KÍCH THƯỚC LÀ MİLIMET.
* ĐƠN VỊ GHI ĐỘ CAO LÀ MET.

T.K THIẾT KẾ ☐
TRÌNH DUYỆT ☐
THI CÔNG ☐
HIỆU CHỈNH ☐

GHI CHÚ / NOTE:

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
CÔNG TY
CP TM XNK DẦU KHÍ THÁI
BÌNH DƯƠNG



TOSHIAIKO NAKANO

TƯ VẤN - CONSULTANT
CÔNG TY TNHH
TM - DV KIẾN CON
Đ/C: 453/79/12/12 Lê Hồng
Phong, Phường Phú Hòa, TP. Thủ
Đầu Một, Tỉnh Bình Dương



GIÁM ĐỐC
TRÁCH NHIỆM HỮU KAM
THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ
KIẾN
MẠ THỊ ANH HUỖN
THIẾT KẾ

NGUYỄN LÊ TRUNG DŨNG

VỀ

NGUYỄN LÊ TRUNG DŨNG

CÔNG TRÌNH

HẠNG MỤC
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG HTXLNT CÔNG SUẤT
17M³/NGÀY.ĐÊM

TỶ LỆ

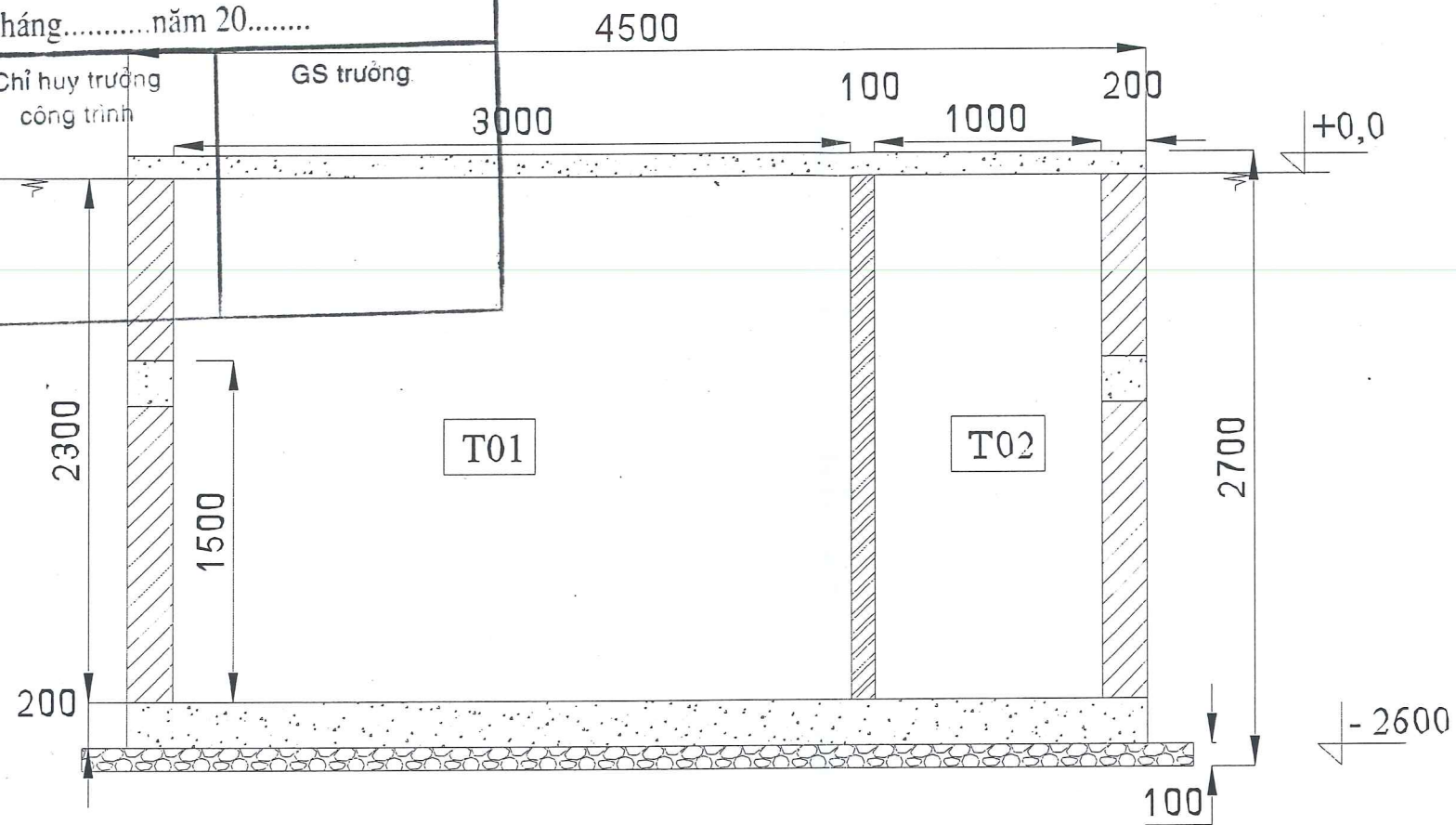
HIỆU CHỈNH BẢN
VẼ

NGÀY PHÁT HÀNH

* ĐƠN VỊ GHI KÍCH THƯỚC LÀ MİLIMET.
* ĐƠN VỊ GHI ĐỘ CAO LÀ MET.



CÔNG TY TNHH TM-DV KIẾN CON		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20.....		
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	GS trưởng
<i>Nguyễn Lê Trung Dũng</i>		



Ký hiệu	Hạng mục	Kích thước	Ghi chú
T01	Bể điều hòa	3 x 2,1 x 2,3 m	Xây âm, có nắp đan chịu lực
T02	Bể chứa bùn	2,1 x 1 x 2,3 m	Xây âm, có nắp đan chịu lực

T.K THIẾT KẾ ☐
TRÌNH DUYỆT ☐
THI CÔNG ☐
HIỆU CHỈNH ☐

GHI CHÚ / NOTE:

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
CÔNG TY
TM.XNK DẦU KHÍ THÁI
BÌNH DƯƠNG



TOSHIHIKO NAKANO
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH
TM - DV KIẾN CON
Đ/C: 453/79/12/12 Lê Hồng
Phong, Phường Phú Hòa, TP. Thủ
Đầu Mé, Thái Bình Dương



NGUYỄN LÊ TRUNG DŨNG

VỀ

NGUYỄN LÊ TRUNG DŨNG

CÔNG TRÌNH

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ

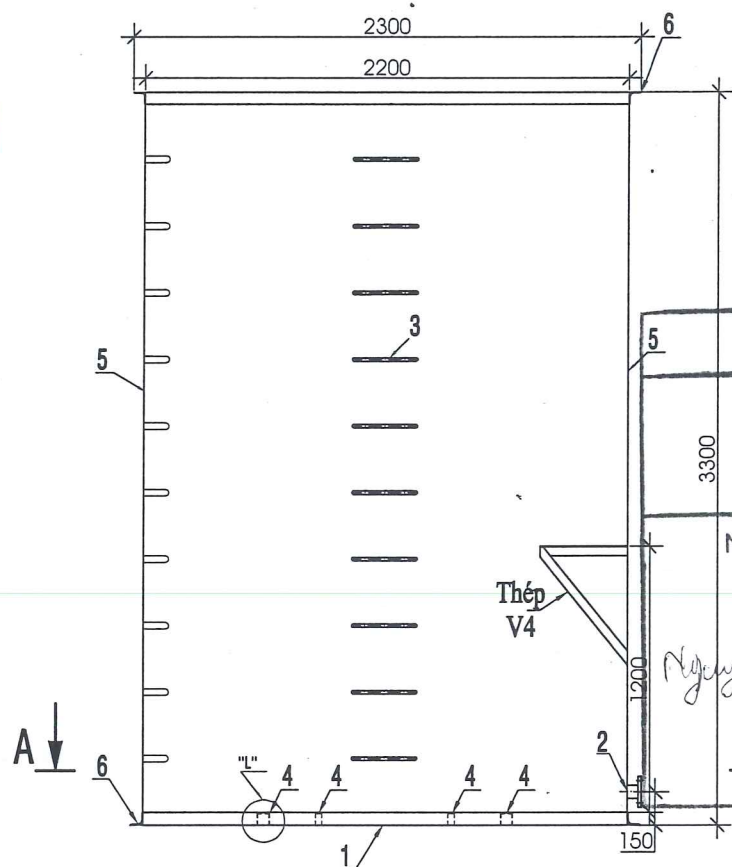
BẢN VẼ MẶT CẮT

TỶ LỆ

HIỆU CHỈNH BẢN

VỀ

NGÀY PHÁT HÀNH



THIẾT BỊ SINH HỌC HIẾU KHÍ - SBR

CÔNG TY TNHH TM-DV KIẾN CON

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

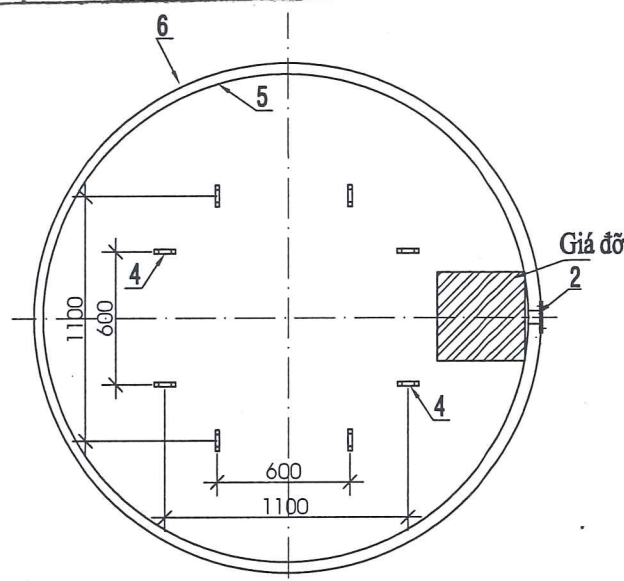
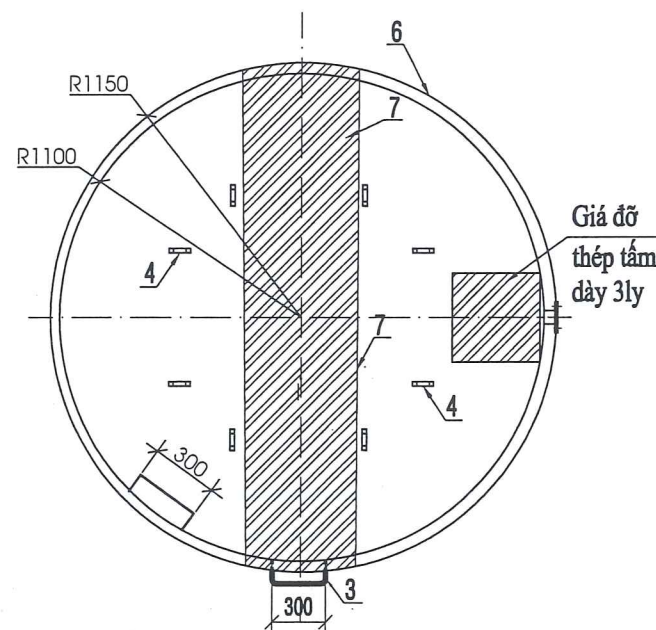
Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập

Chỉ huy trưởng công trình

GS trưởng

CHI TIẾT "L"



MẶT CẮT A - A

CHI TIẾT THIẾT BỊ SINH HỌC - SBR

Ghi chú:

Sàn công tác và giá đỡ hàn vào thiết bị
Thiết bị được sơn epoxy 02 lớp chống rỉ.

STT	TÊN GỌI	Vật liệu	Số lượng
01	Đáy thiết bị dày 4mm	Thép CT3	01
02	Ống xả đáy Ø60, mặt bích cách thân 60mm	Thép CT3	01
03	Cầu thang thép gắn Ø16 dài 30cm, hai đầu cách thân 10cm	Thép CT3	08
04	Đai giữ ống khí, 2 ly	Thép CT3	04
05	Thân thiết bị dày 3mm	Thép CT3	01
06	Sắt gia cường đầu và đáy thiết bị, V5	V5	03
07	Sàn công tác, 500mm x 2300m (ba thanh V5 đỡ sàn)	Thép	01

* BƠN VỊ GHI KÍCH THƯỚC LÀ MİL.MET.

* BƠN VỊ GHI ĐỘ CAO LÀ MİL.MET.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

TV THIẾT KẾ ☒ CONCEPT DESIGN

TRINH DUYỆT ☒ APPROVAL

THI CÔNG ☒ CONSTRUCTION

HIỆU CHỈNH ☐ REVISION

GHI CHÚ / NOTE:

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY CP TM XNK DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG



TOSHIHIKO NAKAN
Tổng Giám Đốc

TƯ VẤN - CONSULTANT

CÔNG TY TNHH TM - DV KIẾN CON

Đ/C: 453/79/12/12 Lê Hồng Phong, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương



GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

TRÁCH NHIỆM HỖ HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

KIẾN CON

THIẾT KẾ - DESIGNER

NGUYỄN LÊ TRUNG DŨNG

VẼ - DRAWING

NGUYỄN LÊ TRUNG DŨNG

CÔNG TRÌNH - PROJECT

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 17 M³/NGÀY ĐÊM

HẠNG MỤC - ITEM

BÊ XỬ LÝ

TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE

CHI TIẾT THIẾT BỊ SBR

TY LỆ - SCALE

20

HIỆU CHỈNH BẢN VẼ DRAWING No

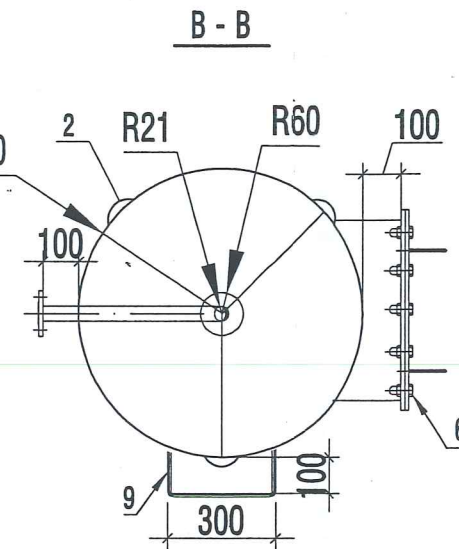
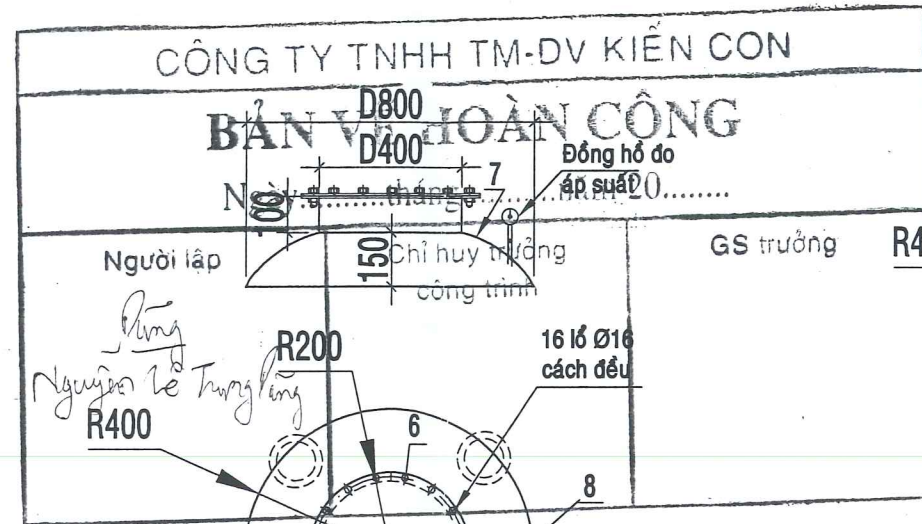
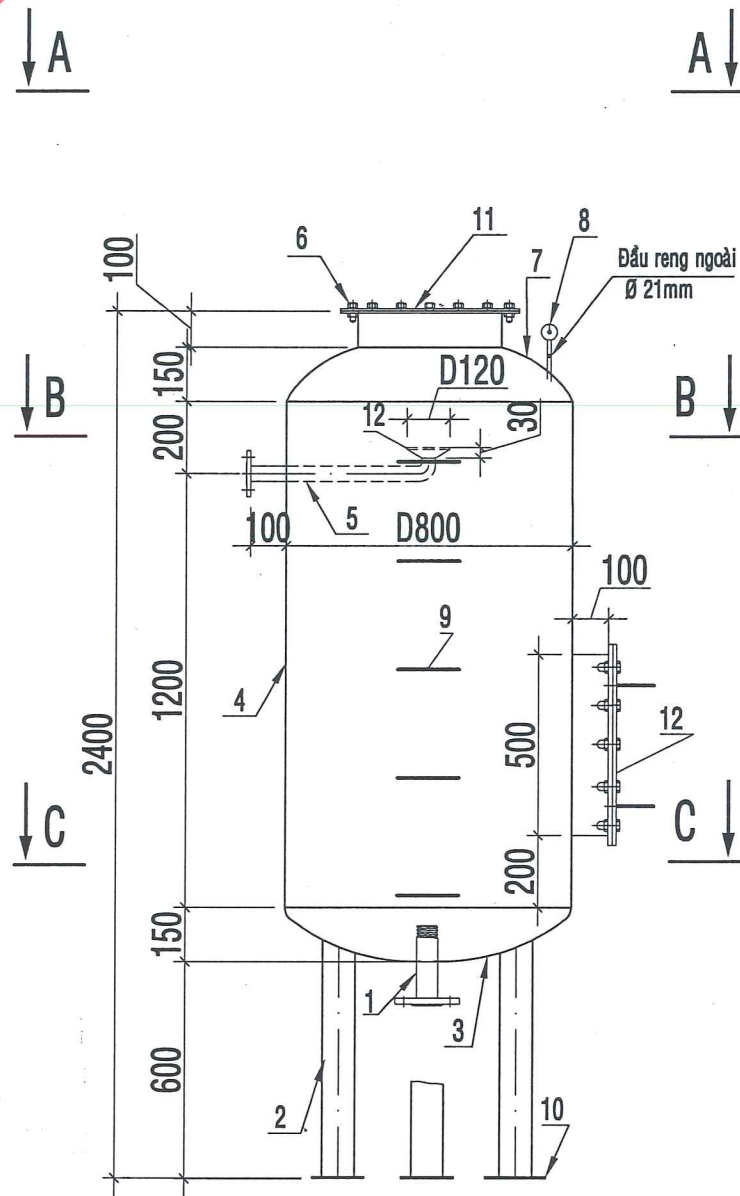
CT- 04

NGÀY PHÁT HÀNH ISSUE DATE

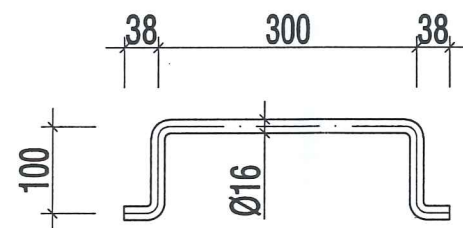
/ /2020



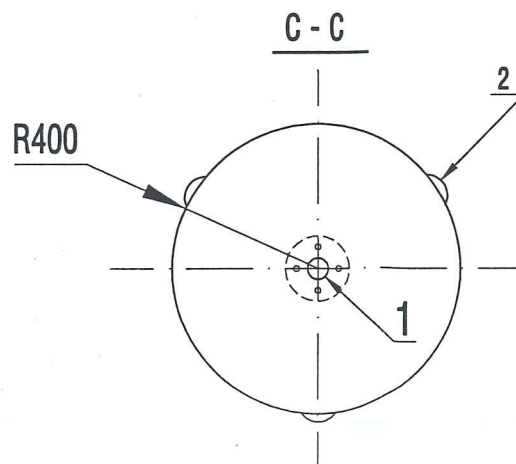
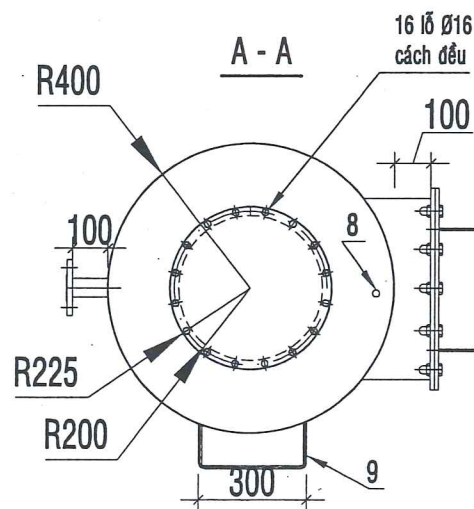
CHI TIẾT THIẾT BỊ LỌC ÁP LỰC



CHI TIẾT NẮP THIẾT BỊ LỌC



CHI TIẾT BẬC THANG



Ghi chú:

- Giữa nắp vít lỗ người và thân có ron cao su;
- Thiết bị lọc áp lực, trong sơn epoxy 2 lớp chống rỉ, ngoài sơn trang trí màu xanh (màu blue)

12	Phễu phân phối nước	Thép CT3	01
11	Lỗ người Ø 500mm và Ø 400mm	Thép CT3	02
10	Đế chân, D = 150mm, dày 10mm	Thép CT3	03
09	Cầu thang Ø16 x 300, cách thân 100mm		05
08	Ống gắn đồng hồ đo áp lực, đầu ren ngoài Ø 21	Thép CT3	01
07	Nắp thiết bị, thép dày 5mm	Thép CT3	01
06	Bulông + đai ốc M16 ghép giữa nắp và thân thiết bị	Thép CT3	32
05	Ống dẫn nước vào Ø 42, cách thân 100mm	Thép CT3	01
04	Thân thiết bị, thép dày 4mm	Thép CT3	01
03	Dây thiết bị, thép dày 5 mm	Thép CT3	01
02	Chân đỡ bồn lọc Ø60 mm, cao 600mm	Thép CT3	03
01	Ống thu nước lọc và rửa lọc Ø 60	Thép CT3	01
STT	TÊN GỌI	Vật liệu	SL

* BƠN VỊ GHI KÍCH THƯỚC LÀ MILLISEC.
* BƠN VỊ GHI ĐỘ CAO LÀ MÊT.

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

TV THIẾT KẾ ☒ CONCEPT DESIGN

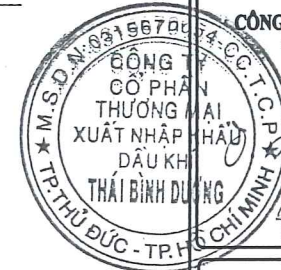
TRÌNH DUYỆT ☐ APPROVAL

THI CÔNG ☐ CONSTRUCTION

HIỆU CHỈNH ☐ REVISION

GHI CHÚ / NOTE:

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
CÔNG TY CP TM XNK DẦU KHÍ
THÁI BÌNH DƯƠNG



TOSHIHIKO NAKANO

Chủ Giám Đốc
Tư vấn - CONSULTANT

CÔNG TY TNHH
TM - DV KIẾN CON

Đ/C: 453/79/12/12 Lê Hồng Phong, Phường Phú
Hòa, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh



GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

TRÁCH NHIỆM
THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ

MAI THỊ ANH HUỖN

THIẾT KẾ - DESIGNER

NGUYỄN LÊ TRUNG DŨNG

VẼ - DRAWING

NGUYỄN LÊ TRUNG DŨNG

CÔNG TRÌNH - PROJECT

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 17 M³/NGÀY ĐÊM

HẠNG MỤC - ITEM

TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE

CHI TIẾT THIẾT BỊ
BỂ LỌC ÁP LỰC

TỶ LỆ - SCALE

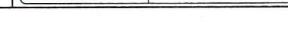
HIỆU CHỈNH BẢN
VẼ DRAWING No

NGÀY PHÁT HÀNH
ISSUE DATE

/ /2020

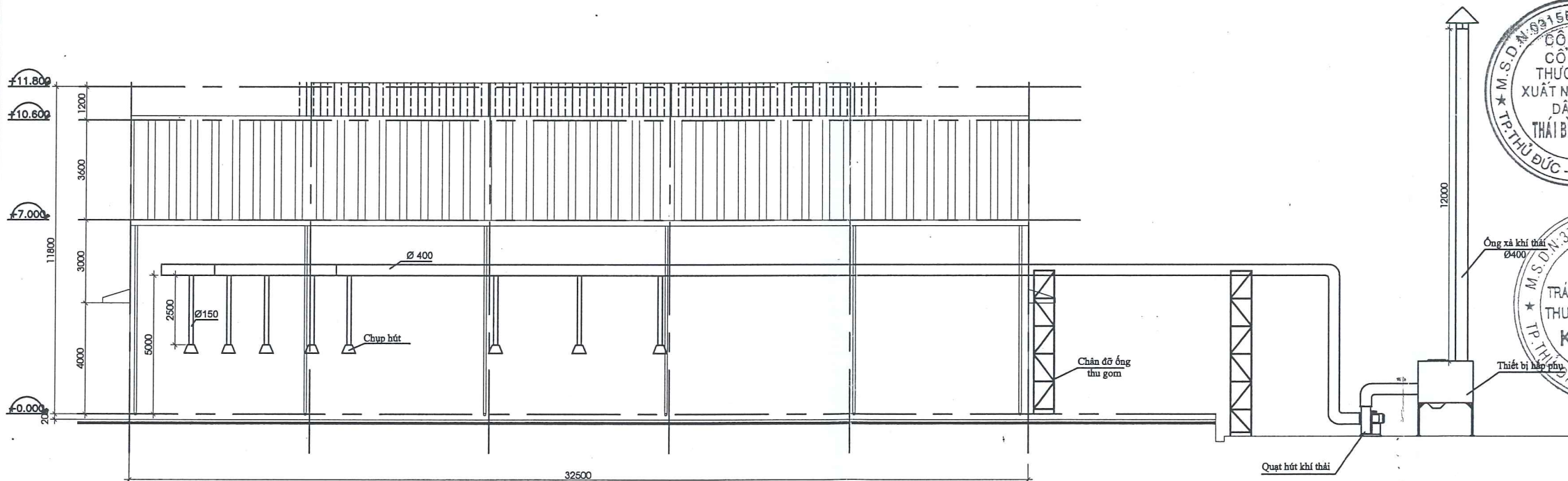


NGÀY PHÁT HÀNH	ISSUE DATE
----------------	------------





MẶT ĐỨNG HỆ THỐNG THU GOM KHÓI HÀN



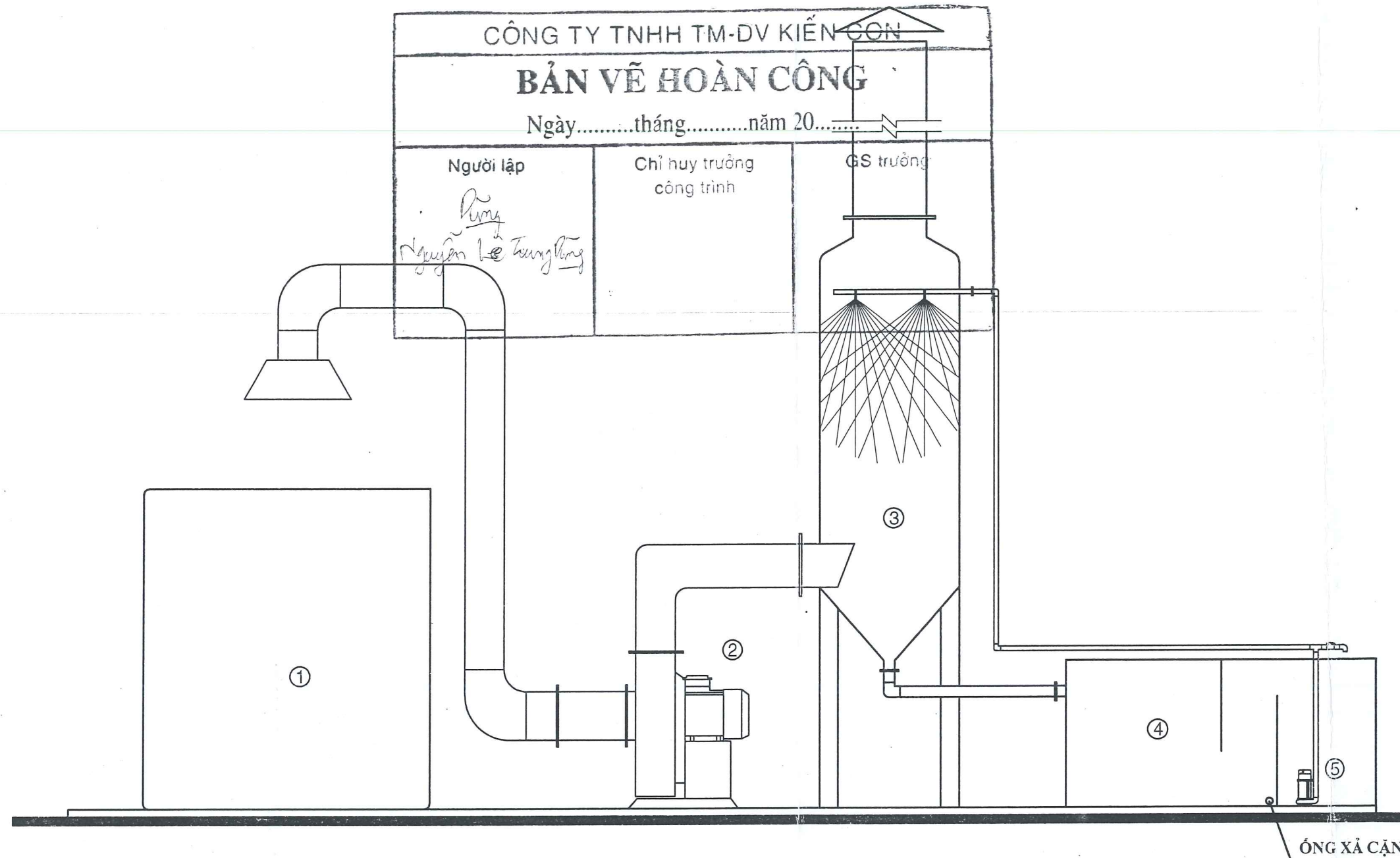
CÔNG TY TNHH TM-DV KIẾN CON		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20.....		
Người lập <i>Pung</i> Nguyễn Lê Trung Dũng	Chỉ huy trưởng công trình	GS trưởng

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR	
TV THIẾT KẾ	<input type="checkbox"/> CONCEPT DESIGN
TRÌNH DUYỆT	<input type="checkbox"/> APPROVAL
THI CÔNG	<input type="checkbox"/> CONSTRUCTION
HIỆU CHỈNH	<input type="checkbox"/> REVISION
GHI CHÚ / NOTE:	
CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR	
CÔNG TY CỔ PHẦN TM XNK DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG	
TOSHIIKO NAKANO Giám Đốc	
TƯ VẤN - CONSULTANT	
CÔNG TY TNHH TM-DV KIẾN CON	
Đ/C: 453/79/12/12 Lê Hồng Phong, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Đầu Một, Tỉnh Bình Dương	
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯỜNG GIÁM ĐỐC - DIRECTOR	
KIẾN CON	
MÃ THỊ ANH HUYỀN	
THIẾT KẾ - DESIGNER	
<i>Pung</i>	
NGUYỄN LÊ TRUNG DŨNG	
VẼ - DRAWING	
<i>Pung</i>	
NGUYỄN LÊ TRUNG DŨNG	
CÔNG TRÌNH - PROJECT	
HẠNG MỤC - ITEM	
XỬ LÝ KHÓI HÀN	
TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE	
BẢN VẼ THU GOM KHÓI HÀN	
TỶ LỆ - SCALE	
HIỆU CHỈNH BẢN VẼ DRAWING No	
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUE DATE	/ /2021



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI PHÁT SINH TỪ QUÁ TRÌNH HÀN



GHI CHÚ:

1. VỊ TRÍ MÁY HÀN
2. QUẠT HÚT
3. THIẾT BỊ HẤP THỤ

4. BỂ CHỨA DUNG DỊCH TUẦN HOÀN
5. BƠM DUNG DỊCH TUẦN HOÀN

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

TV THIẾT KẾ ☒ CONCEPT DESIGN

TRÌNH DUYỆT ☐ APPROVAL

THI CÔNG ☐ CONSTRUCTION

HIỆU CHỈNH ☐ REVISION

GHI CHÚ / NOTE:

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

CÔNG TY
CP TM XNK DẦU KHÍ
THÁI BÌNH DƯƠNG

TƯ VẤN - CONSULTANT

CÔNG TY TNHH
TM - DV KIẾN CON

Đ/C: 453/79/12 Lê Hồng
Phong, Phường Phú Hòa, TP. Thủ
Đầu Một, Tỉnh Bình Dương

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

TRÁCH NHIỆM HUẤN

THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

MAI THỊ ANH HUYỀN

THIẾT KẾ - DESIGNER

NGUYỄN LÊ TRUNG DŨNG

VẼ - DRAWING

NGUYỄN LÊ TRUNG DŨNG

CÔNG TRÌNH - PROJECT

HẠNG MỤC - ITEM

XỬ LÝ KHÍ HÀN

TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE

BẢN VẼ SƠ ĐỒ
CÔNG NGHỆ

TY LỆ - SCALE

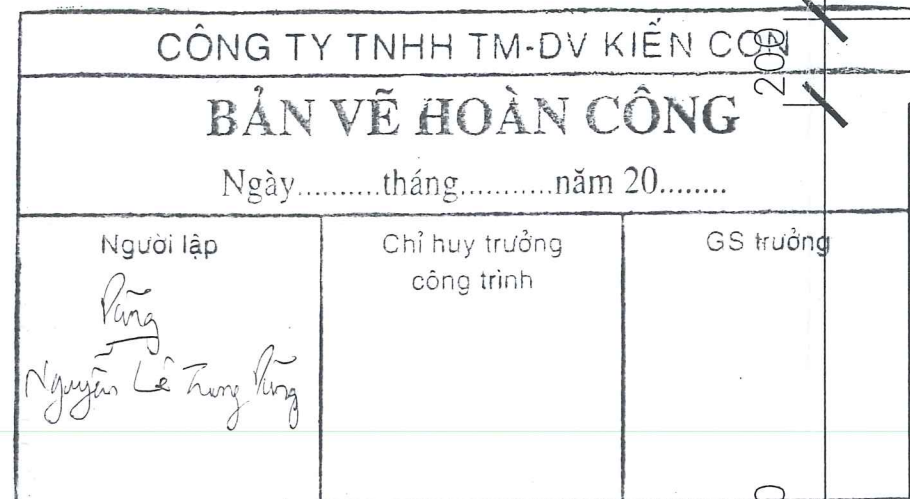
HIỆU CHỈNH BẢN

VẼ DRAWING No

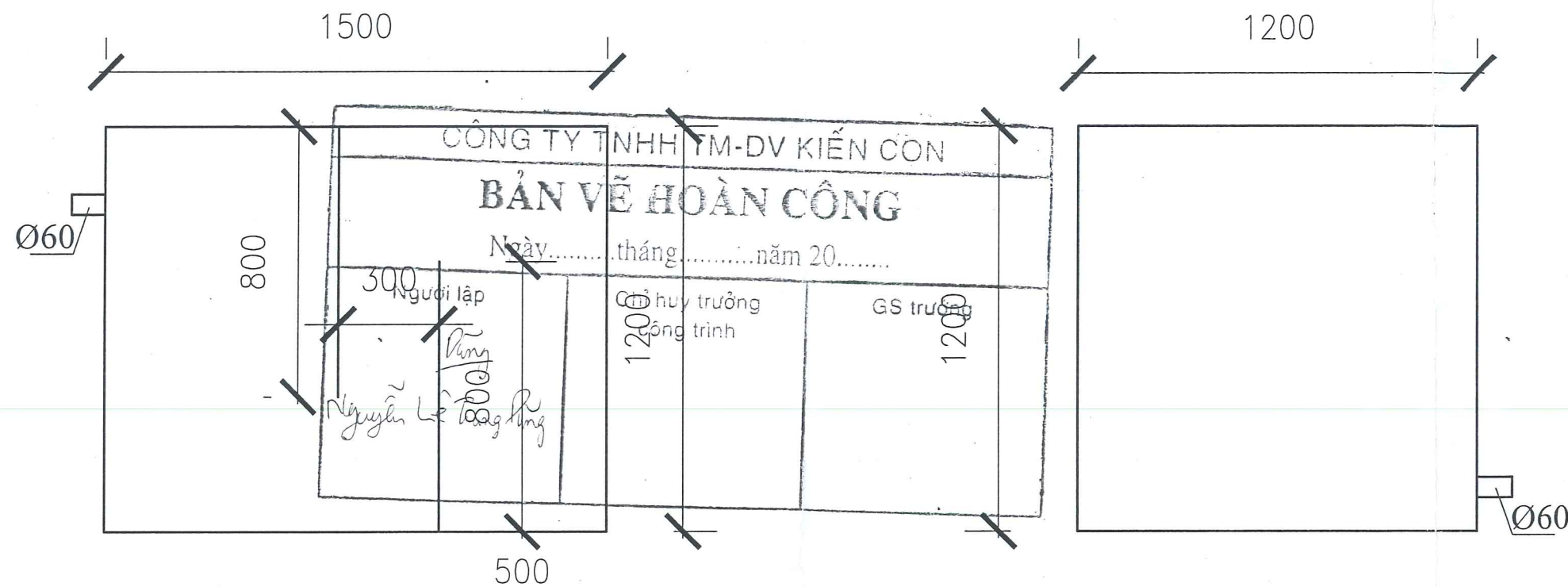
NGÀY PHÁT HÀNH

ISSUE DATE

/ /2020

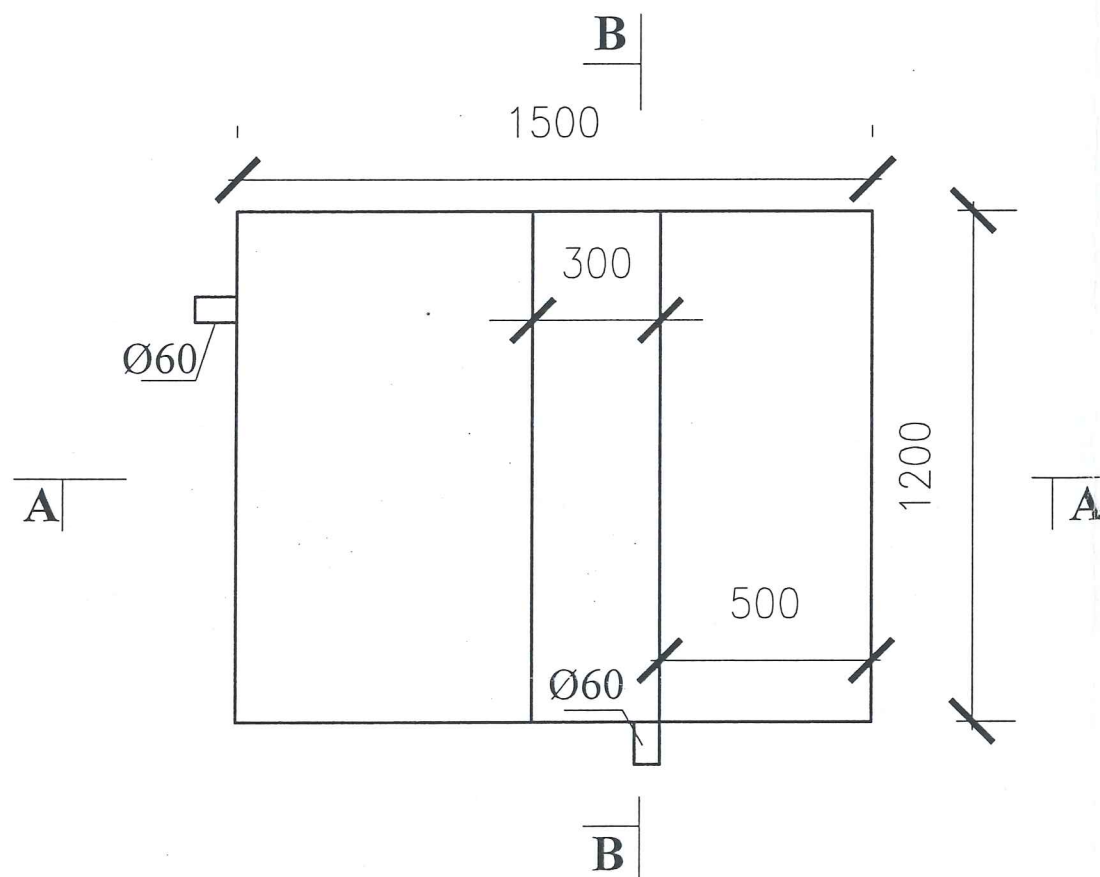


MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR	
TV THIẾT KẾ	<input checked="" type="checkbox"/> CONCEPT DESIGN
TRINH DUYỆT	<input type="checkbox"/> APPROVAL
THI CÔNG	<input type="checkbox"/> CONSTRUCTION
HIỆU CHỈNH	<input type="checkbox"/> REVISION
GHI CHÚ / NOTE:	
CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR	
<div style="text-align: center;"><p>CÔNG TY TNHH TM-DV KIẾN CON HƯỚNG ĐIỂM TAY XNK DẦU KHÍ QUÁNH LƯỞI THAI BÌNH DƯƠNG DẦU KHÍ THAI BÌNH DƯƠNG</p></div> <p>TU VẤN - CONSULTANT</p> <p>CÔNG TY TNHH TM - DV KIẾN CON</p> <p>Đ/C: 453/79/12/12 Lê Hồng Phong, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương</p> <p>GIAO ĐỐC - DIRECTOR</p> <p>MẠI THỊ ANH HUYỀN</p> <p>THIẾT KẾ - DESIGNER</p> <p></p> <p>NGUYỄN LÊ TRUNG DŨNG</p> <p>VẼ - DRAWING</p> <p></p> <p>NGUYỄN LÊ TRUNG DŨNG</p>	
CÔNG TRÌNH - PROJECT	
HẠNG MỤC - ITEM	
XỬ LÝ KHÓI HÀN	
TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE	
THIẾT BỊ HẤP THỤ KHÓI HÀN	
TY LỆ - SCALE	
HIỆU CHỈNH BẢN VẼ DRAWING No	
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUE DATE	/ /2020



MẶT CẮT A - A

MẶT CẮT B - B



MẶT BẰNG

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR

TV THIẾT KẾ ☒ CONCEPT DESIGN

TRÌNH DUYỆT ☐ APPROVAL

THI CÔNG ☐ CONSTRUCTION

HIỆU CHỈNH ☐ REVISION

GHI CHÚ / NOTE:

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR



CÔNG TY
CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI
XUẤT NHẬP KHẨU
DẦU KHÍ
THÁI BÌNH DƯƠNG

TOSHIHIKO NAKA

TƯ VẤN - CONSULTANT

CÔNG TY TNHH
TM - DV KIẾN CON

Đ/C: 453/79/12/12 Lê Hồng
Phong, Phường Phú Hòa, TP. Thủ
Đầu Một, Tỉnh Bình Dương



CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM
THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ

KIẾN CON

MAI THỊ ANH HUỖN

THIẾT KẾ - DESIGNER

NGUYỄN LÊ TRUNG DŨNG

VẼ - DRAWING

NGUYỄN LÊ TRUNG DŨNG

CÔNG TRÌNH - PROJECT

HẠNG MỤC - ITEM
XỬ LÝ KHÓI HÀN

TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE

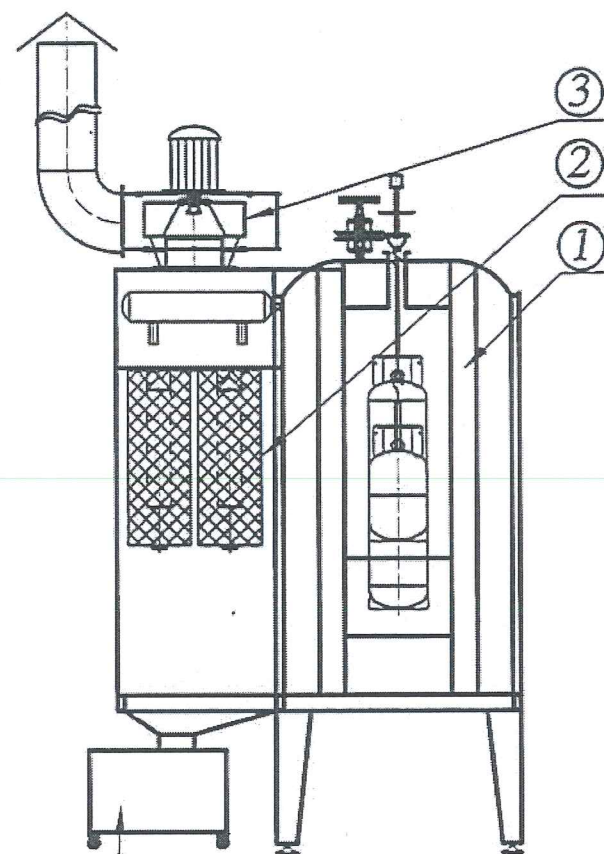
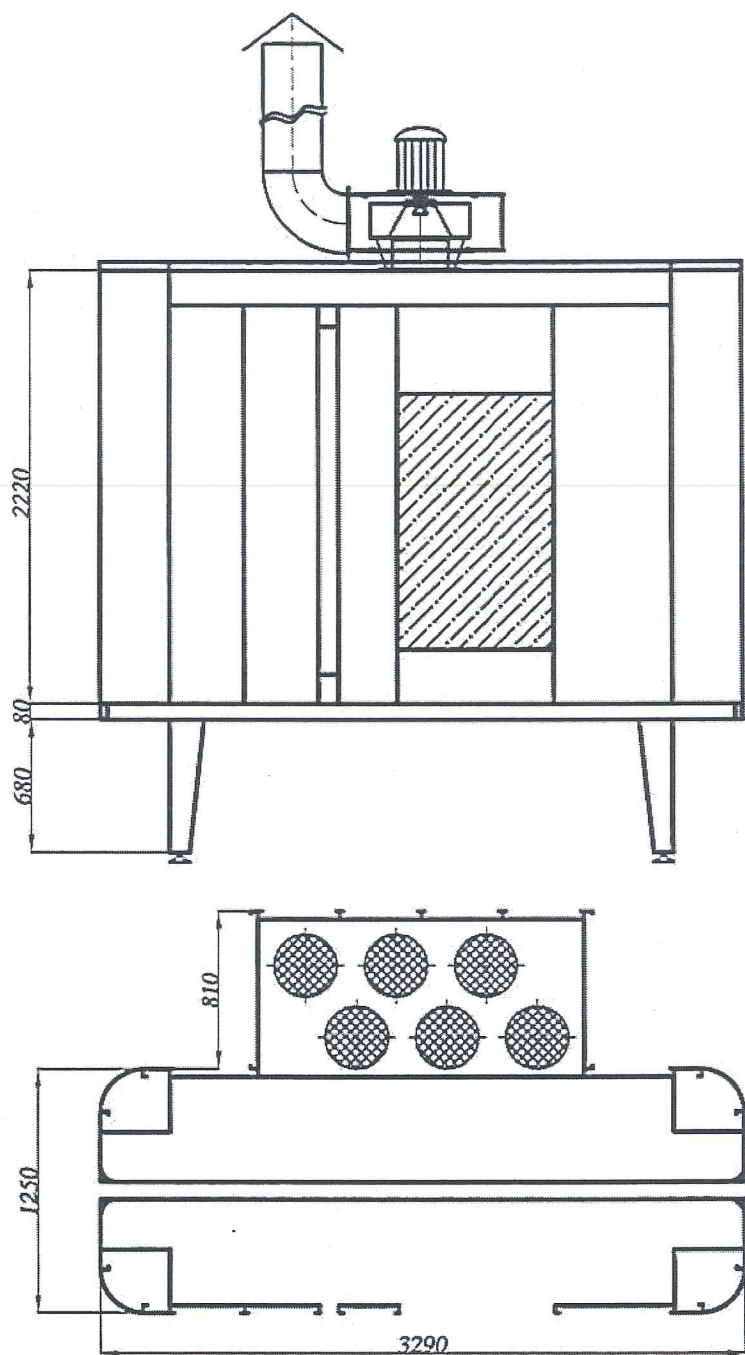
BỘ CHỨA DUNG DỊCH
HẤP THỤ

TỶ LỆ - SCALE

HIỆU CHỈNH BẢN
VẼ DRAWING No

NGÀY PHÁT HÀNH
ISSUE DATE

/ /2020



TOSHIHIKO NAKANO
Tổng Giám Đốc

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CƠ KHÍ AN PHÚC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm 20.....

Người lập
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

Chỉ huy trưởng công trình
(Ghi rõ họ tên, chữ ký)

Tư vấn Giám sát trưởng
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

Đào Quý Nhân

Nguyễn Trung Út

CÔNG TY CP TM XNK
THÁI BÌNH DƯƠNG



TÊN BẢN VẼ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

HẠNG MỤC: HT THU BỤI BUỒNG PHUN SƠN

Ngày: 05-02-2023

Bản vẽ:

KIỂM TRA

GIÁM SÁT

KỸ THUẬT

BUI VĂN TƯ

NGUYỄN TRUNG ÚT

ĐÀO QUÝ NHÂN

04	Thùng chứa bột sơn thu hồi	Cái	01	Việt Nam
03	Quạt hút bụi sơn 10HP, 3fa ,380V	Cái	01	Việt Nam
02	Lọc Fillter $\phi 320 \times 900 \text{mm}$, Loại tháo lắp nhanh	Cái	06	Trung Quốc
01	Buồng thu hồi. Vật liệu bằng tole kẽm dày 2mm, sơn phủ màu xanh theo mẫu khách hàng	Cái	01	Việt Nam
Stt	Tên gọi	Đ/vi	Slg	Xuất xứ

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

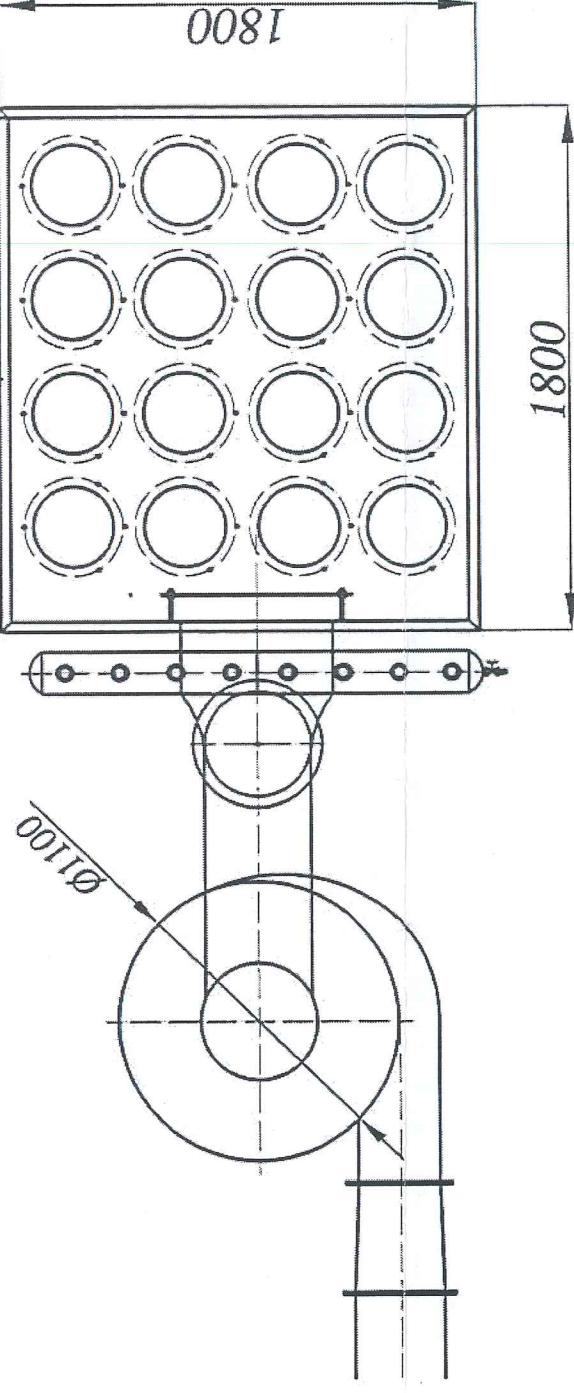
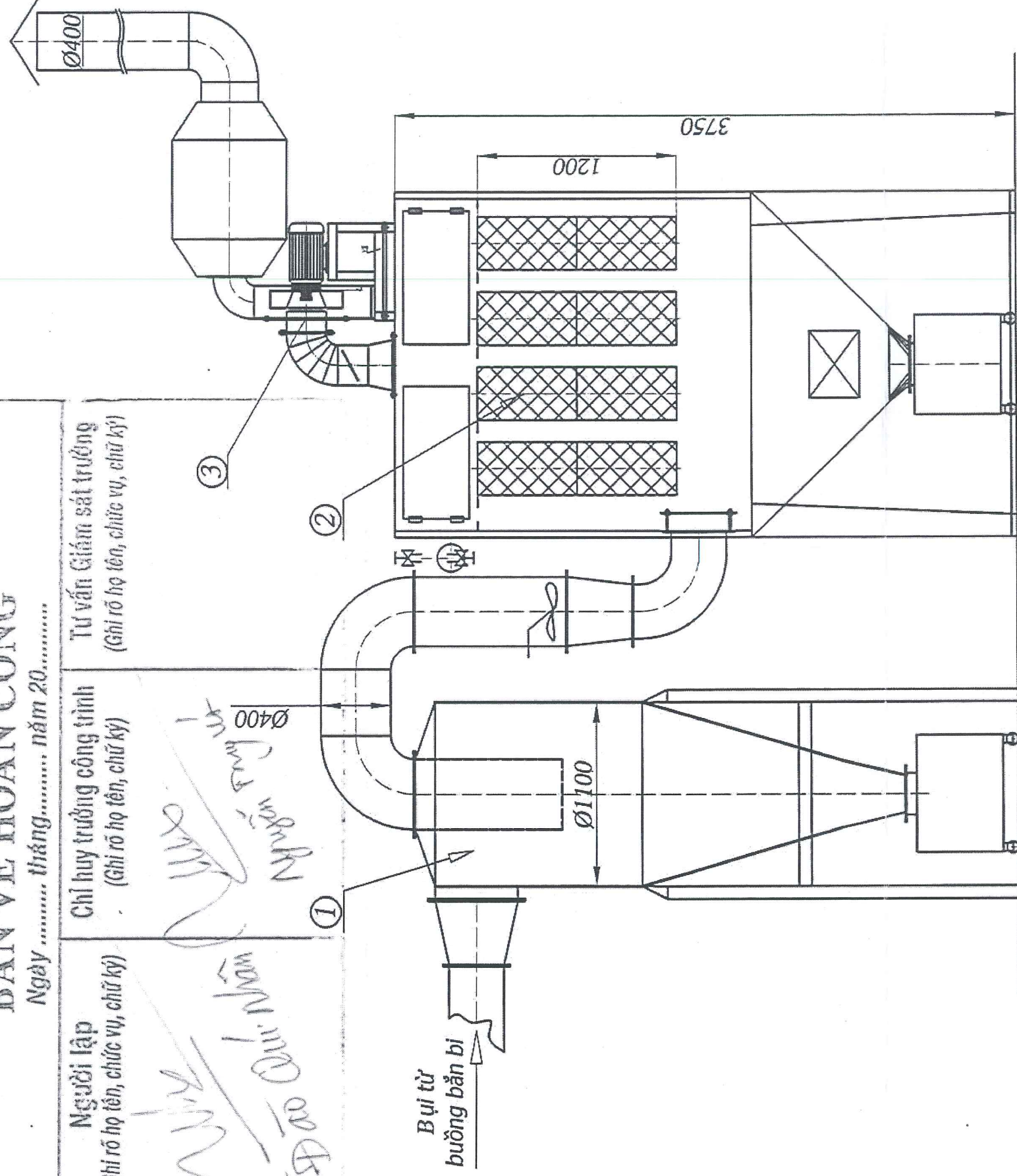
Ngày tháng năm 20.....

Người lập
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

Chỉ huy trưởng công trình
(Ghi rõ họ tên, chữ ký)

Tư vấn Giám sát trường
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

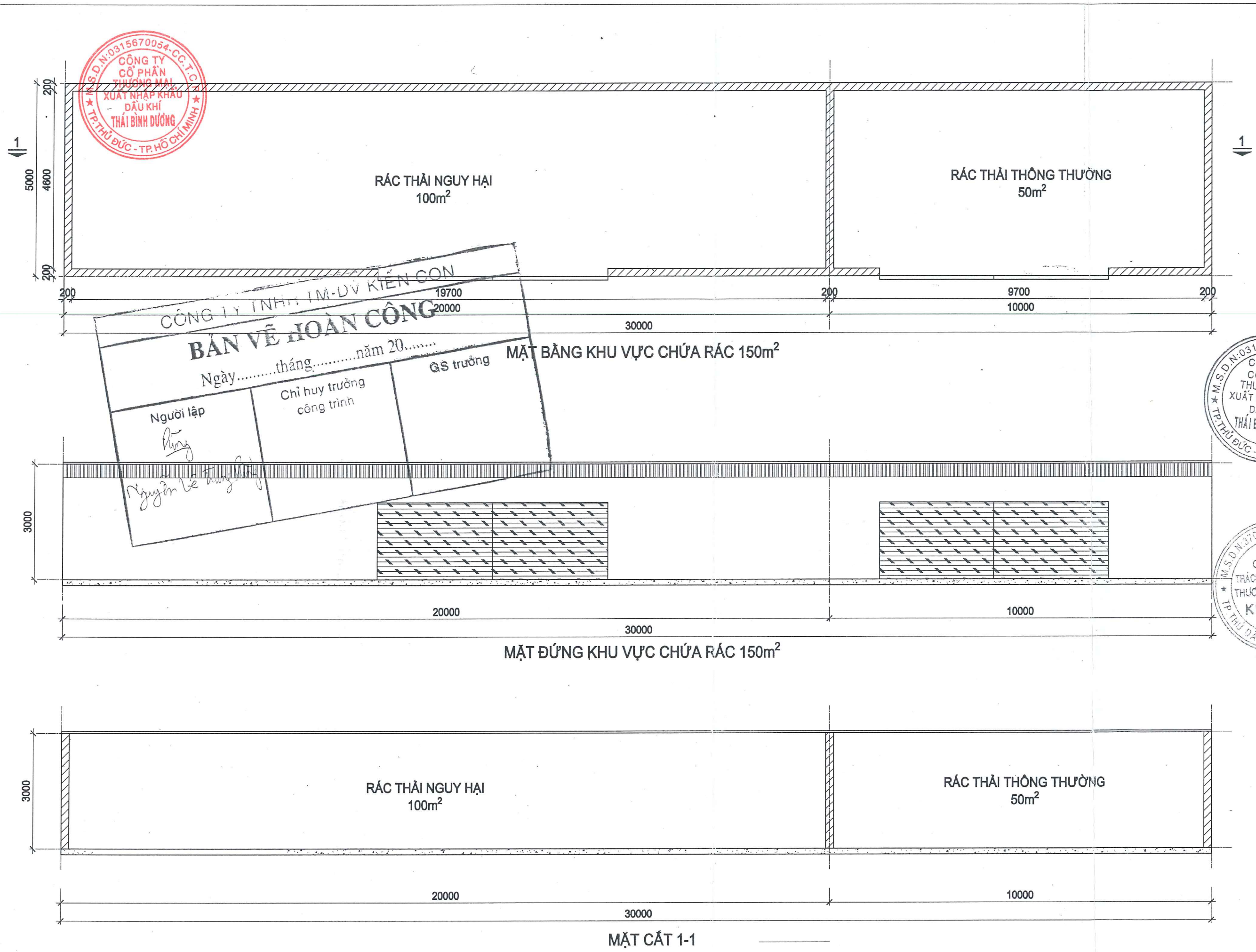
Đào Quốc Nhân
Nguyễn Văn Hùng



Sst	Tên gọi	Đ/v	Cái	01
3	Quạt hút 7,5HP x 2.800vg/p, Q: 9.000m3/h	Cái	01	
2	Fillter loc , polyester Ø320x1.200mm	Cái	16	
1	Cyclon lắng bụi, Q = 8.000m3/h	Cái	01	



CÔNG TY CP TM NH THÁI BÌNH DƯƠNG
HANG MỤC : HT THU BỤI MÁY BƠM ĐỒC
Ngày 05-02-2023
KẾ HOẠCH
GIẤY
KẾ HOẠCH
NGUYỄN TRUNG ƯƠNG
ĐÀO QUỐC NHÂN



MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR	
TV THIẾT KẾ	<input checked="" type="checkbox"/> CONCEPT DESIGN
TRÌNH DUYỆT	<input type="checkbox"/> APPROVAL
THI CÔNG	<input type="checkbox"/> CONSTRUCTION
HIỆU CHỈNH	<input type="checkbox"/> REVISION
GHI CHÚ / NOTE:	

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI
XUẤT NHẬP KHẨU DẦU KHÍ
THÁI BÌNH DƯƠNG
Đ/C: Số 245B, Tổ 10, Khu phố KIẾN AN,
Phường AN ĐIỀN, Thành phố BẾN CÁT,
Tỉnh BÌNH DƯƠNG.
TOSHIHIKO NAKANO

Tổng Giám Đốc
TƯ VẤN - CONSULTANT
CÔNG TY TNHH
TM - DV KIẾN CON
Đ/C: 43/79/12 Lê Hồng Phong,
Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một,
Tỉnh Bình Dương
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
THƯƠNG MẠI - DV
KIẾN CON
MAI THỊ ANH HUỖN
THIẾT KẾ - DESIGNER

Nguyễn Lê Trung Dũng
VẼ - DRAWING
NGUYỄN LÊ TRUNG DŨNG
CÔNG TRÌNH - PROJECT

HẠNG MỤC - ITEM

TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE

TỶ LỆ - SCALE	1:100
HIỆU CHỈNH BẢN VẼ DRAWING No	01